

LỜI NGỎ

Trong một lần lên Pleiku bằng máy bay để đi Kontum; chúng tôi gồm có: Anh Nguyễn Thành Tấn, chị Trần Ngọc Hải và tôi: Hồ Thủy. Qua sự giới thiệu của chị Ngọc Hải; chúng tôi được biết và quen với Cha Đông vì chị Hải là người thân của Cha. Mặc dù thời gian ở gần Cha, tiếp xúc chuyện trò với Cha rất ít nhưng chúng tôi vẫn cảm nhận được đây chính là **"thiên sứ của người nghèo khó, bệnh tật..."** Và trong lòng chúng tôi đã có sự kính phục, yêu mến lẫn ngưỡng mộ Cha.

Chuyến đi Kontum của chúng tôi thành công ngoài sự mong ước khi được Cha đưa đi viếng Đức Mẹ Măng Đen, đây là lần đầu tiên chúng tôi được viếng Mẹ Măng Đen.

Trên quãng đường đi và về chúng tôi được nghe Cha kể rất nhiều chuyện, qua cách kể chuyện dí dỏm của Ngài chúng tôi không cảm thấy "đường đi sao mà xấu và xa quá".

Trước giờ ra phi trường để trở về Sài Gòn, tôi ngỏ ý với Cha là muốn được viết những câu chuyện về công việc mà Cha đã và đang làm, mỗi câu chuyện là một truyện ngắn, rồi tôi sẽ làm thành một "tuyển tập truyện ngắn" với tựa đề là: "Mùa Đông ấm áp". Nghe tôi "xin" như vậy thì Cha lưỡng lự. Nhưng khi về Sài Gòn rồi; tôi cứ gọi điện thoại; rồi email cho Cha, nói chung là "lì lợm làm phiền Cha", cuối cùng thì Cha cũng đành phải đồng ý nên bảo thư ký của Cha gửi cho tôi tập tài liệu **" Những Điều Chia Sẻ "** mà Cha đã kể bằng lời trong thời gian Cha bị bệnh và đang dưỡng bệnh vào năm 2011, rồi từ những

lời kể của Cha viên thư ký đã chuyển thể qua chữ viết. Cha căn dặn tôi là: "*Chỉ đọc cho thỏa tính tò mò của con mà thôi*".

Nhận được tập tài liệu này tôi rất mừng và đã in ra để đọc, càng đọc tôi càng xúc động, nhờ tập tài liệu này nên chúng tôi được biết về những công việc mà các vị Linh Mục Thừa Sai đã làm khi qua Việt Nam để rao giảng Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô cho người Dân Tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Rồi bây giờ, qua cách sống hòa đồng, khiêm tốn của Cha đối với mọi người, cùng những công việc Cha đang làm cho người Dân Tộc nghèo khổ, bệnh tật, các thai nhi bị phá bỏ được Cha chôn cất... nhất là những người đang bị bệnh phong cùi, thì Cha đã và luôn noi theo tấm gương của các bậc thầy và các vị Thừa Sai đi trước...

Tôi rất xúc động vì ***những ưu tư khắc khoải của Cha về việc Giáo Hội Công Giáo Việt Nam chưa có một chương trình, một kế hoạch cụ thể nào được đưa để loan báo Tin Mừng của Chúa Giêsu đến với mọi người, nhất là những người không Công Giáo. Cha đã trăn trở và ao ước về điều này rất nhiều.***

Những điều Cha ao ước không phải là quá to lớn, hay khó khăn mà không thể thực hiện được, nhưng chỉ vì:

- * *Một cây làm chẳng lên non,*
- * *Một con Én không thể làm nên mùa Xuân.*

Nhất là Cha luôn tha thiết kêu gọi mọi người hãy biết Chạnh Lòng nghĩ đến người khác.

Trong tập "Những Điều Chia Sẻ" này Cha kể về những khó khăn, gian nan vất vả của các vị Thừa Sai, các Linh Mục, cũng như các Nữ Tu trong công cuộc loan báo

Tin Mừng cho người dân tộc thiểu số, những người ở các vùng xa xôi hẻo lánh, nhất là những việc mà các vị Thừa Sai, các Linh Mục, các tu sĩ, các nữ tu đã làm cho người *dân tộc nghèo khổ, người bệnh tật phong cùi và cả những người bị tâm thần nữa... **Cha Đông là người Đã, Đang và Sẽ còn tiếp tục với những công việc này.***

Những lời tâm sự của Cha trong những ngày nằm bệnh viện mà tôi may mắn được đọc, ấy chính là ***ơ duyên*** của tôi... nên tôi cảm thấy mình cần phải làm công việc là: Từ lời kể của cha "**để nghe**" mà người thư ký đã chuyển thành những trang viết trên giấy. Nay tôi muốn viết thành một cuốn sách "**để đọc**".

Tập tài liệu ***Những Điều Chia Sẻ*** của Cha đầy ý nghĩa, rất có giá trị về tinh thần. Cả ba chúng tôi là anh Nguyễn Thành Tấn, chị Trần Ngọc Hải và tôi; Hồ Thủy đều cùng chung một nhận xét về Cha như sau: ***Cha là một Sứ Giả*** của người Dân Tộc thiểu số, của những người nghèo khổ bệnh tật, những người khốn cùng, và tập ***Những Điều Chia Sẻ*** này chính là ***một Thông Điệp*** cần được ***phổ biến*** rộng rãi cho mọi người.

Khi tôi có ý định chuyển thể từ "***văn nói để nghe***" thành "***văn viết để đọc***" tôi có xin ý kiến của Cha, Ngài phân vân: "*để Cha suy nghĩ xem có nên đồng ý cho con viết hay không? Bởi vì Cha ngại lắm nếu... nói về mình; hay... được người khác viết về mình*". Nhưng vì tôi năn nỉ mãi nên cuối cùng thì Cha cũng ... ***Chạnh Lòng***... tuy nhiên Cha bảo tôi là phải ***giữ nguyên ý, kể cả từng câu, từng chữ cũng không được khác với tập tài liệu của cha, đồng thời Cha cũng không muốn đề tên Cha là tác giả***. Tôi biết Cha sợ tôi sẽ "*múa bút quá tay*"... nên Ngài mới dặn dò như thế. Với ***Những Điều Chia Sẻ*** của Cha

thì tôi chỉ là người chuyển thể và trình bày phần hình thức.

Tôi rất vui với công việc này, tôi cũng mong rằng sau khi chuyển thể xong và in thành sách, rồi từ cuốn **Sách** này sẽ *truyền tải tới con tim mọi người, để có thật nhiều người biết đến những người nghèo khổ; bệnh tật cần giúp đỡ, cũng như những người chưa biết đến Tin Mừng của Chúa, những người Dân tộc thiểu số đang sống ở những vùng xa xôi hẻo lánh; những người bệnh phong cùi... đang rất cần đến chúng ta, mà cha Đông là người đã lo cho họ từ mấy chục năm nay và Ngài vẫn còn đang lo..*

Những người nghèo khổ, khốn khổ bệnh tật, nhất là những người bị bệnh phong cùi đang có rất nhiều ở quanh ta, họ rất cần đến sự chung tay, chung lòng và góp sức của chúng ta.

Sáng Chúa Nhật khi chúng tôi dự Thánh Lễ ở nhà thờ Thăng Thiên, cha Đông đã giảng một bài giảng làm chúng tôi vô cùng xúc động, nhất là khi Cha nói đến hai chữ **Chạnh Lòng**. Chỉ có hai chữ *Chạnh lòng* thôi nhưng mà thật đầy đủ ý nghĩa.

Với cảm nhận của chúng tôi thì cha Đông là một *tâm gương sáng* để chúng ta học hỏi và noi theo.

Cuốn sách này là cả tâm huyết của tôi; dù tôi chỉ làm công việc biên tập mà thôi.

Biên tập: Hồ Thủy

Những điều chia sẻ



LM Nguyễn Văn Đông

Linh Mục Nguyễn Văn Đông

- * Chánh xứ nhà thờ Thăng Thiên
Số 02 đường Quang Trung- tp Pleiku- tỉnh Gia Lai.
- * Giám Đốc Caritas Kontum.
- * Email: dongpku70@gmail.com. ĐT:0909274705

1 .

ĐỜI NGƯỜI VĂN VỚI TÔI TRONG CHỖ GIỮA ĐỜI BẾT ĐÁ NGUỒN CƠ

*Những ngày buồn nghĩ đến thấy vui vui,
Những ngày vui sao lại thấy buồn... (Té Hanh).*

Năm nay 2011, tôi được tròn 70 tuổi; nếu tính theo kiểu của mẹ tôi thì năm nay tôi 71 tuổi, bởi vì cả 9 tháng ở trong bụng mẹ nữa. Tôi sinh ngày 24 tháng 3 năm 1941 theo giấy rửa tội, nhưng mà nếu đi tu thì bắt đầu từ 12 tuổi; mà lúc đó tôi được 14 tuổi cho nên phải làm giấy khai sinh lại, hạ năm sinh của tôi xuống là 1943 theo giấy tờ. Tôi tên là Nguyễn Văn Đông, tôi cũng không hiểu tại sao không phải là Nguyễn Văn mà là Nguyễn Văn. Có lẽ khi làm lại giấy tờ thì người ta để cái tên như thế, và bây giờ mãi mãi tôi là Nguyễn Văn Đông, những người nào không thân thiết thì người ta đề là Nguyễn Văn Đông, mỗi lần tôi đi bưu điện để nhận tiền thì người ta phải hỏi lại người gọi để sửa cho đúng là Nguyễn Văn Đông, lúc đó người ta mới cho tôi nhận tiền.

Quê tôi ở Bình Định, một xứ đạo kỳ cựu của Giáo Phận Qui Nhơn là xứ Nhà Đá, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Nhà Đá không phải là nhà tù, mà Nhà Đá là một cái nhà thờ làm toàn bằng đá ong ở Biên Hòa.

Tôi lớn lên ở đồng quê, từ nhỏ tôi không được đi học cấp Tiểu Học, học hành ít hơn đi chăn bò. Mỗi khi muốn học thì phải dõ còm (mang còm theo) tới nhà một người nào đó, như thầy Biên chẳng hạn để mà học cho biết cái chữ, học được biết cộng, trừ, nhân, chia và chưa bao giờ tôi được học cấp một như các em bây giờ.

Khi tôi 14 tuổi thì có một cha của địa phận Kontum, quê cũng ở nhà Đá, chịu chức năm 1953, là khoảng thời gian mà Bình Định nằm trong vùng kháng chiến (1945-1954) và là vùng Việt Minh, nên cha đó không thể về gia đình để Vinh Qui Bái Tổ được, cho đến khi chính thể Đế Nhất Cộng Hòa của ông Ngô Đình Diệm lên cầm quyền vào năm 1955 thì Ngài mới về. Ngài là Linh Mục Nguyễn Thúc Nên (bây giờ hưu ở Tòa Giám Mục Kontum). Sáng nào tôi cũng đi giúp lễ cho Ngài, hồi đó không có lễ đồng tế cho nên các Cha khách tới thì làm lễ ở bàn thờ bên cạnh.

Rồi một ngày nọ Ngài hỏi tôi:

- Con có muốn đi tu không? Đi tu ở Kontum.

Tôi cũng chả biết Kontum là ở cái chỗ nào. Ngày xưa mỗi lần tôi ở chỗ nhà mình thấy trên núi nó cháy thì tôi hay nói: "***Núi cháy mọi chạy ngay đuôi***".

Tôi trả lời ngay là tôi muốn đi Kontum; bởi vì đi Kontum thì tôi mới được dịp đi ô tô... Từ lúc nhỏ cho đến khi đó chưa bao giờ tôi được đi ô tô, cùng lắm tôi theo mẹ đi xe kéo, có người kéo chạy... còn nhanh hơn nữa là đi xe ngựa, đi xe ngựa thì 7 hoặc 8 người. Nhưng mà nếu đi xa thì đi ô tô. Tôi đồng ý đi Kontum ngay. Vì thế cuộc đời đi tu của tôi bắt đầu từ đó.

Khoảng cuối tháng 8 năm 1955 thì tôi lên Kontum. Tôi nhớ khóa tựu trường năm đó bắt đầu học là vào ngày

16 tháng 8 sau kỳ thi, cho nên để thi vào Chung Viện thì tôi thi có một mình.

Lần đầu tiên tôi gặp một người Pháp là Đức Giám Mục Kontum. Sau này tôi rất yêu mến Ngài. Cha Nê dẫn tôi lên gặp Ngài, Ngài ôm tôi (mà ở quê Bình Định của tôi chống Pháp, tôi cũng nghĩ người Pháp là thế này thế nọ).

Ngài hỏi tôi bằng tiếng Việt mà giọng lơ lớ:

- Nhà con có mấy anh em ruột?

Tôi nghe không rõ, tôi tưởng hỏi "Nhà con có mấy đám ruộng"? Tôi trả lời với Ngài là:

- Con không biết nhà con có mấy đám ruộng.

Ngài bảo:

- Hỏi anh em ruột chớ hỏi ruộng làm gì?

- Hỏi anh em ruột thì con biết.

* Nhà tôi có tất cả là 8 anh em, 5 trai và 3 gái.

Và Ngài bảo các Cha ra bài thi cho tôi. Bài thi gồm có một bài luận văn (tôi chưa bao giờ làm luận văn) kể cuộc hành trình từ Bình Định lên tới Kontum, tôi cũng không biết làm cách nào để kể, nhưng mà tôi biết chắc chắn rằng tôi nói giọng Bình Định, mà có kể thì cũng không được bao nhiêu. Tôi đã làm bài luận văn như thế này: "*Ngồi trong xe dòm ra ngoài thấy xe nó chạy, thấy cây nó chạy ngược hết*". Rồi thì tôi làm 1, 2 bài toán đố, tôi cũng chưa bao giờ làm toán đố lần nào cả cho nên tôi cũng không biết phải làm sao, tôi làm được nửa bài đầu tiên: cộng trừ nhân chia gì đó, rồi sau đó làm 10 chữ tiếng Pháp. Quả thật là tôi không biết một chữ tiếng Pháp nào... nhưng mà may phước có một chữ, ấy là tôi có một đồng xu để thất kiện, có một cái lông gà để đá kiện, một bên có chữ Le Sou (là đồng xu), một bên có chữ đồng xu nên tôi

làm được một chữ là "Le Sou". Và kết quả là các bài thi của tôi không đủ điểm vào Chung Viện Kontum.

Nhưng để về đến Bình Định thì phải có người lớn dẫn tôi về. Mà hồi đó đi từ Bình Định lên tới Kontum là phải đi 2 ngày, bởi vì có mấy cái cầu trong thời kháng chiến bị sập cho nên khi qua bên kia phải chuyển xe để đi xe khác, nhất là cầu Hang Dơi trên đèo An Khê thì phải chuyển xe, rồi phải đi bộ một đoạn mới tới An Khê, tới An Khê là hết một ngày. Bây giờ đi chỉ có một tiếng rưỡi đồng hồ thôi là tới An Khê rồi.

Tôi nhớ khi tôi lên tới Kontum là vào buổi tối (**cuối tháng 8-1955**). Trời ơi! Ban đêm từ An Khê lên tới Kontum, lần đầu tiên tôi thấy bóng điện. Lạ lùng quá! Lạ lùng hết sức đối với tôi và tôi thấy các bạn của tôi nó rờ vô cái vách là tắt, mà rờ lại ở đó thì nó sáng. Tôi cũng không hiểu là thế nào, ăn cơm tối xong tôi lên gác, tôi rờ thì nó không có sáng. Sau này mới biết là phải vịn và vịn tròn thì nó mới sáng hoặc là nó mới tắt được.

Lần đầu tiên tôi lên hỏi một Cha già:

- Chớ con "đi gò" thì đi ở chỗ nào?

Cha già chỉ cho tôi vào một cái nhà có mấy cái phòng, tôi thấy cái chỗ đó (bây giờ cũng còn trong Chung Viện Kontum), có cái chữ W và chữ C, tôi chả biết đó là chữ gì, tôi vào trong phòng đó, nó bốc ra một cái mùi giống... và có một cái lỗ có nước. Tôi cũng chả biết phải làm thế nào mà "đi gò" ở đó. Tôi bèn nghĩ tới cái vườn ở Chung Viện, nó là cái rừng không, đi gò ở đó thì sướng hơn nhưng mà dù sao tôi cũng hỏi Cha già:

- Làm thế nào để đi gò trong cái chỗ đó?

Thì Ngài mới chỉ cho tôi biết là phải đi như thế nào... thế nào... Lần đầu tiên ở tuổi 14 tôi mới biết "đi gò" một cách khoa học là như vậy đó.

Đi chăn bò tôi đi chân không, tôi thương bò hơn là yêu mến việc học hành. Bò của tôi, tôi nhớ tên hết: con bò Pháo, con bò Nu, con bò Mắm, con bò Bét, con bò Kiệu... và con nào tôi cũng chăm sóc kỹ lưỡng.

Trời ơi! 14 tuổi mà tôi chưa bao giờ đi dép... vì tôi quen đi chân không. Cha tôi mua cho một đôi dép "bình trị thiên", tôi nhớ bạc tín phiếu lúc đó là 500.000 đồng. Tôi sợ mang nó mòn nên tôi bỏ vô trong cái rương, chùng đi lễ tôi mang vào. Lần đầu tiên tôi mang đôi dép râu vô đi lễ, các bạn của tôi ngó xuống chân tôi, chúng nó cười kêu tôi là: "ông việt minh con...ông việt minh con", làm tôi cũng mắc cỡ.

Rồi ông Cha già Nhận cho tôi một đôi sandal. Trời ơi! Tôi xỏ chân vô mà nó rộng thênh thang, chắc là bơi trong đó cũng được nữa, nhưng mà nó không phải là chiếc dép "râu" cho nên... thôi thì trông nó cũng dễ coi.

Lần đầu tiên tôi mới thấy cái bánh mì. Sáng các bạn của tôi ăn bánh mì có pho mát nữa. Tôi ở nhà chỉ có ăn bánh trắng Bình Định thôi, cho nên tôi thấy người ta lấy bánh mì bỏ pho mát vô ăn, tôi cũng làm vậy, nhưng mà... trời ơi! nó thú quá tôi ăn không được, tôi bèn bỏ miếng pho mát ra ngoài rồi đổ nước mắm vô bánh mì mà ăn. Các bạn tôi ngạc nhiên lắm.

Và khi Chung Viện quyết định là tôi phải đi về, tôi cũng không lấy gì làm quan trọng, chỉ đợi người lớn dẫn về: "*tôi về thì về*". Những ngày đó tôi đi thu lượm những cái chai bằng thủy tinh, vì ở Bình Định quê tôi không có những cái chai như thế cho nên tôi thu, góp thật nhiều,

định về cho cha tôi. Nhà tôi chỉ có một chiếc xe đạp, mà xe đạp đó nó cũ lắm rồi, tôi thấy trên Kontum xe đạp nào cũng có gắn một cái chuông, bóp nó kêu "cung cung". Tôi thích lắm bèn xin ông Cha già Nhận cho tôi một cái chuông xe đạp. Ngài bằng lòng cho tôi một cái, tôi để dành cái chuông đó, tối tối tôi trùm mền lại rồi bóp cái chuông, nó kêu "cung cung" làm tôi vui lắm. Trừ tính để đem về cho cha tôi.

Nhưng tôi lại có cái tính ưa tò mò. Trong Chung Viện thì các Linh Mục là người Pháp hết - thuộc Hội Thừa Sai Paris - tôi nhớ có cha Décrouille (cố Tôn), cha Lantrade (cố Lãng), cha René Thomann (cố Mẫn). Tôi hay chui vô phòng của các Cha để xem mà không biết gõ cửa. Tôi coi người ta cạo râu, mấy ông Cha đuổi tôi ra ngoài và rồi các Cha cũng có ý kiến với Cha bề trên René Thomann về tôi thế này thế nọ.

Cha René Thomann hỏi tôi:

- Con có muốn học không?

Tôi trả lời:

- Con muốn học.

Tôi nhớ đó là đầu tháng 9 năm 1955. Cha René Thomann cho tôi một cuốn sách bằng tiếng Pháp, thêm mấy cuốn vở, rồi sách giáo lý và một cây bút. Tôi hỏi:

- Có cây bút mà có bình mực không?

Ngài cười bảo cái bút này mình bơm mực vô chỗ này... chỗ này rồi mình viết là khỏi cần bình mực. Lần đầu tiên tôi thấy một cuốn tập mà giấy nó lại trắng như thế. Ở dưới vùng quê của tôi là giấy Việt Thắng, nó hăm hăm,

viết bút mực dễ bị nhòe. Còn giấy này thì... ôi chu cha! Nó đẹp ời là đẹp.

Rồi các bạn học, tôi cũng học. Tôi nhớ lớp tôi lúc đó là bốn mươi bảy người. Ngày nào làm bài thì tôi cũng làm bài, ngày nào học thì tôi cũng học và cuối tháng đó, trời ời! Tôi đứng cao hơn hai người trong lớp, mà hai người đó đã thi đậu vào Chung Viện. Cuối tháng 9 thì nhà trường quyết định cho tôi được ở lại tu.

Tôi thản nhiên không buồn cũng không vui.

Nhưng tôi không có đồng phục của nhà trường, tôi chỉ có áo dài đen với quần bà ba trắng mà thôi. Đồng phục ngày Chúa Nhật của nhà trường là áo sơ mi trắng với quần Pantalón trắng. Thế rồi khi quyết định như vậy thì nhà trường mới may đồ cho tôi. Chu cha ời! Lần đầu tiên được bạn đồ Tây, tôi thấy mình cũng đẹp! Ở Bình Định thời đó thì mọi người chỉ mặc vải ta mà thôi (vải thô, vải tám ú), và tất cả vải thì phải nhuộm đen bằng cách ngâm vải trong nước lá bàng nấu sôi, rồi sau đó ngâm lại trong bùn để nó thành màu đen. Ở trong quê tôi từ năm 1945-1954 là vùng kháng chiến chống Pháp, máy bay thả bom luôn nên chỉ được mặc đồ đen, đồ xám mà thôi, mặc đồ này khi gặp nước nó sẽ ra màu dữ dội lắm. Một bữa kia, lần đầu tiên tôi mặc bộ đồng phục màu trắng, bên trong tôi bận cái quần vải ta nhuộm đen. Nên khi đi chơi dọc đường về thì trời mưa to, cái quần xà lỏn đó nó ra nước, thấm qua cái quần Pantalón trắng của tôi. Các bạn chúng nó cười tôi. Chu cha ời! Tôi khóc suốt một buổi chiều luôn, bởi vì tôi chỉ có một cái quần đồng phục đó mà thôi.

Như thế là tôi bắt đầu đi tu, tôi cố gắng học nên việc học của tôi nó cũng tiến bộ lên dần dần.

Nhà trường cho tôi biết là cuối năm tôi phải đi thi để lấy bằng Tiểu Học, vì có bằng Tiểu Học rồi tôi mới có thể học tiếp lên lớp trên cao hơn nữa... Hồi đó tôi cũng chả biết cái bằng Tiểu Học là cái bằng gì? Nhưng mà tôi cũng quyết tâm đi thi Tiểu Học cho nó đậu.

Tết đầu tiên tôi không được về nhà, bởi vì nhà tôi xa quá không có ai dẫn về cho nên tôi ở lại ăn Tết trong nhà trường, Cha bề trên René Thomann Ngài cũng thương tôi, Ngài bảo các bạn ở Kontum:

- Tết thì vô chơi cho nó vui.

Lần đầu tiên các cha Thừa Sai cho tôi pháo đốt. Chu cha ơi!... Tôi đốt pháo mà vui hết sức vui, các bạn của tôi cũng đốt pháo ném nhau chơi vui lắm. Đứa nào cũng được mặc đồ mới hết: một cái quần và một cái áo bà ba trắng có túi đàng hoàng. Thế rồi ba đứa tụi tôi thấy một bãi cứt bò, nó "áy" ngay trước Chung Viện. Tôi thì quen cái đó rồi thành ra tôi quì xuống cắm viên pháo vô đó. Ba đứa kia chăm hăm ngó, viên pháo bị đốt nó nổ cái "phạch", chu cha nó văng phân bò tùm lum lên mặt, lên áo. Các cha Thừa Sai đứng trên lan can nhìn xuống, các Cha cười tụi tôi quá chừng quá đỗi.

Cha bề trên nói với chúng tôi:

- Chưa bao giờ Cha được "ăn" tết ở Việt Nam mà vui như vậy đâu.

Thế là các Cha cho chúng tôi pháo để đốt tiếp.

Năm đầu tiên tôi đi tu là như thế.

Rồi thì cuối năm tôi thi Tiểu Học, ngôi trường mà tôi đi thi tên là Trường Tiểu Học Ngô Đình Khôi (bây giờ là chợ Kontum). Khi có kết quả thì người ta "alô" tên thí sinh, rồi hô phiếu báo danh số mấy... tôi đứng trên cái bàn để chờ nghe "alô" tên mình. Chu cha ơi! Tôi đậu Tiểu Học

thì tôi mừng gì mà mừng... đang đứng trên bàn tôi nhảy nhanh xuống để chạy về. Nhưng trên bàn có một cái đinh, nó kéo rách cái quần của tôi từ dưới lên trên mà tôi cũng không biết, khi về tới trước Chung Viện là cái đồi, tôi cảm thấy chân nó lạnh lạnh, tôi liền ngó xuống, "*Trời!... Cái quần của mình nó rách hồi nào mình cũng không biết nữa*". Tôi về khoe với cha bề trên:

- Con đậu rồi cha ơi... mà con bị rách cái quần.

Cha bề trên cũng rất mừng khi biết tôi thi đậu Tiểu Học để có thể học tiếp nữa.

Và tôi bắt đầu năm đầu tiên ở Chung Viện là như thế. Đó là năm **1955-1956**.

Tới kỳ nghỉ hè tôi về thăm quê nhà, tự nhiên tôi cảm thấy mình cao hơn và oai hơn.

Và Chúa đã gọi tôi sau đuôi những con bò.

Cũng vào năm **1955** thì Đức Cha mở trường và mời các Sư Huynh dòng Lasan lên dạy. Chúng tôi vừa học trong Chung Viện, mà Trường Lasan ở gần Chung Viện cho nên chúng tôi cũng qua học ở bên trường Lasan, nhưng lớp của tôi chỉ học tiếng Pháp ở bên đó, còn các môn khác thì học ở nhà.

Cho tới năm **1959**, lúc bấy giờ Chung Viện mỗi năm đều có tuyển chủng sinh. Nhất là các trại di cư ngoài Bắc vào sinh sống ở vùng Ban Mê Thuộc, tỉnh Đắk Lắk bây giờ, thì chủng sinh ngày càng đông. Thế nên nhà trường muốn tuyển một số học sinh đi học chương trình Pháp, và tôi là một trong số mười ba người được tuyển đi học ở Dòng Phanxicô -Thủ Đức. Học viện đó học chương trình Pháp. Tôi đã học ở dòng Phanxicô từ năm 1959 cho tới năm 1964 và thi đậu tú tài Pháp, sau đó nhà Dòng tổ

chức cho các chủng sinh thi tú tài Việt và tôi cũng may mắn thi đậu.

Khi tôi về trình diện với Đức Cha Kontum thì Ngài nói:

- Bây giờ con có bằng tú tài rồi, tú tài Pháp có, tú tài Việt cũng có. Con hãy suy nghĩ cho kỹ... như con đã biết ***Kontum là tận cùng thế giới***. Nếu con làm Linh Mục ở Paris thì con chỉ cần dạy giáo lý cho tốt, rồi con có thể đi thăm mục vụ, con có thể làm các phép Bí Tích cho mọi người... như vậy là cũng được rồi, còn như mà con muốn làm Linh Mục ở Kontum thì ngoài những việc đó ra, con còn ***phải biết cho người nghèo thuốc khi bị bệnh, con phải biết sửa xe đạp cho dân làng, phải biết quay cho máy điện nổ rồi con còn phải biết... đỡ đỡ nữa***.

Tôi nghe nói mà cảm thấy mắc cười, nhưng quả thật là như thế, và tôi vẫn quyết tâm đi tu làm Linh Mục ở địa phận Kontum, vì từ những năm **1955** đến **1959** tôi đã rất thích núi rừng Kontum, tôi cũng rất thích đời sống đơn sơ mộc mạc, chất phác của người dân tộc, nhất là khi ở trong Chung Viện cũng có một số anh em là người dân tộc.

Khi tôi quyết định đi tu ở địa phận Kontum thì Đức Cha giới thiệu cho tôi đi tĩnh tâm một tuần tại dòng Mỹ Ca ở Ba Ngòi - Cam Ranh. Sau khi tĩnh tâm về tôi vẫn nhất quyết đi tu ở địa phận Kontum.

Ngài sai tôi đi dạy học tại Chung Viện Kontum niên khóa 1964-1965. Kỳ nghỉ hè 1965 Ngài lại giới thiệu tôi đi tĩnh tâm ở Dòng Thiên An - Huế- để xác định lại ơn kêu gọi của mình, tôi nhớ ở đó tĩnh tâm thì rất yên tĩnh, trong Dòng có một vườn cam trái rất ngọt và tôi đã từng được thưởng thức.

Lần tỉnh tâm này về tôi vẫn xác định với Ngài là tôi đi tu ở Kontum.

Ngài lại bảo tôi:

- Con phải đi dạy học nữa!

Tôi thưa với Ngài:

- Con còn trẻ... Đức Cha cho con đi Chủng Viện đi... chứ Đức Cha cho con đi dạy miết vậy?

Ngài bảo:

- Cứ đi dạy đi...

Sau đó Ngài hỏi:

- Con quyết tâm đi tu, vậy con có áo Dòng chưa?

Tôi nói:

- Áo Dòng con may, nay mai thì có chứ khó gì đâu.

Ngài lại cho tôi đi dạy học một tháng nữa. Rồi Ngài bảo:

- Con chuẩn bị lên học ở Giáo Hoàng Học Viện trên Đà Lạt.

Tôi đã lên học ở Giáo Hoàng Học Viện Đà Lạt 8 năm.

Năm 1972 tôi được thụ phong Linh Mục.

Ở Đà Lạt có hai nhà chủng viện Kontum (vì lúc đó tỉnh Kontum bị chiến tranh) một nhà gọi là Chủng Viện Kontum Anh (CVK anh), học cấp III, các chủng sinh đi học ở trường Adran, còn một nhà nữa gọi là Chủng Viện Kontum Em (CVK em) dành cho chủng sinh cấp II. Nhà này Đức Cha mượn của Dòng Chúa Cứu Thế - ở đồi Tùng Lâm- Đà Lạt. Hai ngôi nhà này bây giờ Nhà Nước sử dụng hết rồi. Thế rồi Đức Cha sai tôi qua ở bên nhà CVK anh để dạy học, làm quản lý, làm linh hướng bởi vì trong

nhà có mười một giáo sư nhưng chỉ có hai giáo sư là người Việt mà thôi.

Tôi ở đó cho đến năm **1975** thì đất nước xảy ra biến cố lớn, mọi người đều di tản, Chung Viện của chúng tôi cũng bị giải tán chạy về Sài Gòn.

Tháng 5 năm 1975 lúc tôi đang phục vụ ở giáo xứ Thị Nghè thì Đức Cha nhắn với tôi:

- Cha về ngay Kontum, đừng có ghé Đà Lạt nữa.

Ngày 19 tháng 5 năm 1975 tôi về tới Kontum, Đức Cha rất vui mừng khi gặp tôi và Ngài bảo:

- Cha hãy chờ ở đây và chúng ta sẽ tìm cách gom anh em mình lại.

Năm **1972** Chung Viện Kontum bị hư hại nặng, nhưng trong 3 năm, từ năm **1972-1975** Đức Cha đã cho tu sửa lại rất đẹp như chúng ta thấy bây giờ, Ngài quyết định sẽ mở Đại Chung Viện tại Kontum.

Khoảng tháng **8** năm **1975**. Cha Giuse Bùi Đức Vượng lên làm cha bề trên của chủng viện, còn tôi thì vừa làm quản lý vừa dạy môn Kinh Thánh, có thêm cha Giuse Hiệu, cha Luca Bùi Thủ, cha Phanxicô Phạm Hữu Thế làm giáo sư, dĩ nhiên là có Đức Cha Alexi Phạm Văn Lộc... chúng tôi cùng làm việc với nhau và rất yêu thương nhau. Tôi biết cái gì tôi dạy cái đó, và các vị khác có lẽ cũng như thế!

Anh em chủng sinh học mỗi ngày một buổi, thời gian còn lại thì đi làm mướn, làm cỏ lúa, làm cỏ đậu phộng và làm bất cứ cái gì có thể làm được...

Tháng 8-1976 thì Chung Viện bị đóng cửa hoàn toàn nên không còn một chủng sinh nào, và vì thế mà tôi bắt đầu làm quản lý ở Tòa Giám Mục.

Quản lý thời bấy giờ thì chỉ có nuôi heo, nuôi bò bán nghĩa vụ cho Nhà Nước, rồi làm ruộng, làm rẫy... Những năm đó là những năm vất vả, ăn cơm lúc nào cũng có ghé (độn) mì. Cho nên chúng tôi thấy những ngày, những năm tháng đó đúng là: ***Những ngày buồn nghĩ lại thấy vui vui.*** Mình thiếu thốn nhưng mình thấy trong lòng rất vui.

Cứ như thế cho đến năm 1983 thì tôi bị kiệt sức. Tôi đã khóc rất nhiều khi có lệnh phải giải tán Chung Viện Kontum. Trước đó mấy ngày thì Cha giám đốc Chung Viện bị bắt, tôi có cảm giác chơi vơi, hụt hẫng như mình bị mất đi cái gì quý giá nhất. Trong nhà có 70 chủng sinh, điều làm cho tôi lo lắng là tiền cho các chủng sinh làm lộ phí đi về cũng không có. Tôi tự hỏi: "*không biết ý Chúa như thế nào*" ? Anh em chủng sinh đều ở xa, nào là Ban Mê Thuột, nào là Nha Trang, rồi Sài Gòn... Nhưng bây giờ nghĩ lại thì tôi thấy rằng Chúa đã sắp xếp hết mọi việc: khi giáo dân người này dầm dúi cho ít tiền, người khác cũng dầm dúi cho ít tiền, cuối cùng thì cũng giải quyết được việc cho các anh em chủng sinh về. Một số anh em ra nước ngoài và sau này trong số anh em đó, có những người đã trở thành Linh Mục như: cha Tiến ở Đài Loan, cha Lê Văn Thắng ở Hồng Kông, cha Thạch ở Mỹ, cha Giảng và cha Đích ở Singapo, cha Hải ở Australia, cha Thân ở Canada... Một số anh em khác thì về nhập Địa Phận nơi địa phương của mình. Cuối cùng ở lại Chung Viện có cha Hiệu và tôi, còn có 8 con bò, nhiều con heo, một chuồng thỏ, mấy bầy gà, ngỗng, vịt nữa, rồi lại có một vườn rau xanh... như vậy mới thấy được là các thầy đã làm việc rất siêng năng và giỏi giang. Địa phận Kontum chúng tôi không có nhiều ơn gọi như các địa phận khác.

Lý do: Kontum chúng tôi là một địa phận mà đa số giáo dân là người thuộc các sắc tộc thiểu số, không có điều kiện học hành như mọi người. Hiện bây giờ thì địa phận Kontum có khoảng gần 250.000 giáo dân, Linh Mục chúng tôi thì chỉ trên dưới 70 người. Trong khi Địa Phận Huế trên dưới 70.000 giáo dân thôi mà đã có cả trăm Linh Mục. Địa phận Qui Nhơn cũng thế, khoảng 70.000 giáo dân mà cũng có cả trăm Linh Mục.

Chúng tôi có gần 250.000 giáo dân, và trong 26 địa phận ở Việt Nam thì giáo dân người dân tộc là đông nhất, với khoảng 150.000 người, lại có 7 thứ tiếng khác nhau, và vì thế mà công việc của các Linh Mục trong Giáo Phận rất vất vả và gặp nhiều khó khăn. Các Linh Mục phải học các thứ tiếng dân tộc, cũng có Linh Mục học được vài thứ tiếng, thế nên việc chuyển Linh Mục từ vùng này sang vùng khác cũng là một vấn đề không mấy dễ dàng đối với các Linh Mục trong Địa Phận Kontum.

Người kinh trong địa phận chúng tôi có không tới 90.000 người, nhưng mà nói đủ thứ giọng: từ giọng Bắc, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định... trong nhà thờ người kinh không thôi cũng đã khó đọc kinh chung với nhau rồi, nếu người Bắc xướng kinh thì người Quảng Ngãi chịu thua, mà người Quảng Ngãi xướng kinh thì người Bắc cũng không đọc được, cho nên chúng tôi cũng khá vất vả trong vấn đề mục vụ và luôn cả vấn đề phụng vụ. Một cuốn lịch mà đưa về Qui Nhơn thì chỉ việc bán cho giáo dân, còn ở Kontum thì chúng tôi phải dịch ra tiếng Bahnar, rồi tiếng Jarai...v.v... Đó là cả một sự cố gắng của địa phận Kontum. Kể từ năm 1975, thì chúng tôi bắt đầu cảm thấy thật khó khăn, nhưng dần dà thì nhà nước cũng có phần

nào đổi mới về các chính sách đối với các tôn giáo. Có một Linh Mục đã chia sẻ: " *thời bao cấp thì làm việc khỏe hơn nhiều, bởi vì không được đi làm lễ và ban các phép bí tích!*"

Những năm tôi làm quản lý Tòa Giám Mục, ở đây thiếu thốn về mọi mặt. Thời kỳ còn ở Chung Viện, từ năm **1975 - 1976**, có 70 chủng sinh nhưng lại không có một hạt lúa, hay một viên thuốc nào. Mọi người đều phải đi làm thuê làm mướn. Tôi nhớ có một lần chúng tôi đi làm mướn, người ta trả công cho chúng tôi một bao đậu phộng. Số đậu phộng đó nếu như tôi là người biết tính toán một chút - vì tôi là quản lý Chung Viện mà - thì tôi sẽ bảo đem phơi khô rồi làm muối đậu phộng để dành trong nhà ăn từ từ cho nó đỡ, bởi vì chúng tôi ăn uống rất là thiếu thốn kham khổ, nào là ăn các thứ rau tập tàng, rồi mắm... còn nước mắm thì pha thêm nước muối vào, nếu nhỏ lên bàn một giọt nước mắm đó, đến chiều nó lại thành một giọt muối.

Không hiểu sao hôm đó tôi thèm ăn đậu phộng luộc quá chừng, cho nên tôi nói với thầy quản lý:

- Thôi, mình đừng có nấu cơm, mình luộc hết đậu phộng rồi cho mỗi bàn một thố.

Chiều hôm đó chúng tôi ăn toàn là đậu phộng luộc... trời ơi! Sao mà nó ngon thật là ngon, ai cũng ăn sạch bách luôn. Nhưng tôi lại không biết một điều là: vì lâu ngày (tôi nhớ đó là tháng **9- 1975**) không có chất béo trong ruột cho nên tối hôm đó tự nhiên tôi cảm thấy đau bụng hết sức, còn muốn đi tiêu nữa... tôi chạy ngay xuống nhà tiêu thì... trời ơi! Trong nhà tiêu đầy người, kẻ thì ở trong, người thì ở ngoài chờ, tôi thấy cha giám đốc cũng

đau bụng nữa, người ta chọc tôi: "mê ăn mà ra cả". Tôi bỗng nảy ra một sáng kiến là:

- Sao chúng ta phải chờ như vậy? Chúng ta ra vườn đi... vườn chúng ta rộng mà!

Mọi người đều ra vườn một cách vui vẻ. Tôi đó vì chúng tôi không có được một viên thuốc nào, nên các sơ Phaolô mới nghĩ ra một cách là lấy lá ổi đem nấu chín, lá ổi thì có vị chát, mỗi người uống một ly nó cũng đỡ. Sáng bữa sau dậy đi lễ tôi thấy mắt của Cha bề trên trộm lơ, và mắt người nào cũng trộm lơ hết trơn. Chu cha! Nghĩ mình cũng đại thật, nếu mà mình làm muối đậu phộng ăn thì tốt hơn nhiều.

Những năm đó thật là vất vả, đi mua một chai thuốc đỏ mà thôi cũng phải chờ đến cả tiếng đồng hồ, khi gần tới phiên mình thì họ kéo cửa cái rụp rồi lạnh lùng nói:

- Hết giờ...

Thế là lủi thủi đi về, vừa đi mà trong bụng vừa âm ỨC tức tởm, miệng thì lảm bảm cần nhân...

Cũng vào những năm đó vì chúng tôi không có hộ khẩu cho nên không được mua vải, ai có hộ khẩu thì mỗi năm một người được mua 1m vải.

Tới tháng 8 khi có quyết định phải giải tán Chung Viện, điều này làm chúng tôi nghẹn ngào, đắng lòng và đắng miệng...

* **13-6-1976:** Cha giám đốc Chung Viện bị đưa đi cải tạo.

* **8-8-1976:** Có quyết định giải tán Chung Viện và tôi được chỉ định làm giám đốc Chung Viện.

* **25-8-1976:** Không còn một chủng sinh nào được phép ở lại Chung Viện.

Đây là những tháng ngày u ám nhất đối với chúng tôi. Tôi cảm thấy rất đau khổ và trong khoảng thời gian này tôi cũng đã khóc rất nhiều.

Kể từ năm **1976** tới năm **1983** tôi làm quản lý cho tòa Giám Mục.

Trong 7 năm ấy tôi đã làm đủ thứ nghề bất đắc dĩ như: làm lúa, trồng mì, trồng huỳnh tin, trồng gừng, trồng đậu phộng, rồi còn ép dầu đậu phộng mượn để lấy bã đậu nuôi heo, đặc biệt làm món cổ truyền của quê tôi là bánh tráng, rồi đem bánh tráng đổi lấy phân bò của người dân tộc, như thế họ có cái ăn mà mình lại có phân bò để bón cây. Trong chuồng heo không lúc nào là dưới 50 con, toàn là heo thượng, trông tướng mạo của nó thì xấu xí mà thịt lại rất ngon. Trong khuôn viên tòa Giám Mục có rất nhiều cây me, tới mùa me tôi trở thành “chuyên gia” hái me, rồi đem bán để có thêm tiền mua cái ăn cho tòa Giám Mục. Người ta gọi đùa tôi là Linh Mục theo "Dòng cây me", chứ không gọi tôi là linh mục của dòng Menkisêđê...

Năm **1983** thì tôi bị kiệt sức và người ta chở tôi đi bệnh viện Nguyễn Văn Học ở Sài Gòn (bây giờ là bệnh viện Ung Bướu- đường Nơ Trang Long). Tôi ở trong bệnh viện 33 ngày để chờ mổ bao tử, nhưng cuối cùng bác sĩ bảo:

- Cái vết thương nó lành lại rồi nên khỏi cần phải mổ... Và thế là tôi về lại Kontum.

Đức Giám Mục cho tôi nghỉ, không phải làm quản lý Tòa Giám Mục nữa. Đến **tháng 3 năm 1983** Ngài nói:

- Công việc của Cha bây giờ là đi làm cha xứ ở Tân Phú.

Tôi làm Cha xứ ở Tân Phú được ba năm rưỡi. Tình nghĩa bà con giáo dân rất là mặn nồng, tôi cũng đi làm đôi

công với giáo dân của tôi. Rồi dạy dỗ, tuy cũng có nhiều khó khăn nhưng rồi mọi việc cũng trôi qua tốt đẹp. Tình nghĩa của Cha sở với giáo dân, của giáo dân với Cha sở vô cùng đậm ấm.

Năm **1984** Đức Cha giao cho tôi coi thêm xứ Trung Nghĩa có khoảng 2000 giáo dân, thay cho cha Trần Khánh Lê vì Ngài bị bệnh nặng.

Tôi rất biết ơn giáo dân của 2 giáo xứ này vì tình cảm chân thành của họ dành cho tôi, cùng với những gương tốt trong đời sống đức tin của họ, điều này đã nâng đỡ cho cuộc đời làm Linh Mục của tôi rất nhiều.

Tới một ngày kia, vào khoảng cuối năm **1985** thì nhà nước chủ trương là tất cả các Giám Mục phải về tòa Giám Mục (Lúc đó Đức Cha phó là Đức Cha Phêrô Trần Thanh Chung đang ở Đức An - Pleiku, Đức Cha chính thì đang ở Tòa Giám Mục Kontum; hai nơi cách nhau 50 cây sô) cho nên Đức Cha Chung cũng phải về tòa Giám Mục.

Đức Cha Lộc đề nghị tôi đi làm Cha sở Đức An, Ngài hỏi tôi:

- Cha có bằng lòng đi Đức An không?

Lúc đó tôi đang ở Tân Phú, tôi nói:

- Đức Cha sai con đi thì con đi, chớ mà hỏi con có bằng lòng không thì con không bằng lòng.

Ngài hỏi:

- Tại sao thế?

Tôi nói:

- Con không chịu được lạnh, mà Pleiku là xứ lạnh... con thì ở dơ mà bụi bặm của Pleiku là đất đỏ. Con đã ở dơ mà còn làm biếng tắm thì nó dơ lắm. Lại nữa (tôi cũng nói thật với Ngài) con là dân Bình Định, con không hiểu

tiếng Quảng Bình cho lắm, dân Đức An là dân Quảng Bình, mà dân Quảng Bình nói giọng trọ trẹ khó nghe.

Thế rồi Đức Cha hỏi tôi:

- Như tôi thì sao? (vì Ngài cũng là dân gốc Quảng Bình)

Tôi nói:

- Mỗi khi Đức Cha nói giọng đó con cũng khó nghe, khó hiểu nữa.

Đức Cha làm thình nhưng rồi Ngài bảo tôi:

- Khi nào Cha vui lòng thì tôi sai đi, chứ tôi không muốn Cha phải đi một cách miễn cưỡng.

Tôi nói:- Con không miễn cưỡng, nếu Đức Cha sai con đi thì con đi... nhưng mà bằng lòng đi thì con không bằng lòng đi.

Tới mùa Vọng năm **1985**, Ngài cứ vận động các sơ cầu nguyện cho các Cha biết vâng lời. Các sơ cũng có nói với tôi. Tôi bảo:

- Không phải là tôi không vâng lời, nhưng tôi không bằng lòng mà thôi, phải phân biệt hai điều đó chớ.

Cuối cùng tôi thấy thương Ngài cho nên tới Chúa Nhật thứ tư mùa Vọng năm **1985** tôi nói với Ngài:

- Con bằng lòng đi Đức An.

Ngài bảo tôi:

- Phải đi sớm trước năm Dương Lịch.

Tôi nói:

- Thừa Đức Cha, Đức Cha trình với nhà nước cho con đi trước năm Âm Lịch thôi.

Tôi cũng định kéo dài thời gian một chút vì tôi có khóa giáo lý rước lễ lần đầu phải lo. Đến gần tết thì tôi xin Đức Cha:

- Xin cho con ăn cái tết này với giáo dân của con, qua tết rồi con sẽ đi.

Sau tết thì tôi xin Đức Cha:

- Cho con... sau Phục Sinh đi.

Đức Cha chấp thuận và nhà nước họ cũng đồng ý. Nhưng đến thứ sáu Tuần Thánh thì công an sở (hồi đó Gia Lai và Kontum là một tỉnh) đến gặp tôi; lúc đó tôi đang giải tội mùa chay.

Họ nói:

- Anh Đông chuẩn bị sau lễ (lễ Phục Sinh) thì phải đi Pleiku.

Tôi nói:

- Cho tôi tới kỳ hè đi, sau tĩnh tâm năm thì tôi đi cũng được.

Công an họ nói:

- Tôi thấy giấy của Chính Quyền quyết định cho anh đi đây, sau lễ là phải đi.

Tôi nói nữa đùa nữa thật:

- Chính quyền là mấy ông chó còn ai nữa đâu...

Thứ hai sau Lễ Phục Sinh (**năm 1986**) thì Đức Cha Lộc được gọi tới làm việc với Công An, sau đó Ngài cầm về một tờ giấy quyết định với nội dung là: "Ông Đông phải đi ngay xuống Đức An". Và ngày **19 tháng 4 năm 1986** Đức Cha Alexi chính thức bổ nhiệm tôi làm cha sở Đức An.

Tôi ở Đức An gần 20 năm, kiêm nhiệm luôn kinh tế mới Vườn Mít, kinh tế mới Lò Than, kiêm nhiệm cả xứ La Sơn, xứ Lệ Chí, làng Hà Bàu Jarai (bây giờ là xã ChưĐangYa, huyện ChưPah), làng YaLuh sắc tộc Sêđăng xã Nghĩa Hưng, ChưPah.

Ngày 27 tháng 7 năm 2005 tôi được bổ nhiệm về làm cha sở giáo xứ Thăng Thiên.

Năm 2011 tôi lại bị kiệt sức, rồi bị rối loạn tiền đình. Tôi lại về Sài Gòn chữa bệnh.

Bác sĩ bảo:

- Máy nó chạy đã 70 năm nay rồi nên thứ gì ở trong máy nó cũng bị... rơ... rơ một chút. Vì thế mà cha cần có thời gian nghỉ ngơi tĩnh dưỡng, cũng như cái ao nước nó đã hết nước rồi, bây giờ phải chờ nước mạch nó lên.

Vậy nên Đức Giám Mục đã sắp xếp cho giáo xứ một cha Phó (cha Trí dòng Tên)... vì thế mà tôi được đi nghỉ dưỡng bệnh gần 6 tháng ở dòng Biển Đức tại Thủ Đức và Lộc Nam- gần Bảo Lộc -

Gia đình tôi có tám anh chị em 5 trai 3 gái, có một người đi tu sơ dòng Nữ Vương Hòa Bình, còn tôi làm Linh Mục...

Tôi muốn nói những lời tâm tình này: *Bởi vì cuộc đời của mình thật là vắn vỏi. Con cháu của tôi đứa nào cũng lo bươn chải làm ăn mà ít khi nghĩ về đời sống đạo đức hay biết lo chuẩn bị về đời sau của mình. Tôi muốn những người thân của tôi được biết: Sức khoẻ thì nó mỏng và dòn, cuộc đời thì vắn vỏi, chúng ta phải sống như thế nào để chúng ta có thể mưu cầu cho đời sống hôm nay của chúng ta, ngoài ra mỗi chúng ta cũng phải có bổn phận phải mưu cầu cho đời sống đời đời của chúng ta.*

* **Sinh ký Tử qui:** Cha ông mình đã nói như thế. Cuộc sống chỉ là tạm, khi mình chết thì mình mới đi vào cuộc sống vĩnh cửu của mình.

Tôi luôn nhớ câu nói của Đại Thi Hào Tagore:

" Nếu bạn yêu cuộc sống mình thì bạn cũng phải yêu cái chết của mình, bởi vì cái chết chính là cánh cửa mở ra để bạn bước vào cuộc sống đích thực của mình".

Tôi không có ý chỉ trích một ai mà đây chỉ là những tâm tình được bộc lộ cho những người mình thương, để làm thế nào khi sống chúng ta biết được mục đích sống của chúng ta là cái gì? Tại sao chúng ta sống? Và khi chết thì chúng ta sẽ đi về đâu?

Người xưa có đặt vấn đề:

Nhân sinh hà tại? Tại thế hà như? Hậu thế như hà?

Người ta đặt vấn đề mà chưa có câu trả lời. Chính niềm tin của Kitô giáo đã trả lời được những câu này:

*** Nhân sinh hà tại?**

Con người do đâu mà có? Thưa: Thiên Chúa dựng nên mỗi người chúng ta. Ngài yêu thương chúng ta, Ngài ban sự sống cho chúng ta.

*** Tại thế hà như?**

Trong cuộc sống này thì phải sống như thế nào? Cuộc sống này thì phải sống **Đạo đức**, sống **Đạo Đức** sẽ làm nên giá trị cuộc sống con người.

*** Hậu thế như hà?**

Sau cái chết sẽ ra sao? Thưa là khi chết chúng ta sẽ về Nhà Cha trên trời:

- " Thầy đi trước, thầy dọn chỗ cho chúng con, hễ thầy ở đâu thì chúng con ở đó với thầy".

Hậu thế là như thế.

Cho nên tôi cũng muốn nói với những người tôi thương và những người cũng đồng ý hướng với tôi: hãy

biết lo cho cuộc sống của mình ở đời này và trên hết là phải biết lo cho cuộc sống đời sau của mình. Và tôi mong ước làm sao tất cả mọi người sống trên trần thế này phải biết là mình bởi đâu mà có và trong cuộc sống này mình phải sống như thế nào? Và tại sao phải sống như thế đó? Và sau khi chết thì sẽ đi về đâu?

Từ ngàn xưa khi chưa có tôn giáo nào được truyền bá vào Việt Nam thì ông cha ta đã tin có ông trời, bất cứ điều gì xảy ra người ta cũng kêu lên “trời ơi!”, rồi khi có điều gì cần thì người ta cũng cầu cứu ông trời, như khi gặp hạn hán người ta sẽ: “lạy trời mưa xuống lấy nước tôi uống...”. Đó là đạo thờ Trời. Rồi đến khi chết ông cha ta vẫn tin rằng chết không phải là hết, mà sẽ đi đến một nơi khác bằng những từ:

- * **Qua đời:** từ đời sống này bước qua đời sống khác.
- * **Từ trần:** từ già cõi trần này đi đến một nơi khác.
- * **Tạ thế:** tạ từ thế gian.
- * **Qui tiên:** về với tổ tiên ông bà.

Không ai nói: con bò, con heo, con trâu nó qua đời bởi vì nó là con vật, vậy nên khi nó chết là hết...

Giáo lý Kitô giáo đã nói rất rõ về điều này

2 .

CHUÀ NÃO GỒI TÔI SAU NHOÀI MỘT NHOÀN BỒ

Tôi nhớ khoảng năm 1990 khi tôi về Qui Nhơn để dự lễ phong chức cho một người bạn - bây giờ người đó là phó Giám Mục Qui Nhơn: Đức Cha Matthêu Nguyễn Văn Khôi - Cha Phêrô Võ Tá Khánh đã làm một bài phỏng vấn được ghi băng để tặng cho Cha mới.

Cha Võ Tá Khánh hỏi tôi:

- Cha Đông làm Linh Mục bao nhiêu năm rồi? Cha có bao giờ hối hận vì Cha đã làm Linh Mục không?

Tôi đã trả lời:

- Tôi chưa bao giờ hối hận vì tôi đã là Linh Mục của Chúa Giêsu, nhưng tôi có hối hận một điều là tôi đã làm Linh Mục chưa xứng đáng.

Có một lần tôi về Ban Mê Thuật dự lễ mừng 25 năm Linh Mục của Cha Augustinô Hoàng Đức Toàn. Đầu Thánh Lễ Ngài chia sẻ một câu mà tôi rất tâm đắc: "*Hôm nay con dâng lễ tạ ơn Chúa vì Chúa đã kêu gọi con làm Linh Mục được 25 năm, và con cũng xin tạ tội với Chúa vì những thiếu sót của đời con trong 25 năm làm Linh Mục.*"

Tôi cũng thế, tôi luôn luôn cảm ơn Chúa vì Chúa đã thương cho tôi làm Linh Mục của Ngài. Khi tôi chịu chức Sáu thì lớp tôi (lớp học ở dòng Phanxicô) chỉ có một mình tôi làm Linh Mục, có một người bạn của tôi tới dự lễ, nói với tôi:

- Lớp mình chỉ còn có một mình mày, thôi mày rắng mày tu chớ mày ra nữa là không còn đũa nào...

Tôi không đồng ý chữ "ráng" đó, tôi mới nói với người bạn:

- Đi tu mà ráng? Ráng cả đời làm sao mà ráng được chớ? Vợ mày nó đẽ, mày nói "em ráng một chút". ráng một chút thì được chớ làm sao ráng cả đời được?

Đi tu là một hồng phúc Chúa ban cho mình, cả đời mình phải cảm ơn Chúa, mình phải sống như thế nào cho xứng đáng với ơn Chúa gọi mình thì mới được. Vậy nên tôi cũng xác nhận rằng: "*Làm Linh Mục gần 40 năm mà tôi vẫn cảm thấy ơn Chúa dành cho mình mặc dù mình bất xứng.*"

THIÊN CHÚA MÀ TÔI TIN

Đời sống người Kitô Hữu quan trọng nhất là Đức Tin. Chúa Giêsu làm bao nhiêu là phép lạ, Ngài luôn luôn nói:

" Đức tin của ông đã cứu ông, đức tin của bà đã cứu bà, đức tin của con đã cứu con... "

Và như thế điều quan trọng trong đời sống ơn gọi của mình là Đức Tin, là niềm tin vào Thiên Chúa qua sự Mặc Khải của Chúa Giêsu.

Một lần nọ có một cán bộ mà cũng là công an nữa, đến gặp tôi trong khi tôi đang đọc kinh nguyện trước hè nhà xứ. Tôi bảo anh ta chờ một chút, đọc kinh xong chúng tôi ngồi nói chuyện. Anh ta nói:

- Anh đọc kinh làm như là có Chúa thật vậy. Anh làm chứng có Chúa cho tôi coi thử!

Tôi cũng hơi bực mình vì câu: " Anh làm như có Chúa thật vậy". Tức là người ta coi mình như người giả

hình và Chúa của mình không có thiệt, rồi còn bảo tôi làm chứng có Chúa cho anh coi **thử**, nghe chữ **thử** đó tôi cũng tức nữa.

Tôi nói với anh rằng:

- Anh là người cộng sản, mà ý thức hệ của cộng sản là vô thần, mà là vô thần khoa học, có nghĩa là có thể làm chứng không có Chúa có tính khoa học... Thì bây giờ anh hãy làm chứng là không có Chúa cho tôi coi... Làm chứng không có Chúa mà có tính khoa học đó. Và tôi sẽ làm chứng là có Chúa cho anh coi.

Anh ta làm thinh. Tôi tin chắc rằng anh ta không thể làm chứng là không có Chúa. Tôi nhìn cái đồng hồ anh mang trên tay và hỏi anh:

- Anh hãy làm chứng cái đồng hồ này tự nhiên nó có đi.

Anh ta trở mắt nhìn tôi:

- Làm sao tự nhiên mà nó có được chứ.

Tôi nói:

- Nhất định là không thể tự nhiên mà nó có được đâu, anh biết chắc chắn có người chế tạo ra nó mặc dù anh không biết người đó là ai, anh biết chắc có một cái xưởng đã làm ra nó... mặc dù anh không biết cái xưởng đó ở chỗ nào, nhưng anh biết chắc chắn nó sẽ được xuất xưởng, dù anh không biết đó là ngày nào.

Vì chúng tôi ngồi nói chuyện trước hè, nơi có đám hoa cánh bướm phát phơ, tôi chỉ hoa cánh bướm mỏng manh màu vàng và bảo anh:

- Anh hãy làm chứng những cánh hoa này tự nhiên nó có đi.

Anh ta nhún vai, nói:

- Bây giờ nói thật với ông là người ta làm hoa vải, hoa giấy, hoa nhựa... nó còn đẹp hơn thứ hoa thật đó nhiều.

Tôi nói:

- Đúng, hoa cánh bướm này là một loài hoa thường. Người ta làm hoa vải, hoa giấy và hoa nhựa bằng hạt nhựa, bằng vải, bằng giấy, hạt của nó cũng được làm bằng nhựa, bằng vải, bằng giấy... Anh thử lấy những hạt đó vùi dưới đất, rồi lấy nước tưới xem nó có lên được cây mới không? Dĩ nhiên là không. Chỉ có thứ hạt này tuy nhỏ như thế nhưng khi anh bỏ nó xuống thì nó sẽ mọc được cây mới. Tự nhiên làm sao một hạt nhựa có thể mọc lên một cây hoa? Nếu những nhà khoa học làm được như thế thì người ta đã làm từ lâu rồi, nhưng mà người ta không thể làm được, chỉ có một Đấng làm được cái mầm sống trong cái hạt đó mà thôi, Đấng đó là Thiên Chúa. Nói chơi với anh cho vui vậy thôi nhưng tôi biết trong thâm tâm của anh, anh cũng tin có Chúa.

Anh ta bảo:

- Tại sao anh nói như vậy?

- Được, nếu anh không tin có Chúa thì tôi nói thế này và anh lập lại những gì tôi nói, anh phải chịu trách nhiệm về lời nói của anh... Anh hãy xưng danh tánh của anh và tuyên bố: "**đách có Chúa**", anh nói đi.

Anh ta làm thinh. Tôi bèn nói:

- Anh không dám nói câu đó vì trong lòng anh cũng tin có Chúa mà.

Khi được học về các tôn giáo, tôi càng xác tín về sự hiện hữu của Thiên Chúa. Tất cả các tôn giáo đều tin vào hai điểm giống nhau:

* **Điểm thứ nhất:** Các tôn giáo đều tin có một **Đấng siêu linh**, có thể quan niệm về đấng siêu linh đó không giống nhau, có thể tên gọi đấng siêu linh đó của các tôn giáo cũng không giống nhau: Đức Chúa, Đức Ala, Chúa Trời, ông Trời, Thượng Đế... Nhưng tất cả đều đặt niềm tin vào **Đấng siêu linh**.

* **Điểm thứ hai:** Các tôn giáo đều có một điểm giống nhau nữa là: **chết là chưa hết**, các tôn giáo đều tin có kiếp sau của cái chết. Kiếp sau đó như thế nào thì mỗi tôn giáo có một quan niệm khác nhau, chỗ ở của người chết cũng có tên gọi khác nhau: Suối Vàng, Niết Bàn, Thiên Đàng...

Nhưng mà các tôn giáo đều tin rằng: 1/ *Có một đấng Siêu Linh.* 2/ *Chết không phải là hết mà còn có đời sau, kiếp sau.*

Người Việt Nam mình cũng có quan niệm: **Sinh ký Tử quy**: *Sống gửi thác về, sống là tạm mà chết thì mình mới về nhà thật của mình.* Theo tôi nghĩ: với trí khôn mà Chúa ban cho thì con người cũng nhận ra được có một Đấng Siêu Linh, có một Đấng Thượng Đế, có một Thiên Chúa... Bởi vì theo trí khôn tự nhiên của con người thì cái gì cũng có một người làm ra nó.

Khi dạy các em nhỏ trong các giáo xứ, tôi hay đặt câu hỏi:

- Đó con, ai sinh ra con?

Nó nói:

- Mẹ con sinh ra con.

- Đúng, nhưng ai dựng ra con trong bụng mẹ?

Nó trả lời

:- Là mẹ con.

- Không đúng, mẹ con không hề làm được một cái móng tay của con. Chín tháng mười ngày ở trong bụng mẹ, mẹ con có thể nghỉ, ngủ, lao động hay đi du lịch chỗ này chỗ nọ... mẹ con không bao giờ nghĩ rằng: ngày hôm nay phải tạo ra cho nó cái ngón tay, phải tạo cho nó trái tim hay là nắn cho nó có cái mũi dọc dừa... không bao giờ có thể được đâu. Nếu mà mẹ con bảo là mẹ con có trí khôn, mẹ con là kiến trúc sư, mẹ con là họa sĩ... mẹ con có thể làm ra con theo ý muốn của mẹ con được, thì cha hỏi tụi con: con bò con ở trong bụng mẹ nó, người ta nói "ngu như bò" thì làm sao mà con bò mẹ nó dựng được con của nó đẹp như thế trong bụng nó được chứ? Chắc chắn là không thể được. Tất cả đều do Chúa dựng nên. Công việc tạo dựng của Chúa vẫn diễn ra từng ngày, từng phút, từng giây.

Các em nhỏ rất thích những câu chuyện như thế và nó xác tín rằng: chính **Chúa tạo dựng nên con người**. Trí khôn của chúng ta có thể suy ra để biết điều đó. Chúng ta chịu khó suy nghĩ bằng trí khôn của mình (vì Chúa cho con người có trí khôn) chúng ta phải nhận ra có một Đấng siêu linh, là Đấng cầm giữ vận mệnh của mình.

Khi học triết học và thần học, tôi có suy nghĩ là:

* **Học triết học:**

Là để tìm tới căn nguyên cội nguồn cuối cùng của sự vật bằng trí khôn của mình. Nhưng chúng ta có thể biết có một Thiên Chúa bằng trí khôn của ta, mà chúng ta không biết Thiên Chúa là Đấng như thế nào? Không Tử đã nói **Kính nhi viễn chi**: có nghĩa là chúng ta ở xa mà chúng ta kính, chúng ta không ở gần Thượng Đế, chúng ta không biết Ngài là ai? Ngài như thế nào? nhưng chúng ta tin có Ngài...

Có người kể cho tôi nghe: "Người ta đặt vấn đề với Đức Phật Thích Ca về Thượng Đế, Ngài bèn hái một nắm lá cầm trong bàn tay của Ngài, Ngài bảo rằng: " Sự hiểu biết của chúng ta chỉ là một chút rất ít như nắm lá nằm trong bàn tay nhỏ bé của mình, còn những sự chúng ta chưa hiểu biết thì bạt ngàn như lá rừng trên khắp trái đất này".

Thế nên... đặt vấn đề về Thượng Đế thì chúng ta cũng chưa và không thể nào hiểu thấu được.

*** Học Thân học:**

Nhờ có trí khôn mà chúng ta tin có sự hiện hữu của Thiên Chúa nhưng chúng ta không biết đó là Đấng như thế nào. Chính Chúa Giêsu là con Thiên Chúa xuống thế làm người, đã mặc khải cho chúng ta biết về Thiên Chúa. Ngài bảo: "***Không ai biết việc trên trời đâu, trừ Đấng từ trên trời xuống mới cho chúng ta biết các sự ở trên trời.***"

Ngài dạy cho chúng ta biết Thiên Chúa là Cha của chúng ta, Thiên Chúa thương yêu loài người, đã tha thứ cho loài người, mặc dù chúng ta có tội nhưng chúng ta biết rằng Chúa đầy lòng khoan dung. Chúa tha thứ cho những ai biết ăn năn hối cải quay về với Ngài

"- Con đã phạm tội với Trời và với cha... con không còn xứng đáng là con của cha nữa". Và đưa con hoang đàng khi trở về đã được mặc áo mới, được mang giày mới, được đeo nhẫn vào ngón tay, được cha mình cho giết bê béo để ăn mừng...

Thiên Chúa của chúng ta qua mặc khải của Chúa Giêsu là như thế, và Ngài chính là Thiên Chúa mà tôi tin thờ, bằng trí khôn của mình mà Ngài đã ban cho mỗi người chúng ta, để chúng ta tìm ra Ngài. Thiên Chúa mặc

khái của Chúa Giêsu là Cha của chúng ta: *"Nhà cha Thầy có nhiều chỗ, Thầy đi trước Thầy dọn chỗ cho chúng con, để Thầy ở đâu thì chúng con cũng ở đó với Thầy"*.

Từ nhỏ tôi thường đọc kinh Tin, kinh Cậy và kinh Mến. Trong kinh Tin có một câu như thế này: **Lạy Chúa con tin có một Đức Chúa Trời là Đấng thưởng phạt vô cùng**. Thưởng phạt vô cùng có nghĩa là: làm việc gì tốt cho dù kín đáo, âm thầm không ai biết nhưng mà có Chúa biết. Chúa Giêsu đã nói: *"- Dù chỉ là một ly nước lã thì chúng con cũng không mất công của chúng con đâu."* Thành ra những ai tin Chúa là đấng thưởng những công việc tốt lành mà ta đã làm; cho dù không ai thấy, cho dù làm một cách âm thầm, thì Chúa nhất định thưởng những việc đó. Tin như vậy thì loài người chúng ta mới biết lo làm việc tốt để được Chúa thưởng chúng ta.

Rồi thì chúng ta tin cái gì nữa? Chúng ta tin Chúa phạt, vì không có cái gì mà thoát khỏi sự nghiêm minh của Chúa. **Hoàng Thiên hữu nhãn**: ông trời có con mắt.

Người xưa cũng nói **Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu**: *Lưới trời lồng lộng nhưng không có bất cứ cái gì, cho dù nhỏ cách mấy đi nữa cũng không thể nào chui lậu qua được lưới trời*.

Và khi Chúa phạt thì cũng vô cùng, cho nên những người tin Thiên Chúa **có thưởng** và **có phạt** thì lo làm những việc tốt và tránh những việc xấu. Những ai không tin là sẽ được Chúa thưởng thì người ta cũng không ham làm việc tốt, cũng như những ai không tin có Chúa phạt thì người ta tha hồ làm việc xấu.

Anh không tin có Chúa không phải là không có Chúa. Anh không sợ Chúa phạt không có nghĩa là anh

tránh được sự nghiêm trị của Chúa. ***Cho nên khi chúng ta dạy con cái mình, thì chúng ta phải dạy cho chúng nó biết có Thiên Chúa thật sự và Thiên Chúa thưởng phạt rất nghiêm minh.***

Tôi hay nói với trẻ em:

- Tổ chức một cuộc đấu bóng, dù là cuộc đấu bóng ở cấp xã đi nữa thì cũng phải có một trọng tài. Trọng tài để làm gì? Trọng tài để phạt những đứa chơi xấu.

Tổ chức của Chúa qui mô như vậy mà không có một sự thưởng phạt nghiêm minh thì đúng là không được, không thể được.

Tôi dạy giáo lý cho các em, tôi bảo với chúng nó: "***Tư tưởng hướng dẫn hành động***". Tôi nhớ câu ngạn ngữ của Pháp là "***Tư tưởng hướng dẫn thế giới***". Mình nghĩ như thế nào thì mình làm như thế đó. Nếu mình nghĩ tiền bạc là quan trọng nhất thì mình sẽ làm bằng mọi cách để sao cho có thật nhiều tiền, thậm chí bất chấp mọi thủ đoạn, nếu mình nghĩ địa vị là số một thì cũng bằng mọi cách lo chạy chọt, chui luồn, đút lót để có được một địa vị. Tư tưởng hướng dẫn hành động là như thế. Đức tin là tư tưởng, nếu chúng ta tin rằng có một Đấng thưởng phạt nghiêm minh, niềm tin đó sẽ hướng dẫn hành động của chúng ta và chúng ta phải làm thế nào để hợp với ý Chúa. Biết phân biệt cái thiện, cái ác trong đời sống của mình.

Khi tôi còn nhỏ cha tôi đã dạy cho tôi một bài lục bát mà tôi còn nhớ cho tới bây giờ:

Thiên đàng hỏa ngục hai quê,
Ai khéo thì về ai vụng thì sa.
Người đời khác thể như hoa,
Sớm còn tối mất, nở ra lại tàn.
Giữa trời một tiếng sấm vang,

Người ngay mắc nạn, đũa gian chê cười.
Lụt lịt mà chín mà mười,
Hay nói hay cười mà chẳng có chi.
Người đời có thịnh có suy,
Hết cơn bỉ cực đến kỳ thái lai.
Người đời ai chế giễu ai,
Chỉ thù nên găm, sắt mài nên kim.
Giàu sang nhiều kẻ đến nhà,
Khó khăn nên phải ruột rà xa nhau.
Quân tử ứ hự thì đau,
Tiểu nơn dùi đục đánh đầu không hay.
Càng cao thì gió càng lay,
Càng cao danh vọng càng dày gian nan.

Tôi nhớ năm lòng những điều đó, và tôi luôn nhớ câu: ***Tư tưởng hướng dẫn hành động***, đó là phương châm sống của tôi sau này.

Trong đời sống hằng ngày của chúng ta, ở giữa xã hội này luôn luôn có một cuộc chiến khốc liệt giữa cái Thiện và cái Ác. Đây là một cuộc chiến mà phe nào cũng muốn dành phần thắng. Ma quỷ là chủ của cái ác, là chủ của sự dối trá... Tôi nhớ một câu chuyện vui:

" Có một anh chàng kia bị chết, sau khi chết anh thấy mình đi qua một hành lang dài thật dài... đi mãi anh thấy có một cái cửa to đề 2 chữ: Thiên Đàng.

Anh trầm nghĩ:

- Tôi lỗi như mình đây mà khi chết cũng gặp Thiên Đàng... vui dữ quá ha.

Anh ta tò mò nhìn vô lỗ khóa coi thử trong Thiên Đàng có cái gì. Anh ta thấy Chúa uy nghi hết sức, có Đức Mẹ, có những bà đạo đức mà khi ở thế gian thường hay la anh ta :"- mày thế này... mày thế nọ...", anh thấy những

người này đang đọc kinh ở trong đó. Anh ta nghĩ: " mình thì làm biếng đi nhà thờ, làm biếng đọc kinh cầu nguyện... vô Thiên Đàng kiêu này chắc là mình không vô đâu. Thôi... ta đành từ giã Thiên Đàng mà bao nhiêu người hằng mơ ước.

Anh ta tiếp tục đi, đi mãi đến cuối hành lang, anh ta gặp một cánh cửa ghi chữ Hỏa Ngục được trang trí thật là đẹp, anh ta nghĩ thầm trong bụng:

- Chết rồi! Không vô Thiên đàng thì chỉ còn có hỏa ngục. Hết đường rồi, không biết làm sao nữa.

Anh ta rất sợ hãi vì nghe nói nơi hỏa ngục có đủ mọi sự đau khổ trong đó, anh tò mò dòm vào lỗ khóa. Và thật là ngạc nhiên khi anh thấy trong đó có bạn bè của anh lúc còn ở thế gian, có cả bia ôm với đủ thứ trò vui chơi nhậu nhẹt...Ồ quá đã! Anh ta quyết định:

- Thôi... ta không vào Thiên Đàng, mà ta vào hỏa ngục vậy. Đây đúng là chỗ của ta rồi.

Anh ta gõ cửa, mới gõ có một tiếng là cửa hỏa ngục mở ra liền. Anh ta reo lên:

- Chu cha! Cái ban tiếp tân của hỏa ngục nó cũng tử tế hết sức! Ở thế gian gõ năm bảy lần mà nó còn chưa thềm mở cửa, ở đây mới gõ có một tiếng nó mở ra liền.

Anh ta sửa sang quần áo lại cho tề chỉnh, rồi bước vào cửa hỏa ngục một cách hiên ngang như một kẻ chiến thắng vậy... Nhưng hỡi ơi! vừa mới bước vào mấy bước thì anh thấy ngay một bầy quỷ, mà con nào con nấy trông rất dễ sợ. Một con quỷ cả có răng nanh nhọn, tay cầm một cái chĩa ba thật dài kẹp vào cổ anh ta làm anh ta đau đớn. Anh hốt hoảng la lên :

- Oái! Oái!...Đau quá, ở bên ngoài tôi thấy đẹp quá mà... nhưng sao khi vô đây rồi lại dễ sợ quá vậy?

Con quí cả nó cười: khà... khà... khà... rồi nói rằng:

- Quảng cáo mà... không biết quảng cáo sao? Quảng cáo như vậy thì mới có người vô chớ, không quảng cáo như vậy ai mà thèm vô ?

Ở đời này thiên hạ quảng cáo rất nhiều thứ: từ xà bông này cho tới bột giặt kia, sữa này sữa nọ cho trẻ em, rồi mỹ phẩm cho các bà... nghĩa là thứ gì sản xuất ra cũng phải quảng cáo, còn sự thật đằng sau cái quảng cáo kia thì là gì? ai mà biết được... Cho nên trong cuộc sống của chúng ta, chúng ta cần phải biết một điều vô cùng quan trọng là: đừng để cho ma quỷ nó quảng cáo mà bị sa vào cái bẫy của chúng nó.

*Thiên đàng hỏa ngục hai quê,
Ai khéo thì về, ai vụng thì xa.*

Chúng ta sống đạo đức trong đời này, để khi chúng ta gặp Chúa, chúng ta cũng thấy là đi theo Chúa, tin vào Chúa, yêu mến Chúa, trở thành con cái Chúa thì chúng ta nhất định được vào Thiên Đàng để hưởng hạnh phúc bên Ngài đời đời.

3 .

TÔI YÊU THƯƠNG GIÁO HỘI - TÔI YÊU THƯƠNG GIÁO PHẬN KONTUM - TÔI YÊU THƯƠNG ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM CỦA TÔI

***A- Tôi yêu thương Giáo Hội**

Một khi ta nói đến tình yêu thương thì phải có thứ tự từ trên xuống dưới, nhưng trong lòng tôi không có thứ bậc trong tình yêu thương này.

Hỏi một đứa trẻ:

- Con thương ba hơn hay thương má hơn?

Thường thường thì nó trả lời là:

- Con thương đồng đều.

Nhưng mà theo tâm lý khi tôi hỏi nó:

- Ai hay là con nhiều hơn?

Thì nó nói:

- Má la con nhiều hơn

Nhưng mà nó vẫn thương má nó nhiều hơn.

Tôi thương Giáo Hội của mình bởi vì tôi lớn lên và trở thành người có học hành là nhờ Giáo Hội. Giáo Hội như một người mẹ hiền luôn luôn chăm sóc, thương yêu và lo lắng cho các con của mình.

Giáo Hội là do Chúa Kitô thành lập, Ngài đã yêu thương Giáo Hội của Ngài, Ngài đã hứa rằng: "*Ta sẽ ở với anh em mọi ngày cho đến tận thế*".

Giáo Hội của chúng tôi suốt **2.000** năm lịch sử đã phải chịu bao nhiêu là đau khổ, thậm chí là chết chóc, bắt đầu từ Chúa Kitô. ***Qua mọi thời đại Giáo Hội chúng tôi***

không coi ai là kẻ thù của mình. Giáo Hội chúng tôi không có quân đội, không sắm súng đạn, không có nhà tù, không trang bị vũ khí để bảo vệ mình hay để tấn công người khác, không in tiền bạc riêng cho mình. Nhưng Giáo Hội chúng tôi có bổn phận phải đi loan báo Tin Mừng cho mọi người, dù thuận tiện hay không thuận tiện.

Giáo Hội chúng tôi cam chịu những hiểu lầm, những bắt bớ, bị hạn chế bằng cách này cách khác. Nhưng những thành phần của Giáo Hội chúng tôi, những người yêu mến Giáo Hội luôn luôn vâng theo mệnh lệnh của Chúa Giêsu: "***Hãy đi đến tận cùng thế giới để rao giảng Tin Mừng cho muôn dân***".

Giáo Hội chúng tôi vừa là hữu hình vừa là vô hình. Giáo Hội hữu hình là Giáo Hội có một tổ chức như bao nhiêu tổ chức của xã hội, cũng như của các đoàn thể hay của các Quốc Gia. Giáo Hội vô hình được xem như là thân thể máu nhiệm của Chúa Giêsu Kitô, sống bằng sức sống của Chúa Thánh Thần. Các tổ chức, các chế độ của các nước trên thế giới này tuy là hô hào khẩu hiệu "Muôn năm! Muôn năm!..." nhưng rồi chỉ tồn tại được một thời gian mà thôi. Lịch sử nhân loại cho chúng ta thấy điều đó, Giáo Hội Công Giáo tuy bị bắt bớ, bị hạn chế, bị giết chết mà vẫn luôn luôn tồn tại, và lâu nhất so với tất cả các chế độ mà chúng ta được biết trong lịch sử của thế giới.

Nên tôi tin rằng ***Giáo Hội sống không phải bằng sức mạnh của súng đạn, nhưng mà sống bằng sức sống của Chúa. Chúa đã thành lập Giáo Hội và Chúa sống trong Giáo Hội.***

Chúa đã chọn những vị lãnh đạo Giáo Hội là những người xuất thân từ nghèo khó, mộc mạc, đơn sơ như

Thánh Phêrô để làm Giáo Hoàng đầu tiên của Giáo Hội. Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI là vị Giáo Hoàng thứ 264 của Giáo Hội từ 2.000 năm nay.

Giáo Hoàng không phải là người kế vị của Chúa Giêsu. mà Giáo Hoàng là đại diện của Chúa Giêsu, là người kế vị của Thánh Phêrô. Vì thế mà tôi yêu mến Giáo Hội hết lòng.

***B - Tôi yêu thương giáo phận Kontum.**

Bởi vì từ nhỏ tôi đã học trong Chung Viện Kontum. Các giáo sư của tôi là những tấm gương mẫu mực cho tôi noi theo để sống tốt trong đời sống của mình.

Tôi có quen một người là bí thư Đoàn của trường Cao Đẳng (trước kia là trường của các Sư Huynh Lasan). Trên vách tường rộng và dài của nhà trường có đề một câu với hàng chữ viết rất lớn như thế này: "Học ở trường, học ở sách vở, học ở bạn bè, học ở nhân dân". Tôi nói với thầy đó:

-Tôi công nhận câu đó là đúng... Bác Hồ nói như thế là đúng, nhưng theo kinh nghiệm bản thân của tôi thì tôi thấy thiếu một điều: tôi còn học ở thầy của tôi nữa và các thầy của tôi là những tấm gương sáng cho tôi noi theo. Từ những bài học trong sách giáo khoa tới những bài học làm người, những đức tính khiêm nhường, lòng tha thứ, từ lời ăn tiếng nói và phong cách sống với mọi người... luôn luôn các thầy là mẫu gương sáng của đời tôi.

Vì thế mà tôi rất yêu Giáo Phận, yêu thầy dạy của tôi. Các thầy của tôi đã qua đời hết rồi. Học trường nào cũng thế. Bốn năm ở Chung Viện Kontum tôi vẫn coi các thầy là mẫu gương sáng của tôi. Năm năm học ở Dòng Phanxicô Thủ Đức... các cha Dòng Phanxicô người Pháp

có, người Việt có, các cha đã để lại cho tôi Linh đạo của Thánh Phanxicô Assisi là sống đơn sơ, giản dị và yêu mến người nghèo khó với cả tấm lòng.

Các thầy giáo của tôi hết sức khiêm nhường trong đời sống làm thầy, các Ngài yêu thương học trò như con cái của mình. Sau này tôi vào Giáo Hoàng Học viện do các Cha dòng Tên phụ trách, các Cha đến từ nhiều nơi trên thế giới, như người Mỹ, người Pháp, người Áo, người Tây Ban Nha, người Cu Ba, người Đức, người Cannada... cũng có. Và tất cả cùng sống với nhau như anh em một nhà vậy. Họ là những bậc thầy của tôi sau khi tôi ra trường. Tôi rất yêu thương họ. Giáo Hội của tôi là như thế đó.

Tôi có dịp đi Roma dự lễ Bế Mạc Năm Linh Mục với sự chủ trì của Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI. Buổi lễ hôm đó có hơn 17.000 vị Linh Mục trên khắp cả thế giới tập trung về tham dự; đủ thứ màu da, đủ mọi sắc tộc. Người da đen có nhiều mà người da trắng cũng không ít. Trong thánh lễ đó đến phần hát kinh Lạy Cha, thì tất cả mọi người đưa tay lên và chúng tôi cùng hát bằng tiếng Latinh như anh em một nhà: "***Lạy cha chúng con ở trên trời, chúng con nguyện Danh Cha cả sáng... "***

Đến khi Đức Thánh Cha bảo: "***Anh em hãy chúc bình an cho nhau.***"

Tôi quay qua một Linh Mục và hỏi:

- Linh Mục là người nước nào?

Ông trả lời:

- Tôi là người Đức.

Có người ở Châu Phi, người thì ở Paraguay, người ở Campuchia... Chúng tôi bắt tay nhau trong mấy phút đồng hồ với những người đứng gần bên cạnh, và chúng tôi

thấy thật sự Linh Mục của Chúa Giêsu Kitô là anh em của nhau. Thành ra trong lòng tôi, tôi rất yêu mến Giáo Hội và Giáo Phận, tôi cũng rất yêu mến các bậc thầy đã dạy cho tôi từng lời ăn tiếng nói, từng phong cách sống và nhất là dạy chúng tôi phải biết thương yêu mọi người, kể cả những người không yêu thương mình.

*** C- Tôi yêu quê hương đất nước của tôi**

Tôi yêu đất nước của tôi thật sự. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã sáng tác ra một bài hát có những lời thật ngậm ngùi xót xa nhưng đó là sự thật: "*Một ngàn năm nô lệ giặc Tàu, một trăm năm đô hộ giặc Tây, hai mươi năm nội chiến từng ngày... gia tài của mẹ để lại cho con một nước Việt buồn... gia tài của mẹ để lại cho con nhà cháy từng hàng... "*

Quả thật, bị nô lệ hay bị đô hộ thì cũng là đau đớn và đau khổ cho dân tộc của tôi. Nhưng trong cảnh chiến tranh huynh đệ tương tàn làm cho con tim của người Việt mình ai ai cũng cảm thấy rất là đau khổ. Hai mươi năm chiến tranh từng ngày đó, tôi lớn lên trong chiến tranh và tôi cảm thấy nỗi buồn tê tái vì người cùng một nước mà chém giết nhau. Rồi khi chiến thắng thì vui mừng vì đã giết được nhiều người, mà những người đó lại là người cùng một dân tộc, cùng một quê hương, đất nước với mình.

Tôi không thích yêu nước cái kiểu hô khẩu hiệu. Tổ Quốc là một danh từ trừu tượng, Đất Nước cũng là một danh từ trừu tượng. Vậy yêu nước là gì? Yêu Tổ Quốc là gì? Tôi dạy cho các em:

**- Yêu nước là biết yêu thương đồng bào của mình.*

**- Yêu Tổ Quốc là biết yêu lãnh thổ đất nước Việt Nam của mình.*

Mình phải làm như thế nào để giúp cho đồng bào của mình được hạnh phúc, giúp cho những người nghèo ở chung quanh mình được sống ấm no vui sướng hơn, mình làm thế nào đó cho người đau ốm có được điều kiện để chữa bệnh. Đó mới thật sự là yêu nước, yêu đồng bào của mình. Chớ yêu nước mà chỉ biết hô cho to cái khẩu hiệu "Muôn năm! Muôn năm..." thì không thực tế tí nào.

Nước Việt Nam của chúng ta đã trải qua bao thời kỳ với bao nhiêu đời vua. Mỗi khi có giặc ngoại xâm thì từ vua, quan cho đến người dân đều phải chiến đấu để giành lại độc lập cho đất nước mình. Sau này tôi thường nghe người ta nói câu: "Yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa", thật sự từ trong đáy lòng tôi, tôi không nghĩ như thế, bởi vì từ thời xa xưa các vị tướng tài giỏi như Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Đinh Bộ Lĩnh, Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ... vv... tôi biết đó là những người thật sự yêu nước, sẵn sàng chiến đấu chống quân xâm lược để bảo vệ giang sơn. Mà thời đó thì làm gì có xã hội chủ nghĩa?

Tôi là người có tôn giáo, khi học lịch sử Việt Nam của mình, thời bấy giờ đất nước có đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão... có thời kỳ Tam Giáo Đồng Nguyên... những vị vua nào có lòng sùng đạo là những vị vua thật sự biết "an dân trị quốc". Còn những ông vua nào chỉ biết ăn chơi phóng túng thì đó là những ông vua đã làm hại cho dân cho nước của mình rất nhiều. Đọc kỹ lịch sử Việt Nam thì ai cũng thấy rõ điều đó.

Trong những năm của thời xã hội chủ nghĩa - bởi vì *ý thức hệ của xã hội chủ nghĩa là vô thần* - cho nên gác

qua những chuyện về tôn giáo. Mới đây tôi đọc thấy Tổng Thống Liên Bang Nga Mevedev đã có một chỉ thị là: "*Tất cả học sinh phải học một môn tôn giáo*". Tổng Thống Nga đã chọn ra 4 tôn giáo. Thứ nhất là Chính Thống Giáo, thứ hai là Phật Giáo, thứ ba là Hồi Giáo và thứ bốn là đạo Bà Hai. Mỗi học sinh phải chọn học giáo lý của một trong bốn tôn giáo đó, coi đó là một chương trình bắt buộc phải học. Tôi nghĩ sau bao nhiêu năm gạt bỏ tôn giáo thì nền luân lý không đứng vững được. *Chỉ có các tôn giáo và giáo lý của họ mới dạy cho con người ta biết ăn ngay ở lành*, thành ra tôi biết niên khóa **2009- 2010** đã có **11.000** trường ở Nga bắt đầu học về môn tôn giáo, mỗi tuần học 2 tiết. Bộ giáo dục lúc đầu không sắp xếp thời giờ được, nhưng tổng thống ra chỉ thị là phải bỏ bớt giờ học Nga vẫn để có giờ học về môn tôn giáo.

Người Việt Nam mình thường nói: "Tiên học Lễ, hậu học Văn". Trước tiên là phải học đạo lý làm người (Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín). Ở Việt Nam bây giờ tôi thấy trong tất cả các sách giáo khoa không bao giờ đề cập tới một môn học nào thuộc về lĩnh vực tôn giáo. Tôi nghĩ rằng trong lịch sử của loài người, các tôn giáo chân chính đã góp phần rất nhiều để nền luân lý của loài người được bảo đảm tốt đẹp.

Tin Mừng của Chúa Giêsu đến trên đất Tây Nguyên bắt đầu từ năm **1848**. Những gì mà Giáo Hội hay địa phận đã làm cho người sắc tộc trong hơn 100 năm qua là rất lớn lao.

Năm 1955, khi tôi mới vào Chung Viện Kontum, mỗi lần ăn cơm thì chúng tôi được nghe đọc một đoạn trong cuốn sách có tên là: "Mở đạo Kotum" của hai cha Phaolô Bang và Simon Thiệt viết.

Nhờ cuốn sách này mà tôi được biết Thầy Sáu Do, quê quán ở Bình Định là người đã được sai đi để tìm đường đem Tin Mừng tới cho đồng bào các sắc tộc ở Tây Nguyên, Thầy còn tìm mọi cách để đưa các vị Thừa Sai đến với người dân tộc thiểu số .

Anh em chúng tôi thường đọc mấy câu về ngắn nhưng nghe vui vui về Thầy Sáu Do:

***Thầy Sáu Do,
Tay cầm đao to,
Chân đi dép mo,
Vừa đi vừa lo...***

Thời xưa người ta hay gọi người dân tộc thiểu số là người "Mọi", không biết từ khi nào thì gọi là người "Thượng". Khi đọc sách trong nhà cơm, Cha Giám Đốc bảo tất cả những chỗ nào đọc là “người mọi” thì phải đọc lại là “người Thượng” , và trong các chủng sinh cũng có người thượng. Một hôm đến phiên anh chủng sinh nọ đọc sách, khi gặp chữ "mọi người" thì anh ta đọc là "thượng người", làm chúng tôi ai cũng phì cười.

Nhờ những cuốn sách viết về công cuộc truyền giáo Tây Nguyên, tôi mới thấy công lao to lớn của các vị Thừa Sai đi mở đạo trên vùng này. Sau này tôi có đọc một cuốn sách tựa đề là "Dân Làng Hồ" của một Linh Mục Thừa Sai Paris là cha Dourisboure. Cuốn sách này làm cho tôi vô cùng xúc động. Công việc mà các vị thừa sai đã làm với những khó khăn gian khổ, nhiều khi hy sinh luôn cả tính mạng của mình... Có người mới lên 3 tháng thì chết vì sốt rét, mà ở được lâu 3, 4 năm thì cũng đau lên đau xuống, rồi cũng chết.

Nhưng điều lớn lao nhất mà các vị thừa sai mang đến cho các sắc tộc Tây Nguyên là Tin Mừng tình thương của Chúa Giêsu.

Thời đó các bộ tộc thường hay đánh nhau, thậm chí các làng cùng một bộ tộc cũng đánh nhau với các lý do như: vì lương thực cũng có, nhất là vì muối (lúc bấy giờ muối rất là quý), và vì muốn chiến thắng dành đất cũng có. Bên thắng trận thì bắt người bên thua cuộc về làm nô lệ: như người làng Pleiteng đi đánh nhau với các làng khác, sau khi chiến thắng họ đã bắt nhiều người của làng thua trận, đem về làm nô lệ trong làng mình. Đầu thế kỷ XX cha Corompt (có Hiên) đã bỏ ra rất nhiều tiền để chuộc lại những người bị bắt làm nô lệ trong làng Pleiteng về và thành lập một làng mới cho họ, đặt tên là làng Hà Bàu (bây giờ là làng Có, làng Xóa xã Chư Dăng Ya, huyện ChưPă), không chỉ một mình cha Corompt làm điều đó mà có rất nhiều vị thừa sai cũng đã làm như vậy...

Nhưng khi Tin Mừng đến với họ thì họ đã được lãnh nhận, nhờ đó mà họ nhận biết mình là anh em với nhau. Đó là kết quả tốt đẹp, là một thành công rất lớn mà Tin Mừng đã đem đến cho anh em người Dân tộc thiểu số trong thời kỳ đầu. Nhờ Tin Mừng mà các bộ lạc thương yêu nhau hơn. Rồi thì các Linh Mục cũng bắt đầu dạy cho người dân tộc biết đọc biết viết, cũng theo cách thức của cha Đắc Lộ là lấy mẫu tự a, b, c... làm chữ viết để viết sách, để dạy cho người dân tộc biết đọc, biết viết và biết nói tiếng kinh nữa.

Những viên thuốc đầu tiên cũng là của các Linh Mục đưa lên miền rừng núi Kontum. Tôi nghe kể chuyện các Linh Mục đem thuốc lên chích. Hồi đó ông kim nó dài

lắm nên khi người dân tộc thấy ống kim đó thì sợ mà không chịu cho chích, họ thối mắc:

- Tại sao mình đau cái đầu mà chích cái đít...

Linh Mục phải giải thích:

- Cũng như mình đói cái bụng mà ăn cái miệng. Ăn cái miệng nó chạy xuống cái bụng, chích cái đít nó chạy lên cái đầu...

Và rồi người dân tộc cũng bắt đầu làm quen với thuốc men, với ống chích... đó cũng là nhờ các vị Linh Mục Thừa Sai đã đem đến cho họ.

Tôi biết Đức Cha đầu tiên của địa phận Kontum là Đức cha Phước, Ngài làm Giám Mục từ năm 1933, nhưng từ mấy chục năm về trước thì Ngài đã ở trên vùng Tây Nguyên với người dân tộc thiểu số rồi, nên Ngài đã viết rất nhiều sách dạy cho họ từ việc canh tác trồng trọt, đến thiên văn, địa lý, dạy cho họ biết nhật thực, nguyệt thực là cái gì. Ngài dạy cho người dân tộc phải biết bỏ đi những hủ tục, những mê tín có hại cho con người. Ngài còn dạy cho họ biết cân đo đong đếm... Người dân tộc không hề biết ký lô là gì? Họ cũng không biết đo diện tích là thế nào? Chu vi là cái gì? Người dân tộc cũng không biết đong một lít là bao nhiêu và họ cũng không biết đếm.

Cho tới bây giờ nhiều người dân tộc già vẫn còn chưa biết một triệu là bao nhiêu? Một tỷ là bao nhiêu cả. Nhưng từ thuở trước thì những điều đó đã được các vị thừa sai đem Tin Mừng của Chúa đến, để khai hóa dần dần cho người dân tộc thiểu số rồi.

Bây giờ tôi ao ước cái gì cho quê hương đất nước mình?

Có một phái đoàn của các nước thuộc Liên Hiệp Âu Châu... gì đó, tới gặp các tôn giáo hoặc đại diện tôn giáo ở

tỉnh Gia Lai. Tôi nhớ hôm đó chúng tôi gồm có 4 tôn giáo: Công Giáo, Phật giáo, Tin Lành và hình như còn có đạo Cao Đài nữa. Chúng tôi hẹn gặp nhau tại khách sạn Đức Long I, có cả nhà nước tới dự.

Câu đầu tiên người ta hỏi là:

- Ở đây có tự do tôn giáo không?

Một câu hỏi mà chúng tôi rất ngại trả lời, nhưng cuối cùng tôi cũng trả lời. Tôi nói như thế này:

- Bây giờ thì khác xưa rồi.

- Khác là khác làm sao?

- Chúng tôi bây giờ có đổi mới, đất nước chúng tôi đang đổi mới, trong đó vấn đề tôn giáo cũng có đổi mới. Và tôi hy vọng rằng trong tương lai việc đổi mới này ngày càng được đổi mới thêm nữa.

Người ta hỏi tôi:

-Nhà Nước có chính sách gì đặc biệt cho người dân tộc thiểu số không?

Quả thật thì người dân tộc hiện nay đang có cái gì thì tôi nói về cái đó, chẳng hạn như Nhà Nước cung cấp muối iốt miễn phí cho người dân tộc, hoặc như người dân tộc đi bệnh viện thì được hưởng chế độ riêng là được miễn phí về vấn đề ăn uống, người kinh thì không có được điều đó. Từ cấp huyện cho đến cấp tỉnh đều có Nhà Nội Trú Dân Tộc để cho con cái người dân tộc - vốn dĩ ít khi chú ý tới việc cho con đi học - thì cũng được nhà nước mở trường, mở nhà nội trú cho học trò dân tộc. Chúng tôi thử tưởng tượng rằng: Nếu không có đổi mới thì chúng tôi, nhất là các tôn giáo phải sống như thế nào? Nhưng may là có đổi mới.

Và họ hỏi tiếp tôi:

- Anh nhận định thế nào về vấn đề đổi mới này?

- Tôi thích đổi mới và mong ước làm sao mà mọi người, kể cả Nhà Nước cũng có những chương trình đổi mới, phía các tôn giáo chúng tôi cũng có những chương trình đổi mới và phải có cái nhìn mới với nhau. Có một điều tôi ao ước là phía Nhà Nước hãy nghĩ tới những người dân tộc hoặc những người kinh ở vùng sâu vùng xa, mà họ là những người có tôn giáo. Những người Công Giáo trong thành phố được có nhà thờ, được có Linh Mục và chúng tôi cũng được rao giảng Tin Mừng cho những người thường xuyên lui tới nhà thờ. Còn những người ở tận vùng sâu vùng xa thì: Thứ nhất họ không có nhà thờ. Thứ hai là các vị Linh Mục, các chức sắc tôn giáo muốn đến những nơi xa xôi đó thì cũng không được dễ dàng gì đâu.

Tôi ao ước điều gì nữa ? Tôi nhận thấy các cán bộ cấp cao rất hiểu biết về các giá trị của các tôn giáo, nhưng với các cán bộ địa phương thì sự hiểu biết này không đồng đều. Thật sự qua dòng lịch sử của nước Việt Nam, thì ***tôn giáo nào cũng dạy cho người ta ăn ngay ở lành, tôn giáo nào cũng dạy người ta làm việc lành, tránh việc ác... vv...*** ước gì mọi người thấy rằng các tôn giáo đều có một giá trị nhất định, và khi hiểu được như thế thì sự đổi mới thực sự có hiệu nghiệm.

Đôi khi tôi có một suy nghĩ như thế này: "***dân thì làm gốc***", đặc biệt là xã hội chủ nghĩa luôn chủ trương lưu tâm đến người nghèo, những người chịu nhiều thiệt thòi trong đời sống của mình. Thế thì những người ở vùng sâu vùng xa, nếu được Nhà Nước lo cho họ về các mặt như: Về vật chất thì đời sống được ấm no, y tế có đủ thuốc men và bệnh viện miễn phí. Về tinh thần thì cần có nhiều trường học với một nền giáo dục tốt, tôn giáo được

coi trọng. Tức là đời sống vật chất lẫn tinh thần mà được nhà nước quan tâm tới thì tôi nghĩ rằng đó mới thật sự là một nhà nước thương yêu người nghèo. Bởi vì, ngoài đời sống cơm áo ra, thì chúng ta còn có đời sống tinh thần nữa. Tinh thần mà thoải mái thì mới có hạnh phúc. Cũng như cơm áo được đầy đủ, gia đình giàu có nhưng nếu đời sống tinh thần bị thiếu thốn, tình thương yêu vợ chồng không có thì cũng không thể có hạnh phúc.

Trong dòng lịch sử của nước Việt Nam chúng ta, tôi biết ngày xưa các vị sư cũng được mời vào cung điện để dạy cho con cái các nhà vua, có những vị sư đã làm quân sư cho triều đình nữa. Vậy nên cái giá trị của tôn giáo đó tất cả mọi người chúng ta đều phải biết trân trọng.

Ước mong sao các cán bộ cũng hiểu được giá trị của các tôn giáo.

Ở địa phận Kontum có một điều làm cho Giáo Hội thuộc Giáo Phận Kontum chúng tôi lo lắng, tôi thấy Nhà Nước cũng có ý lo lắng, đó là vụ việc về Đức Mẹ Hà Môn mà Nhà Nước cho là tà đạo.

Tại sao lại xảy ra vụ việc Đức Mẹ Hà Môn? Tôi cho rằng Đức Mẹ Hà Môn là *biến tướng* của những nơi mà lâu ngày không có Linh Mục đến với họ hoặc là các Linh Mục không được phép đến với họ.

Ngày xưa ông Môisen lên núi để nhận 10 điều luật của Chúa về cho dân của Ngài. Ông đi vắng chỉ có 40 ngày thôi mà dân chúng ở nhà nó đúc bò vàng để thờ. Một xứ đạo không có Linh Mục lâu năm thì người ta có thể thờ con gà con chó. Vì thế nên tôi nghĩ nếu như các Linh Mục được đi đến những vùng sâu vùng xa, để rao giảng Tin Mừng tình thương của Chúa Giêsu thì điều đó nhất định là hay hơn hết. Nhiều lúc chúng tôi cũng bị khó khăn mỗi

khi đi đến những vùng xa xôi ấy, vì khi thấy người này nói chuyện với người kia thì họ cho là chúng tôi truyền đạo bất hợp pháp. Theo tôi nghĩ: Đạo là một việc tốt, mà nói điều tốt cho người khác sống tốt là điều rất đáng khuyến khích và vui mừng, chớ làm gì mà có cái chuyện truyền Đạo bất hợp pháp? Rồi tôi còn nghĩ thêm rằng: nếu ai biết giá trị của đạo thì người ấy phải biết cố gắng để sống tốt.

Một lần nọ có người hỏi tôi:

- Anh có chủ trương tập trung đọc kinh trong gia đình, cứ 4 hay 5 gia đình xúm nhau cùng đọc kinh một chỗ không?

Quả thật là vào tháng 5 kính Đức Mẹ hoặc tháng Mân Côi thì các gia đình, các xóm giáo người ta hay tập trung lại đọc kinh cầu nguyện với nhau ở trong một gia đình nào đó, luân phiên từ nhà này đến nhà khác.

Tôi trả lời:

- Tôi không có đặt chương trình, nhưng mà tôi rất thích giáo dân của tôi siêng năng đọc kinh và đi lễ.

Ông ta nói như ra lệnh:

- Các người chỉ có quyền đọc kinh trong nhà thờ thôi, không được đọc kinh trong xóm mà gây ồn ào mất trật tự.

Tôi không chịu nên nói lại:

- Tôi thấy rằng đọc kinh chẳng có ồn ào mất trật tự gì. Thay vì đọc kinh thì người ta lại đi quậy phá chỗ này chỗ kia, còn đọc kinh cầu nguyện thì có những điều ích lợi như sau: *Thứ nhất*: đối với Chúa là việc thờ phụng. *Thứ hai*: đối với nhau là trở thành anh em của nhau trong lời kinh nguyện. Cầu xin cho mình ăn ở tốt lành, đó là điều

rất tốt thôi. Cầu xin cho mình và mọi người ăn ở tốt lành mà sao gọi là mất trật tự được.

Rồi tôi nói đùa với anh ta:

-Tôi thấy nhà nào cũng có ăn cơm, mà sao các quán nhậu đó... chu cha!... bữa nào cũng đông nghẹt người, như vậy nhậu nhẹt vừa tốn tiền, vừa làm cho vợ con buồn, rồi là say xỉn, rồi là ồn ào, rồi karaoke trong xóm... tại sao anh không bảo người ta là ở nhà ăn cơm đi cho yên làng yên xóm. Nếu anh bảo được họ ở nhà mà ăn cơm, thì tôi cũng bảo giáo dân của tôi ở nhà đọc kinh cho yên xóm yên làng.

Chính vì thế nên tôi rất yêu thương Giáo Hội, yêu thương Giáo Phận và các bậc thầy của tôi. Tôi rất yêu thương Linh Đạo của Chúa Giêsu là dạy cho người ta biết làm thế nào để nuôi sống đời sống đức tin của mình, để trở thành anh em của nhau. *Tôi ước muốn làm sao mà đất nước của tôi mọi người đều được ấm no, làm sao để mọi người yêu thương nhau, làm sao mà những người bị thiệt thòi, những người nghèo, những người ở vùng sâu vùng xa cũng có được một đời sống ấm no hạnh phúc. Hạnh phúc không những về của cải vật chất, mà còn được hạnh phúc về đời sống tinh thần theo tôn giáo của mình.*

Tôi có quen biết một người cán bộ, chúng tôi cũng thường hay nói chuyện với nhau. Một bữa nọ anh ta hỏi tôi:

-Anh Đông, anh có thích Xã Hội Chủ Nghĩa không?

Câu hỏi đó làm cho tôi hơi bất ngờ. Tôi nhìn anh ta và hỏi lại:

- Anh hỏi tôi câu đó thì anh muốn tôi trả lời cho qua chuyện? Hay là anh muốn tôi trả lời thật lòng của tôi?

Anh ta bảo:

- Tôi muốn anh trả lời thật lòng.

Thế nên tôi nói:

- Nếu tôi nói thật lòng thì anh đừng có bắt tôi ghen!

Anh ta cười, rồi tôi nói thật suy nghĩ của mình:

-Tôi không thích xã hội chủ nghĩa của anh. Tại vì sao? Tại vì như thế này: Tôi có cha có mẹ, có anh có em. Gia đình tôi đang làm ăn tốt đẹp và gia đình tôi cũng có của cải. Của cải gia đình tôi là do mồ hôi nước mắt của chúng tôi cùng với cha mẹ làm ra. Thế rồi tự nhiên anh tới nhà tôi, anh làm khó dễ công việc làm ăn của cha mẹ tôi, anh ngăn cản chuyện này chuyện nọ, không cho cha mẹ tôi làm ăn. Anh lấy của cải của nhà tôi làm của cải của anh trước mắt chúng tôi... rồi anh hỏi tôi: "mày có thích tao không?". Tôi nói thiệt với anh: **khùng nó cũng không thích nữa là**. Cho nên anh bảo tôi trả lời thật với anh thì tôi trả lời như vậy đó. Nhưng mà có một điều rất kệt cho chúng tôi là: **Chúa Giêsu dạy chúng tôi phải yêu thương kẻ ghét mình, phải làm ơn cho những kẻ đã gây ra cho mình những khó khăn**. Bởi vì thế mà tôi vẫn thương anh, tôi nói thật với anh, nếu anh nhờ tôi làm cái gì tôi cũng sẽ làm. Một viên thuốc mua không được, anh đến nhờ tôi, tôi cũng tìm cách mua cho anh. Bởi vì thế mà theo Tin Mừng thì tôi vẫn yêu thương những người không yêu thương mình, hoặc là yêu thương những người làm hại mình. Chúng tôi đã sống như thế và những việc mà chúng tôi đã làm cũng như thế, tôi nghĩ rằng có như vậy thì chúng tôi mới sống đúng thực sự về Tin Mừng mà Chúa Giêsu dạy cho chúng tôi.

Tôi nghe một bài hát có lời rằng: **Quê hương mỗi người chỉ có một... quê hương là chùm khế ngọt**. Tôi

hay nói đùa cho vui: *mà leo lên tới đọt, trái nào cũng chua*. Tôi ao ước chùm khế của quê hương mình trái nào cũng ngọt từ gốc cho tới ngọn. Ao ước làm sao mà các nhà lãnh đạo của đất nước mình đổi mới, bởi vì *tu tưởng hướng dẫn hành động*. Tôi hay cầu nguyện thật lòng tôi, *cầu nguyện cho các nhà lãnh đạo đất nước Việt Nam mình biết thực sự yêu thương dân chúng, biết tôn trọng quyền lợi của con người*. Ước gì các cán bộ lãnh đạo của chúng tôi hiểu được điều này, bởi vì tôi quan niệm rằng **Thiên địa nhân hòa**. Bất cứ người nào, bất cứ chế độ nào cũng phải có. Người xưa đã nói như thế này: là phải biết hòa với Trời, phải biết hòa với Thiên Nhiên Vũ Trụ và phải biết hòa với Người thì nhất định mọi sự trong xã hội sẽ càng ngày càng trở nên tốt đẹp hơn.

Tôi sống đến nay là 70 năm tuổi, sống dưới nhiều chế độ khác nhau. Sinh năm 1941 tới năm 1954; sống 9 năm kháng chiến ở Bình Định gọi là vùng Việt Minh.

Tôi cũng là cháu ngoan bác Hồ, tôi cũng được tập hát: *Dân Liên Xô ca hát trên đồng hoa*. Tôi cũng được học những bài tổ khổ: “*Nông dân ta hát ca reo vang lưng. Ta đoàn kết giết chết hết quân thù, đòi giảm tô bồi dưỡng cho nhà nông. Dem sức toàn dân kháng chiến cho mau thành công*”.

Tôi cũng được tập trung tổ khổ những người ở trong xứ đạo của tôi. Lúc đó vì còn quá nhỏ nên tôi cũng không biết tại sao mà họ bị tuyên bố có tội và kết án là phong kiến thế này thế nọ. Nhưng khi lớn lên học lịch sử thì tôi biết chế độ làm sai, chính điều đó đã đưa đến nhiều cái chết oan uổng...

Năm **1955**, khi có trí khôn thì tôi sống dưới chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa, lúc đó mới biết Đất Nước bị chia làm

2 miền. Tuy cũng là người Việt Nam nhưng hai miền Nam Bắc không được liên lạc với nhau.

Ở miền Nam ông Ngô Đình Diệm lên làm Tổng Thống. Mặc dù còn nhỏ nhưng tôi rất mến Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Thứ nhất là khi tôi học ở Sài Gòn tôi thấy tổng thống là người rất đạo đức, ông dự lễ hằng ngày. Những người siêng năng làm việc đạo đức, thường xuyên lãnh nhận các phép Bí Tích, theo đức tin của tôi thì đó là những người có ơn Chúa, vì thế nên tôi rất yêu mến tổng thống Ngô Đình Diệm. Sau đó, **tháng 11 năm 1963 thì đảo chính, tổng thống bị giết chết** làm tôi cảm thấy rất buồn và xót xa thương tiếc. Miền Nam bắt đầu bất an với các chế độ tiếp theo sau đó. Chiến tranh xảy ra với những đợt pháo kích và súng đạn thì bắn phá liên hồi. Vì gia đình tôi là người Công Giáo nên chi phải dời vào thành phố Qui Nhơn.

Chiến tranh liên tục, cái chết hằng ngày diễn ra trước mắt tôi.

Những năm tôi học cấp II và cấp III ở Chung Viện, đó là thời gian từ năm **1955 đến năm 1972**.

Ngày 20-12-1972 tôi chịu chức Linh Mục.

Cũng trong mùa hè năm **1972** đó, chiến tranh hai miền nổ ra ác liệt khi mà miền Bắc nhất quyết chiếm cho được miền Nam. Đó là mùa hè đỏ lửa... Tôi rất buồn, rất đau khổ vì thấy người Việt Nam mình chém giết lẫn nhau. oái oăm thay khi mà giết nhau được nhiều chừng nào thì lại hoan hô vui mừng nhiều chừng đó - cả hai bên đều vậy- tôi đau đớn tự hỏi: ***tại sao người Việt mình với nhau mà lại cứ phải chém giết nhau như thế?***

Năm 1973 tôi đi thăm ông đạo Dừa ở Mỹ Tho, tôi thấy trên boong tàu trong chiếc tàu của ông có một tấm bản đồ Việt Nam, nghe nói tối nào ông cũng đi từ Sài Gòn đến Hà Nội trên tấm bản đồ đó và ông cầu mong sao cho đất nước được hòa bình.

Lúc đó tôi thích nhất bài hát: **Huế – Sài Gòn - Hà Nội... quê hương ơi sao vẫn còn xa...** của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Tôi luôn luôn cầu mong sao cho đất nước mình được bình an, người Việt Nam mình biết thương yêu nhau, không còn chém giết nhau nữa.

Tôi thấy ông nuôi trong một cái lồng lớn một con mèo, một con chuột và hai con vật này đang chơi thân thiết với nhau. Tôi hỏi ông đạo Dừa:

- Cái chuyện này nói lên điều gì?

Ông trả lời:

- Con mèo vốn ăn con chuột, con chuột vốn sợ con mèo. Chúng nó là loài vô tri, thế mà mình tập cho chúng nó ở với nhau, thương yêu nhau còn được thì huống chi là con người? Chúng ta là người Việt Nam với nhau, trong khi mình có trí khôn mà mình lại chém giết nhau, vậy thì có khi mình còn thua cả con vật nữa là đằng khác.

Câu nói của ông đạo Dừa chứa đầy cay đắng và vô cùng thấm thía.

Đến năm **1975**, tôi rất mừng vì chiến tranh không còn trên đất nước mình nữa, nhưng tôi cũng rất buồn là những người quen biết của tôi, anh em bà con của tôi phải đi học tập cải tạo... khi đó mới biết ở trong trại cải tạo thì với một chút đồ ăn hay chút mắm ruốc, cũng là một niềm vui cho những người ấy vì họ thiếu thốn đủ mọi thứ và rất là đói khát..

Như vậy kể từ năm **1975** cho tới bây giờ tôi sống trong xã hội chủ nghĩa.

Chúng tôi cũng hiểu lý do là tại sao có biết bao nhiêu người đi vượt biên. Hễ bị bắt là đi tù, mà chạy trốn là bị bắn chết. Biết bao nhiêu người bị chết trên biển vì muốn đi tìm một cuộc sống khác mà người ta gọi là *cuộc sống tự do*. **Ngày đó đi vượt biên bị xem như là tội phản quốc, nhưng bây giờ những người Việt kiều lại được coi là “khúc ruột”**. Thật quá mỉa mai...

Tôi nghe nói có nhiều người thuộc nhiều nước, nhiều màu da đang sinh sống làm ăn ở nước ngoài như: người Mỹ, người Ấn Độ, người Mễ... nhưng chỉ có người Việt Nam là thường xuyên giúp đỡ cho người thân của mình ở trong nước. Điều này làm cho tôi cảm thấy được an ủi nhiều.

Trong những năm gần đây, nhất là thời của ông tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, đã đề xướng một cuộc đổi mới cho đất nước này. Đổi mới hay là chết? Ông cũng có những bài viết mà tôi rất thích, đó là loạt bài: **Những việc cần làm ngay**. Tôi cũng nghĩ rằng những điều đổi mới đó tuy chưa được như ý chúng ta muốn, nhưng cũng làm cho lòng chúng ta bình an hơn khi được là một công dân trong đất nước mình, là một người có tôn giáo và là một người có chức sắc trong tôn giáo của mình.

Kể từ khi tôi đi tu vào năm **1955**, cho tới bây giờ đã **56** năm, và làm Linh Mục gần **40** năm. Tôi sống qua 4 đời Giám Mục khác nhau trong Giáo Phận Kontum của tôi.

*** ĐGM Phaolô Kim (Paul Seitz) - người Pháp**

Là vị giám mục đầu tiên mà tôi quen. Ngài rất thương đất nước Việt Nam và đồng bào Việt Nam. Chắc

chấn một điều là Ngài cũng rất thương người dân tộc thiểu số Tây Nguyên, mặc dù Ngài không biết nói tiếng của người dân tộc như các vị Linh Mục khác, nhưng Ngài có nhiều chương trình rất cụ thể để giúp đỡ cho người nghèo, cho người dân tộc thiểu số và giúp đỡ cho người VN.

Nhưng tháng 8 năm 1975 thì Ngài đã bị trục xuất ra khỏi nước VN cùng với một số Linh Mục và các tu sĩ người nước ngoài khác, lúc đó những vị này đang làm việc tại Giáo Phận Kontum.

* Sau đó là ĐGM **Alexi Phạm Văn Lộc**.

Đức Cha Phạm Văn Lộc là người Huế, gốc Quảng Bình. Ngài là một người rất thông minh. Ngày trước tôi là học trò của Ngài. Ngài đã dạy chúng tôi không những là về văn hóa, mà còn dạy chúng tôi làm người con của Chúa. Sống với đồng bào nghèo là phải sống như thế nào? Chính lòng yêu thương người nghèo của Đức Cha Alexis Phạm Văn Lộc là tấm gương tốt cho tôi sau này khi tôi làm Linh Mục.

Ngài luôn luôn chu đáo hết mọi việc, từ viên thuốc đến cái áo cho người nghèo. Sống trong Chung Viện Ngài cũng rất thương yêu chủng sinh chúng tôi. Bao nhiêu học trò của Ngài ở khắp năm châu bốn bể, mỗi lần về nước cũng tìm lên Kontum thăm Ngài. Bây giờ Ngài đã hơn 90 tuổi nhưng vẫn còn sáng suốt minh mẫn, vẫn còn nói chuyện một cách dí dỏm, hài hước nữa.

Tôi nhớ năm 1975 từ Đà Lạt về Kontum thì Ngài là Giám Mục không có xe hơi, không biết đi xe Honda mà toàn là đi xe đạp. Tôi hay chở Ngài đi chỗ này chỗ kia bằng xe Honda của tôi. Vì Ngài ở Kontum từ năm 1941 cho nên Ngài quen biết rất nhiều người và nhiều người cũng biết Ngài, kể cả người ngoài Công Giáo, nên đi tới

đâu người ta cũng chào hỏi Ngài. Có một lần đi ngang chợ, người ta chào Ngài, tôi nói chơi với Ngài:

-Trời ơi! Mình mới ở Đà Lạt về, đi ra ngoài đường ai gặp mình cũng chào, thích thật!

Ngài vỗ vai tôi và nói:

- Để ta kể cho chú mày nghe câu chuyện này: *có một ông quan, ông ta cười một con ngựa ra ngoài đường, người ta chào ông quan mà con ngựa nó tưởng là chào nó, nó khoái chí...*

Tôi tức cười quá và nói đùa:

- Đức Cha mà nói thêm nữa là con bỏ Đức Cha xuống đất liền đó.

Ngài cũng cười và bảo:

- TỰ CHÚ MÀY NÓI TRƯỚC THÌ TỚ MỚI NÓI CHỨ.

Tôi công nhận Ngài rất thông minh và dí dỏm.

* Năm **1995**, là ĐGM **Phêrô Trần Thanh Chung**.

Ngài là người Quảng Nam, luôn luôn bảo vệ *Mi Quảng là ngon nhất*, còn tôi thì: *bánh tráng Bình Định là ngon nhất*. Đức Cha Chung rất là đơn sơ và sống đời nghèo khó. Ngài thường nói:

- Tôi không làm gì có tiền để cho các Cha. Các Cha làm lễ chỗ này chỗ nọ, nếu có ai xin lễ thì các Cha cứ giữ lại để giúp cho người nghèo.

Thỉnh thoảng Ngài có tiền xin lễ ở nơi này nơi kia... mỗi khi được khảm khá một chút thì Ngài chia cho các Cha ở vùng sâu vùng xa để các Cha có điều kiện sinh sống tốt hơn.

Đến năm Ngài tròn 75 tuổi thì Ngài xin về hưu.

* ĐGM **Micae Hoàng Đức Oanh**.

Ngày **28 tháng 8 năm 2003** Đức Cha Oanh thay thế Đức Cha Chung lên làm Giám Mục. Đức Cha Oanh có nhiều chương trình, Ngài rất biết nhìn xa. Thời của Ngài làm Giám Mục thì tương đối có nhiều đổi mới, nghĩa là có nhiều sự dễ dàng hơn trong vấn đề tôn giáo. Ngài đã mời các nơi như: các dòng tu cũng như các Linh Mục, các nữ tu đến với Giáo Phận Kontum để giúp các công việc mục vụ ở trong Giáo Phận.

Tôi có một nhận xét về điều này là:

Bốn vị đều là Giám Mục của tôi trong thời gian tôi làm Linh Mục, thì cả bốn vị đều thương yêu và lo lắng cho các Linh Mục của mình: từ sức khỏe cho tới đời sống tinh thần... Mỗi vị giám mục thương yêu Linh Mục của mình một cách dù rằng không giống nhau. Tôi luôn luôn biết ơn các Giám Mục của tôi.

4 .

GIÁO HỘI VIỆT NAM LOAN BÁO TIN MỪNG CHO AI ?

Tôi làm Linh Mục gần 40 năm. Tôi rao giảng Lời Chúa cho những người đã biết Chúa. Các bài giảng trong các Thánh lễ, các bài dạy giáo lý cho các em nhỏ, các khóa hôn nhân, các đoàn thể lập ra trong giáo xứ cũng là cho những người đã biết Chúa.

Bởi vì thế mà tôi chưa thấy được một chương trình nào đưa ra để loan báo Tin Mừng cho những người chưa biết Chúa.

Mà mệnh lệnh của Chúa là đi loan báo Tin Mừng cho muôn dân, nhất là loan báo Tin Mừng cho những người chưa biết Chúa.

Giáo Hội Việt Nam chúng tôi có một ban gọi là **Ban Loan Báo Tin Mừng**, có một Giám Mục làm chủ tịch. Khóa trước là Giám Mục Kontum chúng tôi làm chủ tịch ủy ban Loan Báo Tin Mừng. Nhiệm kỳ này Đức Giám Mục Phát Diệm: là Đức Cha Năng làm chủ tịch ủy ban Loan Báo Tin Mừng, thế nhưng vẫn chưa thấy có một chương trình cụ thể nào được đưa ra để làm công việc loan báo Tin Mừng cho những ai chưa biết Chúa.

Trong đời sống Linh Mục của tôi, lẽ dĩ nhiên tôi phải rao giảng lời Chúa cho giáo dân của mình, cho những người có đạo: Thứ nhất: là chăm sóc linh hồn người ta. Thứ hai: là nuôi đời sống đức tin của họ. Đó là 2 điều cần thiết. Lo dạy giáo lý cho trẻ em, cho các khóa hôn nhân, cho các tổ chức, đoàn thể cũng là điều cần thiết. Nhưng chỉ dành cho người có đạo mà thôi.

Thỉnh thoảng tôi cũng có nói về Chúa trong các Thánh lễ an táng, vì lúc đó có nhiều người không Công Giáo tới dự lễ cầu nguyện cho những người bạn của mình là Công Giáo đã qua đời. Nhân dịp này tôi nói về Chúa, về ý nghĩa sự sống và cái chết. *Chết là đi về đâu? vì tôi nghĩ người Việt Nam đều tin rằng chết là chưa hết.* Ở Việt Nam có đạo thờ kính ông bà tổ tiên đã cho chúng ta thấy rõ điều này. Sau công đồng Vaticanô thứ II thì Giáo Hội cho phép người Công Giáo kết hôn với người khác tôn giáo hoặc không có tôn giáo. Những dịp như thế tôi luôn tìm cách tổ chức lễ Hôn Phối sao cho trang trọng và cố gắng trình bày cho những người ngoài Công Giáo hiểu được giá trị của Bí Tích Hôn Nhân, giá trị của đời sống vợ chồng, bổn phận của cha mẹ đối với con cái, tổ chức hôn phối cho người khác tôn giáo. Tôi nhận xét: những người ngoài Công Giáo cũng rất thích và thán phục khi nghe nói về ý nghĩa hôn nhân của Kitô giáo.

Nhưng mà thỉnh thoảng mới có những dịp quý báu như thế. Còn như có ***một chương trình, một kế hoạch cụ thể nào đó để loan báo Tin Mừng cho những người ngoài tôn giáo thì chúng ta chưa thấy.*** Giáo Hội ở Việt Nam nên lưu ý đến việc này.

Tôi quen biết với một Linh Mục ở tỉnh Bình Định, Ngài đã ở gần 20 năm nơi xứ đó và Ngài cũng cho biết là

không có người nào tòng giáo, chỉ thỉnh thoảng có người ngoài Công Giáo theo đạo để cưới vợ hoặc lấy chồng, thì mới học đạo mà thôi.

Về việc loan báo Tin Mừng cho lương dân thì chúng ta phải học nơi anh em Tin Lành. Chuyện kể rằng ở Hồng Kông người ta in những cuốn sách rất đẹp để hướng dẫn khách du lịch đến Trung Quốc, và ở cuối cuốn sách đó thì họ có in một số đoạn Tân Ước bằng tiếng Hoa. Họ tặng cho những du khách vào Trung Quốc, với điều kiện là khách du lịch đó không được đem cuốn sách này ra khỏi Trung Quốc, mà phải để lại: hoặc là trong khách sạn, trên xe lửa hay là bất cứ một chỗ nào có nhiều người nhìn thấy. Vì họ tin rằng với một cuốn sách đẹp như thế, thì người nào cũng muốn lật ra xem, và sau cuốn sách đó có những trang Lời Chúa. Họ đã rao giảng lời Chúa tốn kém đến như vậy. Chúng ta chưa thấy như thế trong Giáo Hội Công Giáo Việt Nam chúng ta.

Tôi cũng có nghe nói rằng các Mục Sư Tin Lành hay đi trên các chuyến tàu Bắc Nam từ Hà Nội đến Sài Gòn. Khi các Mục sư đó lên tàu, ngồi bên cạnh ai thì nói về Chúa Giêsu cho người đó biết, họ còn tặng sách viết về Chúa cho những người thích nghe, thích biết, thích hiểu, nhưng nếu gặp ai không thích nghe, thì họ sẽ tìm người khác để nói. Như thế là họ có những thao thức đi loan báo Tin Mừng của Chúa Giêsu cho những người chưa biết Chúa. Điều đó tôi cũng không thấy chúng ta có chương trình nào để đào tạo cho giáo dân của mình được như vậy.

Đạo Công giáo của mình thường thì lo xây dựng nhà thờ cho thật hoành tráng, các cơ sở trong nhà xứ sao cho bề thế, hơn là lo lắng cho công việc đi rao giảng Tin Mừng bằng đồng tiền của chúng ta. Chúng ta hay tổ chức

lễ lạc, tổ chức rước kiệu trọng thể, tổ chức những lễ hội này, lễ hội kia thật long trọng, thế nhưng chúng ta chưa có một chương trình nào để đi loan báo Tin Mừng cho những người chưa biết Chúa.

Tôi nghe nói ở Hàn Quốc các tín hữu mỗi năm phải ra sức làm sao mà nói về Chúa cho một người chưa biết Chúa, để người đó được biết Chúa và dẫn đưa họ đến Bí Tích Thánh Tẩy. Thế mà Kitô hữu Việt Nam cũng chưa hề nghĩ đến việc này.

Giáo dân Việt Nam chúng ta hay giữ đạo hơn là sống đạo. Chúng ta đi lễ ngày Chúa Nhật và chúng ta coi như thế là đã giữ đạo. Khi đi lễ ngày Chúa Nhật, có người lại thích đi cho nhanh, có những người thích đứng ở ngoài hè, thậm chí có nhiều nơi ở Sài Gòn, tôi thấy người ta ở ngoài sân ngồi trên xe Honda mà dự lễ!

Tôi nghĩ chúng ta chưa sống đạo để loan báo Tin Mừng cho người khác. Ta không thể cho người khác cái điều mà ta không có. Mong sao Giáo Hội Việt Nam đưa ra những kế hoạch cụ thể để vận động người tín hữu của mình biết thực hiện mệnh lệnh của Chúa Giêsu, là đi rao giảng Tin Mừng cho anh em. ***Tin Mừng của chúng ta đó chính là Chúa Giêsu.***

Ở địa phận Kontum thì chúng tôi thấy điều này: Chúng tôi có cảm tưởng giáo dân người dân tộc siêng năng đọc Lời Chúa hơn giáo dân người kinh. Tôi thấy các Cha Dòng Chúa Cứu Thế, các Cha Dòng Phanxicô, cũng như nhiều Cha khác trong địa phận, cứ hằng tuần là tập trung người Dân Tộc lại một ngày từ sáng cho đến chiều, để cho người dân tộc học hỏi lời Chúa.

Và người dân tộc là những người hay dẫn thân đi tới các làng dân tộc khác để cầu nguyện chung với những

người chưa biết Chúa, nói về Chúa cho anh em dân tộc của mình nghe, điều này thì người dân tộc hơn hẳn người kinh chúng ta. Cũng có thể người dân tộc làm nghề tự do nên dễ dàng thu xếp thời giờ của mình, dành ra một ngày trong tuần để học hỏi lời Chúa, hơn là người kinh ngày nào cũng lu bu công việc này, công việc nọ mà không có thì giờ rảnh rỗi, đến nổi ngày Chúa Nhật cũng ít khi chịu thu xếp thời giờ đi lễ cho trọn vẹn, huống chi là đi học Loan Báo Tin Mừng để rao giảng cho người khác !

Tôi thấy tổ chức những buổi học hỏi về giáo lý thì người dân tộc đi dự nhiều hơn. Những khóa học hỏi loan báo Tin Mừng năm ba ngày hay một tuần thì người Dân tộc cũng đăng ký học nhiều hơn người kinh.

Vì thế mà trong lãnh vực này, tín hữu người Công Giáo Việt Nam chúng ta cần phải học hỏi nơi người anh em Tin Lành, cũng như tín hữu người kinh ở địa phận Kontum thì phải học hỏi nơi tín hữu người dân tộc. Người dân tộc nghèo hơn chúng ta nhưng họ sống Lời Chúa và rao giảng Lời Chúa hơn người kinh chúng ta nhiều.

Tôi biết chuyện của một người dân tộc, tôi xin kể cho mọi người nghe:

Anh ấy tên Thìn, là một Đảng viên của Đảng Cộng Sản, đi tập kết ngoài Bắc khi còn nhỏ. Trở về địa phương của mình anh được làm ở ban Nhà Đất xã, anh hay nghe chương trình Tin Lành của đài Chân Lý Á Châu nói về Chúa Giêsu bằng tiếng Jarai. Vì được nghe nói nhiều về Chúa Giêsu, nên anh muốn tìm hiểu đạo của Chúa. Lúc đó đạo Tin Lành chưa được hoạt động trong tỉnh Gia Lai. Anh hỏi về Chúa Giêsu nơi những người Công Giáo và người ta nói:

- Bây giờ nếu anh muốn theo đạo Giêsu thì anh nên đến gặp cha Đông ở Pleiku, như vậy sẽ dễ dàng hơn.

Thế là anh đã đi từ nhà anh tới nhà tôi khoảng trên 20 cây số, anh đã gặp tôi và nói với tôi rằng:

-Tôi muốn theo đạo của cha, tôi muốn biết về Chúa Giêsu.

Từ đó mỗi Chúa nhật anh đều đến nhà thờ Đức An của tôi để học giáo lý và đi lễ. Tôi nhờ các nữ tu giúp đỡ cho anh vì anh nói tiếng kinh rất rành. Có một điều làm cho tôi ngạc nhiên là mỗi Chúa nhật anh chỉ đi học một buổi thôi, mà cả tuần anh dạy lại cho làng của mình. Những ai muốn nghe anh nói chuyện thì tập trung tới nhà của anh. Vì điều này mà anh chịu nhiều thiệt thòi như: anh mất thẻ Đảng viên, anh mất luôn chức nhà đất xã, là một chức vụ mà bao nhiêu người mong muốn.

Nhiều lần người ta vô tận nhà anh để lục soát những bài học giáo lý bằng tiếng Jarai, sách Tin Mừng, ngay cả báo Công Giáo và Dân Tộc tôi tặng cho anh, tất cả cũng đều bị tịch thu.

Có lần tôi bảo anh:

- Anh giấu đi chớ, để như vậy thì tôi không có đủ sách mà cung cấp cho anh đâu.

Lần đó thì anh đã giấu. Người ta tra hỏi anh:

- Tài liệu đâu?

- Giấu rồi.

Và anh đã bị đánh một bạt tai vì tội coi thường chính quyền, coi thường cán bộ.

Tôi hỏi:

- Tại sao anh lại nói với họ là anh giấu rồi?

Anh trả lời rất thật thà đơn sơ:

- Cha bảo con giấu thì con nói là giấu chớ!

Rồi anh âm ức nói với tôi:

- Con tức ghê lắm Cha, ngày trước nó là cấp dưới của con mà bây giờ nó đánh con, con muốn đánh lại nó nhưng mà con nghĩ Chúa Giêsu đã dạy rằng: ***nếu ai vả má của con bên này, thì con đưa luôn má bên kia cho nó đánh***. Con nói với nó: Chúa Giêsu dạy tao như thế. Mày đánh tao nữa đi, còn má bên này nữa.

Người kia bèn đánh tiếp anh ta một bạt tai nữa làm anh ngã nhào xuống đất luôn. Anh âm ức kể tiếp:

- Con tức lắm, con muốn đánh nó rồi bỏ làng đi cũng được (vì gần biên giới Campuchia). Nhưng mà con nghĩ Chúa Giêsu nói với Thánh Phêrô là: ***không phải tha 7 lần mà phải tha 70 lần 7***, nghĩa là tha luôn luôn, nên con nói với anh ta rằng:

- Chúa Giêsu dạy tao phải tha, nhưng mà mày phải đi ra khỏi nhà tao, tao mới tha, nếu mày mà còn ở đây thì tao không tha cho mày được đâu. Thế là những người kia đi về.

Rồi chừng 2, 3 ngày sau gì đó. Anh ta đến nhà tôi, đi theo anh có 4 người nữa. Hôm đó trời lạnh, tôi đang ngồi trên bậc tam cấp trước nhà. Tôi thấy anh đưa cho tôi một tờ giấy viết như thế này: "***Kiện cán bộ đánh dân***", vì anh là Đảng viên, anh biết rõ cán bộ không được đánh dân. Anh kê cho tôi nghe chuyện cán bộ đánh anh tức là đánh dân, anh đứng tên trong tờ giấy kiện và những người đi chung với anh cùng ký tên là ***chứng kiến cán bộ đã đánh dân***.

Tôi hỏi anh:

- Anh Thìn à, bữa trước là anh nói anh tha hay là anh nói anh kiện? Nếu anh tha tức là anh muốn điều tốt cho người khác, vì ***Chúa dạy chúng ta phải tha thứ*** .

Nhưng mà anh muốn kiện là anh muốn điều xấu cho người ta, thì tôi lấy tờ giấy kiện này lên ban tôn giáo tỉnh, tôi sẽ đưa cho họ để họ biết là cán bộ đánh anh.

Anh ta làm thình một lúc, sau đó anh bảo tôi cho anh ta lại tờ giấy đó. Tôi tưởng anh làm cái gì, không ngờ khi anh coi lại tờ giấy đó xong thì anh vò nát nó.

Anh nói:

-Thưa Cha! Con đã nói con tha thì con phải giữ lời là con tha cho người ta. Thôi Cha ơi! Bây giờ con tha, con không có đi kiện nữa.

Tôi bảo:

- Thôi, chúng ta vào nhà thờ cầu nguyện đi.

Bốn năm người chúng tôi cùng nhau vào nhà thờ, trước bàn thờ chúng tôi cầu nguyện:

"- *Lạy Chúa, Chúa đã dạy cho chúng con biết được Giáo Hội của chúng con là như thế: Bắt đầu là Chúa. Chúa cũng bị đánh đập, Chúa cũng bị giết chết. Giáo Hội chúng con hơn 2.000 năm nay lúc nào cũng bị bắt bớ, bị giết chết và suốt trong lịch sử hơn 2.000 năm của Giáo Hội đều như thế cả. Giáo Hội Việt Nam chúng con trong 300 năm qua có hàng trăm ngàn người cũng đã chết vì muốn giữ vững đức tin của mình. Nên xin Chúa cho chúng con chấp nhận những cái **bạt tai**, mà chúng con bị sỉ nhục vì đức tin của mình*".

Và những anh dân tộc cũng thì thãm cầu nguyện. Họ cầu nguyện bằng tiếng Jarai nên tôi không hiểu.

Hôm đó tôi bảo với họ:

- Trưa rồi ở lại ăn cơm với Cha cho vui. Ăn cơm thì chỉ có mì ăn liền thôi. Cơm thì cũng chả còn bao nhiêu.

Trong bữa cơm đó anh Thìn đã đứng lên nói:

- Thừa Cha, bây giờ con cảm thấy hạnh phúc lắm Cha à! Vì con đã **THA** rồi. Cách đây mấy ngày cho tới bây giờ là con còn căm tức lắm, bởi vì con đâu có làm điều gì xấu mà phải bị đánh chớ? Mà cha biết không... đánh con rồi mà còn bắt con phải nộp phạt 200.000 đồng nữa chớ, vì cái tội là con đã tập trung người bất hợp pháp. Hôm đó con viết kinh lạy Cha trên tấm bản bằng tiếng kinh để cho dân làng học thuộc và nếu có ai ra nhà thờ Đức An của mình đi lễ, thì chúng con cũng có thể đọc kinh chung với người Yuan (tức người kinh). Nhưng mà người ta bắt con phải vác tấm bản lên xã luôn. Trời ơi! Cha có biết không, chiều hôm đó con không ăn gì cả, con cũng không nộp phạt vì con không có tiền, nhưng nếu con có tiền thì con cũng không nộp phạt đâu, bởi vì con đâu có làm điều gì xấu mà phải nộp phạt. Con biết có nhiều người làm những điều xấu lắm mà sao, cũng không bị phạt. Con ở có một đêm mà bị muỗi cắn đầy người. Sáng bữa sau 8 giờ thì người ta bắt con phải nộp 200.000 đồng thì mới cho về. Nhưng mà con không có nộp, vì con không có tiền thì lấy gì để nộp? Rồi gần 10 giờ gì đó thì người ta cho con về. Trời nó sáng mà con cũng thấy nó tối, bởi vì con đói bụng. Con về nhà một người kinh có đạo mà con quen, con xin cơm ăn sau đó mới về được tới nhà, *bây giờ con cảm thấy hạnh phúc rồi, vì con đã tha thứ tất cả.. Con xin chấp nhận những đau khổ đó, cũng vì niềm tin của con. Xin Cha cho con học tiếp và xin Cha rửa tội cho con.*

Sau đó không lâu thì anh được rửa tội.

LOAN BÁO TIN MỪNG QUA VIỆC LÀM TỪ THIỆN

Tôi quan niệm rằng:

*Con đường đi đến để gặp gỡ anh em lương dân và những người nghèo khổ không phân biệt lương giáo là con đường **Bác Ái Xã Hội**, đó chính là con đường tốt nhất để đem Tin Mừng đến cho những người chưa biết Chúa.*

Tôi đi làm ở làng cùi, có những làng ban đầu không một người nào có đạo. Tôi cũng không lợi dụng vào việc giúp đỡ người cùi để mà truyền đạo cho người ta. Lúc đầu là làm một căn nhà cho người cùi, rồi sau đó làm nhiều căn nhà cho những người cùi khác trong làng, tuy không là bao nhiêu nhưng mà vẫn là nơi ấm cúng hơn cái chòi tranh của người ta. Rồi chỉ cho người ta biết cách trồng được cây cà phê, làm cho người ta có cái bồn nước để có nước sạch mà uống. Rồi dần dần... ví dụ như làng Hồ Long chẳng hạn, bây giờ làng có nhiều người được biết Chúa, hầu hết những người trong làng đã theo đạo. Tôi không bao giờ bảo người ta theo đạo, nhưng mà người ta thấy rằng: những người biết thương yêu lo lắng cho người ta thì người ta thương lại, và cũng vì lý do đó mà người ta muốn học để biết về Chúa, và họ đã được biết Chúa và tự nguyện theo đạo Chúa.

Tôi đến thăm một làng cùi ở một xã thuộc huyện ChukPrông, cách Pleiku 75 cây số. Ông bố là người bị bệnh cùi, người con là trưởng thôn, sau khi phát quạ này kia nọ xong, tôi làm dấu Thánh Giá bằng tiếng thượng và hỏi ông bố (tôi không nói mình là Linh Mục):

- Inh krao mat Yang Ba, Yang Kon, Yang Ai?... thế ở đây ông biết có ai làm như vậy không?

Ông ta nhìn tôi và nói:

- Mình cũng muốn biết lắm chứ nhưng mà không có đũa nào nó dạy mình hết.

Tôi nghĩ rằng chúng ta cần phải có một con đường cũng như có một kế hoạch. Theo kinh nghiệm cuộc đời tôi thì con đường đi đến với lương dân là con đường ***Bác Ái Yêu Thương***.

Các sơ trong địa phận Kontum chúng tôi họ cũng đi làm việc bác ái xã hội như: rửa chân và rửa những vết thương cho người cùi, tìm những đôi dép cho họ mang, dẫn họ đi chữa bệnh... vv... Nhiều khi người cùi sợ rằng nếu đi chữa bệnh thì con cái ở nhà không ai nuôi, vậy là các sơ nuôi con cái của họ, tìm người chăn giúp họ con bò... những điều đó đã đánh động lòng người, và những người như thế sau này cũng muốn học cái đạo của Chúa Trời để họ sống như các sơ đã sống.

Giáo Hội Công Giáo chúng ta phải có một con đường để đi đến với người lương dân, đó là con đường của Tin Mừng Tình Thương. Văn minh tình thương là văn minh của Đạo Chúa.

Tôi nghĩ như Mẹ Têrêxa Calcutta trở nên vĩ đại không phải vì Mẹ sáng chế ra định luật khoa học, hay Mẹ là hoa hậu của thế giới, hay là Mẹ có bằng cấp cao trong xã hội, nhưng Mẹ Têrêsa trở nên vĩ đại là từ những việc hèn mọn nhất mà Mẹ đã làm, những việc Mẹ làm thì ai ai cũng làm được, thế nhưng không ai chịu làm.

Tôi thường đem tấm gương của Mẹ Têrêsa ra để dạy dỗ cho các em thiếu nhi trong giáo xứ: *Những việc hèn hạ trước mặt người đời là những việc cao cả trước mặt Chúa Trời. Những việc Mẹ Têrêsa làm là những việc hèn hạ trước mặt người đời như: chăm sóc những người ở*

dưới gầm cầu, những người bị bỏ rơi, những người bị sida, những người đói khát, những người nghèo khổ...

Đất nước Ấn Độ vốn dĩ có thành kiến với đạo Công Giáo. Nhưng vì những việc mà Mẹ Têrêxa đã làm cho những người Ấn Độ nghèo. Vì thế mà năm **1997** khi Mẹ qua đời thì nước Ấn Độ tuyên bố Quốc tang và Quốc táng cho Mẹ Têrêxa. Linh Cữu của Mẹ được trang trọng đặt trên cỗ xe tang chỉ để dành riêng cho những vị nguyên thủ quốc gia khi qua đời.

Như thế Giáo Hội chúng ta muốn đem Tin Mừng đến cho những người nghèo khó, Tin Mừng cho người chưa biết Chúa, thì nhất định chúng ta phải đi bằng con đường ***Bác Ái Xã Hội***. Trước tiên là phải sống bác ái với nhau trong lòng Giáo Hội của mình, đồng thời phải sống bác ái với nhau trong gia đình của mình. Gia đình Công Giáo là gia đình sống hòa thuận yêu thương nhau, vợ chồng phải sống theo luật của Chúa dạy. Trong đời sống hôn nhân chỉ một vợ một chồng chung thủy với nhau cho đến suốt đời. Rồi con cái phải được dạy dỗ để trở nên người tốt.

Từ xưa người Việt Nam cho rằng những người Công Giáo đầu tiên là những người theo đạo Yêu Thương. Nếu chúng ta yêu thương nhau trong gia đình, yêu thương nhau trong làng xóm láng giềng của mình. Chúng ta yêu thương nhau không phân biệt lương hay giáo, thì nhất định con đường đó sẽ dễ đem Tin Mừng Tình Thương của Chúa Giêsu đến cho mọi người.

5 .

BẢO VỆ SỰ SỐNG, CHỐNG PHÁ THAI

Hôm nay tôi muốn nói đến vấn đề *Bảo Vệ Sự Sống, Chống Phá Thai*.

Tại sao tôi chôn cất các thai nhi và tại sao tôi lại xây mộ cho các thai nhi?.

Thành thật mà nói thì trời ban cho mỗi người chúng ta đều có khả năng tự vệ, ai cũng phải lo bảo vệ sự sống của mình. Tôi được nghe kể câu chuyện về một người quen của Đức Cha Lộc, lúc đó Ngài đang chuẩn bị đi Sài Gòn để chữa bệnh, thế rồi người quen của Ngài hỏi đùa Ngài cho vui:

- Đã làm Đức Cha mà cũng sợ chết, cũng lo đi chữa bệnh nữa sao?.

Đức Cha trả lời:

- Ông coi thử có cái con gì mà không sợ chết? Con gián trong xó nhà ông có sợ chết không? Ông rượt, ông giết nó, nó cũng chạy đi trốn mà. Con muỗi trong mùng của ông nó cũng sợ chết, ông bắt nó, nó cũng bay vì nó muốn trốn khỏi sự chết. Ai mà không sợ chết? Tôi đây cũng sợ chết chứ.

Có lẽ là nói chơi cho vui nhưng điều chắc chắn là ai cũng phải lo bảo vệ sự sống của mình.

Tại sao tôi chôn cất các thai nhi?

Năm **1992** khi Gia Lai và Kontum còn là một tỉnh, các y tá Công Giáo cho tôi biết một sự thật rất đau lòng: những người có thai đứa con thứ ba thì họ thường lên bệnh viện tỉnh để giết bỏ đứa con trong bụng mình. Vì ở xa (tỉnh Gia Lai hồi đó rất rộng, diện tích có đến 25.000 km²) cho nên có những người khi tới được bệnh viện tỉnh thì thai nhi đã lớn rồi, dù vậy họ cũng cứ phá bỏ. Tôi còn nghe nói là người ta đã xúm nhau giành giật những thai nhi đó mang về... có thể là để nuôi heo, cũng có thể là để cho chó ăn... v.v... vì họ tin những nhau thai rất là bổ. Nghe rằng sau đó có người gặp những chuyện không may vì những việc họ đã làm. Từ đó không còn ai dám lấy các thai nhi về nữa cho nên bắt buộc họ phải bỏ trong những giỏ rác của bệnh viện, rồi đem đổ vào hầm rác. Cứ năm bữa nữa tháng thì họ đốt hầm rác một lần, đôi khi mùi thịt cháy từ trong hầm bay ra khét lẹt! Có những cháu bé rất dễ thương, người ta áy náy vì không biết phải làm sao nên thôi thì cũng đành phải bỏ vào hầm rác. Họ đã kể cho tôi nghe như vậy để thử xem tôi có ý kiến gì không?

Tôi nói với người ta:

- Nếu vậy thì hãy đem đến cho tôi.

Từ đó người ta bắt đầu đem các thai nhi lớn đã có hình hài đầy đủ đến cho tôi. Tôi thấy các thai nhi nó nằm như là đang ngủ vậy, trông thật là dễ thương, tôi cứ nghĩ là cháu đang ngủ và tôi muốn đánh thức nó dậy... nhưng thật sự thì nó đã chết rồi. Tôi cảm thấy đau lòng quá nên ứa nước mắt. Bắt đầu từ đó tôi đã mua những cái quách nhỏ bằng sành để đặt các cháu nằm trong đó, trước khi tắm liệm chúng tôi cũng rửa ráy cho các cháu cẩn thận chu đáo, đàng hoàng, mặc dù lúc đó tôi cũng không biết phải chôn cất các cháu ở chỗ nào bây giờ?

Tôi thấy bên cạnh nghĩa trang của thành phố Pleiku có một triền đồi bỏ hoang, triền đồi đó Nhà Nước cấp cho bệnh viện để chôn cất những người chết ở bệnh viện mà không có thân nhân bên cạnh, bệnh viện sẽ chôn cất họ tại mảnh đất đó, có đề tên tuổi đằng hoàng, khi nào thân nhân tới nhận thì người ta sẽ đưa ra đó, chỉ chỗ cho họ. Các tù nhân chết ở trong tù cũng chôn tại đó. Vậy nên với các thai nhi, tôi cũng đem chôn tại đó luôn. Từ đó người ta truyền tai nhau rồi người ta đem tới cho tôi các thai nhi. Có khi là ban ngày, cũng có khi là ban đêm, và cho dù là ban đêm thì chúng tôi cũng đưa đi chôn cất.

Lúc đầu tôi nghĩ đó chỉ là một việc làm nhân đạo, vì nếu như mình có một đứa con hay một đứa cháu như vậy, thì mình cũng phải lo chôn cất tử tế. Cho nên tôi đã chôn cất các cháu như con cháu của mình vậy.

Có một lần tôi đề nghị với một dòng tu kia:

- Đất nhà mình rộng quá, mình có thể... Bởi vì trong nhà mình có 2 tới 3 ngàn cái chậu kiểng, cây cỏ thụ bứng chỗ này chỗ kia đem về trồng rất đẹp, mình cũng có thể chừa ra một chỗ nhỏ nhỏ để chôn cất các thai nhi nhỏ bé, nó chỉ chiếm một chút thôi, chỉ là một tấc đất thôi mà!

Nhưng thật đáng buồn khi tôi nghe câu trả lời:

- Đó là vấn đề của xã hội chớ đâu phải là vấn đề của chúng tôi.

Tôi tức lên và nói:

- Vấn đề xã hội là sao mới được chớ? Để tôi giải thích cho mà biết vấn đề của xã hội là như thế này: Ví dụ người ta có con chó nó bị chết, người ta ném vào trong vườn của mình, mình sợ nó thối nhà của mình rồi thối lây lan ra cả chòm xóm nữa, nên mình đã làm một nghĩa cử đẹp là mình đem chôn nó để cho mình cũng như... xã hội

khỏi bị thổi. Đó là vấn đề xã hội vì nó chỉ là một con chó hay con heo bị chết mà thôi. Nhưng đây là con người bị chết mà, rõ ràng thì đây không phải là vấn đề xã hội mà chính là vấn đề của **Tình Người** .

Tôi luôn nghĩ đây là vấn đề nhân đạo, nhưng dần dà tôi nghĩ đó không chỉ là vấn đề nhân đạo mà thôi đâu. Chúng ta là những người có đức tin, vậy thì đây: Chôn cất các thai nhi chính là vấn đề của đức tin. Tại vì sao? Bởi vì Thiên Chúa tạo dựng nên con người. Bác sĩ Alexis Carel có viết một cuốn sách, tiếc là vì lâu quá nên tôi đã quên tên cuốn sách đó, nhưng tôi luôn nhớ câu: "**Con người là một hữu thể không dò thấu được**". Nhất định ta phải tin rằng con người do Chúa dựng nên, đó là tác phẩm của Chúa. Chính Chúa đã tạo dựng nên hình hài của ta qua chín tháng mười ngày ở trong bụng mẹ. Ví như cha mẹ mình có làm ra một tác phẩm nào đó mà bị người ta phá bỏ đi, thì mình là con cái, mình có bổn phận phải lo phục chế nó lại, rồi còn phải bảo vệ nó, gìn giữ nó mặc dù người ta phá hỏng nó.

Vì con người là tác phẩm của Thiên Chúa, nhưng một khi người ta phá bỏ đi tác phẩm của Chúa, giết chết nó, thì những người có đức tin như chúng ta phải xem đây là vấn đề của đức tin.

Tôi lại nghĩ đến một điều nữa là: khi chúng ta học giáo lý thì *thân thể con người là đền thờ của Chúa Thánh Thần ngự trị; cho nên thân xác của thai nhi cũng là đền thờ của Đức Chúa Thánh Thần*.

Chúa cũng cho chúng ta biết thân xác con người sẽ sống lại như Chúa đã sống lại. Các thai nhi cũng là con người và chắc chắn các em cũng sẽ sống lại. Nên việc chôn cất các thai nhi cũng là vấn đề của đức tin.

Có một lần đi họp về chủ đề: "**Bảo Vệ Sự Sống**" của cả 26 Giáo Phận. Nhưng hôm đó chỉ có 25 Giáo Phận dự họp mà thôi. Chúng tôi được nghe báo cáo rằng: Việt Nam bây giờ cứ **6** giây là có một thai nhi bị giết. Theo bản báo cáo chính thức thì trong cả nước mỗi năm có từ **2.500.000** đến **3.000.000** thai nhi bị giết, bị phá bỏ trong bụng mẹ, còn nếu kể các bản báo cáo bán chính thức thì cũng có thể lên đến **4.500.000** đến **5.000.000** thai nhi bị giết chết mỗi năm.

Có một vị đại diện phát biểu rằng:

- Chúng tôi cũng chôn cất các thai nhi, nhưng cha xứ của chúng tôi nói rằng " chôn cất thai nhi là tiếp tay cho bọn phá thai", nên chi Ngài cũng không đồng ý lắm, vì vậy Ngài cũng không giúp đỡ.

Vị đại biểu khác là phụ nữ, bà lên tiếng phê bình:

- Cha sở đó không biết giáo lý.

Tôi hỏi bà:

- Tại sao bà cho rằng Cha sở đó không biết giáo lý?

Bà ấy trả lời:

- Rõ ràng thương người có 14 môi: thương linh hồn 7 môi, thương xác 7 môi. Trong 7 môi thương xác đó có việc chôn xác kẻ chết. Các thai nhi là kẻ chết, chúng ta phải lo chôn cất cho các thai nhi. Hội Thánh dạy chúng ta phải chôn xác kẻ chết. Chúng ta hãy nhớ lại chuyện ông Tôbia đã chôn xác kẻ chết nên Chúa thương ông, Chúa sai Sứ Thần dẫn con ông ta đi đòi được nợ, chữa được bệnh mù mắt, rồi còn cưới được vợ nữa... Chúa thương cho người biết chôn xác kẻ chết là như vậy.

Năm **1992**, tại Pleiku tôi bắt đầu công việc chôn cất các thai nhi. Cho tới bây giờ thì Nghĩa Trang Đồng Nhi Pleiku cũng được nhiều người biết đến. Sau một thời gian

tôi làm công việc chôn cất các thai nhi thì các chùa ở Pleiku có cử ban trị sự của chùa đến gặp tôi và nói với tôi như thế này:

- Chúng tôi rất cảm phục công việc của Linh Mục làm, chúng tôi muốn cùng chung tay với Linh Mục lo chôn cất các thai nhi, tuy nhiên chúng tôi ngại bị người ta nói là "theo đóm ăn tàn".

Tôi trả lời:

- Thế thì tôi rất lấy làm vui mừng khi các chùa cùng làm với chúng tôi. Vì như vậy các chùa, với các tín đồ của các chùa cùng góp phần để chúng tôi có điều kiện, có tiền nhiều hơn để lo cho công việc chôn cất các thai nhi...

Sau đó chúng tôi đồng ý với nhau như thế này:

- Bây giờ chúng ta cùng nhau làm, vì là khác tôn giáo cho nên nghĩa trang đồng nhi của chúng ta không để một biểu tượng nào của tôn giáo.

Có một điều làm tôi rất cảm kích, ấy là cứ đến lễ Noen lại có nhiều người, kể cả bên chùa cũng lên làm hang đá ở Nghĩa Trang Đồng Nhi. Rồi đến những ngày rằm, ngày mùng một, đặc biệt là rằm tháng 7, ngày Trung Thu, ngày gần Tết thì các chùa và các Phật Tử đều lên cầu siêu ở nghĩa trang Đồng Nhi rất đông, họ khẩn điều này, xin cái nọ... vì họ tin rằng vong linh của các thai nhi rất linh thiêng.

Từ năm **1992 đến năm 1995** chúng tôi chưa xây mộ cho các cháu. Rồi một hôm tôi đi chôn người chết là giáo dân của tôi, thường thì tôi đi bằng xe Honda lên trước vì xe tang đi chậm hơn. Tôi muốn dành thì giờ chờ đợi đó để thăm mộ các cháu.

Hôm đó tôi thấy có hai cái mộ mới nằm sát đường đi, mấy cây chân nhang cắm trên mộ còn mới, cỏ còn

xanh, hai nắm mộ đó chôn có vẻ sơ sài, cầu thả, tôi bèn sửa sang lại hai nắm mộ đó. Thường thì khi chôn, chúng tôi chôn đang hoàng, đào sâu xuống đất. Còn nếu người ta đem đi chôn thì chôn rất cạn, tiện đâu thì họ đào lỗ chôn đó, không có hàng lối gì cả. Tôi thấy trong lớp cỏ xanh có kiến bu, tôi vạch cỏ ra và thấy có một thai nhi nữa nhưng không được chôn, chỉ lấy cỏ phủ lên mà thôi, tôi đau lòng lắm. Sau khi chôn xác người lớn xong rồi, tôi nói với ca đoàn:

- Cha nhờ chúng con một chút, chúng con mượn cho Cha một cái cuốc.

Rồi chúng tôi cùng chôn cất cháu.

Vì thế nên tôi quyết định xây mộ cho các cháu.

Tôi đi gặp ông Tư Sang là người quản lý nghĩa địa thành phố, trình bày với ông ý muốn của tôi, ông đã đồng ý, nhưng tôi không biết là có bao nhiêu cái mộ. Ông Tư Sang nói rằng sẽ đếm và đếm cọc từng cái mộ để làm dấu cho tôi xây. Tôi đi gặp thợ hồ và nói ý của tôi, họ đến xem và tính mỗi mộ cần đến 24 viên gạch, xây cái nắm mộ như là cái bụng của mẹ, có một cái lỗ để cắm nhang và quét vôi trắng, người ta cho tôi biết giá là 50.000 đồng một mộ.

Ngày Chúa Nhật tiếp theo tôi nói với giáo dân của tôi trong nhà thờ:

- Tôi sẽ xây mộ cho các em Đồng Nhi, nếu tôi có tiền thì tôi sẽ tự xây... nhưng tôi cũng chẳng biết có bao nhiêu ngôi mộ. Nếu tôi thiếu tiền thì tôi xin anh em giúp đỡ cho tôi để tôi có tiền xây mộ cho các cháu... cũng như mình xây mộ cho con mình vậy đó mà. Tôi sẽ gửi thư tới cho anh chị em.

Đó là năm 1995.

Vậy là ngày thứ hai chúng tôi bắt đầu công việc xây mộ cho các cháu, còn ông Tư Sang thì cũng bắt đầu cắm cọc trên những ngôi mộ nhỏ đó. Chỗ nào có cắm cọc thì chúng tôi được xây mộ, nhưng nhỏ nhỏ thôi: một bề là 1,2m, một bề là 8 tấc. Đến thứ tư mà ông cắm cũng chưa xong. Ngày thứ năm tôi lên nghĩa trang Đồng Nhi thì ông bảo:

- Thưa Cha tôi cắm xong hết rồi, có khoảng 840 mộ

Tôi tính chi phí xây một cái mộ là 50.000 đồng, vậy 840 mộ phải tốn hơn 40.000.000 đồng... như thế là ngoài khả năng của tôi. Tôi bèn nói với các cháu: "*Cha sẽ viết thư thay cho các con để xin tiền xây cho các con mỗi đứa một năm mộ như cái nhà của mình, bởi vì không lẽ tao xây cho đứa này cái nhà, còn đứa kia vì không có tiền mà tao bỏ không xây cho nó cái nhà sao đành. Chúng con hãy cầu nguyện cho Cha*".

Tuần nào vào tối thứ năm thì giáo xứ chúng tôi cũng có giờ Châu Thánh Thể. Nhưng tối thứ năm đó, sau khi Châu Thánh Thể xong thì bị cúp điện. Tôi phải thắp đèn dầu và viết thư dùm cho các cháu. Thư viết là:

Âm phủ không ngày, không tháng, không năm.

Kính gửi những người đang được quyền sống.

Kính gửi ông bà nội, ngoại, cô bác, cậu dì của con,

Kính gửi ba má mà chưa một lần con được thấy mặt.

Xin hãy thương con và cho con một năm mồ.

Xin hãy thay ba con thương con,

Xin hãy thay má con thương con.

Ba ơi! Ba đừng chối bỏ con mãi mãi.

Má ơi! Má hãy thương con, dù chỉ một lần thôi thì con cũng được an ủi lắm vậy!

Xin cho con một năm mồ và gửi về cho cha Đông, nhà thờ Đức An- Pleiku.

Tôi in rõ ngoài bì thư: **Xây Mộ Đồng Nhi**

Tôi nói với các em trong ca đoàn giáo xứ:

- Ai ở đường Đinh Tiên Hoàng, ai ở đường Hoàng Văn Thụ, đường Vũ, ai ở đường Quyết Tiến, đường Nguyễn An Ninh... Ai biết gia đình nào là người Công Giáo thì chúng con hãy đem thư này đến gửi cho nhà đó. Nếu có người ở nhà thì chúng con đưa tận tay, còn nếu không có người ở nhà thì chúng con đẩy thư này vào dưới cửa nhà họ, thế nào người ta cũng nhận được.

Một chuyện thật lạ lùng đối với tôi hồi đó là không chỉ có người Công Giáo mà có cả người ngoài Công Giáo nữa, đã gửi tiền cho tôi và tôi có trên 40 triệu để xây mộ cho các cháu. Điều này cũng làm cho tôi nghĩ về các cháu, tôi cảm thấy như các cháu đang sống ở bên tôi vậy.

Từ năm **1995** cho đến giờ thì chúng tôi đã xây được hơn 15.000 ngôi mộ. Cảm ơn Chúa vì đã có nhiều người góp phần xây mộ cho các cháu, những người chôn cất, xây mộ và chăm sóc mộ ở nghĩa trang đồng nhi là những người Phật Giáo: như bà cụ Tâm mà chúng tôi hay gọi là bà ngoại, hằng ngày bà tới ở đó để lau chùi mộ phần của các cháu và những người như: ông Phụng, ông Lễ hằng ngày vẫn túc trực ở đó, các ông đã gom, lượm xác các thai nhi, rồi đưa về chôn cất và xây mộ cho các cháu.

Câu chuyện nó là như vậy. Chôn cất hay xây mộ cho các thai nhi, tôi nghĩ đó không chỉ là vấn đề **Nhân Đạo** mà còn là vấn đề của **Đức Tin** nữa.

Chương trình **Bảo Vệ Sự Sống** không phải chỉ đi chôn cất thai nhi hay xây mộ cho các cháu, mà nó còn là một vấn đề khác quan trọng hơn nhiều, đó là phải **bảo vệ các thai nhi đang còn trong bụng mẹ**.

Một lần kia tôi đi làm lễ trong làng dân tộc, tôi không nhớ rõ là năm nào, tôi thấy có một thiếu nữ người dân tộc khoảng 16, 17 tuổi lên rước lễ. Nó choàng một cái khăn theo kiểu người dân tộc. Mặt mày nó tái mét, hai con mắt thì trắng bệt, nó nhìn tôi, tôi nói bằng tiếng Thượng: "Akâu bok Kiritô" - Mình Thánh Chúa Kitô - Nó thưa Amen và cứ nhìn tôi. Tôi cho nó rước lễ và thấy trong nách nó, lộ ra ngoài cái khăn choàng là đứa con của nó. Đứa bé cũng nhìn tôi và tôi thú thật một điều là cái mặt của đứa bé như mặt con khi con vậy, nó xanh xao, trơ xương, mắt mở to đầu đầu nhìn tôi không chớp. Tự nhiên tôi đâm ra nghĩ ngợi: "*Tôi là Linh Mục, mẹ con em đó là giáo dân của tôi... chút nữa đây lễ xong rồi tôi sẽ nói với nó: Lễ xong chúc anh chị em về bình an. Ai về bình an? Tôi về bình an hay nó về bình an?*".

Lễ xong tôi nhờ một nữ tu cùng đi với tôi dự lễ hôm đó, tôi bảo:

- Sơ hãy ra ngoài tìm một em bé như thế... như thế... (tôi diễn tả con bé đó cho sơ).

Sau đó tôi được biết câu chuyện là như thế này:

Trong thời gian người ta làm đường dây điện cao thế 500kw đi qua gần làng đó, thì có anh chàng kia người kinh đã dụ dỗ nó rồi làm cho nó có thai. Nó có thai nhưng mẹ nó rất nghèo nên trong suốt 9 tháng 10 ngày thai nghén nó bị đói triền miên. Mẹ mang thai mà không đủ cái ăn thì nhất định là con bị suy dinh dưỡng rồi. Nay thì con nó gần 10 tháng tuổi. Nó nói rằng nó không có một

giọt sữa nào gọi là sữa mẹ để cho con bú, đồng thời nó cũng không có tiền để mua cái gọi là sữa cho con nó uống. Nó chỉ nấu nước gạo cho con uống mà thôi!

Lẽ dĩ nhiên là chúng tôi cứu được người mẹ, cho ăn uống tử tế, còn đứa nhỏ thì chúng tôi cho uống sữa, lúc đó có sữa Dielac. Nhưng đau lòng là đứa con của nó không sống được, nó chết vì quá suy dinh dưỡng chỉ vì người mẹ quá nghèo, mang thai con mà không có gì để ăn...

Ngay ngày hôm đó tôi quyết định:

Chúng ta cần phải có một chương trình nào đó thiết thực để giúp đỡ cho các bà mẹ mang thai mà quá nghèo. Như thế mới gọi là Bảo Vệ Sự Sống.

Cho nên tôi lập ra một chương trình lấy tên là ***Bảo Vệ Sự Sống***, cũng là để giúp đỡ các bà mẹ nghèo đang mang thai.

Nếu tôi nhớ không lầm thì lúc đó gạo có giá là 3.000 đồng 1 kilôgam. Tôi có ban Phát Triển Phụ Nữ, trong đó người kinh có, người dân tộc thiểu số cũng có, công việc của họ là phải để ý đến những người mẹ nghèo đang mang thai ở trong làng của họ. Làm thế nào để họ được lãnh mỗi ngày nửa ký gạo là 1.500 đồng, 1.500 đồng còn lại thì để mua rau, mắm cho họ ăn... Như vậy mỗi tháng tốn khoảng 100.000 đồng cho một người. Người mẹ mang thai mà được 5, 7 tháng ăn no thì đứa con ở trong bụng rất khỏe. Như thế ***Bảo Vệ Sự Sống là bảo vệ ngay các thai nhi từ khi còn ở trong bụng mẹ***, nhất là những người mẹ nghèo. Vậy nên chương trình ***Bảo Vệ Sự Sống*** của tôi đã đem lợi ích đến cho rất nhiều người. Chúng tôi làm ruốc sả, trong ruốc sả có thịt heo, sả, tiêu, ớt... chủ yếu là làm sao cho được ngon miệng khi ăn. Chúng tôi làm thật nhiều ruốc sả, mua sả ở Pleiku không

đủ nên chúng tôi phải lên tận Kontum để mua. Có năm chúng tôi mua tới 5.000 kg mắm để làm ruốc sả. Món ăn tuy đơn sơ đạm bạc nhưng mà rất quan trọng. Người dân tộc gọi món ruốc sả của chúng tôi làm là "**ruốc cao cấp**".

Việc vẫn không dừng lại tại đó, vì ngoài việc chúng tôi tìm cách cho người mẹ nghèo có đủ cái ăn để có sữa cho đứa con được bú mẹ, nhưng nếu như người mẹ không có đủ sữa thì chúng tôi còn phải cho người mẹ tiền để mua sữa cho đứa con bú.

Từ những suy nghĩ này đến những suy nghĩ khác, từ những việc phải làm này tới những việc phải làm khác, mà việc nào cũng đều quan trọng như nhau trong chương trình **Bảo Vệ Sự Sống**. Tôi lại thao thức ưu tư khi nghĩ đến việc các bà mẹ dân tộc ít chịu sinh con mình ở trạm xá hoặc ở bệnh viện. Vì ở những làng xa xôi như tỉnh Gia Lai rộng hơn 15.000 Km², thì các bà mẹ thường sinh con tại trong làng của mình, và khi sinh con xong là đưa con xuống suối tắm rồi đưa về. Sông suối bây giờ không được trong sạch như ngày xưa, vì dọc theo bờ suối người kinh họ làm ruộng, làm vườn rồi bỏ phân hóa học, bom thuốc trừ sâu... nên khi người dân tộc đem con xuống suối tắm thường hay bị nhiễm trùng rốn và nhiều khi cắt rốn thì cũng bị vi trùng uốn ván nữa. Vì những lý do đó cho nên chúng tôi nhờ các sơ tổ chức những khóa đào tạo, bởi vì ở làng nào cũng có bà mẹ đỡ đẻ gọi là "*cô mẹ làng*".

Cô mẹ làng là do mẹ truyền con nối. Chúng tôi không biết làm gì hơn là tập trung các bà mẹ lại, rồi nhờ các sơ có học về y tế, hoặc là mời các cô mẹ từng làm cho nhà nước đã nghỉ hưu; đến dạy cho các *cô mẹ làng* biết làm cách nào đỡ đẻ cho có vệ sinh. Nhất là không cho họ đem đứa con vừa mới được sinh ra xuống suối tắm.

Chúng tôi còn cung cấp cho họ những thứ cần thiết như là cái thau lớn, dặn là khi mà người mẹ gần sinh thì phải nấu nước sôi để nguội rồi tắm cho đứa bé, cung cấp cho họ những cái khăn, những dụng cụ sát trùng để cất rốn cho các cháu. Từ đó con số tử vong của các cháu bé sơ sinh mỗi ngày một giảm đi.

Lần nọ có cô mụ làng tên Thung làm việc ở trong một làng cùi, cô đã được học khóa đỡ đẻ do các sơ phụ trách. Tôi gặp lại cô Thung sau đó 6 tháng, tôi hỏi cô:

- Từ bữa con học về thì con đã đỡ đẻ được mấy đứa rồi?

Cô Thung trả lời tôi thật tự nhiên:

- Con đỡ đẻ được hai đứa rồi mà chưa đứa nào chết.

Nghe câu trả lời như thế tôi rất mừng.

Rồi tôi cũng phải làm thế nào để Ban Phát Triển Phụ Nữ ở các làng dân tộc vận động về ý thức chích ngừa cho con cái, các bệnh như là: uốn ván, ho gà, ho lao, ban sởi, sốt bại liệt... v.v... Phải lo làm thế nào để liên lạc với xã, trạm xá thúc dục các bà mẹ phải đưa con mình đi chích ngừa.

Tôi nói rõ với họ:

- Nếu không đi chích ngừa mà để cho con mình nó bị sốt bại liệt như em đó, em kia thì người mẹ có tội với Chúa. Không chích ngừa cho con cái cũng là một trọng tội chứ không phải nhỏ.

Chương trình *Bảo Vệ Sự Sống* được tôi nghĩ thêm điều gì nữa? Đó là tôi mở các nhà trẻ ở trong các làng (tôi sẽ nói thêm về chuyện này sau). Tại sao tôi mở các nhà trẻ trong làng? Lý do là trong các làng dân tộc thường không có nhà trẻ, bởi vì có làng có đến 100 hoặc 200 người nên Nhà Nước không đủ sức để mở nhà trẻ cho từng làng.

Việc chăm sóc **Bảo Vệ Sự Sống** không đơn giản tí nào. Làm thế nào để có những ý tá, y sĩ hay các bác sĩ? Điều này không đơn giản và có phần khó khăn, phải có những người đó thì chúng tôi mới được đi khám sức khỏe cho các em bé ở các làng. Vì thế nên chương trình **Bảo Vệ Sự Sống** của chúng tôi là một chương trình đòi hỏi chúng tôi phải có nhiều sự cố gắng và những tấm lòng hảo tâm. Đất nước mình bây giờ người ta phá thai rất nhiều, có nhiều thiếu nữ rất trẻ, họ cũng đau khổ và ngại ngùng vì họ biết phá thai là một tội ác nhưng họ không biết làm cách nào khác! Nên chúng ta phải có đủ cơ sở, đủ điều kiện và đủ uy tín để khuyên họ đừng phá thai, lúc đó họ sẽ sẵn lòng nghe chúng ta.

Và chúng tôi đã thành lập được những cơ sở, tuy khiêm tốn nhưng cũng đáp ứng được những điều kiện tối thiểu và cần thiết. Nhờ vậy mà chúng tôi đã cứu được rất nhiều người. Rất nhiều cháu bé được sinh ra, các cháu khá khinh lắm.

Mỗi lần tôi đi thăm các cháu ở chỗ này hay chỗ kia, nhìn các cháu chơi đùa, trong lòng tôi vô cùng vui sướng. Không chỉ riêng bản thân tôi, mà ngay cả những người có ý định từ bỏ các cháu cũng thay đổi suy nghĩ cổ hủ, ích kỷ của họ mà đón nhận các cháu như một quà tặng bằng cả tâm tình biết ơn, sự thương yêu và niềm hạnh phúc.

Tôi rất vui và hạnh phúc vì đã lo việc chôn cất và xây mộ cho các cháu Đồng Nhi. Hiện giờ tôi đang lo cho khoảng 15 nghĩa trang Đồng Nhi Có nơi tôi giúp nhiều, có nơi tôi giúp ít, có nơi người ta tiếp tục lo thay cho tôi...

Trong việc chôn cất các thai nhi thì tiền là một vấn đề, đất đai cũng là một vấn đề, nhưng quan trọng hơn hết là vấn đề nhân sự. Vì phải có những người có chiều sâu về

đức tin, biết được vấn đề này thuộc về đức tin thì mới biết lo việc chôn cất các thai nhi cho tử tế. Tôi ước sao mà Hội Đồng Giám Mục của mình hay những người có trách nhiệm cũng hiểu về đức tin như vậy để lo bảo vệ sự sống cho các cháu từ trong bụng mẹ, đó là cái gốc. Chúng ta cũng lo chôn cất các thai nhi, lo mồ mả cho các cháu như lo mồ mả cho người thân của mình. Vì tôi tin chắc rằng các thai nhi cũng sẽ luôn luôn biết ơn những người thương yêu các cháu.

Tôi cảm thấy các cháu cũng gần gũi với tôi ngay cả trong công việc của mình. Đôi khi tôi thậm bảo: nói rõ ra thì mình không dám nói, nhưng phủ nhận những chuyện đó thì mình cũng không dám phủ nhận. Thường thường những ai thân thiết với tôi, tôi cũng hay kể chuyện này chuyện kia... rồi tôi nghĩ: "chuyện này nó như thế thì tùy người ta nghĩ sao cũng được". Nhưng mà tôi bảo đảm các thai nhi vẫn là những con người có sự sống đời này như chúng ta và Chúa sẽ bù trừ cho các cháu ở đời sau.

Tôi xin gửi đến quý vị những bài thơ mà nhiều người đã làm và tặng cho các cháu. Những bài thơ chan chứa tình yêu thương, nỗi đau đớn, được sáng tác từ nguồn cảm xúc của các tác giả khi nhìn thấy những hình hài bé nhỏ nằm chờ vợ, lạnh lẽo...

TIEÁNG KEÀU CỒU CUÛA THAI NHI

*Con muốn tỏ cho mẹ cha được biết
Con đã là người với tim óc, tứ chi*

*Mẹ cha đừng nghĩ con chẳng biết gì
Chỉ có nói là con chưa biết nói.*

*Hãy sinh con ra! Nghe theo tiếng gọi
Của chính con - Của nhân loại lương tri.
Cho con thành người - Con mong mọi quá đi
Nhân tâm giết - Tội sát nhân gớm ghiếc!*

*Con, kết tinh của tình yêu tha thiết,
Của mẹ cha – Của linh khí, anh hoa
Của yêu thương - Của tình ái chan hòa
Của son sắt – Của tơ duyên vĩnh cửu!*

*Sao giờ đây mẹ cha lại dè bủ,
Chính đũa con, giọt máu của mẹ cha?
Chính đũa con đã kết nụ đơm hoa
Từ ân ái – Từ tình yêu trân quý?*

*Cho con ra đời - Dù không hoan hỉ.
Bỏ con nơi bố thí, viện tế bần
Dù cùng cực, sống khốn khổ bần dân
Con muốn sống muôn ngàn lần hơn chết!*

*Những lời này thật vô cùng tha thiết
Là những lời òa vỡ tụt trái tim
Xin ngưng tay! Hãy bớt giận! Con xin
Để con sống dù không nhìn con nữa*

*Con lạy mẹ cha trăm ngàn lạy nữa
Hãy để con - Cho con được sinh ra!
Ngày chào đời bằng tiếng khóc oa oa*

Chính là ngày con vô cùng sung sướng!

*Xin hãy gắng- Hãy thương con, rộng lượng
Mẹ cha không... tui hổ bởi con đâu
Con nằm đây, hai tay chấp, khăn cầu
Xin Thượng Đế cho mẹ cha can đảm!*

Cha thương con! Chớ giết con, mẹ nhà.

Ngày Nhi Đồng Quốc Tế.
Xuân Vũ TRẦN ĐÌNH NGỌC

KHÁT VỌNG LÀM NGƯỜI

*Nếu con được làm người
Con sẽ là Hoàng Đế
Cha là Thái Thượng Hoàng
Mẹ trở thành Thái Hậu.*

*Nếu con được làm người
Con sẽ là tiến sĩ
Cho Cha được rạng rỡ
Để Mẹ được vinh hoa*

*Nếu con được làm người
Con sẽ là nghệ sĩ
Để hát cho Cha nghe
Để đàn cho Mẹ hát*

*Nếu con được làm người
Con sẽ là thương gia*

*Đi buôn lòng nhân ái
Ban phát cho mọi người
Nếu con được làm người
Con sẽ là tu sĩ
Để nguyện cầu cho Cha
Và xin ơn cho Mẹ*

*Nếu u con được làm người
Con yêu cha mẹ lắm
Tình thương mãi ngập tràn
Cùng Mẹ Cha chấp cánh*

*Đã không được làm người
Con xin được nhìn nhận
Cho con một nắm mồ
Cùng nén hương sười ảm.
Hãy!...Con làm người.*

Giuse Phong Kontum
Kính tặng cha Phêrô Nguyễn Văn Đông
Cùng anh em các nhóm BVSS

NIỀM SAU CỬA BÐ TRUNG THU

*Trời ơi...Con!!!
Hài nhi còn đỏ hồng
Tại sao nên nông nổi
Bé bỏng trút tàn hơi
Mới sanh đã chết rồi!*

*Không một miếng chăn bông
Chẳng một manh áo mỏng*

*Trần trụi con vào đời
Chỉ khóc thôi chưa cười*

*Con chui ra từ đâu
Mà lọt ngay hố sâu
Phút giây nào trắng hoa
Để con bị sinh ra ???*

*Liệu con có kịp thở
Như giun dế vào đời
Khi mắt còn chưa mở
Đã mãi nhắm lại rồi*

*Con bít lấy tay ai
Con muốn được làm lại
Bước đầu tiên con phải
Vào đời trong sợi hãi?!*

*Hỡi con ơi...tắm thân
Nằm cong queo lạc lõng
Đây – (tôi xấu hổ lắm
Vì chỉ có tấm lòng!!!*

*Xót xa trào lệ nóng
Có ấm hồn con...
Một chút nào không?
Xin chia sẻ niềm đau.*

Khi nhìn hình của bé Trung Thu.
An Trinh

LỜI CẦU XIN CỦA CON

(viết cho bé Trung Thu)

*Con không có lời ru đưa con vào cuộc đời
Để con được làm người.*

*Con không còn tiếng khóc chào đời
Và làm người như bao người.*

*Xin thả lên cho con một ngọn nến,
Một nén nhang*

*Cho lòng con được ấm lên
Trong lòng đất lạnh tình người*

*Xin cắm cho con một cành hoa
Và một lời ăn năn dù chỉ là muôn màng.*

*Con không được thấy
Ánh trăng rằm đêm nay*

*Con không được biết rong chơi
Bên trống lân rằm.*

*Xin đến bên con luôn dù trời nắng,
Dù gió mưa.*

Cho lòng con được ủi an

Nơi mộ vắng nghĩa địa buồn.

Xin hãy thương con, đừng bỏ con.

Con tội tình gì? Mẹ ơi! Cha ơi!

Ngọc Quang,
Ngày Trung Thu năm 2004.



CHÁU TRUNG THU - PLEIKU

Bị tước mất quyền Sống nhằm ngày Trung Thu 2004 (28/9 DL)

Con nằm đây, hai tay chắp, khăn cầu
....lạy Mẹ Cha trăm ngàn lạy nữa
Hãy để con - Cho con được sinh ra !
(thơ Xuân Vũ Trần Đình Ngọc)

*Dẫu Cha Mẹ có bỏ con đi nữa
thì hãy còn có Chúa đón nhận con.
(Thánh vịnh 27. 10)*



Pleiku, ngày 27. 12. 2011
“Tên cháu là Gioan” (x Lc 1, 60)
Hãy nâng niu các thai nhi



NGHĨA TRANG ĐỒNG NHI

6 .

GIÁO PHẬN KONTUM VAØ NGÖÖØI PHUNG CUØI

Đức Giám Mục Kontum: Micae Hoàng Đức Oanh đã có lần nói:

- Giáo Phận Kontum chúng ta là Giáo Phận có bệnh nhân phong nhiều nhất trong các Giáo Phận ở Việt Nam, mà cũng có thể là nhiều nhất trong các Giáo Phận trên cả thế giới.

Bởi vì chúng tôi là Linh Mục, nhất là các nữ tu, chúng tôi đã chăm sóc lo lắng cho khoảng từ 3.000 đến 5.000 người cùi. Lẽ dĩ nhiên kể luôn số người trong gia đình của họ, là con cái họ. Đa số các bệnh nhân phong đã được chữa lành, bởi vì có rất nhiều trung tâm da liễu ở các tỉnh thành, các tỉnh miền Trung và các tỉnh Tây Nguyên. Thường thì bệnh nhân phong được tập trung đưa về trại phong Qui Hòa, còn có tên gọi là Khu Điều Trị Bệnh Phong Qui Hòa để họ được chữa trị và chữa trị miễn phí. Được có cơm ăn áo mặc, được cấp tiền lộ phí về làng của mình sau khi đã lành bệnh. Nhưng thực tế thì cũng không đủ đầu vào đầu.

Có một số người cùi giấu bệnh của mình, họ không chịu đi bệnh viện vì sợ rằng bệnh cùi của mình không được chữa lành, bị cắt tay hay bị cưa chân... họ sợ rằng sau khi chết họ sẽ qua thế giới bên kia mà không có tay để làm việc, không có chân để đi. Rồi họ còn sợ rằng đi chữa bệnh thì con cái của mình ở nhà không ai nuôi, bò của mình không ai giữ, nên họ từ chối không đi. Phải thuyết

phục dữ lắm thì họ mới chịu đi. Các nữ tu là những người thuyết phục họ rất giỏi.

Một điều nữa là chúng tôi luôn phát hiện bệnh nhân mới, mặc dù trên nguyên tắc như đã tuyên bố là không còn bệnh nhân phong nữa! Nhưng **Bệnh cùi luôn ủ bệnh trên dưới 10 năm** nên chỉ khi phát hiện ra bệnh thì thường là quá trễ.

Kể từ thập niên **1930** của thế kỷ XX thì Giáo Phận Kontum đã thành lập một trại phong ở cách thành phố Kontum bây giờ khoảng 6 cây số. Các bệnh nhân hầu hết là người thuộc các sắc tộc thiểu số không có tôn giáo.

Năm **1975** nhà nước quản lý tất cả các trại phong trong nước, trong đó có trại phong Đakkia. Nếu người dân tộc bị phát hiện mắc bệnh cùi - đôi khi chỉ là bệnh da liễu mà thôi - thì người bệnh đó bị đuổi ra khỏi làng của mình, phải ở cách xa làng mình khoảng 3 đến 5 cây số, đôi khi là 7, 8 cây số. Để làm gì? Để cho người nhà của người bị bệnh có thể tiếp tế lương thực cho họ. Nhưng có những gia đình người dân tộc rất nghèo nên việc tiếp tế lương thực cho người nhà bị bệnh cũng không dễ, vì thế người bệnh cùi bị đói là rất nhiều.

Thường thì người ta tập trung lại từ 5 đến 10 gia đình ở với nhau trong một góc rừng nào đó. Người thân che cho họ một cái chòi để họ ở và nơi đó được gọi là làng Phung. Đã có rất nhiều làng Phung như thế ở tỉnh Gia Lai và tỉnh Kontum.

Nhà Nước thì muốn tập trung nhiều làng như vậy rồi lập thành một làng lớn. Để làm gì? Để được những tổ chức từ thiện quốc tế xây cho mỗi gia đình một căn nhà, và nơi đó cũng có trường học, có trạm xá, có nước sạch, có điện để cho dân trong làng cùi cũng được hưởng những

phương tiện của đời sống văn minh của bây giờ. Nhưng mà khi có đông người ở thì nó lại nảy sinh ra một vấn đề khác nữa: ấy là không có đủ đất đai để trồng trọt, không có đủ chỗ để họ nuôi con bò, con dê... cho nên họ thường trở về nơi ở cũ của mình để canh tác, con cái của họ thì ở lại trong làng do nhà nước tổ chức để được đi học. Nhưng vì không biết giữ vệ sinh cho nên các vết thương - hay còn gọi là lở loét - ngày càng trở nên nặng hơn.

Ngoài bệnh cùi thì người cùi cũng có nhiều bệnh khác như mọi người. Người cùi thì cũng thường sinh nhiều con. Công việc lo cho con cái của họ khỏi bị lây nhiễm bệnh phong của cha mẹ cũng là một cố gắng rất lớn của Giáo Hội. Phải tìm cách cho con cái họ được cách ly và được đi học cũng là một điều vô cùng quan trọng, đòi hỏi sự cố gắng của nhiều người có lòng hảo tâm.

Các nữ tu trong Giáo Phận là những người làm công việc này rất tốt. Cũng có những em là con cái của những người phong cùi được học tới Đại Học, có người trở thành Bác Sĩ.

Chúng tôi cũng tổ chức làm giày dép cho người cùi, vì họ phải có dép thì mới đi lại được, nhưng mà họ không thể mua dép ngoài phố chợ như chúng ta, bởi vì bàn chân của họ đã trở nên dị dạng, vậy nên phải đo cho họ từng bàn chân, rồi làm từng chiếc dép, một đôi dép có đến hai kích cỡ to nhỏ khác nhau tùy theo bàn chân của họ, và họ mang dép rất mau hư.

Một lần nọ tôi gặp mấy người cùi, họ xin thêm dép. Tôi nói:

- Mới làm dép đi có hai tháng thôi mà, tại sao lại mau hư như vậy?

Thì có một bà già nói với tôi:

-Tôi đâu có muốn nó hư đâu, tại nó hư chớ tôi đâu muốn. Cha có 2, 3 đôi dép, Cha luôn đi bằng xe thì làm sao mà dép của Cha mau hư được chớ. Tụi tôi đâu có xe mà đi, tụi tôi đi bộ mà... tôi muốn nó không hư nhưng mà nó vẫn hư.

Từ đó tôi mới hiểu là với đôi bàn chân dị dạng, khi đi thì khập khiễng không được cân bằng nên dép rất mau hư. Tôi chỉ hiểu được điều này khi nghe họ nói. Họ rất muốn giữ đôi dép của mình đừng hư, nhưng rồi nó vẫn hư. Nhà nước cung cấp dép không kịp cho họ mang, mà không có dép thì họ không thể đi lao động được. Chúng tôi đã tổ chức quyên góp để làm thật nhiều dép cung cấp cho họ.

Tôi được biết các trại phong ở Việt Nam hầu hết là do Giáo Hội thành lập. Ở phía Bắc thì tôi không được biết nhiều, nhưng tôi biết trại cùi Quả Cảm ở Bắc Ninh, trại cùi Vân Môn ở Thái Bình, chắc chắn là do Giáo Hội lập nên, còn những trại cùi khác thì tôi không được rõ. Nhưng những trại cùi ở phía Nam thì hầu hết là do Giáo Hội thành lập. Như trại cùi Qui Hòa ở Qui Nhơn, trại cùi Dakkia ở Kontum, trại cùi Núi Sạn ở Nha Trang, trại cùi Di Linh ở Lâm Đồng, trại cùi Bến Sắn ở Bình Dương, rồi có thêm những trại cùi khác như là trại Phước Tân, Bình Minh, Thanh Bình, Cù Lao Giêng. Đây là những trại cùi mà tôi biết một cách chắc chắn là của Giáo Hội thành lập.

Đến năm 1975 thì nhà nước quản lý tất cả. Nhưng điều mà tôi muốn nhấn mạnh ở đây là: ***Giáo Hội đã đóng góp rất nhiều trong công tác Từ Thiện Xã Hội và Bác Ái Xã Hội, đặc biệt là cho bệnh nhân phong cùi.***

Giáo Phận Kontum gồm hai tỉnh Gia Lai và Kontum.

1. Tỉnh Gia Lai là một tỉnh rộng lớn nhất nhì ở Việt Nam - với diện tích hơn 15.500 km².

2. Tỉnh Kontum cũng rộng, nhưng không tới 10.000 km².

Chỉ riêng huyện Sa Thầy (thuộc tỉnh Kontum) thì diện tích còn lớn hơn tỉnh Thái Bình. Hai tỉnh này có rất nhiều làng Phung, các làng này đã được các Linh Mục và các nữ tu tìm đến để giúp đỡ, chăm sóc cho họ, mặc dù cũng còn gặp nhiều khó khăn về phía chính quyền.

Gia Lai có Làng Tang, làng Tar, làng Bluk Blui, làng Ngó, làng Kon Thụt, làng Kon Chiêng, làng Hồ Long, làng Phung - Nhơn Hòa và còn nhiều nữa...

Kontum thì có: trại phong Dakkia, làng Dak Lung, làng Dak Ring, làng Kon Kólóc và còn nhiều làng khác nữa... Nói tóm lại là huyện nào cũng có và những làng Phung cùi thì ở khắp nơi.

Tôi rất khâm phục những nữ tu của các Dòng tu. Nơi nào có người Cùi thì các nữ tu đều tìm mọi cách để có mặt. Không phải chỉ đem đến cho họ một viên thuốc, một gói mì, một lon gạo, một con cá khô... mà thôi, **nhưng sự hiện diện của Tình Thương từ nơi các nữ tu qua những cử chỉ chăm sóc vết thương cho họ là một niềm an ủi rất lớn đối với những người mang bệnh cùi.** Có những bệnh nhân không chịu vào trại phong Qui Hòa ở Qui Nhơn, nên các nữ tu đã tìm đủ mọi cách, dùng mọi lời giải thích nhằm thuyết phục họ để đưa họ đi. Các nữ tu còn phải luôn theo dõi, tìm những bệnh nhân mới rồi báo cáo cho các nhân viên Da Liễu để những nhân viên này cấp giấy cho họ được đi chữa trị sớm nhất chừng nào có thể.

Người ta có thể cho mà không thương, nhưng người ta không thể thương mà không cho. Một điều rất đáng trân trọng là: Các nữ tu đã vì tình thương yêu của mình mà dẫn thân đến với những người mang bệnh phong cùi.

Một vị bác sĩ nọ ở khu điều trị Phong - Qui Nhơn - có nhiệm vụ lo cho các bệnh nhân Phong ở Miền Trung và các tỉnh Tây Nguyên. Ông đã nói:

- Nhờ nhà thờ mà các bệnh nhân phong ở các tỉnh Tây Nguyên có một đời sống vật chất khá tốt và một đời sống tinh thần hạnh phúc.

Bệnh Phong bây giờ có thể chữa lành được, và nếu được chữa lành sớm chừng nào thì tốt chừng đó, nếu để trễ thì họ có thể bị tàn phế. Nhưng thường thì người dân tộc ít hiểu biết và có người ở những vùng xa xôi tận trong rừng sâu, nên khi đến được trại phong để điều trị thì quá trễ. Nguyên tắc thì Nhà Nước chữa trị bệnh nhân phong hoàn toàn miễn phí, từ thuốc men cho đến cơm ăn áo mặc, kể cả lộ phí để về làng cũng được nhà nước cung cấp. Người bệnh phong khi lành rồi họ vẫn được tiếp tục giúp đỡ, những người tàn phế ít thì họ còn có thể lao động được, nhất là nuôi con bò, con heo, con dê, con gà... Và chúng tôi phải cố gắng hết sức để cho họ một con bò, cho họ ít vốn nuôi một con heo, con dê, hay là nuôi ít con gà... Một phần là để cho họ được lao động, được thấy kết quả từ mồ hôi nước mắt của họ, phần khác nữa là họ cũng sẽ lấy làm tự hào về công sức lao động của mình.

**** Sự phân biệt và kỳ thị đối với các bệnh nhân phong cùi đã đem đến cho họ nhiều mặc cảm.***

Những bệnh nhân bị tàn phế nhiều thì cần phải giúp đỡ họ nhiều hơn. Nhưng có một điều mà chúng tôi cảm

thấy rất khó khăn là làm thế nào để họ khỏi bị phân biệt, bị kỳ thị sau khi đã lành bệnh. Khi họ bệnh thì bị đưa ra khỏi làng, nhưng khi họ đã lành bệnh rồi, dù được bác sĩ cấp giấy chứng nhận làng hoàng thì họ vẫn không được hòa nhập lại một cách bình thường trong làng của mình, chỉ vì họ bị tàn phế. Tội nghiệp nhất là người phung cùi thường sinh nhiều con, và con cái của họ cũng như con cái của mọi người, cũng thường đau ốm. Thế nên những người cùi tay chân bị cụt mà đưa con tới bệnh viện thì luôn luôn cảm thấy mình bị kỳ thị. Ngay cả những người phung cùi đã lành rồi, thì họ cũng bị bệnh nhiều hơn những người bình thường vì sức đề kháng của họ kém, và khi bị bệnh như vậy mà đến bệnh viện thì họ cũng rất ngại vì mặc cảm bị kỳ thị. Nhiều khi chúng tôi phải bằng cách nào đó như là phối hợp với các Y, Bác Sĩ tổ chức những chuyên khám bệnh thông thường như nhức đầu, sổ mũi, cảm cúm... thì chúng tôi mới có thể tìm đến nhà hoặc làng của họ để đem thuốc tới cho họ.

*** Tình thương đối với người cùi rất là quan trọng. Họ ao ước một khi họ đã lành bệnh thì họ cũng được cư xử như mọi người.**

Có lần một nữ tu ở trại phong Qui Hòa là sơ Huyền đã cùng tôi tổ chức đưa hơn 100 người cùi đi du lịch. Họ ao ước được đi La Vang, mặc dù trong số hơn 100 người đó có khá nhiều người không phải là Công Giáo. Tôi là người hướng dẫn họ đi.

Trước khi chúng tôi đi, Bác sĩ cấp giấy chứng nhận cho những người cùi là họ hội đủ điều kiện: mạnh khỏe, không có vi trùng nữa (nghĩa là không có vết thương) để họ đi du lịch. Chúng tôi đi 2 xe, mỗi xe hơn 50 người. Những người bị cụt tay khi đi qua những trạm thu lệ phí,

họ trình giấy giới thiệu họ là người của trại phong, họ kẹp một cái kẹp vào tờ giấy rồi cột nó trong cái tay cụt của mình để đưa cho những nhân viên canh gác trạm thu phí và họ được miễn phí.

Thế nhưng họ vẫn bị kỳ thị.

Tôi đã thấy rất rõ điều kỳ thị đó, như khi chúng tôi dừng lại một nơi: đó là xứ đạo ở Quảng Nam để cho những người phong cùi nghỉ ngơi một chút, có chỗ đi vệ sinh, uống nước... nhưng khi những người phong cùi xuống xe: kẻ thì đi khắp khiêng, người thì diu nhau... thì những người tiếp chúng tôi có vẻ sợ. Họ cho chúng tôi uống nước nhưng không đưa ly. May mà vì người cùi biết thân phận của mình nên họ đã đem theo cái ca hay cái ly để uống nước.

Chúng tôi đi tới Huế, ai cũng vui khi nhìn thấy thành phố xinh đẹp này, nhất là khi đi qua sông Hương thì tất cả mọi người đều trầm trồ, khen ngợi... Rồi chúng tôi ra tới La Vang. Chúng tôi vô gặp Cha sở La Vang, Ngài cho 100 người chúng tôi được nghỉ lại một bên hiên của nhà thờ. Chúng tôi có đem theo chiếu... những người đã nằm sẵn ở đó thấy chúng tôi trải chiếu ra, rồi thấy những người cùi đi léch thếch hay bò lét thì họ sợ và rồi họ bỏ đi chỗ khác...

Có một điều vui nữa là: có một bồn nước cho mọi người xài chung với nhau, khi thấy những người cùi ra lấy nước để rửa mặt mũi tay chân... thì người ta bỏ đi chỗ khác hết. Vậy là chúng tôi có nguyên một bồn nước, trời ơi ! Thật là thoải mái nhưng đồng thời chúng tôi cũng cảm thấy trong lòng rất ngậm ngùi, buồn tủi vì mặc cảm là mình luôn bị kỳ thị.

Cha sở cho tôi biết ngày mai lúc 5 giờ sáng có lễ chung cho mọi người. Nhưng thật đáng buồn khi hình như có ý kiến nào đó của ai đó. Thành ra tối hôm đó Cha sở La Vang nói với tôi là:

- Cha có thể làm lễ cho người phung cùi lúc 4 giờ, và 5 giờ thì làm lễ chung cho cộng đoàn.

Hôm sau 4 giờ chúng tôi dâng Thánh lễ. Chúng tôi cũng đọc kinh, hát kinh. Mọi người đều vào nhà thờ. Tôi thấy mấy người nằm phía bên kia hè nhà thờ, họ nghe tiếng đọc kinh, tiếng hát bèn vào trong nhà thờ dự lễ với chúng tôi. Tôi cảm thấy vui vì ít nhất là người cùi cũng phần nào được an ủi. Thế nhưng tới khi tôi đọc Tin Mừng thì những người đó họ thấy người ngồi bên cạnh mình bị cụt tay cụt chân, họ cũng sợ nên bỏ ra ngoài hết.

Sau lễ đoàn phung cùi của chúng tôi lên đài viếng Đức Mẹ. Có người phải được dìu lên, có người phải cõng người khác lên, rồi có người phải lum khum bò lên mấy bậc cấp. Những người khác thấy chúng tôi như vậy thì họ lần lượt rút lui, nên chỉ có chúng tôi ở trên đài Đức Mẹ.

Chúng tôi cảm thấy thật là buồn vì ngay những nơi đạo đức nhất mà chúng tôi cũng bị kỳ thị.

Nhân đây tôi cũng xin được chia sẻ một câu chuyện thật là cảm động: Tôi có quen biết rất thân với một nữ thi sĩ tên là Hàn Lệ Thu, người Bình Định. Bà là một thiếu nữ xinh đẹp và chơi đàn Violon rất hay. Khi mới vừa 18, 19 tuổi; là lứa tuổi đẹp nhất của người con gái thì bà phát hiện mình bị mắc bệnh cùi, bà vô cùng đau khổ và tuyệt vọng. Bà tâm sự:

- Nhờ con được biết Chúa mà con cảm thấy niềm vui trong cuộc sống người cùi của con. Khi tay con không

còn bấm được phím Violon để chơi đàn nữa thì con buồn vô cùng.

Nhưng thật là may mắn vì trong lúc buồn rầu này thì có Cha Alix dòng Phanxicô ở trại phong Núi Sạn - Nha Trang dạy cho bà biết Chúa và bà đã tin Chúa. Cuộc sống của bà tuy mang thân phận người cùi nhưng bà vẫn vui. Bà không đi La Vang được vì bà bị đau tim, nên bà gửi bài thơ mình làm cho một người quen thân của bà tên là Thái, nhờ người này đọc trước đài Đức Mẹ La Vang.

Khi chúng tôi lên tới đài Đức Mẹ La Vang, cô Thái lấy bài thơ ra đọc, bài thơ có tựa đề: "**Con không đi được Mẹ ơi**". Nhưng chỉ đọc có một hai câu, vì quá xúc động nên cô đã khóc nức nở mà không đọc tiếp được. Cô Thái đưa bài thơ của bà Hàn Lệ Thu cho một ông đứng bên cạnh mình, nhưng ông này cũng chỉ mới đọc được 2 câu thì khóc và không thể đọc tiếp. Cuối cùng thì ông đưa cho sơ Huyền. Tôi thấy sơ Huyền cầm bài thơ, nhìn một lúc và xếp lại rồi bỏ vào trong túi áo mà không đọc. Tôi hỏi sơ:

-Sao sơ không đọc bài thơ của thi sĩ Hàn Lệ Thu trước đài Đức Mẹ La Vang mà bỏ vô túi áo?

Sơ trả lời:

- Nếu con đọc thì con cũng khóc, nên con không đọc. Con chỉ cầu nguyện cho bà ấy mà thôi.

Nghe sơ Huyền trả lời như thế, tôi bùi ngùi chạnh lòng đến xót xa và cũng nghẹn ngào muốn khóc...

Sau này thi sĩ Hàn Lệ Thu có gửi tặng tôi một số bài thơ của bà, trong đó có bài: "Con không đi được Mẹ ơi". Tôi xin ghi lại vào đây để nhớ đến một nữ sĩ tài hoa nhưng có số phận không may mắn vì mang bệnh phong cùi.

CON KHÔNG ĐI ĐƯỢC MẸ ƠI

Kính gửi Mẹ La Vang

Thưa Mẹ!

Con tàn tật không về thăm mẹ được
Em con đây (Teresa) thay thế chị thân yêu
Kính dâng lên hiến Mẫu chuỗi Kính chiều
Con hiệp ý nơi này xin ơn phước

Trong thimble lạnh... con thì thầm mơ ước
Một ngày gần, núp áo Mẹ thương che
Bao đau thương tội lỗi chôn u mê
Nhờ áo Mẹ tây con nên trong sáng

Xin Mẹ nhận chuyển hiền lành trọn vẹn:
Những tâm hồn khao khát, những họ sinh
Những ước mơ hạnh phúc mỗi gia đình
Mẹ thấu hiểu! Xin ban tròn như ý

(Con hư của Mẹ: Clara)

*Nhà dưỡng lão Quy Hòa
3 giờ sáng ngày 15/6/1999*

Rời La Vang chúng tôi đi thăm Dòng Thiên An. Khi gặp các thầy Dòng chúng tôi cảm thấy được an ủi hết sức. Các thầy Dòng tiếp đón chúng tôi vô cùng tử tế: các thầy đem ly, đem nước cho chúng tôi uống, đem thức ăn cho chúng tôi ăn. Đoàn chúng tôi đi vào Dòng Thiên An vui thật là vui, được đi thăm nhà thờ, thăm các cơ sở trong

nhà Dòng... được đối xử một cách ân cần thân thiện nên mọi người cảm thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng vì có được niềm an ủi.

Sau đó thì chúng tôi đi thăm lăng Khải Định. Đoàn chúng tôi có tất cả hơn 100 người, vì là phong cù nên chúng tôi cũng ao ước xin được miễn phí để vào thăm lăng, nhưng ban tổ chức không chịu. Cuối cùng thì họ đồng ý chỉ bán 50% vé, ấy là mua cho 50 người. Người đại diện phong cù xin:

- Cho chúng tôi được vào thăm lăng, nhưng chỉ mua chừng 10 vé thôi vì chúng tôi là phong cù mà, không có nhiều tiền. Chúng tôi ao ước vào thăm lăng vua vì đây là lần đầu tiên chúng tôi được đến đất Thần Kinh.

Dù chúng tôi có năn nỉ cỡ nào đi nữa thì họ vẫn không chịu. Cuối cùng bỗng có một người nói to:

- Không có vé cũng cứ lên luôn!

Khi nghe nói như vậy họ cứ thế mà lọt thọt đi lên, người thì bò, người thì lết, người thì diu nhau... Những người soát vé lui ra hết và thế là chúng tôi đi vào lăng Khải Định. Vì không có người làm "hướng dẫn viên du lịch" nên tôi xung phong làm người hướng dẫn. Tôi giải thích cho họ biết về triều Nguyễn nhà vua như thế này, như thế kia... đang thao thao bất tuyệt ngon lành như vậy thì "đùng một cái" điện cúp cái rụp... làm chung quanh tôi thui tối mò luôn. Chúng tôi không hiểu tại sao thì bỗng nhiên có mấy người trong nhóm nói lớn:

- Mở điện cho chúng tôi xem, nếu không mở điện chúng tôi phá hết cho bây giờ.

Ấy thế là nháo nhào lên và điện được mở lại. Tôi tiếp tục giải thích cho họ nghe... sau đó thì chúng tôi ra về.

Không ai hỏi gì chúng tôi nhưng ai cũng nhìn chúng tôi bằng cặp mắt không mấy thiện cảm.

Trên đường về, chúng tôi cảm thấy rất buồn và lòng đầy ngậm ngùi cay đắng.

Trưa hôm đó chúng tôi ăn cơm trong một nhà thờ ở Bình Định, đó là nhà thờ Phù Mỹ quê của tôi. Tôi đã gọi điện thoại trước cho Cha sở, kể với Cha là chúng tôi đã đi như thế... như kia... ,chúng tôi đã có niềm vui và nỗi buồn như thế nào... Tôi tha thiết xin Cha sở Phú Mỹ là Cha Anrê Đình Duy Toàn:

- Hãy cho chúng tôi được vui vẻ trước khi chúng tôi về lại trại phong Qui Hòa ở Qui Nhơn, cho chúng tôi ăn một bữa cơm trưa và xin Cha hiểu cho rằng chúng tôi được giấy của bác sĩ cho đi du lịch. Những người này được lành bệnh rồi, họ chỉ bị tàn phế một phần cơ thể mà thôi.

Chúng tôi được tiếp đón ân cần, được ăn uống vui vẻ, các giáo dân ở Phù Mỹ cùng ăn chung với những người phong cùi, rồi hát cho nhau nghe và còn làm thơ tặng cho nhau nữa. Điều này làm cho chúng tôi cảm thấy ấm áp trong lòng.

Tôi muốn nói lên một điều:

Người cùi không những cần đến sự chia sẻ về vật chất của chúng ta mà người cùi rất cần chúng ta chia sẻ tình thương của chúng ta cho họ.

**** Người ta có thể cho mà không thương.***

Đã có rất nhiều người cho người cùi nhưng mà không thương.

Vì đức tin của chúng ta là đức tin của người Kitô hữu, thì việc trước tiên chúng ta làm không phải là cho, mà phải là thương, thương thật lòng.

*** *Người ta không thể thương mà không cho***

Vậy thì điều chúng ta lo cho người cùi bây giờ là: lo cho họ đi chữa bệnh, những người vừa mới phát hiện bị bệnh cùi, những người bị tàn phế chân, tay sau khi đã được chữa lành bệnh. Thì xin mỗi người trong chúng ta hãy thương để rồi nhất định rằng: *Người ta không thể thương mà không cho*. Chúng ta hãy biết thương yêu người cùi. Đây chính là điều mà tôi luôn thiết tha mời gọi những tấm lòng nhân ái.

Hãy cho với tấm lòng yêu thương rộng mở.

* Nay Sơ Huyền là giám tỉnh Dòng Phanxiken - Nữ Thừa Sai Phan Sinh Đức Mẹ.

* Thi sĩ Hàn Lệ Thu qua đời ngày 15 tháng 1 năm 2007







NGƯỜI DÂN TỘC NGHÈO BỊ BỆNH CÙI.

7 .

MỞ NHÀ TRẺ CHO CÁC LÀNG DÂN TỘC

Mở các nhà trẻ cho các làng dân tộc là điều rất cần thiết. Người dân tộc vốn dĩ cho đến bây giờ vẫn sinh nhiều con, trong một làng thế nào cũng có một số gia đình có từ 8 hoặc 9 thậm chí là 10 đến 12 đứa con.

Người Việt mình ngày xưa cũng cho là: *Đa tử đa tôn đa phú quý*, nghĩa là *Có nhiều con, nhiều cháu là hạnh phúc, là giàu sang phú quý*.

Nhưng thời bây giờ vì sinh quá nhiều con, gây nên tình trạng gọi là nạn nhân mãn nên nhà nước chủ trương: mỗi gia đình chỉ có hai con, giới trẻ bây giờ cũng ý thức được điều này nên sinh ít con, vì nếu sinh nhiều con thì không đủ khả năng nuôi và dạy con. Ngày trước người Công Giáo khi lập gia đình thì mỗi gia đình có một cuốn Sổ gia đình, mỗi sổ có đến 12 tờ cho 12 đứa con. Bây giờ thì Sổ gia đình Công Giáo khi in ra số tờ đã giảm bớt, còn lại 7 tờ, nghĩa là 7 người con. Hiện giờ không ai còn dám sinh tới 7 đứa con, nhưng người dân tộc thiểu số thì chưa ý thức được điều này nên họ vẫn sinh nhiều con.

Giáo Hội Công Giáo không chủ trương sinh đẻ bừa bãi. Có một câu trong Công Đồng Vaticanô II nhắc nhở về đời sống gia đình như thế này: ***Sinh con có ý thức và có trách nhiệm.***

Học hỏi ý nghĩa của câu nói này thì: vợ chồng phải có ý thức cũng như có quyền quyết định số con mình sẽ sinh, và sau khi sinh thì phải có trách nhiệm nuôi và dạy con nên người, nên con của Chúa.

Có một bác sĩ người dân tộc, là giám đốc sở y tế đã gặp tôi, ông ta nói với tôi:

-Người dân tộc chúng tôi sinh rất nhiều con. Chúng tôi biết là bên Giáo Hội cũng không chủ trương sinh đẻ bừa bãi. Về đường lối Hội Thánh Công Giáo của Linh Mục thì tôi không biết, nhưng khi Linh Mục đi sinh hoạt tôn giáo trong các làng, Linh Mục cũng có thể nhắc nhở bà con dân tộc không nên sinh nhiều con, để rồi không nuôi dạy nổi.

Sau đó tôi vào dâng lễ ở một làng dân tộc, tôi có thói quen hay dạy giáo lý trước giờ lễ . Tôi nói với anh em trong làng như thế này:

- Anh em bây giờ sinh nhiều con quá nên không nuôi nổi và không dạy được con cái của mình. Thời xưa khác, thời bây giờ khác. Thời xưa làng nào của chúng ta cũng ở cạnh rừng, mà rừng thì mênh mông bạt ngàn. Chúng ta hết lúa thì chúng ta vào rừng để săn bắt con thú này con thú nọ, rồi chúng ta hái trái này, trái nọ để ăn... Chúng ta có rất nhiều măng le, nhiều nấm... đó là lương thực nuôi sống chúng ta. Bây giờ rừng còn đâu? Anh em sống giữa đồng không mông quanh thiếu gạo thiếu lúa, cũng đâu còn rừng để vào? Ngày xưa đất rộng người thưa, chúng ta đốt rẫy, nhà đông người thì đốt cái rẫy lớn, nhà ít người thì đốt cái rẫy nhỏ. Thế nhưng bây giờ mỗi gia đình chỉ có một lô đất thì làm sao mình đốt rẫy được? Cho nên khi không đủ lúa gạo để ăn mà mình sinh nhiều con thì cũng không thể nuôi nổi con của mình đâu. Vậy thì anh chị em phải sinh con theo đường lối của Hội Thánh là sinh con cái có ý thức và có trách nhiệm.

Nghe thế ông già làng nói với tôi:

- Cha nói giống cán bộ quá! Cán bộ vô làng là biểu đặt vòng, mỗi gia đình chỉ sinh 2 con "*dù gái hay trai chỉ 2 là đủ*". Nhưng mà Cha có biết không? Dân tộc chúng tôi là dân tộc thiểu số, là ít người. Nếu chúng tôi đẻ ít thì nó cứ ít miết thôi, chúng tôi đẻ nhiều thì nó mới nhiều được chứ. Mà tôi nói cho Cha biết tôi nuôi con heo, con gà mà chúng nó đẻ nhiều tôi cũng mừng. Cho nên tôi nuôi con vợ nó đẻ nhiều tôi cũng mừng. Tôi thích vợ tôi nó đẻ nhiều như cây đu đủ có nhiều trái vậy đó.

Tôi chịu thua luôn. Sau đó tôi kể câu chuyện này cho Đức Cha Phêrô Trần Thanh Chung và các Cha trong địa phận nghe. Ngài hỏi tôi:

- Rồi anh trả lời làm sao?

Tôi lắc đầu:

- Khi ấy con thấy ông ta nói cũng có lý nên con không biết trả lời ra làm sao cả.

Đức Cha hỏi tiếp:

- Cha là Linh Mục mà Cha không biết trả lời câu này à?

Tôi hỏi lại Đức Cha:

- Nếu là Đức Cha thì Đức Cha sẽ trả lời như thế nào?

Đức Cha bảo tôi:

- Cha phải nói với họ như thế này: "Mình nuôi con heo, con gà mà nó đẻ nhiều thì mình mừng, bởi vì khi mình nuôi nó không nổi nữa thì mình bán nó mình lấy tiền, hoặc là mình xẻ thịt nó mình ăn. Còn con mình... không lẽ mình nuôi con không nổi thì mình xẻ thịt con mình, mình ăn sao? Hay mình bán nó mà lấy tiền à?. Con người chứ đâu phải con heo con gà?"

Tôi định nói với Ngài:

"- Đức cha trả lời hay quá! như vậy mới làm Giám Mục được chứ."

Thực tế thì người dân tộc cũng có vấn đề này: số trẻ em chết ở độ tuổi mới sinh khá nhiều, nên họ mới nói:

- Người Yuan (là người kinh) nó đẻ một đứa là nó nuôi được một đứa, nó đẻ 2 đứa là nó nuôi được 2 đứa. Còn mình đẻ 1 đứa hay 2 đứa, rủi như nó chết đi, tới lúc đó mình muốn đẻ nữa mà đẻ không được thì làm sao? Nên mình phải **đẻ để dành chớ**.

Tôi thấy chúng ta phải có trách nhiệm như thế nào để giáo dục từng ly từng tí cho người dân tộc hiểu được đường lối của Hội Thánh: không phải là sinh con bừa bãi nhưng là sinh con có ý thức và trách nhiệm. Đây là trách nhiệm rất nặng nề của chúng ta. Những Linh Mục cũng như các nữ tu phải biết rõ tường tận về vấn đề này để giáo dục cho người khác.

Người dân tộc sinh nhiều con thì mình biết phải làm gì bây giờ? Nói theo kiểu Đức Cha Phêrô:"- Mình đâu có bán nó được đâu, mình đâu có xẻ thịt nó được đâu", thì trước vấn đề đó ta phải làm như thế nào?

Đứng trước thực trạng này lương tâm thúc đẩy tôi phải mở các nhà trẻ trong các làng dân tộc, đúng hơn là nhà giữ trẻ. Tại sao tôi làm điều này? Bởi vì người dân tộc sinh nhiều con, mà khi đứa em được sinh ra thì anh hay chị phải giữ em, mà giữ em thì không đi học được, giữ em cho đến khi em nó vừa biết đi thì mẹ nó lại sinh thêm một đứa nữa, nó lại tiếp tục giữ em nữa. Cho nên nó lại không được đi học. Đó cũng là lý do tại sao trẻ em người dân tộc ít đi học, bởi vì nếu anh hay chị đi học thì bà mẹ phải ở nhà giữ con. Nhưng khi người mẹ phải ở nhà giữ con thì

không thể đi lao động được, còn nếu đi lao động mà địu con theo thì lao động cũng không có kết quả gì cho lắm.

Cách đây 20 năm tôi đã thử mở một nhà giữ trẻ trong một làng dân tộc. Lúc đầu tôi nhờ một cô người kinh giữ trẻ cho cái nhà trẻ của tôi ở làng PleiTeng (cô này từng đi tu nhưng sau năm 1975 thì không còn đi tu nữa. Cô rất là am hiểu về vấn đề sư phạm).

Thế nhưng người kinh không thể dạy dỗ cho trẻ em người dân tộc được vì có nhiều lý do:

1. *Khác biệt về ngôn ngữ*: không biết tiếng của nhau, mình nói tiếng kinh, các em là người dân tộc nên không hiểu gì.

2. *Người dân tộc dạy con theo cách của họ là*: không bao giờ la mắng con. Người kinh của mình hễ nói nó không nghe là la nó. Mà la nó thì nó sợ, ngày mai nó không đi học, có tới nhà nó năn nỉ thì nó trốn chớ nhất định nó không đi học nữa.

Tôi thấy bế tắc quá nên tìm một người khác, người này cũng là người kinh nhưng hiền lành hơn. Nhưng cô này chỉ làm được một tháng... các em nó đi học rồi thì dần dần chúng nó cũng ở nhà hết.

Cuối cùng thì tôi cũng có được một đứa con gái người dân tộc, em này như con nuôi trong nhà tôi, tên là H'Rung, em còn đang đi học. Sau khi em đậu được Tú Tài thì tôi nói với em:

- Con hãy về giữ trẻ trong làng con để cho ba má các cháu được rảnh tay đi làm nương rẫy, các anh chị của chúng được đi học ở trường. Bây giờ nhà trẻ của làng mình mở ra mà không có em nào tới học.

Trời ơi! Khi em H'Rung về làng để giữ trẻ, cha mẹ ùn ùn đem con cái tới ngày càng đông. Đã có một Linh

Mục cho một người kinh giữ trẻ của làng mình đến xem thử "tại sao nhà giữ trẻ này các em nó đi học đông như thế?". Đơn giản thôi: chỉ là người dân tộc biết tính của người dân tộc. Nếu muốn đưa bé ngủ trưa thì cô giữ trẻ phải địu nó trên lưng, hát tiếng Jarai cho đến khi đưa trẻ ngủ say rồi mới đặt nó nằm xuống nền nhà, các đứa trẻ khác thấy vậy cũng đều nằm xuống ngủ (các em dân tộc không có thói quen ngủ trưa).

Khi mở nhà trẻ như vậy tôi nhận thấy có hai điều ích lợi: Thứ nhất là cho anh chị nó được đi học. Thứ hai là cho cha mẹ nó được đi lao động. Nhưng điều cần thiết và quan trọng là cô giữ trẻ đó phải là người dân tộc thì việc này mới thành công.

Tôi cảm ơn các sơ Nhà Trắng Sài Gòn. Các sơ đã có một nhà trẻ tên là Sapa, lúc đó các sơ đã nhận cho tôi một số em người dân tộc trông coi các nhà trẻ của tôi từ 3 tới 5 tháng để tập cho các em cách giữ trẻ. Khi về tới bản làng các em rất thành công trong việc giữ trẻ cho người sắc tộc của mình.

Kinh nghiệm thực tế cho tôi thấy chỉ có người dân tộc giữ và dạy được trẻ người dân tộc mà thôi.

Trong khi những em bé ở nhà trẻ được 1, 2 hay 3 năm thì nó được cái gì?

Thứ nhất: Nó được các cô giáo người dân tộc biết tiếng kinh tập hát các bài hát tiếng kinh như là: "Em có ba... em có má,.."; hoặc là bài " kìa con bướm vàng... xòe đôi cánh... " nên nó cũng làm quen được với tiếng kinh. rồi khi vào lớp một thì nó đã biết được chút ít tiếng kinh, nên nó theo học dễ dàng hơn là khi không biết một chút tiếng kinh nào.

Thứ hai: Khi ở trong nhà trẻ chúng tôi lo chăm sóc sức khỏe cho các em, nhờ các y, bác sĩ đến khám sức khỏe cho các em, xô lăn cho các em, gặp mùa nào các em bị ghẻ là phải lo xức ghẻ cho chúng nó. Tập cho các em uống nước đun sôi, nước lọc, nước sạch... Tập cho các em biết giữ vệ sinh, biết ngồi lên cái bô, tập cho các em cách sử dụng đồ chơi, tập cho các em những điều cần thiết như là kỷ luật để khi bước vô trường nó không khóc đòi về nhà, mà chịu ở lại học và học được, hiểu được, theo được chương trình học trong sách giáo khoa. Các cô giáo lớp 1 nói với nhiều người là rất thích nhận các em đã học qua “Nhà trẻ của Cha Đông”.

Kết quả đạt được bây giờ là tôi thấy có nhiều em vào lớp 6 cấp II, nó học khá giỏi, nhờ lúc trước nó ở trong nhà trẻ của tôi. Mỗi năm đến Tết thì ba má nó đưa nó tới thăm tôi, nó nói tiếng kinh khá rành. Nó biết chào hỏi, biết cảm ơn khi mình làm việc gì đó giúp nó. Có nhiều cha mẹ người dân tộc cũng không biết làm sao dạy cho con mình biết chào hay cảm ơn, khi có việc gì đến nhà tôi và tôi cho nó một cái gì, mẹ nó biểu nó "cảm ơn Cha đi" nó cũng không biết nói cảm ơn và cũng không nhìn tôi. Nhưng những đứa bé được học trong nhà trẻ của chúng tôi thì lại khác: các em biết chào hỏi, thưa gửi và biết nói cảm ơn.

Những đứa ở trong nhà trẻ khi lên lớp 1 nó có thể hòa đồng với các bạn người kinh ở trong lớp, trong trường của nó. Cho nên chúng tôi nghĩ bằng mọi cách chúng ta phải mở nhà trẻ ở tại các làng dân tộc.

Điều khó khăn nhất là phải tìm được một chỗ đất trống khá rộng rãi, có đầy đủ không gian, đủ phương tiện, có nước sạch... để các em đến đó, có thầy cô dạy cho nó và còn cho nó một buổi ăn trưa có chất lượng... Rồi với sự

đóng góp chút ít của các bậc cha mẹ như là 20.000 đồng hay vài lon gạo; đó chỉ là sự đóng góp chung có tính cách tượng trưng. Nhưng về phần chúng ta thì chúng ta phải vận động những nhà hảo tâm, những người có lòng tốt ở nơi này nơi nọ để họ giúp đỡ chúng ta. Mỗi tháng chúng tôi cũng trả lương cho các cô giáo để các cô có điều kiện sinh sống. Vào những ngày lễ như ngày 8 tháng 3, ngày 20 tháng 11... thì chúng tôi cũng gửi quà cho các cô. Ngày Noen hay ngày tết cũng phải gửi thêm cho cô giáo 1 tháng lương, hay ít ra là nửa tháng và đó chính là điều động viên tinh thần của các cô trong công việc. Nhưng dù sao đi nữa thì các cô giữ trẻ trong làng của mình, các cô cũng cảm thấy được niềm an ủi: đó là thấy được cái kết quả lợi ích rõ ràng mà các cô đã đem lại cho các em ở trong làng

Mặc dù tôi cũng có gặp ít nhiều khó khăn về phía nhà nước, với chính quyền địa phương. Nhưng sau khi trình bày với các cấp lãnh đạo của tỉnh là chúng tôi không đủ điều kiện để mở nhà trẻ như của nhà nước, nhưng mục đích của tôi là như vậy... như vậy... Các cán bộ thông cảm và cũng đã vào thăm các nhà giữ trẻ. Vì vậy nên họ đồng ý cho chúng tôi mở nhà giữ trẻ theo mô hình này.

8 .

NGƯỜI DÂN TỘC PHẢI BIẾT TIẾNG KINH

Người dân tộc biết tiếng kinh là một điều vô cùng quan trọng. Nước Việt Nam chúng ta có tất cả là **54** dân tộc trong dải đất hình cong chữ S này. **54** dân tộc có nghĩa là nói **54** thứ tiếng khác nhau. Mỗi một sắc tộc không những có một thứ ngôn ngữ riêng của mình mà còn có đời sống văn hóa khác nhau, qua những câu ca dao tục ngữ, hay những câu chuyện cổ tích của dân tộc mình... Nên bản sắc của người dân tộc cũng có nhiều điều khác nhau.

Vậy thì thứ tiếng nói chung của mọi người gọi là tiếng phổ thông. Tiếng phổ thông trong sách giáo khoa cũng như trong giấy tờ hành chánh... tất cả đều bằng tiếng **Việt** - người dân tộc gọi là tiếng **Yuan** - riêng địa phận Kontum gồm 2 tỉnh Gia Lai và Kontum đã có trên 30 thứ ngôn ngữ khác nhau rồi. Với hơn 30 thứ ngôn ngữ khác nhau đó, thì trong công tác Mục Vụ của các vị Thừa Sai, của các nhà truyền giáo, đòi hỏi rất nhiều đến sự hy sinh và cố gắng của mỗi người làm công tác khai hóa, hay là làm công tác rao giảng Tin Mừng cho các sắc tộc khác nhau. Nên việc quan trọng nhất là người dân tộc cần phải biết tiếng kinh, từ trẻ nhỏ cho tới người lớn. Từ những vùng xa xôi cho đến những làng ở gần người kinh.

Biết tiếng kinh là rất quan trọng. Vì sao?

- * Sách giáo khoa các cấp đều bằng tiếng kinh.
- * Giấy tờ hành chánh, đơn từ cũng bằng tiếng kinh.
- * Mọi giao tiếp trong xã hội cũng bằng tiếng kinh.

Người dân tộc biết tiếng kinh thì đỡ mặc cảm khi tiếp xúc với mọi người. Một khi người dân tộc đọc được tiếng kinh thì họ cũng đọc được tiếng của dân tộc mình. Người dân tộc viết được tiếng kinh thì họ cũng viết được tiếng của dân tộc mình.

Các vị Thừa Sai ngày xưa đi rao giảng Tin Mừng cho các sắc tộc ở Tây Nguyên, thì tiếng kinh là thứ tiếng đầu tiên mà các vị phải học. Rồi từ vốn liếng hiểu biết tiếng kinh đó, các vị Thừa Sai mới làm ra các thứ chữ viết của các sắc tộc khác nhau ở Tây Nguyên: Từ sách dạy giáo lý cho đến các thứ sách vở khác cũng đều dựa vào mẫu tự a, b, c... Bây giờ chương trình học cấp I, cấp II, cấp III ở trong cả nước cũng bằng tiếng kinh. Nếu các em nhỏ vào trường Mẫu giáo hoặc trường cấp I mà các em không rành tiếng kinh thì chỉ học được chừng 1, 2 năm; nó nghe nhưng không hiểu gì thì nó ngã lòng và không muốn tiếp tục đi học nữa.

Thứ nữa vì không biết tiếng kinh nên các em không hòa nhập được với các bạn trong lớp. Có những em học sinh người kinh cũng ưa kỳ thị với người dân tộc. Một em kể chuyện với tôi:

- Con đi học, cô giáo cho con ngồi gần một bạn người kinh nhưng bạn người kinh đó không thích cho con ngồi gần. Bạn đó lấy cái cặp của con bỏ xuống đất rồi đạp chân lên. Con tức quá con mết cô giáo. Cô giáo la bạn đó thì bạn đó ra ngoài đường đánh con, con đánh lại bạn đó, bạn đó bị thua con rồi chạy về nhà mết cha mẹ, cha mẹ bạn đó tới nhà con hăm dọa: "Mày ra đường tao đánh mày chết" thành ra con không dám đi học nữa, vì thế nên con phải nghỉ học.

Cho nên khi vào lớp 1, lớp 2, dù học sinh dân tộc đi học cũng nhiều, nhưng lên đến lớp 3, lớp 4, lớp 5 thì các em dần dần bỏ học: một phần vì bị kỳ thị, một phần là do cha mẹ người dân tộc thấy việc học của con cái không cần thiết như sự suy nghĩ của người kinh.

Thêm một điều này nữa: Thầy cô giáo người kinh nói đủ giọng: giọng Bình Định, Quảng Ngãi... Giọng Bình Định thì nói: "cái **lốp** xe **đạp**", giọng Quảng Ngãi thì nói: "cái **láp** xe **đốp**", "con **gà**" thì nói là "con **gò**"... Còn như các thầy cô người Huế, người Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An thì nói nhiều thứ giọng khác nhau rất khó nghe, nên các em học sinh dân tộc khi vào lớp 1 thì rất ngỡ ngàng trước nhiều giọng nói khác nhau của người kinh. Cho nên:

Biết tiếng kinh, giỏi tiếng kinh là một điều rất cần thiết cho người dân tộc.

Nhà trường thường có bệnh thành tích. Các em lên lớp 3, lớp 4; nhưng chưa đủ trình độ ngang tầm với lớp 3, lớp 4. Rồi lên lớp 4, lớp 5... thì cũng có bằng Tiểu Học như mọi người, bệnh thành tích mà! Lên lớp 6 các em không thể học được nữa, nó đành phải ở nhà. Dù có bằng Tiểu Học nhưng nó không nói được, không viết được, cũng không rành tiếng kinh là phải chịu thiệt thòi như thế.

Người dân tộc mà không biết tiếng kinh, nhất là người lớn, họ rất lúng túng trong việc giao tiếp với xã hội. Người dân tộc không biết nói tiếng kinh thì họ ngại đi chợ, ngại mua bán vì không hiểu nhau được, khi bị bệnh họ cũng rất ngại đến bệnh viện vì họ không biết đọc và không biết viết.

Người ta kể cho tôi nghe có một người dân tộc nọ tới bệnh viện thăm người thân của mình, dù biết số phòng người thân của mình đang nằm nhưng lại không biết đọc

cho nên đã đi từ phòng này sang phòng nọ hết một ngày. Họ không ngờ bệnh viện rộng lớn đến như thế... cho nên dù đã đi hết một ngày mà vẫn không tìm được người nhà, chỉ vì không biết đọc chữ. Ngày hôm sau phải nhờ một người biết đọc dẫn họ tới phòng đó, bấy giờ mới gặp được người thân.

Ở Gia Lai chúng tôi chẳng hạn, khi có một người dân tộc đem con đến bệnh viện, mà bệnh viện bảo bệnh này nên chuyển đi bệnh viện Nhi Đồng 1 ở thành phố Hồ Chí Minh; thì người dân tộc thường hay bồng con về. Bởi vì sao? Bởi vì: thứ nhất là họ không biết tp HCM ở chỗ nào? Vì họ chưa bao giờ đi ra khỏi cái làng của mình, họ cũng không biết tiếng kinh nên không biết làm thế nào để giao tiếp trong những ngày nuôi con ở bệnh viện. Rồi thì lo ngại vì không có tiền để đi, mặc dù trẻ em thì được chữa bệnh miễn phí. Nhưng những người đi theo cũng phải ăn để nuôi con, cũng phải có chỗ ở mới lo cho con của mình được... Vì thế mà có những người đành phải bồng con mình về nhà chờ chết! Rất may là có những nữ tu có nhà Mẹ ở Sài Gòn cho nên họ cũng tìm đủ mọi cách để đưa các em bệnh nhân đó cũng như các bệnh nhân khác về Sài Gòn, hoặc là đưa đi Chợ Rẫy, hoặc là Nhi Đồng 1, hoặc là bệnh viện Ung Bướu để được chữa trị. Đôi khi chi phí chỉ là 5 hoặc 3 triệu cho một em bé thì được chữa khỏi bệnh. Nhưng giả như không có ai chỉ đường, chỉ lối thì họ ngại đi vì không biết tiếng kinh... cho nên họ đành đem người thân của mình về nhà.

Các sắc tộc thiểu số trong hai tỉnh Gia Lai và Kontum tuy có đến hơn 30 ngôn ngữ khác nhau, nhưng bây giờ sự giao tiếp giữa dân tộc này với dân tộc khác là rất thường xuyên. Một người Công giáo đi tham dự một

Thánh lễ của địa phận như Lễ Dầu hoặc một Thánh lễ lớn chẳng hạn, mà có nhiều sắc tộc khác nhau, khi người dân tộc qui tụ về một chỗ thì tiếng nói có thể dùng để giao tiếp với nhau là tiếng Kinh. Người Xê đăng biết tiếng kinh nói với người Bahnar, người Jarai nói tiếng kinh với người Xê đăng... vv... Một khi ngồi lại với nhau mà có một thứ ngôn ngữ chung thì dễ giao tiếp với nhau hơn, còn nếu không biết tiếng kinh thì khi đó người dân tộc thường co cụm lại với nhau. Không biết tiếng của nhau thì không thể giao tiếp với nhau được.

Các nữ tu đã làm một việc rất quan trọng là: cùng với những người Thiện Nguyện mở những lớp xóa nạn mù chữ trong các làng. Nhưng tôi lại thấy đa số những người học ở các lớp xóa mù chữ là giới nữ. Họ là mẹ, họ học chữ rất nhanh, họ đọc và viết được cũng khá nhanh. Cho nên họ có thể giúp được cho con cái họ đang học lớp 1, lớp 2. Sửa lại cái chữ, hoặc kiểm tra bài cho các con học lớp 1, lớp 2 một cách dễ dàng.

Tôi cảm thấy rằng các lớp xóa mù chữ cho các bà mẹ như vậy là có nhiều ích lợi trong việc giáo dục con cái. Nếu thực sự chúng ta thương người dân tộc thì chúng ta phải làm mọi cách để người dân tộc, từ nhỏ cho tới lớn đều biết nói, biết đọc và biết viết tiếng kinh. Tôi nhận thấy các Linh Mục và các nữ tu đã có những sự cố gắng rất hữu ích cho học sinh người dân tộc. Học sinh người kinh thường được các bậc cha mẹ có tiền cho đi học thêm, nhưng người dân tộc thì không được như thế. Trong khi các em người kinh học sách giáo khoa bằng tiếng kinh mà còn có buổi học thêm, còn người dân tộc học sách giáo khoa như học tiếng nước ngoài mà lại không có giờ học thêm, thế nên những buổi học thêm rất cần cho các em,

nhằm để giảng giải những bài học mà các em chưa kịp hiểu được bằng tiếng kinh trong lớp của mình. Các nữ tu đã mở những lớp học bồi dưỡng tiếng kinh cho các em ở các cấp chẳng hạn. Các lớp học này rất là ích lợi cho các em về nhiều mặt: ví dụ như các em đi học buổi chiều thì buổi sáng các em tới nhà của các nữ tu đang ở, các nữ tu sẽ lo cho các em bài học của buổi chiều, hay giải nghĩa lại cho các em những bài các em đã học trong những ngày trước để các em hiểu bài hơn. Những em đi học buổi sáng thì buổi trưa cũng về nhà các nữ tu, họ cho các em ăn. Rồi buổi chiều các nữ tu cũng dạy cho các em những bài học mà các em đã học buổi sáng.

Nhưng quan trọng hơn hết là các nữ tu đã dạy cho các em đọc chuẩn tiếng kinh, nhờ vậy mà trong nhà thờ có những người dân tộc đọc sách Thánh bằng tiếng kinh còn hay hơn cả người kinh nữa. Các em cũng rất hạnh diện vì mình biết tiếng kinh, các em luôn sẵn lòng làm thông dịch cho những người trong làng của mình mỗi khi có y, bác sĩ về làng để khám bệnh cho dân làng, hay đi tới bệnh viện để làm thông ngôn cho cha mẹ, vì cha mẹ của các em không rành tiếng kinh bằng con mình.

Nếu chúng ta thương người dân tộc thật sự, nhất là phía Giáo Hội, Giáo Phận, hoặc những người làm việc cho Giáo Phận, mà trong Giáo Phận đó có nhiều sắc tộc khác nhau, thì không những chúng ta cần phải học để biết được tiếng dân tộc nơi các sắc tộc mình đang sống, mà các Linh Mục, các nữ tu còn phải biết ít nhiều một số thứ tiếng của người dân tộc nơi mình đang ở là rất cần thiết. Nhưng cần thiết và quan trọng hơn nữa là nếu các linh mục, các nữ tu có lòng thương anh em dân tộc thì nên tìm mọi cách để giúp đỡ, tạo mọi điều kiện cho người dân tộc

được biết tiếng kinh, nhất là các em học sinh dân tộc từ mẫu giáo cho đến cấp 1, các em phải hiểu tiếng kinh, một khi đã hiểu tiếng kinh rồi, thì các em học và hiểu bài rất nhanh. Đã có những em học sinh dân tộc học rất giỏi vì các em giỏi tiếng kinh.

Có một điều quan trọng chúng ta cần lưu ý là ***chúng ta đừng để người dân tộc mất gốc. Bởi vì các dân tộc thuộc các sắc tộc ở những miền xa xôi họ có các mặt đạo đức tự nhiên rất là tốt. Họ ăn ngay nói thật, sống đơn giản, không trộm cắp, không ăn xin...***

Tôi nhận thấy cách sống của một số người kinh đã làm gương xấu cho các anh em người dân tộc. Những người già có tuổi họ rất sợ người kinh tới sống ở gần làng của họ. Tại sao? Tại vì họ bị mất chó hết tron. Người dân tộc ít khi nào đi lấy chuối hay các thứ trái cây của người khác. Người dân tộc thường trồng chuối ở bờ suối, có thể ông A trồng bụi chuối của mình gần bụi chuối của ông B, nhưng của ai trồng thì người đó ăn chứ không lấy của người khác. Người kinh thì trái lại... tới ngày kỵ ngày giỗ, cần chuối để bán thì ban đêm rọi đèn pin đi ra rẫy... thấy cây chuối nào cũng chặt, thấy cái gì cũng lấy...

Thế thì nhất định mình phải giữ cho được những điều tốt đẹp trong lòng người dân tộc. Tôi thiết nghĩ Giáo Hội có vai trò quan trọng và trách nhiệm lớn trong việc này. Vì thế cho dù với thứ ngôn ngữ của bất cứ sắc tộc nào, thì chúng ta cũng nên cố gắng gìn giữ và ghi chép giúp cho họ, như những ca dao tục ngữ, những câu chuyện cổ tích của sắc tộc họ, những văn hóa phi vật thể...v.v...

Như văn hóa ***Cồng Chiêng*** chẳng hạn, là điều mà ta ***phải và nên khơi dậy***. Vì đó chính là di sản của nhân loại, chúng ta phải giữ lại nơi người dân tộc và cho người dân

tộc. Như ngôn ngữ chẳng hạn, những bài học giáo lý, những bản dịch Kinh Thánh này kia, kia nọ... ta phải làm cách nào đó cho mỗi bộ lạc, mỗi tiếng nói đều có một bản Kinh Thánh bằng ngôn ngữ của họ, để từ đó họ hiểu lời Chúa nhiều hơn nữa, bằng chính tiếng mẹ đẻ của mình.

Vậy chúng ta phải cố gắng gìn giữ những điều tốt đẹp nơi người dân tộc. Lẽ dĩ nhiên cũng có những điều không tốt ở nơi họ và chúng ta cần khuyên họ, nhắc nhở với họ. Chẳng hạn như thói quen uống rượu. Người nào cũng uống rượu... cũng có thể vì họ ở vùng sâu vùng xa bị sốt rét lạnh quá, mà họ không có thuốc uống nên họ uống rượu cho ấm... nhưng chúng ta phải giải thích cho họ biết uống rượu thì rất là tai hại. Cho nên chúng ta vừa phải tìm mọi cách để gìn giữ những nét đẹp trong đời sống văn hóa của họ, đồng thời chúng ta cũng cố gắng khuyên bảo và giúp họ bỏ đi những hủ tục, những điều mê tín dị đoan trong đời sống thường ngày của họ, vì đó không phải là những niềm tin chân chính.

Tôi lấy một ví dụ:

Như thời Đức Cha Phaolô Kim, Ngài có một cuốn phim nói về công cuộc truyền giáo ở Tây Nguyên, trong cuốn phim đó có một đoạn diễn về cảnh lễ đâm trâu của người dân tộc. Khi qua bên Châu Âu chiếu phim này thì người ta phản đối đoạn có cảnh Lễ đâm trâu, vì thế mà Ngài đã phải cắt bỏ đoạn đó trong phim. Ngài nói rằng:

- Lễ Đâm Trâu bị người ta phản đối và Ngài thấy cũng có lý, bởi vì chúng ta sống trong xã hội Á Đông, đa số theo Phật Giáo, mà Phật giáo thì không có sát sinh. Chúng ta tổ chức lễ Đâm Trâu như vậy là chạm đến niềm tin của anh em trong tôn giáo bạn.

Những nét đẹp văn hóa về đời sống của người dân tộc trong nước Việt Nam, chúng ta không thể để cho họ bị mất gốc. Anh em người kinh mình có những điều gì hay, tốt đẹp. thì chúng ta cũng nên đem đến cho người dân tộc. Những người Kitô giáo chúng ta có Tin Mừng, có Chúa Giêsu thì chúng ta phải đem văn hóa Tình Thương của Chúa Giêsu đến cho anh em dân tộc.

Ca dao Việt Nam có câu:

Yêu nhau cởi áo cho nhau

Về nhà dỗi cha dỗi mẹ... qua cầu gió bay

Ngày đó tôi cũng nghe, cũng hát... nhưng nếu khi về nhà mà dỗi cha, dỗi mẹ thì đó là một nét văn hóa cần phải xét lại. Vì tôi muốn nói đến **Văn Hóa Chúa Giêsu**, là nền văn hóa cho tất cả thế giới này. Chúa Giêsu Ngài bảo: "*Yêu nhau là rửa chân cho nhau. Thầy là Thầy mà Thầy còn rửa chân cho anh em, thì anh em hãy rửa chân cho nhau*". Bởi thế những gì hay, đẹp, phù hợp với chân lý, phù hợp với lẽ phải thì chúng ta phải phổ biến cho mọi người, trong đó có anh em dân tộc thiểu số của chúng ta.

Tôi thường hay nói với anh em người dân tộc:

“Chúng ta là người dân tộc nghèo, chúng ta phải thương yêu nhau trước, trước khi chờ đợi người khác thương yêu mình. Chúng ta phải giúp nhau trước, trước khi chờ người khác giúp mình”.

ĐẠI VỊCH CÁC THỂ NỮ DÂN TỘC BÉ LÀM VỢ LÀ MẸ

Người Việt Nam chúng ta có câu: " **Phúc đức tại mẫu**". Cái Đức là nhờ ở người Mẹ.

Người Việt Nam ta cũng thường hay nói: " Con dại thì Cái mang". Con mà có như thế nào: không ngoan ngoan, hư hỏng thì người mẹ là người chịu trách nhiệm, vì "con hư tại mẹ, cháu hư tại bà". Người Việt Nam chúng ta theo Phụ hệ, con cái mang họ cha, không lấy họ mẹ. Nhưng đa số các sắc tộc ở Tây Nguyên thì theo Mẫu hệ, tức là con cái mang họ mẹ. Mẹ là Ksor thì con cũng họ Ksor... Vì theo chế độ mẫu hệ nên người ta vẫn xem người mẹ có một vai trò rất quan trọng trong gia đình và trong việc giáo dục con cái nữa.

Người dân tộc xưa nay đều lập gia đình rất sớm, con gái mới 16, 17 tuổi..., con trai thì 17, 18... là đã lập gia đình rồi. Con gái mà đi học như kiểu của người kinh là học tới tú tài hoặc trên tú tài, cử nhân hay học những gì khác, mà trên 20 tuổi nhưng vẫn chưa lập gia đình thì bị xem như quá trễ và khó mà lập gia đình. Vì con trai ở lứa tuổi 20 là đã lấy vợ rồi.

Chúng ta cũng biết đa số người dân tộc sống trong vùng sâu vùng xa nên rất ít được học hành. Ngày trước các em muốn học cấp III thì những gia đình ở huyện phải đưa con mình lên thành phố, hay về tỉnh lỵ để học. Nhưng ngày nay các huyện cũng đã có trường cấp III, còn các xã thì có trường cấp I. Các cụm xã có trường cấp II nữa. Nhưng nếu như người dân tộc muốn theo việc học hành ở đó thì nhiều khi cũng gặp lắm điều khó khăn.

Tôi tập trung tất cả các em thiếu nữ lứa tuổi 16,17 trong các giáo xứ ở thành phố Pleiku về để học làm vợ và làm mẹ. Các em này là những em đã bỏ học ở các trường địa phương của mình, các em biết đọc, biết viết rất ít mặc dù có em đã học đến lớp 5.

Tôi hỏi:

- Tại sao hỏi nhỏ các con không đi học?

Các em trả lời:

-Hỏi nhỏ con có đi học chớ, nhưng lên tới lớp 6 cô giáo nói con không hiểu gì cả, nên con không đi học nữa.

Những em thiếu nữ như thế, muốn cho các em hiểu biết thêm thì tôi có những khóa học và nhờ các Cha, các nữ tu đang sống và làm việc tông đồ ở những làng khác nhau giới thiệu cho các em về học. Mỗi khóa học như vậy kéo dài 6 tháng, có từ 40 đến 60 em. Hỏi đó ở giáo xứ Đức An tôi có một nhà Sinh Hoạt để lo cho các em là như thế. Khi các em về nhà tôi ở lại và theo học, các nữ tu Dòng Nữ Vương Hòa Bình ở Ban mê Thuật nhận nhiệm vụ chăm sóc cho các em.

Vấn đề mà chúng tôi lo là sức khỏe của các em. Các em được đi khám sức khỏe. Nhất là những em đang có những "trục trặc" nào đó về sức khỏe thì phải báo ngay để các bác sĩ lo chữa trị cho các em. Nhờ thế mà có nhiều em phát hiện được nhiều bệnh. Có những bệnh thật ra chỉ cần chữa 1, 2 tuần là khỏi, nhưng vì các em không được tiếp xúc với thầy thuốc, với thuốc men. Chẳng hạn như có em đó bị nhiễm trùng tai, nó đau đầu suốt nhưng vì cha mẹ không biết. Khi tới nhà Sinh Hoạt của tôi ở, em được chữa trị trong vòng 1 tháng thì khỏi hẳn và còn lên ký lô nữa. Bác sĩ nói nếu để lâu thì em có thể bị điếc tai.

Cho nên tôi nói rằng:

Điều thứ nhất là chúng tôi phải lo cho sức khỏe của các em, mình phải chịu tốn kém để chữa trị cho các em được khỏe mạnh. Sau này một người vợ, người mẹ mạnh khỏe bao giờ cũng tốt cho gia đình, cho con cái của mình.

Điều thứ hai là chúng tôi lo dạy văn hóa cho các em. Các Cha cũng như các thầy Dòng Phanxicô đã giúp tôi trong công việc dạy văn hóa cho các em. Việc trước tiên là các em phải học và đọc cho giỏi tiếng kinh. Một khi các em đọc được tiếng kinh thì các em đọc được tiếng của dân tộc mình ngay. Mà các em viết được tiếng kinh thì các em cũng viết được tiếng của dân tộc mình.. Vì thế cho nên chúng tôi nhất định phải dạy và trau dồi cho các em nói thông thạo được tiếng kinh và phát âm đúng dấu; đúng giọng của tiếng kinh.

Như tôi đã từng nói: thật sự thì người dân tộc không biết cân, đo, đong, đếm... cho nên chúng tôi phải dạy cho các em biết cộng, trừ, nhân, chia... đó là cả một vấn đề. Phải làm thế nào để giải thích cho các em hiểu một cách dễ dàng, nên chúng tôi phải dùng những hình ảnh cụ thể để dạy thì các em mới hiểu thế nào là toán cộng, toán trừ, toán nhân hay toán chia...

Rồi một lần có 2 em đến gặp tôi và nói:

- Thưa Cha, trong làng chúng con không cần học toán nhân, toán chia đâu, chúng con học toán cộng và toán trừ là đủ rồi.

Tôi phì cười, bảo với hai đứa:

- Cả thế giới này cần toán nhân toán chia mà sao tụi con lại không cần? Thôi thì các con học được cái gì hay cái đó. Để Cha nói với các sư dạy cho các con rành toán

cộng, toán trừ rồi chúng con sẽ biết toán nhân là thế nào? Toán chia là thế nào? Để lúc đó chúng con có thể biết như mọi người đã biết.

Không chỉ có dạy cho các em học chữ, học toán mà các sơ còn phải dạy cho các em cách sống đạo đức: đạo đức làm vợ và làm mẹ. Làm vợ, làm mẹ là làm như thế nào? Rồi thì dạy cho các em biết chăm sóc sức khỏe cho mình và cho trẻ em. Vì người dân tộc sinh con mà không biết chăm sóc con cho đúng vệ sinh nên các em chết lúc tuổi nhỏ là khá nhiều.

Rồi chúng tôi còn phải dạy cho các em những kiến thức căn bản như uống nước đun sôi hay uống nước lọc. Vì tôi biết 80 % trẻ em bị bệnh là do uống nước không sạch. Các sông suối đều đã bị ô nhiễm, người dân tộc không biết đào giếng. Ngày trước các làng dân tộc thường ở gần bờ sông, bờ suối hoặc các nguồn nước, nước chảy cả ngày... Nhưng bây giờ các nguồn nước đó không còn tinh khiết như cách đây 30, 40 năm về trước nữa.

Người kinh bây giờ thường hay san bằng những mảnh đất nằm dọc theo bờ sông, bờ suối để làm ruộng, khi làm ruộng thì họ phun thuốc trừ sâu, rồi bón phân hóa học... Do đó các giòng sông, giòng suối không còn tinh khiết nữa.

Các thiếu nữ dân tộc mà chúng tôi nhắm đến cho các khóa học 6 tháng, thì tôi nhờ các Linh Mục, các nữ tu đang phục vụ tại các vùng xa xôi chú ý chọn dùm tôi, vì những nơi đó thiếu thốn trường lớp, ít được tiếp xúc với y tế và giáo dục, đó là lý do tôi thường chọn các em ở những vùng ấy.

Sự đóng góp về vật chất của các em là rất ít, nhiều em không có gì để đóng góp. Nhưng có những gia đình

trong giáo xứ hoặc những nơi khác biết nên người ta cũng chung phần với tôi để có điều kiện lo cho các thiếu nữ này. Bởi vì mọi người biết công việc này rất ích lợi cho các thiếu nữ người dân tộc, nhất là khi họ làm vợ, làm mẹ trong gia đình.

Tôi lấy một ví dụ: các nhóm từ thiện như nhóm “*Hướng về Tây Nguyên*”, đây là nhóm bạn của tôi khi họ còn ở Việt Nam, họ đã thấy công việc của tôi như thế nên khi về nước, họ đã góp phần của họ vào công việc này để đào tạo những thiếu nữ dân tộc thành những người phụ nữ biết lo cho gia đình của mình.

Năm **1992**: Tôi mở Nhà Nội Trú cho các em học sinh. Học sinh người kinh thì nhiều mà người dân tộc thì rất ít. Các em này cũng về ở trong nhà của tôi để đi học tại các trường cấp III trong thành phố Pleiku. Nhà nước cũng khen tôi là biết nhường nhà của mình cho học sinh các nơi về học, thậm chí là cán bộ cũng gọi con đến nhà nội trú của tôi, có các nữ tu Dòng Phaolô chăm sóc và dạy dỗ thêm. Đa số các em bây giờ đã trở thành những người rất đàng hoàng trong xã hội. Cho tới năm **2002** thì các huyện cũng đã có trường cấp III, các xã có nhiều trường cấp I, các cụm xã đều có trường cấp II. Các em học sinh có thể về học cấp II tại xã, cấp III tại huyện. Vì thế nên các em ở gần nhà cũng thuận tiện để có thể giúp đỡ công việc trong gia đình, nhất là khi ở gần gia đình thì sẽ được cha mẹ quan tâm chăm sóc dạy dỗ thêm.

Từ năm **1992** đến năm **2002**: Tôi mở nhà nội trú cho các em người kinh, có khi số lượng các em trong nhà nội trú lên đến 135 em. Có một số các em là người ngoài Công Giáo. Khi ở nội trú các phụ huynh người kinh cũng đi thăm con, các phụ huynh người dân tộc cũng đi thăm

con. Sự khác biệt giữa người kinh và người dân tộc khi đi thăm con là như thế nào? là như thế này:

Cha mẹ người kinh khi đi thăm con mình, họ đem quà thì chỉ đem cho con của mình mà thôi, các em muốn chia sẻ cho người khác thì tùy ý các em.

Năm 2002: Tôi mở nhà nội trú cho các em người dân tộc, tôi nhận thấy rằng:

Người dân tộc khi đi thăm con của mình, nếu trong làng có mấy em ở nội trú thì mấy em đó tới gặp cha mẹ của bạn mình một cách thân tình như người nhà của mình vậy. và người dân tộc đi thăm con, khi mang quà là mang cho tất cả mọi người luôn, chẳng hạn như là ổi, bắp, mía... thì mang theo cả một gùi cho các em ăn chung. Nhiều khi tới mùa bí đỏ thì người ta chở tới cả một xe bí cho các em nấu ăn chung với nhau.

Điều này cho tôi thấy rằng **người dân tộc rộng rãi hơn người kinh và có tính cộng đồng gắn bó với nhau rất đặc biệt.** Đó là gương tốt cho tôi.

Khi sống xa nhà người dân tộc rất hay nhớ làng, họ không quan trọng việc học hành cho lắm nên nhiều khi đang học mà nhớ nhà quá, thì em đó nói "con nhớ nhà" và đòi đi về làng, nếu không cho nó về thì nó cũng trốn về. Chúng tôi biết điều đó nên ngoài các sơ Nữ Vương Hòa Bình ra, thì chúng tôi còn chọn thêm một số em người dân tộc đang học trường Cao Đẳng Sư Phạm Gia Lai, hoặc là đã tốt nghiệp, chúng tôi để các em này ở chung với các em nội trú. Những gì mà các sơ nói với các em học viên, nếu các em không hiểu thì các sơ sẽ nhờ các em phụ tá này nói lại với các em học viên, như một người chị nói chuyện với người em của mình, như thế các em sẵn lòng nghe và dễ hiểu.

Chúng tôi mở một khóa học như vậy với thời gian là 6 tháng, sau mỗi khóa học chúng tôi cấp cho các em một chứng chỉ rất đẹp, có hình ảnh của các em, cho các em biết các em đã học được những gì. Chúng tôi còn tổ chức lễ bế giảng hết sức long trọng, mời những ân nhân đã đóng góp giúp đỡ chúng tôi trong việc lo cho các em đến dự lễ. Cũng có chương trình văn nghệ "cây nhà lá vườn" nho nhỏ do các em phụ trách, sau đó là một bữa tiệc chia tay và phát chứng chỉ cho các em. Các em cũng như cha mẹ các em đều rất vui mừng khi nhận được chứng chỉ tốt nghiệp này. Vì tôi biết các chàng trai trong làng cũng thích kết hôn với những thiếu nữ biết nói thông thạo tiếng kinh, đã được học qua trường lớp để có thể làm vợ, làm mẹ tốt.

Sau 6 tháng chúng tôi lại mở một khóa khác, và sau mỗi khóa học như vậy chúng tôi giữ lại chừng 5, 6 em; để các em của khóa mới được các em của khóa trước hướng dẫn cho những điều cần thiết. Khi các em khóa học mới tới ở chừng 10 ngày thì chúng tôi cho các em khóa cũ được về nhà. Các em khóa mới cũng được về thăm nhà 1 tuần. Sau đó các em khóa cũ có thể ở nhà luôn. Còn các em khóa mới thì tùy ý. Nếu các em thấy trong 10 ngày đi học ở nhà tình thương của chúng tôi mà thích học thì các em trở lại học tiếp, em nào không thích thì ở nhà. Và như thế khóa nào cũng có đôi ba em khi về nhà là ở nhà luôn mà không trở lại học.

Mỗi khi có một khóa học mới, chúng tôi phải hứa với các em như sau:

- Từ đây cho đến 1 tháng nữa Cha sẽ cho chúng con về làng 1 lần để thăm nhà.

Và điều này rất phù hợp với não trạng của người dân tộc vì họ ít khi xa nhà, nên một khi xa nhà thì họ rất nhớ nhà, nhớ cha mẹ, nhớ núi nhớ rừng của mình.

Có một lần tôi tổ chức lén cho 10 em ở một làng gọi là làng Hà Bàu, làng này do tôi phụ trách, cách Pleiku 20 cây số. Tôi đưa 10 em đó ra một cộng đoàn của nhà Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm và nhờ các sơ dạy cho các em nấu ăn, dù đó chỉ là những món ăn đơn sơ nhưng nếu biết cách nấu thì ăn vẫn ngon hơn bình thường, ví dụ như khi phải nấu củ mì thì nấu làm sao để ăn cho ngon, hay kho một con cá khô thì làm thế nào cho ngon... các em đều phải học. Một khóa chỉ có 10 ngày thôi, thế nhưng mới 4, 5 ngày thì đã có em xin về làng, mà cái làng của nó thì tôi đã vô đó nhiều lần rồi: Nhà cửa thì trống trải, còn nước thì phải lên tới nguồn, tới giọt mới có... Còn tại nhà sơ thì có tivi, có điện, có nước máy...v.v... đầy đủ mọi tiện nghi. Thế mà nó vẫn nhất định đòi về.

Tôi hỏi:

- Ở trong làng có cái gì mà con đòi về?

Thì các em trả lời:

- Ở trong làng có Mẹ con.

Vậy nên tôi mới hiểu được rằng đối với các em người dân tộc thì cái tình gia đình, tình làng nghĩa xóm nó quan trọng đến thế nào. Đó là lý do mà tôi phải cho các em về vài ngày là như vậy.

Kể từ năm **2003** đến năm **2009** Tôi đã thu hoạch được nhiều hoa trái từ các khóa học do tôi mở ra. Mỗi khóa ít nhất là 40 em, nhiều nhất là 60 em. Một lần các chị bên nhóm Phát Triển Phụ Nữ kể cho tôi nghe:

- Có một em ở làng nọ. Em đó khi ở nhà nó không biết cái chữ dù nó cũng đã học tới lớp 3, lớp 4 rồi không

đi học nữa, nó cũng không rành tiếng kinh, mà thanh niên trong làng thì muốn cưới các cô gái biết tiếng kinh, biết nói, biết đọc và biết viết tiếng kinh. Em này khi ở làng chưa được đi học ở nhà tình thương thì "*không có một anh thanh niên nào thèm **đụng** tới*".

Nhưng sau 6 tháng học ở nhà tôi về, em trở thành một con người mới: đẹp đẽ, sạch sẽ hơn. Rồi khi về làng em lại biết dạy, biết tập hát cho các trẻ nhỏ ở trong làng. Đó là một điều mà em rất hãnh diện về mình. Vậy nên lúc đó có 3 thanh niên trong làng muốn làm quen với em. Cuối cùng thì em cưới con của ông Kọ Khun của làng, tức là con của già làng.

Khi nghe các chị bên nhóm Phát Triển Phụ Nữ kể chuyện đó, tôi nói vui:

- Đó là điều thành công nhất của chúng ta.

Nhắc lại Vấn Đề sức khỏe của các em: về câu chuyện một em bị nhiễm trùng tai và được chữa lành. Khi tôi vô thăm làng, ông bố của em đã ôm và còn hôn tôi. Ông ta nói với tôi:

- Cám ơn ông Cha vì ông Cha đã làm cho con mình lúc này khác rồi, bây giờ nó về nhà nó làm đủ thứ chuyện, nó cũng lo đủ thứ chuyện trong nhà của mình. Hồi đó nó đau đầu miết mà bây giờ nó hết đau rồi.

Nó đau đầu chỉ vì nó bị nhiễm trùng tai.

Tôi hết sức vui mừng vì những chuyện như vậy, tuy là nhỏ thôi nhưng lại ảnh hưởng lớn đến suốt cuộc đời của em đó.

Người dân tộc không bao giờ biết đi khám răng hoặc trồng răng, hay là đi trám răng. Tôi nói với các sơ:

- Nếu em nào bị hư răng thì tìm cách trám lại cho nó, cố gắng đừng có nhổ.

Có một em đi trám răng về kể với tôi:

- Cha ơi! Nếu không có sơ ngòi bên cạnh con là con chạy về rồi.

Tôi hỏi:

- Sao con lại chạy?

Nó ngây thơ trả lời:

- Người ta lấy súng đưa vô miệng con nên con sợ lắm. (ai đã từng đi trám răng thì biết cái súng là cái gì!)

Nghe nó nói mà tôi cười quá sức, nó nói tiếp:

- Con đâu có biết là cái răng của mình đau, mà trám rồi thì hết đau.

Tôi nghĩ đó là những hoa trái mà chúng ta đã đạt được. Những em ở các làng theo học các khóa này, sau khi học xong rồi về làng, các em trở thành những người quan trọng trong làng, về mặt xã hội cũng như về mặt Giáo Hội. Một người kinh có thể được tập hát như: "Ba ngọn nến lung linh... Ba là cây nến vàng, mẹ là cây nến xanh", sau khi học xong rồi nó đem về bỏ vô... tủ lạnh. Nhưng người dân tộc thì khác, họ học được những bài hát sinh hoạt của cộng đồng, họ về tập cho các em trong làng hát, thế là các em trong làng nắm tay nhau cùng hát...

Đời sống cộng đoàn của các làng dân tộc đặc sắc hơn nếp sống cộng đồng của người kinh.

Riêng các em Công Giáo ở các làng, thì các Cha Dòng Phanxicô kể với tôi:

- Khi chúng con vào một làng nào đó mà có các em từng ở nhà mình học 6 tháng, các em chạy ra chào đón chúng con làm chúng con vui lắm. Bởi vì em đó rất có ảnh hưởng ở trong làng, các em giới thiệu chúng con với người làng của nó, kể cho các người trong làng biết về những công việc mà chúng con đã làm. Những ông thôn

trường trong làng cũng tỏ ra thân thiện với chúng con khi các em giới thiệu chúng con với làng: "đây là Cha này... đây là thầy nọ... đây là sơ kia..."

Có lần tôi dẫn 2 sơ Nữ Vương Hòa Bình đến một làng xa để làm lễ. Có mấy em trong làng đã từng ở nhà tôi học 6 tháng. Các em đang ngồi nơi dành cho ban hát, có người kinh, có người dân tộc nữa. Các em thấy 2 bà sơ vừa bước vào là các em đó chạy tới ôm chặc 2 bà sơ trước mặt mọi người, làm cho ai cũng cảm động, kể cả hai bà sơ. Rồi thì sau lễ các em tập trung chung quanh các sơ và hát những bài hát mà các sơ đã tập cho các em. Các em hát trước sự ngạc nhiên lẫn ngỡ ngàng của những người chung quanh, có cả người kinh

Tôi kể lại những câu chuyện như thế, vì đó là những hoa trái mà chúng ta có được do công lao của nhiều người vun trồng. Những công việc này vô cùng ích lợi cho đời sống của người dân tộc ở vùng sâu vùng xa. Tôi tự hỏi: Tại sao tôi làm những điều này? Tôi nhớ lúc xưa, thời của Đức Cha Phaolô Kim, Ngài đã mở một ngôi trường gọi là trường Nữ Công Gia Chánh ở Kontum, rồi nhờ các sơ Bác Ái Vinh Sơn đào tạo các thiếu nữ. Thời đó ở Kontum có một ngôi trường đào tạo Giáo Phu tên là trường Cuénot. Trường này đào tạo các Giáo Phu trong vòng từ 6 đến 7, 8 năm tùy theo lứa tuổi của mỗi người khi vào trường. Rồi những người này sau khi ra trường họ được bổ nhiệm đi đến làng này làng nọ, mặc dù các sắc tộc có khác nhau. Các Giáo Phu này khi cưới vợ thì thường là họ cưới các thiếu nữ trong trường Nữ Công Gia Chánh của Đức Cha Phaolô Kim.

Một khi hai vợ chồng Giáo Phu đến ở trong một buôn làng nào đó thì họ phải là một đôi vợ chồng gương

mẫu. Người Giáo Phu dạy giáo lý, dạy chữ cho dân làng và còn là chủ sự cho các buổi cầu nguyện ở trong làng nữa... cho nên người Giáo Phu bao giờ cũng được dân làng kính trọng hết mực. Thường thường là dân làng phải làm rẫy giúp cho gia đình người Giáo Phu. Nhờ thế mà nạn mù chữ ở các làng dân tộc thời xưa là rất ít. Bởi vì người Giáo Phu đã được học hành 7, 8 năm, họ nói rành tiếng kinh và tiếng sắc tộc của họ. Họ dạy cho những người dân tộc ở các làng của họ bằng tiếng kinh và luôn cả tiếng dân tộc của họ nữa. Vì thế mà gia đình của những Giáo Phu ngày xưa và các bà vợ của họ có nhiều ảnh hưởng tốt đối với phụ nữ trong làng.

Người dân tộc chỉ nói những chuyện riêng tư của mình với những người cùng chung một sắc tộc. Họ ít khi nói với người khác sắc tộc. Vì thế mà tôi nghĩ rằng các sơ là những người dễ dàng làm công việc chăm sóc cho các em nội trú nhất. Tôi nhận thấy trong địa phận Kontum chỗ nào cũng được Đức Giám Mục khuyến khích các sơ mở nhà nội trú ở những nơi xa xôi, từ huyện Dak Glei, huyện Ngọc Hồi, huyện Sa Thầy, huyện Dak Tô thuộc tỉnh Kontum. Ở tỉnh Gia Lai cũng vậy, các nữ tu cũng mở nhà nội trú. Đây là một điều vô cùng ích lợi cho giới thiếu nhi và giới trẻ người dân tộc. Nhất là tôi cũng xin các nữ tu thường xuyên lưu ý tới việc đào tạo cho các thiếu nữ được ở nhà của các sơ để đi học. Ấy là đào tạo cho họ những kiến thức cần thiết để tự chăm sóc bản thân cũng như sức khỏe cho mình, để phát triển văn hóa của mình và trở thành những người vợ, người mẹ như ý Chúa muốn.

Mong ước làm sao mà tất cả chúng ta, Giáo Phận của chúng ta làm được những điều mà ta có thể làm trong khả năng của mình để cho người dân tộc thiểu số được phát triển theo văn minh Tình Thương của Chúa.

10 .

THẦY THƯỞC CHO NGƯỜI DÂN TỘC

Người dân tộc ít được tiếp xúc với thầy thuốc, họ cũng không quen sử dụng các loại thuốc men. Có những bệnh thông thường như đi tiêu chảy, đau bụng, đau bao tử, sốt rét, ghê... hay xỏ lã chẳng hạn, họ cũng không biết. Nếu chúng ta thương họ, tới tận nơi họ ở để chăm sóc, chữa trị cho họ tại làng là tốt nhất.

Người dân tộc thường chỉ tới bệnh viện khi bệnh đã quá nặng. Có một lần tôi thấy người dân tộc khiêng người bệnh của mình trên cái vồng, nhưng đang đi giữa đường thì người bệnh đã chết. Tôi thấy họ ngồi bên lề đường mà khóc với nhau bên xác người thân. Tôi dừng lại hỏi:

- Tại sao lại như thế này?

- Nó đau mà mình đưa nó đi bệnh viện không kịp, đi từ lúc tối cho tới bây giờ mà chưa tới được cái bệnh viện thì nó đã chết rồi.

Cho nên có nhiều bệnh nhân người dân tộc khi tới bệnh viện thì đã quá trễ!

Nhất là với những người bị bệnh phung cùi, nếu uống thuốc trị bệnh phung cùi thì thứ nhất là phải uống đúng liều bác sĩ cho, và phải uống đúng giờ mà bác sĩ đã qui định, tùy theo bệnh nặng hay nhẹ. Nhất là trước khi uống thuốc chữa bệnh cùi thì phải ăn cho thật no cái bụng rồi mới được uống. Nếu bụng đói mà uống thuốc trị bệnh phong thì người bệnh rất mệt, sau đó thì người ta sợ mà không dám uống nữa.

Tôi biết có một vài người được bên Trung Tâm Da Liễu cho uống thuốc, nhưng mới uống được vài lần thì họ cảm thấy rất mệt, sau đó tôi thấy bệnh của họ ngày càng nặng hơn. Tôi hỏi:

- Tại sao uống thuốc rồi mà bệnh không bớt ?

Họ khóc và vì tôi hỏi mãi nên họ rút trên mái nhà lấy gói thuốc ra, nói với tôi:

- Con sợ lắm, con không dám uống vì uống vào nó mệt lắm.

- Tại sao nó mệt?

- Tại vì con không có gì để ăn

Do đó một khi uống thuốc phong cùi thì phải ăn cho no bụng mới được uống. Rồi thì khi uống thuốc họ lại không uống đúng giờ giấc như lời bác sĩ đã dặn dò. Hỏi tại sao thì họ trả lời:

- Mình không có cái **đồng giờ** mà.

(*Tức là không có cái đồng hồ*)

Rồi vì: " *Mình không biết cái chữ mà*" nên không đọc được những lời dặn dò của bác sĩ, họ đã không uống thuốc đúng liều, đúng giờ, bụng lại đói nên khi uống thuốc vào thì rất mệt.

Thông thường thì người dân tộc không biết buôn bán vì họ không biết cân đo đong đếm. Những làng xa cũng có đôi ba người kinh đến đóng chốt ở đầu làng, họ cất một cái quán bán đủ thứ đồ cho người dân tộc, như là bán rượu, cá khô, muối... và có bán cả thuốc tây nữa. Người dân tộc khi có tiền thì mua, nếu không có tiền thì đi lượm phân bò ở đâu đó trong làng đến đổi thứ họ cần dùng, rồi đi lấy củi đem về để đổi gạo, cá khô... v.v . Khi cần một viên thuốc như đau đầu, đau bụng chẳng hạn, thì hỏi ngay cô bán cá khô.

Và vì thế mà cô bán cá khô hay bán rượu cũng kiêm luôn cả... làm thầy bán thuốc nữa. Nhiều khi thuốc đã quá hạn sử dụng nhưng người dân tộc cũng không biết. Tôi luôn suy nghĩ và mong ước một điều là: nếu các thầy

thuốc, các nữ tu vì lòng bác ái thì hãy nên tới chăm sóc sức khỏe cho người dân tộc tại các nơi ở tận trong vùng sâu vùng xa, nhất là trong những làng, những vùng có người dân tộc bị bệnh phong cùi, điều đó quả thật là hay biết mấy. Họ bị bệnh cùi nhưng con họ không bị. Bản thân họ cũng mắc những bệnh khác nữa, con cái của họ cũng đau bệnh như bao đứa trẻ khác, nhưng họ lại không dám đem con đi bệnh viện vì mặc cảm bị kỳ thị.

Có lần tôi vào một làng dân tộc nọ. Buổi sáng hôm đó anh Trần Hữu Anh chở tôi đi bằng xe gắn máy. Tới đầu làng tôi thấy một bà mẹ đang bồng trên tay một bé gái rất xinh, em bé nhìn tôi nhưng không nói được. Tôi hỏi:

- Tại sao thế?

- Ô! Con của mình nó đi chảy 4, 5 ngày rồi mà không hết. Nó khát nước, mình cho nó uống thì nó đi chảy nữa nên mình không dám cho nó uống nước.

Làng dân tộc này cách bệnh viện 12 cây số. Tôi bảo anh Trần Hữu Anh ngay lập tức chở hai mẹ con ra bệnh viện, vì tôi biết em bé đang bị mất nước.

Một lúc sau tôi nghe có tiếng gào khóc nức nở, tiếng khóc ấy càng lúc càng tới gần. Tôi nghĩ chắc là em bé đã chết rồi. Tôi ngồi nơi đầu làng, thấy mẹ em bồng em trên tay và khóc to đến nỗi dù còn cách xa như vậy mà tôi vẫn nghe được tiếng gào khóc rất thảm thiết của bà.

Khi anh Trần Hữu Anh một mình chạy xe đến chỗ tôi đang ngồi đợi, tôi liền hỏi:

- Đi tới đâu thì bé mất?

-Thưa... con mới chở đi được nửa đường thì đứa bé nó chết trên tay mẹ nó. Con không tin nên dừng xe lại thì những người kinh có nhà ở gần đó đến xem và bảo cháu

chết rồi. Con không chở đi bệnh viện nữa mà chở em về trong làng.

Trời ơi! Giá như mà có thầy thuốc, hoặc có ai đó biết chữa bệnh, hoặc đưa cháu bé đi bệnh viện sớm, hoặc nữa là biết cách cho uống nước thì cháu bé đó đâu phải chết đau đớn như thế này, mà cháu bé thì thật là xinh, lòng tôi thương cảm đến xót xa!

Tôi kể thêm một chuyện nữa:

Hễ tới gần lễ Noen là người dân tộc rũ nhau lên núi cao để chặt đốt. Dưới chân núi luôn có người kinh chờ sẵn để mua lại số đốt đó, và họ mua với giá rất rẻ. Cứ bó tròn lại rồi cột dây, chu vi vòng tròn bao nhiêu thì cứ theo đó mà tính tiền.

Có một người mẹ, bà này đang có thai, tôi không biết là bao nhiêu tháng, cũng có thể là 3 hay 4 tháng gì đó. Sáng thứ hai bà ta leo lên núi cùng với mọi người để chặt cây đốt. Rủi ro bà ta té từ trên núi xuống nhưng chỉ bị trầy xước sơ sơ, không bị gãy tay, gãy chân nhưng đứa con trong bụng đã chết mà bà không biết.

Ngày thứ ba, bà không lên núi được. Bà nhờ người làng khiêng bà về. Người làng nói: "bà có bị gãy tay gãy chân đâu mà không tự đi về được". Nhưng bà không thể tự đi được vì bà ta rất mệt.

Đến ngày thứ tư thì người làng khiêng bà về nhà bà, vừa về đến làng là họ lại vội vàng đi lên núi ngay để chặt đốt. Mùa đốt là phải tranh thủ chặt, nếu không là người khác chặt hết, nên ở trong làng chỉ còn có người già và trẻ nhỏ mà thôi.

Qua ngày thứ năm thì bà quá mệt, bà hỏi người ở làng:

- Cha Đông vào chưa?

Người ta trả lời:

- Chúa nhật Cha mới vào.

Ngày thứ sáu bà cũng hỏi:

- Cha Đông vào chưa?

Nhưng mãi đến Chúa Nhật thì tôi mới vào làng.

Nếu như tôi vào làng trong những ngày trước thì tôi đã đưa bà vào bệnh viện rồi, như vậy là sẽ cứu được bà.

Tới ngày thứ bảy bà chết. Chiều thứ bảy thì dân làng trên núi mới về, lúc đó bà đã chết rồi.

Sáng Chúa Nhật tôi vào làng làm lễ thì người ta nói bà đã chết. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Ủa... tại sao vậy? mới tuần trước đây mà.

Người làng nói:

- Không biết, nó lên núi rồi nó lăn xuống núi, nó không bị gãy tay gãy chân gì mà tại sao nó chết.

Lễ xong tôi ra nhà bà để thăm. Bà nằm bất động, gương mặt xanh xao và người thì gầy gò. Các bà già trong làng nói nhỏ vào tai tôi là "nó có thai". Tôi xem kỹ thì thấy đúng là bà ta có thai. Tôi hiểu ngay là cái thai đã chết trong bụng cho nên bà mới ra nông nỗi này. Vì là ngày Chúa Nhật tôi phải làm nhiều lễ ở nhiều nơi khác nhau.

Tôi hỏi người làng:

- Có thể lo cho bà ta một cái hòm được không? Rồi ngày mai thứ hai tôi mới làm lễ an táng cho bà.

Làng trả lời là "được".

Thứ hai tôi trở lại làng để làm lễ an táng cho bà. Người ta đóng cho bà một cái hòm bằng ván bìa của căn bếp nhà bà. Đóng một cái hòm mà mình nhìn thấy bà nằm ở trong hòm, 2 tấm ván thiên nó ngăn nên 2 bàn chân khằng khiu của bà nó lòi ra ngoài. Lòng tôi ghen ngào thương xót nên tôi đã khóc!

Giá như mà làng họ biết được? Hoặc có thầy thuốc thì thế nào bà cũng được cứu sống, chứ không phải chết một cách oan uổng, tức tuổi như thế này đâu. Như trường hợp anh thanh niên kia, người ta kể cho tôi là " nó chết rồi". Tôi hỏi:

- Tại sao nó còn trẻ mà nó chết?

- Nó đau bụng 3 ngày, nó chịu không được nên nó chết.

Rồi người ta chỉ chỗ nó bị đau, thì ra đó là đau ruột thừa. Tôi hỏi:

- Có biết đau ruột thừa là gì không?

Họ lắc đầu:

- Không biết cái ruột thừa là cái gì.

Tôi biết vì nó đau ruột thừa nên bị chết. Đau ruột thừa thì phải giải phẫu ngay. Từ đó tôi luôn luôn dặn dò họ:

- Mỗi khi đau chỗ này là phải đi bệnh viện ngay. Cái này phải mổ ra thì mới cứu sống được, nếu không mổ ra là không cứu sống nó được đâu...

Cho nên tôi nghĩ rằng: Không chỉ là bác sĩ, y sĩ, y tá, thầy thuốc, hay là các nữ tu đem thuốc vào làng, như là đem bệnh viện tới cho làng, cho người bệnh vậy, nhưng đồng thời cũng cần phải cố gắng trang bị những kiến thức về việc chăm sóc sức khỏe, chăm sóc những bệnh thông thường cho những người dân tộc nghèo, đó là điều vô cùng cần thiết, quan trọng và hữu ích.

Tôi có một người y sĩ tên là Trọng, anh thường đi vào các làng dân tộc với một thầy Dòng Phanxicô tên là Phục, cũng là một y sĩ. Tôi luôn chủ trương là các y sĩ, các thầy thuốc nên vào tận trong các làng, nhất là những làng phung cù như các nữ tu lâu nay đã làm như vậy. Vào làng

nào thì người dân tộc cũng than là bị đau bụng và xin thuốc đau bụng.

Các y sĩ như y sĩ Trọng, y sĩ Phục của Dòng Phanxicô vào làng xem kỹ và thấy nguồn nước của làng đang dùng là không đủ điều kiện vệ sinh để uống. Cho nên đã tổ chức lắp đặt những máy lọc nước tinh khiết cho các làng. Dần dần những lần đi khám bệnh sau đó, bệnh đau bụng đã giảm đi rất nhiều vì người trong làng được uống nước sạch.

Các trẻ em trong các làng dân tộc thường sống thiếu vệ sinh. Có một làng kia tôi thấy các em bị ghẻ nhiều quá, cho nên tôi đã thuê 3 cô y tá vào ở trong làng đó, rồi có một ân nhân ở Sài Gòn (người này không phải là Công Giáo), bà đã giúp tôi trong việc trả tiền lương một phần nào đó cho các y tá để các y tá này có thể ở lại trong làng.. Điều đầu tiên tôi yêu cầu các y tá làm là chữa bệnh ghẻ, bệnh sốt rét cho dân làng.

Ba cô y tá này được đào tạo tại trường Y tế Qui Nhơn, trong đó có 2 cô người Công Giáo là cô Liên và cô Hữu, còn cô Cửu là người ngoài Công Giáo. Ba cô này đang làm việc tại trại phong Qui Nhơn.

Các cô ở trong làng xúc thuốc trị ghẻ cho các em, đến thứ bảy thì các cô về thành phố Pleiku.

Đầu tiên tôi bảo các cô xô lăn cho các em ở trong làng. Buổi sáng hôm sau các cô la to và kêu tôi:

- Cha ơi! Ra mà xem... nhiều lắm.

Lúc đó tôi không biết thứ gì mà nhiều nên hỏi:

- Nấm hay là gì mà nhiều?

- Không phải, con lăn... Cha ơi! Một đồng lăn luôn.

Và rồi các cô y tá này đã ở trong làng trên 2 năm. Còn các em, nhờ những việc như thế này mà các em trở

nên những đứa trẻ khỏe mạnh. Tôi nghĩ rằng: các y tá, y sĩ thương yêu người nghèo, thương yêu người phung cùi ở những nơi xa xôi, thì chúng ta nên tạo mọi điều kiện để chúng ta vào tận trong làng. Tôi tin chắc về thuốc men và tiền lương cho những người này, sẽ luôn luôn có người chia sẻ với tôi để tôi có thể chia sẻ lại cho các y sĩ, y tá lưu động này.

Người dân tộc ít khi vào bệnh viện hoặc là các trạm xá để sinh nở. Họ thường sinh ngay tại nhà của mình, sinh ở làng của mình, sinh con xong thì đem con xuống suối tắm, sau khi cắt rốn thì bồng con về nhà.

Còn người kinh sau khi sinh con xong thì nằm chỗ (ở cũ) có khi cả tháng, người dân tộc sinh con xong chừng 2, 3 ngày là tiếp tục đi làm ruộng, làm rẫy như thường. Số tử vong của các trẻ sơ sinh là rất cao, và thậm chí cả người mẹ sau khi sinh con vì không được chăm sóc kỹ lưỡng thì cũng chết. So với các nơi thì tỷ lệ những người mẹ dân tộc nghèo khi sinh con ở các làng xa bị chết là khá cao, nhất là chết vì bị băng huyết.

Người dân tộc còn có một tập tục: là khi sinh con mà người mẹ bị chết thì người ta chôn đứa con đó cùng với người mẹ, dù đứa con vẫn còn sống.

Tôi hỏi một người Jarai là ông H' Yúih:

- Tại làm sao mà phải chôn sống đứa con như vậy chớ?

Ông ta trả lời:

- Từ xưa đã là như vậy. Khi sinh con mà người mẹ bị chết thì người ta để cổ đứa con giữa hai đùi của người mẹ và ép hai đùi người mẹ lại cho đứa bé bị ngạt thở mà chết. Lúc đó người bố nói: “- Con hãy đi với mẹ con thì

con sẽ sung sướng hạnh phúc hơn. Nếu con ở với bố mà bố không nuôi con được thì khi đó con chết còn khổ hơn”.

Chỉ vì người dân tộc quan niệm rằng người bố không thể nuôi con được. Đó là tập tục có từ ngàn xưa, và nay thì thỉnh thoảng cũng nghe như vậy. Các nhà mồ cô trong địa phận Kontum chúng tôi đã nuôi rất nhiều cháu, mà đáng ra là bị chôn sống theo mẹ, nhưng các cháu đã được cứu kịp thời, được các sơ nuôi dưỡng và đã lớn lên thành những đứa trẻ khỏe mạnh, dễ thương.

Chúng tôi thấy vấn đề sinh sản của người dân tộc ở tại các làng xa, nếu nghèo mà phải đến bệnh viện thì cũng sẽ bị gặp nhiều khó khăn, vì nghe rằng đi bệnh viện mà có tiền thì dễ được tiếp đón tử tế. Thế thì tôi thấy vấn đề sinh sản của những người dân tộc tại các làng xa rất cần được chúng ta quan tâm.

Người dân tộc sinh con ở tại làng mà không đi bệnh viện đẻ sinh. Làng nào cũng có cô mục, gọi là cô mục làng, thường là mẹ truyền con nối, đỡ đẻ cho người trong làng của mình. Ngày trước thì suối nguồn trong sạch và tinh khiết, nên khi sinh con mà đem xuống suối tắm cũng không sao. Nhưng bây giờ thì không được vì nguồn nước đã bị ô nhiễm nặng, đã có nhiều trường hợp em bé sau khi cắt rốn đã bị nhiễm trùng, và bị vi trùng uốn ván... Cho nên chúng tôi đã nhờ các sơ Phaolô mở nhiều khóa đào tạo lại cho các cô mục làng. Các cô mục làng cũng sẵn sàng về học. Đỡ đẻ thì nơi nào cũng vậy, nhưng mà cách thức sát trùng hay là tắm cho trẻ sơ sinh thì chúng tôi phải dạy dỗ cho thật kỹ... Chúng tôi trang bị cho các Cô Mục Làng những cái thau lớn, đồ sát trùng, ròi khăn, đồ cắt rốn, và dặn người chồng: khi vợ mình gần sanh phải nấu nước cho sôi, ròi để cho nước nguội, sau đó mới tắm cho em bé,

như vậy mới an toàn. Chúng tôi thường xuyên cung cấp cho họ những thứ cần thiết để đỡ đỡ.

Những năm gần đây các nữ tu trong địa phận Kontum cũng tham dự các khóa học đào tạo về y tế, như là: học y tá, học y sĩ, học điều dưỡng do nhà nước tổ chức.

Bác sĩ Ngoạn ở trại phong Qui Nhơn (hiện bây giờ nghỉ hưu ở Hà Nội) đã mở những lớp đào tạo y tá biết chăm sóc cho những người bị bệnh phong cùi. Bác sĩ rất vui vẻ và nhiệt tình đón nhận các nữ tu theo học những lớp này. Các nữ tu cũng được cấp chứng chỉ sau khi học xong, các nữ tu này sau khi về các vùng rừng núi xa xôi cũng có thể chăm sóc cho những người cùi tại các làng xa của tỉnh Kontum và tỉnh Gia Lai. Các nữ tu đã làm việc với tất cả tấm lòng nhân ái mà không nhận lãnh một đồng tiền lương nào. Còn các y sĩ, y tá đã làm việc rất tốt, cho dù họ chỉ nhận một ít thù lao tượng trưng "gọi là cho có", nhưng mọi người đã làm bằng tất cả lương tâm, trái tim và tấm lòng yêu thương của họ đối với những người dân tộc nghèo.

Tôi muốn gửi đến Bác Sĩ Ngoạn lời cảm ơn chân thành của tôi, vì Bác Sĩ đã đón nhận các nữ tu tham gia những lớp đào tạo này.

Thật tình mà nói là chúng tôi không làm sao kể hết những kết quả tốt đẹp như những hoa thơm trái ngọt mà các nữ tu, các y tá, y sĩ hay các bác sĩ đã gặt hái được. Cũng vì tấm lòng yêu thương đối với người dân tộc nên hằng ngày họ đã đến những vùng xa xôi, nay thì làng này, mai thì làng khác... để chăm sóc sức khỏe hoặc khám bệnh cho người dân tộc như: xỏ lỗ, vận động chích ngừa, điều

trị các bệnh ngoài da, chữa đau mắt cho các em ở các làng khi có những đợt dịch bệnh về mắt...

Thỉnh thoảng có nhiều đoàn thầy thuốc từ thiện từ Sài Gòn đến, các bác sĩ, y sĩ này đến những nơi có người nghèo. Nhưng đối với chúng tôi thì Kontum và Gia Lai là những nơi rất xa, mà công tác của họ chỉ có hai ngày thứ bảy và Chúa nhật mà thôi. Từ Sài Gòn đến Gia Lai đi bằng ô tô phải mất từ 16, đến 17 tiếng đồng hồ, nên đoàn từ thiện chỉ tới ở gần thành phố. Người dân tộc họ nghe có đoàn bác sĩ từ thiện đến khám bệnh nên họ kéo nhau về khám, có khi lên đến 2.000 người... Trong khi đó đoàn từ thiện thì không đủ người, không đủ thời gian để khám bệnh và cũng không có đủ thuốc men để phát.

Nhưng dù sao thì chúng tôi cũng cảm ơn các đoàn bác sĩ từ thiện đã không quản ngại những nơi xa xôi như thế này mà đến với người dân tộc nghèo.

Nhân đây tôi cũng xin được nhắn gửi đôi lời đến những ai có tấm lòng biết thương yêu những người bệnh nghèo, những người dân tộc ở những nơi quá xa xôi... xin hãy đến với họ, vì họ rất cần đến chúng ta.

11 .

TIẾNG NÓI DÂN ĐEN

Quả thật người dân tộc nghèo đã đem đến cho tôi nhiều bài học, đã để lại cho tôi nhiều gương sáng trong đời sống mục vụ cũng như trong đời sống làm người của tôi.. Những nét đẹp nhất nơi tâm hồn của họ: là họ sống một cách đơn sơ, thành thật, không hề biết dối trá, họ có một đời sống nội tâm sâu sắc, đạo đức chân thành. Dù sống trong cảnh nghèo nhưng luôn có niềm vui, tuy cuộc sống thiếu thốn nhưng họ lại luôn luôn rộng rãi đối với người khác. Đó là những gương tốt mà tôi đã học được từ nơi người dân tộc nghèo.

Tiếng Nói Dân Đen là tựa đề của một bài trong cuốn Tuyển Tập Dân Tộc mà tôi không còn nhớ tên tác giả. Qua cuốn Tuyển Tập Dân Tộc này thì tôi biết tác giả là một người rất tin vào tình thương của Chúa, và một người rất thương người dân tộc. Trong những bài viết của anh, đôi khi anh cũng dâng cho Chúa tất cả những nỗi khổ cực của người dân tộc.

Trong Tiếng Nói Dân Đen có một đoạn như sau:

" Sao các người lại nhìn tôi? Sao các người lại cười tôi? Sao các người lại chọc ghẹo tôi? Sao các người bịt mũi khi đi ngang qua tôi? Sao các người lại le lưỡi, bĩu môi, nhăn mặt khi bước vào căn chòi của tôi? Tại sao vậy? Tại sao vậy hỡi các người ơi? Hãy nói cho tôi biết, cho dân tộc của tôi biết những gì các người đang nghĩ. Hay là tôi; dân tộc của tôi khác loài với các người? Tôi và dân tộc của tôi, cũng như các người vậy mà. Da thịt, máu đỏ của các người cũng giống da thịt máu đỏ của tôi, của dân tộc tôi. Trái tim của các người có nhịp đập cũng như tôi, dân tộc tôi. Thức ăn từ đất

của các người cũng là của tôi, dân tộc tôi. Thú vật làm thực phẩm của các người cũng là của tôi, dân tộc tôi mà. Tại sao các người hắt hủi chê bai tôi? Xa lánh khinh rẻ tôi, dân tộc tôi? Rồi gán cho dân tộc tôi là "đồ man rợ, đồ mọi đen, đồ Thượng Thú, đồ sắc tộc, đồ ăn bảm xã hội"... Đúng rồi, vì tôi là "đồ Thượng Mọi" sinh ra làm người Thượng Mọi, sống chui rúc trong rừng, gia sản của đất nước Việt Nam này đâu dành cho tôi, cho dân tộc tôi. Nên những thế hệ trước đã thấy thân phận yếu hèn của mình, vì vậy đã chui vào rừng sinh sống. Giờ đây cũng vậy, tôi được sinh ra trong cảnh rừng rú, làm bạn với cỏ cây thú rừng nên thân tôi cháy nám, da thịt tôi sần sùi vì nhiễm các khí của núi rừng. Tôi ăn chuột, rắn mối, cào cào, cóc nhái, tôi ăn những hạt bắp nướng, những lát khoai khô, những tùm bo bo, những củ năng củ mài, những trái cây rừng, rau cỏ hoang dại. Những con suối nước là nơi tôi uống, cảnh thiên nhiên là nơi tôi ở, rừng núi là nơi tôi than thở, lá cây rừng làm thuốc khi đau.

Tất cả những di sản đó chỉ dành cho dân tộc chui rúc của tôi, tôi đâu có thể phủ nhận điều đó chứ. Dân tộc của tôi đâu có tranh giành đất, đâu có đòi quyền lợi. Dân tộc của tôi là đưa con hoang, đưa con nuôi của đất nước Việt Nam nên dân tộc của tôi chưa đóng góp gì cho đất nước cả, một dân tộc ăn bảm mà.

- Ê! thằng Thượng thú, đi đâu vậy mày?

Tôi cúi đầu xuống, đi thụt lùi rồi chạy về chòi của mình, úp mặt vào trong vách lá rồi thút thít khóc, khóc cho số kiếp làm người Thượng Mọi, khóc cho dân tộc của tôi phải chịu nhiều điều như thế, không phải từ hôm nay mà là từ quá khứ cho đến bây giờ và cả tương

lai nữa. Tôi đã nghe biết bao nhiêu lời tương tự như thế, từ đũa nhỏ cho đến lớp thanh niên, đến người lớn và ngay cả những bậc quan quyền trí thức cũng thốt ra những câu dành cho dân tộc tôi. Cho nên tôi, dân tộc tôi không dám chung đụng với các người, không dám tiếp xúc với các người. Mỗi lần chúng tôi gặp các người ở đằng xa là chúng tôi sợ.

Chúng tôi chạy trốn vì chúng tôi là dân mọi rợ, không xứng đáng đối diện với các người. Nhưng tôi, dân tộc tôi vẫn yêu đất nước mà chúng tôi đang ở. Tôi tri ân rừng núi, nơi mà tôi được sinh ra, nơi tôi được lớn lên. Dù tôi sống bám ở đất nước nào thì tôi vẫn yêu đất nước đó.

Nước Mẹ Việt Nam nơi mà tôi đang ở, tôi không biết phải lấy gì đóng góp cho đất nước này và bằng cách nào! Tôi chỉ biết lấy thân tôi làm phân bón cho cây cỏ trên mảnh đất thân yêu Việt Nam này, để được đóng góp một phần nhỏ mà tôi thêm sức sống cho thế hệ những người con thân yêu của đất nước mẹ Việt Nam. Thật đau lòng khi phải nói lên điều này, vì điều này vẫn luôn xảy ra giữa con người với con người, phân biệt sắc tộc để rồi tránh né nhau: Một bên thì khinh khi, một bên lại mặc cảm. Một bên là trí thức, một bên dân ngu đen. Hiện nay trên đất nước vẫn còn thực trạng đó, vẫn còn phân biệt màu da, sắc tộc. Tất cả đều là sự phân cách: chia màu da, chia ngôn ngữ, chia lòng người. Con dân mẹ Việt Nam ơi, đến khi nào con tìm cùng một nhịp đập? Đến khi nào lòng người không còn xa cách nhau? Đến khi nào ngôn ngữ dịu dàng yêu thương nhau? Đến khi nào tôi và anh là con một Cha đây?

Quả thật khi đọc xong bài này tôi rất xúc động và càng thương người dân tộc nhiều hơn, tôi cảm thấy rằng mình cần phục vụ họ nhiều hơn nữa. Hơn 160 năm về trước các Linh Mục, các vị Thừa Sai đã tìm lên rừng núi Tây Nguyên này để đem Tin Mừng tình thương của Chúa đến với anh em người dân tộc, cũng từ đó anh em dân tộc ở các làng khác nhau, các sắc tộc khác nhau trở nên gần gũi và yêu thương nhau mỗi ngày một nhiều hơn. Anh em người dân tộc khi biết Chúa, họ thấy mình được Chúa yêu thương ngang bằng với tất cả mọi người và Chúa còn yêu thương những người nghèo khổ thiệt thòi nhiều hơn nữa. Tôi là lớp đi sau, tôi rất cảm phục các lớp đàn anh đi trước. Họ là những Linh Mục, những tu sĩ nam nữ đã lặn lội vào tận trong rừng sâu núi thẳm để: không những rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô cho anh em dân tộc, mà còn nâng cao đời sống của người dân tộc trong khả năng có thể được. Công việc đó đòi hỏi sự hy sinh rất lớn và rất nhiều của các vị tiên bối của chúng tôi.

Chúng tôi biết trong 3 Giáo Phận ở Tây Nguyên là: Giáo Phận Đà Lạt thì giám mục, Linh Mục cũng như nhiều người đã ra sức để mang Tin Mừng của Chúa đến cho anh em dân tộc. Giáo Phận Ban Mê Thuột cũng thế. Tôi biết nhiều Linh Mục nói tiếng Ê Đê rất giỏi và họ yêu thương người Ê Đê có khi còn hơn cả yêu thương người kinh cùng chung tiếng nói với mình.

Và như tôi đã nói, Giáo Phận Kontum của tôi gồm 2 tỉnh Gia Lai và Kontum. Hai tỉnh này dân số khoảng hơn 1.700.000 người, ngày trước thì người dân tộc đông hơn người kinh, nhưng bây giờ thì số người kinh ở trong 2 tỉnh Gia Lai, Kontum ngang bằng với số người dân tộc ở trong 2 tỉnh này. Giáo dân Công giáo của Giáo Phận

Kontum có khoảng 250.000 người, mà trong số đó thì giáo dân người dân tộc là khoảng 150.000 người, còn giáo dân người kinh có khoảng 90.000 người.

Chúng tôi cũng biết rằng trong 2 tỉnh này, thì có khoảng 100.000 giáo dân theo đạo Tin Lành, tin vào công cuộc cứu chuộc của Chúa Kitô, tin vào Thiên Chúa là Cha của mình. Chúng tôi làm mọi cách để tiếp bước theo các vị cha anh của chúng tôi: cũng đem Tin Mừng tới, cũng xoa dịu những vết thương cho những người anh em dân tộc bằng cách này hay cách khác, và chúng tôi cũng phải làm thế nào để rao giảng cho giáo dân người kinh, cho mọi người Việt mà chúng tôi quen là phải biết cư xử với anh em người dân tộc, giúp đỡ cho anh em người dân tộc cách này hay cách khác đúng theo tinh thần Tin Mừng của Chúa Giêsu.

Chúng tôi xin hứa với tác giả “tiếng nói dân đen” là chúng tôi sẽ cố gắng hơn nữa để xoa dịu những thiệt thòi, đau khổ mà trong bài viết của anh, anh đã viết cho chúng tôi. Chúng ta có cùng một Cha ở trên trời, vậy thì chúng ta là anh em với nhau. Chúng ta; tất cả cũng như anh nói đều có một dòng máu đỏ chảy trong thân thể của mỗi người. Chúng ta, cũng như anh nói đều có con tim cùng nhịp đập. Nhất định tất cả chúng ta phải trở thành anh em với nhau. Chúng ta hãy nâng đỡ nhau, với những mẫu gương tốt và những nét đẹp tâm hồn của anh em người dân tộc, như tôi đã nói ở đầu bài, đó là những gương sáng và cũng chính là những điều làm cho tôi cảm phục đời sống của anh em. Chúng ta sẽ cố gắng chung sức với nhau để làm

việc này vì đó chính là ý của Chúa. Ngài muốn chúng ta phải làm như vậy.

12 .

***NHÖÖNG NĪEÀU DEÃ THÖÖNG NÔI
NGÖÖØI ANH EM DAÂN TOÃC***

Chúng tôi phải nhìn nhận một điều là người anh em dân tộc quen sống giữa thiên nhiên, giữa núi rừng, chính đời sống gần gũi với thiên nhiên rừng núi như vậy đã hun

đúc trong lòng người dân tộc có những tâm tình hết sức là đơn sơ, mộc mạc, vô cùng dễ thương, dễ mến. Vì những đức tính đó của họ mà mình rất yêu mến và rất thích đến với họ. Những câu chuyện mà tôi kể sau đây, trong muôn vàn câu chuyện tôi thấy được ở nơi người anh em dân tộc.

** Câu chuyện thứ nhất:*

Tháng 9 năm 2009 xảy ra một trận lũ lụt lớn ở tỉnh Kontum, các huyện Dak Glei, Ngọc Hồi, Dak Tô, Dak Hà và luôn cả thành phố Kontum cũng bị ảnh hưởng khá nặng nề. Có rất nhiều đoàn từ thiện từ các nơi, kể cả các đoàn từ thiện của các tôn giáo khác, nhất là Phật Giáo đã đến với anh em người dân tộc trong vùng bị lũ lụt.

Đem quà tới với người dân tộc ta luôn có cảm giác rất dễ chịu vì họ không giành giật, không leo lên xe đê rút hàng xuống trước như người kinh ở các nơi khác mà tôi nghe kể. Trong trận lũ lụt năm **2009** đó, Đức Tổng Giám Mục Ngô Quang Kiệt đã đề cử Cha Quế thuộc Caritas Hà Nội đến Kontum thăm viếng đồng bào dân tộc bị lũ lụt. Chúng tôi đi một xe tải chở quà gồm có: mì ăn liền, gạo, cá khô và các thứ khác... v.v... có cả bánh kẹo nữa bởi vì đó là những ngày sau tết Trung Thu.

Lần này thì phát quà cho làng Kon Monay, là một làng trong thành phố Kontum bị nước tràn về ngập cả làng, chỉ toàn là bùn đất. Cùng đi với Cha sở là Cha Hữu. Người dân tộc đã tập trung tại đó. Khi chở quà tới làng Kon Monay, Cha Quế rất ngạc nhiên vì không thấy có người nào bu lại rồi leo trèo lên xe, cũng không ai giành giật nhau gì cả (bởi vì Ngài đã đi giúp các nơi khác của người kinh). Anh em dân tộc được Cha Hữu bảo đem quà

từ trên xe xuống. Gạo để với gạo, mì ăn liền để với mì ăn liền, cá khô để với cá khô... v.v...

Tiếp theo đó người dân tộc đứng quanh rồi có một người đại diện là chú Giáo Phu của làng kêu tên từng người. Kêu tên ai thì người đó tới nhận mỗi thứ một cái... và cứ như thế mà ***họ nhận quà một cách hết sức là thứ tự trong sự trật tự.*** Những người không có mặt ngày hôm đó vì đi lao động chỗ này chỗ kia thì chú Giáo Phu ghi lại tên của những người chưa lãnh quà, ông bảo anh em đã lãnh quà giúp thì đem hàng gửi vào phòng áo của nhà thờ Kon Monay. Người Giáo Phu nói khi nào họ về thì họ sẽ đến lãnh phần quà của mình.

Cha Quế rất ngạc nhiên về sự thứ tự và trật tự khi họ nhận quà, so với những nơi khác: mới nghe nói xe chở hàng tới, dù xe chưa tới nơi mà người ta đã chạy theo rồi leo lên xe kéo hàng, kéo quà xuống như là ăn cắp vậy.

Có một chuyện rất dễ thương nữa là: hôm đó Cha Quế thấy các em nhỏ đứng đó, Cha đã cho mỗi em một cái bánh trung thu. Nhưng có một em cũng đứng gần đó mà không lãnh bánh trung thu, Cha kêu tôi hỏi sao em kia sao nó không lãnh bánh? Rồi Ngài đưa cho nó một cái, nó lắc đầu không nhận. Tôi hỏi nó:

- Sao con không lấy bánh?

Nó trả lời:

- Con lấy rồi.

Tôi hỏi:

- Con lấy rồi thì đâu rồi?

Nó nói:

- Con ăn rồi.

Tôi hỏi tiếp:

- Con có thích ăn nữa không?

Nó gật đầu:

- Con thích.

Và rồi lúc đó nó mới dám đưa tay ra nhận quà lần thứ 2.

Đó là điều rất dễ thương nơi trẻ em người dân tộc. Đã lấy quà rồi thì thôi chớ không có cái kiểu lấy tay trái xong rồi dẫu tay trái sau lưng, sau đó đưa tay phải ra lấy tiếp như tôi đã thấy ở nhiều nơi

*** Câu chuyện thứ hai:**

Tôi không nhớ vào năm nào. Nhưng Chúa Nhật hôm đó cũng là vào gần dịp Trung Thu. Sáng đó tôi phải đi làm 2 lễ. Một lễ cho giáo dân người kinh cách chỗ tôi 15 km lúc 6g30 sáng. Sau đó 10g là lễ thứ 2 cho người dân tộc trong làng Ya Luh cách đó 5 km. Có một số ân nhân muốn tặng quà cho người nghèo. Tôi đem các phần quà trung thu đã được gói sẵn mỗi phần đâu ra đó. Đây là quà tôi muốn tặng cho các em học giáo lý mà thôi.

Chỗ giáo dân người kinh thì tôi để số quà dư ra khoảng 3, 4 phần. Sau lễ tôi bảo Ca Đoàn mà cũng là các anh chị giáo lý viên:

- Các con phát quà Trung Thu của các ân nhân này cho các em học giáo lý giúp Cha.

Máy đĩa nhỏ chen nhau, giành nhau rồi cuối cùng tôi nghe nói:

- Thừa Cha... thiếu.

Tôi nói không thể thiếu, vì ngoài danh sách của các em ra thì tôi luôn luôn mang dư vài phần quà. Các anh chị giáo lý viên nhìn qua cái giỏ cần xé đựng quà của các em người dân tộc rồi ngỡ ý xin thêm. Tôi dứt khoát nói:

- Không, đây là phần quà của các em người dân tộc, cũng đâu ra đó cả rồi, không được lấy.

Thế là chúng tôi đi. Ra khỏi nơi làm lễ chúng tôi thấy có 2 bà già, trên tay mỗi bà xách một phần quà, tôi dừng xe lại hỏi:

- Tại sao lại lấy quà của các em giáo lý chứ?

Hai bà trả lời:

- Ở nhà có mấy đứa cháu nhỏ.

Tôi nói:

- Không được, đâu phải ra đó, quà này chỉ phát cho các em học giáo lý mà thôi, các bà không được làm như thế.

Rồi tôi lấy lại phần quà đó luôn. Đây cũng là một cách giáo dục để cho họ biết rằng " cái gì ra cái đó". Tôi lên xe đi tiếp, lúc đó tôi nói với những ân nhân ngồi trên xe:

- Chút nữa vào trong làng của người dân tộc mà xem, không có chuyện giành giật như thế này đâu.

Và quả nhiên là như thế. Tôi để giỏ cần xé trước hiên nhà thờ, tôi biết một điều chắc chắn là những người dân tộc đứng ở ngoài nhà thờ sẽ không ai dám đụng đến những cần xé đựng quà đó. Làm lễ xong tôi bảo các em học giáo lý:

- Những em nhỏ khác không học giáo lý thì các bà trong nhóm Phát Triển Phụ Nữ đã cho quà các em đó. Còn các em học giáo lý thì các con mỗi người có một phần quà. Có chị Mai đang đứng bên giỏ cần xé quà đó, các con cứ tự động ra lấy;" "minh nu minh pôm" (một đứa một cái).

Thế là... y chang còn dư lại 4 phần quà, vì mỗi em chỉ lấy một phần của mình mà thôi. Thật dễ thương vô cùng!

Và như thế chúng ta sẽ dành tình cảm cho ai đây? dĩ nhiên là chúng ta dành tình cảm cho những người biết tôn trọng sự công bằng.

**** Câu chuyện thứ ba:***

Ngày hôm đó có lễ tạ ơn của một Cha mới Dòng Phanxicô. Bởi vì Cha đó làm việc cho người dân tộc và cho người kinh nữa nên lễ tạ ơn được làm trong một nhà thờ của thành phố Pleiku. Hôm đó có một chuyện xảy ra làm tôi cũng mắc cỡ vì một số người kinh của chúng ta. Và khi tôi nghĩ lại, tôi thương người dân tộc nhiều hơn. Chuyện như sau:

Sau lễ thì tiệc mừng được tổ chức ở 2 nơi, một nơi của khu vực người dân tộc, một nơi dành cho người kinh thì ăn buffet cùng với các Cha, các tu sĩ, các ân nhân, thân nhân của Linh Mục mới và các giáo dân người kinh. Có những dãy bàn để thức ăn, những két bia, nước ngọt...

Lễ xong, các Cha cũng như các tu sĩ, các thân nhân... mãi lo chụp hình. Chưa chi mà tôi đã thấy có một số người đi vào rồi thì vừa bốc vừa hốt thức ăn, thậm chí có mấy anh lại mở két bia lon ra rồi lấy bỏ vô túi quần. Tôi hết sức mắc cỡ vì các Cha cũng như các tu sĩ chưa có ai vào, cũng chưa cầu nguyện trước khi ăn theo lễ thông thường. Mà đằng này người ta lại tới dành nhau để lấy thức ăn trên bàn, thậm chí còn lấy khăn giấy (dùng làm

khăn ăn) để bỏ chảo ram hay thứ này, thứ kia vào rồi gói lại.

Đúng là tôi cảm thấy vô cùng ngượng và xấu hổ, tôi đã cầm micro lên và nói lớn:

- Hãy để lại, hãy chờ các Cha tới, chúng ta cầu nguyện rồi chúng ta hãy ăn. Có ít thì chúng ta ăn ít, có nhiều thì chúng ta ăn nhiều. Chúng ta phải biết chờ đợi những người lớn hơn chúng ta chứ!

Những người đó rất khó chịu với tôi, nhưng tôi cảm thấy có một số giáo dân người kinh biết tự trọng cũng khó chịu vì những điều bất lịch sự như thế.

Trong khi đó ở bên khu vực người dân tộc thì khác, người ta đã kiên nhẫn chờ đợi, chờ đợi mãi cho đến khi các Cha đến uống một chút rượu đầu tiên, cũng như cầm một cái bánh thì người ta mới bắt đầu. Khi tôi đến chỗ của người dân tộc, tự trọng thâm tâm tôi, tôi cảm thấy kính trọng họ vì họ đã biết chờ đợi, mặc dù phía người kinh ăn trước vì các Cha nhập tiệc ở bên đó trước. Người kinh thì vội vã lo ăn cho xong để về nhà lo công việc, còn người Dân Tộc thì họ mang công chiêng ra đánh, rồi họ nhảy múa, chờ các Cha đến để mời các Cha uống chút rượu cần trước, ăn cái gì đó trước, rồi họ mới vào bàn tiệc, rồi tiếp tục đánh công chiêng, cùng nhau nhảy múa để mừng các Cha.

Như thế thì ai dễ thương hơn ai chứ? Chúng ta phải làm thế nào để nêu cao những điều dễ thương đó là tấm gương tốt, đồng thời chúng ta phải xấu hổ vì có nhiều người kinh có những cử chỉ, hành động không tốt, làm gương xấu cho người khác.

*** Câu chuyện thứ tư:**

Tại một giáo xứ nọ của người kinh, mà Cha Sở thì coi 2 giáo xứ: một của người kinh và một của người Dân Tộc. Hôm đó là lễ mừng Bồn Mạ giáo xứ của người kinh. Cũng nhờ Kinh nghiệm buổi lễ lần trước nên Cha xứ không tổ chức ăn buffet nữa, mà mỗi người sẽ có một phần quà, trong đó có bánh mì và nhiều thứ thức ăn, có cả nước uống. Theo như Cha xứ cho tôi biết thì có đủ số các phần quà, bởi vì có đến 600 phần như thế, và người dự lễ hôm đó có lẽ không tới 600 người, vì giáo xứ này cũng xa thành phố và ít giáo dân.

Lễ xong rồi, người dân tộc cũng như lệ thường là đánh cồng chiêng, cầm tay nhau múa hát. Còn những người kinh họ ra lãnh mỗi người một phần quà, 5 phút sau là không thấy bóng dáng người kinh nào, họ nhận quà rồi và khi về nhà còn xúi con nhỏ của mình đến lấy thêm quà nữa. Còn lại những người dân tộc thì đương nhiên là thiếu quà rồi! Nhưng họ chia sẻ với nhau những gì còn lại mà vẫn tỏ ra vui vẻ, không có gì là khó chịu về những hành động tham lam của người kinh.

Một điều đáng buồn và mâu thuẫn là: lễ mừng bồn mạ của giáo xứ người kinh mà chỉ có người Dân Tộc ở lại vui vẻ với Cha xứ và chung vui với nhau.

*** Câu chuyện thứ năm:**

Hôm đó một vị đại diện tòa thánh đi thăm Giáo Hội Việt Nam, sau đó lên thăm Giáo Phận Kontum. Giám Mục Kontum tổ chức lễ tiếp đón Phái Đoàn đại diện Tòa Thánh

tại nhà thờ Dân Tộc của một làng dân tộc, dĩ nhiên là phải tổ chức tại nhà thờ lớn nhất của người dân tộc, đó là nhà thờ Plei Chuet tại Pleiku. Vì được tổ chức tại nhà thờ người dân tộc, hát lễ cũng là ca đoàn của người dân tộc nên buổi lễ hôm đó người dân tộc đông hơn người kinh.

Tôi biết lễ xong thì có tiệc tiếp đãi phái đoàn và đại diện của Tòa Thánh, rồi còn có đại diện của chính quyền nữa. Giáo dân người dân tộc mang công chiêng đến đánh, rồi cùng nhau cầm tay hát múa rất là vui vẻ với phái đoàn.

Theo phong tục của người dân tộc, khi đãi tiệc họ để thức ăn lên những chiếc lá dụn trên những bàn dài và dùng tay để bốc ăn, có một ít bà người kinh vào và tự động gom lấy lá gói thịt mang đi!

Khi phái đoàn của Tòa Thánh và phái đoàn quan khách tới. Ban tổ chức phải vội vàng sửa sang lại bàn tiệc, để làm thế nào cho nó dễ coi một chút! Tôi nhìn thấy như vậy thì trong lòng vừa ngượng vừa mắc cỡ trước người dân tộc, may sao hôm đó có mặt tôi tại chỗ nên tôi đã ngăn chặn lại kịp thời, còn những người dân tộc đang dọn bàn không hề dám lên tiếng.

Tôi nhận xét một điều:

Đây là một trường hợp trong nhiều trường hợp người dân tộc thấy điều sai trái của người kinh mà không dám lên tiếng để ngăn chặn, mặc dù tôi biết rằng: tuy họ không nói ra nhưng chắc chắn trong thâm tâm họ không phục.

**** Câu chuyện thứ sáu:***

Người dân tộc mỗi khi tổ chức một buổi lễ gì đó trong làng của họ, nếu họ có mời người kinh thì luôn luôn họ tôn trọng khách mời. Có món gì ngon cũng để dành cho khách, như là xẻ thịt một con bò, con heo, hay chén rượu cần... mà họ cho là ngon thì họ đều nhường cho khách.

Ngày hôm đó là lễ khánh thành nhà thờ Kon Mah ở huyện Chư Păh. Cha sở tên là Binh. Lễ khánh thành nhà thờ này, đồng ý là cũng có một số người kinh đã giúp đỡ cho người dân tộc cất lên được cái nhà thờ đó. Trong làng có một cái nhà Rông thật dài. Lễ xong rồi, người dân tộc trong các làng tập trung (vì xứ đạo đó có tới 9 làng) và dọn tiệc trong nhà Rông đó. Chỉ có người kinh, quan khách và một số chức sắc của các làng dân tộc lên dự mà thôi, còn dân làng thì phải chờ đợi. Mỗi làng đều có tổ chức riêng, có ghè rượu riêng. Chờ các Cha và quan khách ăn rồi thì họ cũng mời chúng tôi tới chỗ đó để nhấp một chút rượu cần, ăn chút thức ăn. Tôi để ý điều này: **Các thức ăn ngon thì tôi thấy họ dành để mời khách, còn họ...**

Những chuyện mà tôi đã chứng kiến, tôi nhận thấy cách cư xử của người dân tộc rất có Văn Hóa, mặc dù họ không được đi học nhiều như người kinh, nhưng họ biết cách cư xử, hiếu khách và biết tôn trọng khách. Chúng ta là người kinh nhưng cần phải học ở nơi họ những điều tuyệt vời này, vì thật sự thì có một số anh em người kinh trong cách cư xử đã thua xa những người dân tộc.

13 .

MÓN QUÀ TUY NHỎ MÀ NIỀM VUI THÌ RẤT LỚN

Tâm lý của con người thì khi trao tặng ai một món quà gì đó, mà người ta tỏ ý vui mừng đón nhận và trân trọng món quà mình tặng, xem như người ta biết giá trị món quà mà họ nhận từ mình, thì người tặng quà bao giờ cũng cảm thấy vui trong lòng.

Những câu chuyện tôi kể sau đây là: khi người dân tộc nghèo nhận một món quà họ tỏ lộ niềm vui sướng, thì tự nhiên người tặng quà cũng muốn đến với họ lần nữa, và tìm cách có gì đó để giúp đỡ cho người dân tộc ấy.. Với tâm lý đó, mình hay suy nghĩ: Khi mình có quà thì mình sẽ dành cho làng này, đem cho làng nọ, để dành cho trường hợp này hoặc cho trường hợp kia...

Bởi vì có một thời kỳ tôi luôn luôn tìm mọi cách giúp đỡ cho người dân tộc nghèo được mua những thứ nhu yếu phẩm hàng ngày với giá rất rẻ bằng cách mua sỉ giúp họ, và tôi còn tìm mọi cách để giúp họ tiêu thụ những mặt hàng họ có với giá cao nhất có thể. Tôi nghĩ đó là cách giúp đỡ họ hữu hiệu nhất. Nhiều lần tôi đã mua mắm ruốc, cá khô ở những nơi mà tôi cho là giá thấp nhất. Chẳng hạn như cá khô, mắm ruốc từ Qui Nhơn, Nha Trang. Và mỗi khi mua thì chúng tôi mua cả tấn mắm ruốc hoặc cá khô.

Mỗi một lần như vậy chúng tôi chở tới làng nhưng không tính tiền xe, chỉ tính tiền hàng theo giá sỉ cho nên người dân tộc cũng rất được nhờ, vì được mua nhu yếu phẩm với giá thấp nhất. Đôi khi các con buôn người kinh ở các làng cũng không bằng lòng lắm với công việc của chúng tôi vì phá giá của họ. Nhưng thật sự là chúng tôi không có buôn bán, chúng tôi chỉ giúp đỡ cho người nghèo mà thôi. Như là chúng tôi chở chuối về Pleiku chẳng hạn, chúng tôi nhờ chỗ này; chỗ kia mua giúp, nhất là các cộng đồng Dòng tu có nhà nội trú, để có thể mua giúp cho người dân tộc chuối hoặc các sản phẩm khác của họ ở mức giá cao nhất có thể.

Lần đó cũng là dịp gần Noen, tôi đi bằng chiếc xe tải nhỏ của tôi, chở nào là khô cá nục (nửa ký một gói),

nào là ruốc sả (chúng tôi mua mắm ruốc về rồi nhờ các bà trong giáo xứ Đức An chịu khó làm ruốc sả cho tôi, *món ruốc sả gồm có: thịt heo, có mắm ruốc, có sả, có ớt... mà người dân tộc gọi là ruốc cao cấp*). Chúng tôi làm một hũ ruốc chừng nửa ký và để lại cho họ với giá rẻ y như giá mắm ruốc thường vậy, còn phần "độn" thịt, sả, ớt... thì chúng tôi cho thêm vào, xem như là giúp đỡ người nghèo. Riêng những bà mẹ đã mang thai mà nghèo thì chúng tôi biếu cho họ, để họ có cái ăn mà sinh con cho mạnh khỏe.

Chúng tôi đi Kon Jơ Dreh tỉnh Kontum, trên xe có 3, 4 thầy Dòng Chúa Cứu Thế từ Sài Gòn lên tham quan Kontum. Tới giáo xứ Kon Jơ Dreh thì không có ai ở nhà. Cha Gioan Kim Nguyễn Thúc Nên và các Yá (Yá là nữ tu người dân tộc) tôi quen biết cũng đi lao động trên nương rẫy. Chỉ có 2 em trai nhỏ người dân tộc rất dễ thương, chừng 8, 9 tuổi là ở lại coi nhà. Vì không có ai ở nhà nên tôi gửi các thùng hàng cho 2 em nhỏ: một giỏ cần xé khô cá nục và các thùng đựng các lọ mắm ruốc sả.

Tôi ghi tờ giấy gửi cho Yá Gabriel là có bao nhiêu gói cá, bao nhiêu lọ mắm ruốc. Tôi chuẩn bị đi thì thấy 2 em nhỏ nhìn giỏ cần xé cá nục, tôi thấy các em có vẻ rất thích cho nên tôi lên xe lấy 2 gói đem xuống và nói:

- Cha cho các con mỗi đứa một gói.

Hai em nhìn tôi và hỏi:

- Cha cho thật?

Tôi gật đầu bảo:

- Cha cho thật mà.

Và các em lấy mỗi đứa một gói rồi cười rất tươi và rất mừng. Tôi cũng cười rất vui vì thấy các em vui mừng.

Rồi nó nói với tôi:

- Con sẽ mang về cho mẹ.

- Được rồi, con mang về cho ai cũng được vì cái này là của chúng con.

Trở lại xe đang nổ máy chuẩn bị đi. Một thầy Dòng Chúa Cứu Thế nói:

- Con định chụp một tấm hình mà không kịp, chỉ có một gói cá nhỏ thôi mà Cha cũng cười, 2 em nhỏ cũng cười, đôi mắt rất sáng. Cha ơi! Cha hạnh phúc hơn chúng con vì Cha có nhiều niềm vui hơn chúng con. Nếu vào dịp lễ Noen này mà Cha về Sài Gòn, sau đó Cha tập trung các em nhỏ khoảng chừng 7;8 tuổi ở nhà thờ rồi Cha nói: Noen này Cha không có gì để tặng cho các con, Cha chỉ tặng cho các con mỗi đứa một gói cá khô... chắc các em sẽ nói Cha bị... mát mát... hâm hâm... gì rồi, ngày lễ Noen mà tặng cá khô?...

Nhưng ngược lại ở nơi đây là một niềm vui rất lớn.

Có một lần tôi giải tội trong mùa Giáng Sinh. Gần lễ Giáng Sinh nên tôi không giải tội trong nhà thờ, vì các giáo dân đang dọn dẹp trang hoàng rất ồn ào, nên tôi giải tội trong phòng khách của nhà xứ. Người xưng tội cuối cùng là một thiếu nữ dân tộc chừng 12, 13 tuổi. Mùa Noen thì lạnh, mà càng về trưa trời càng lạnh.

Hôm đó em xưng tội và tôi biết em là người dân tộc. Tòa giải tội của tôi nó rung rinh như người bị sốt rét mà run vậy. Tôi cứ nghĩ chắc em này bị sốt rét và em cũng là người xưng tội cuối cùng, em đã chờ từ sáng cho tới trưa mới đến lượt của em, khi giải tội xong tôi thấy em chỉ mặc một cái áo rất mỏng. Tôi hỏi em:

- Con không có áo lạnh sao?

Người kinh gọi là áo ấm vì cái áo làm cho ta ấm, còn người dân tộc gọi là áo lạnh vì mùa lạnh mới mặc áo đó. Em trả lời tôi :

- Nhà con có một cái áo lạnh, thường thì ai đi ra ngoài mới được mặc, nhưng hôm nay mẹ con bị bệnh nên con để cho mẹ con mặc, mẹ con ở nhà.

Tôi nói với em:

- Con chờ Cha một chút.

Rồi tôi vào kiểm được một cái áo măng tô tương đối còn mới, nó dài trên đầu gối của em một chút và rất vừa với em. Tôi bảo:

- Cha cho con cái áo này.

Em nhìn cái áo và nó rất vui mừng, tôi đưa nó mặc thử, nó mặc vào sau đó nó cởi ra rồi xếp lại. Tôi bảo:

- Con mặc về đi.

Nó nói:

- Con về cho mẹ xem trước rồi con mặc sau.

Tôi nghĩ:"thôi thì tự do mà". Em đó ra về, cũng đã hơn 11 giờ trưa rồi. Nhà thờ Đức An của tôi có hàng rào trồng bằng cây chè, tôi thấy em đó ra đứng gần bờ rào rồi nhìn qua ngó lại, không thấy ai nó bèn mặc áo vào. Tôi thầm nghĩ “con bé này nói dóc”, tưởng nó đem về cho mẹ nó xem trước như lời nó nói, nhưng không phải, nó mặc áo vào rồi ngó trước ngó sau... nó ngấm nghĩa, vì nó là con gái mà! Nó nhảy nó mừng. Chỉ có một cái áo cũ thôi mà đã mang đến cho em một niềm vui rất lớn, tự nhiên tôi cảm động và nghĩ rằng: Từ nay về sau chúng ta nên cố gắng vận động để những ai có nhiều áo, như người kinh chẳng hạn, hãy cho tôi những quần áo để tôi có thể giúp đỡ cho người nghèo.

Tôi thường hay kể những chuyện đó cho giáo dân của tôi nghe và tôi bảo:

- Từ nay về sau ai có những cái áo lỗi thời chẳng hạn, hoặc là mình mặc không vừa nữa thì hãy đem cho tôi, tôi sẽ chọn "người mẫu" thật vừa với cái áo mà anh chị em đã cho tôi để tôi cho người nghèo.

Và từ đó tôi cũng không ngại ngần gì để xin đồ của người khác cho người nghèo.

Khi tôi ở giáo xứ Đức An, có người đã cho tôi một cái máy chụp hình màu. Thịnh thoảng tôi chụp cho các trẻ em trong xứ của mình. Khi tôi cho nó xem tấm hình tôi chụp nó, chẳng những nó không nói cảm ơn mà còn bảo:

- Gì mà xấu dzữ vậy?.

Mặc dù tấm hình rất đẹp và nó cũng khá đẹp, tôi chọc nó:

- Bởi vì mày xấu hoặc mà làm sao chụp đẹp cho được.

Thế nhưng mà ngược lại, mỗi lần tôi chụp hình cho các em người dân tộc trong các làng xa, tôi cho nó xem, nó nhìn tấm hình của nó, mắt nó sáng lên, nó cầm tấm hình áp lên ngực rồi cảm ơn tôi và reo lên:

- Đẹp quá Cha ơi !... ôi chao đẹp quá Cha ơi !... con mừng lắm...

Những đám cưới của người dân tộc về tổ chức lễ cưới trong nhà thờ của tôi, tôi biết họ nghèo nên tôi kêu thợ chụp hình tới chụp chừng 5, 10 cái hình để làm một tập album nhỏ thôi, bởi vì nếu mình không kêu chụp hình thì họ không bao giờ dám kêu, bởi vì họ không có tiền. Tôi đã tặng họ một tập album nhỏ chụp trong lễ cưới của họ. Trời ơi! Họ vui mừng lắm lặn đó. Thấy vậy tự nhiên

tôi cũng muốn làm điều gì đó cho những ai mà người ta cảm thấy món quà đó đối với họ là niềm vui lớn.

Trong nhà tôi có cháu Dao, bà ngoại của cháu gần 70 tuổi nhưng chưa bao giờ có một tấm hình màu, hôm đó có một Cha dòng Phanxicô chụp hình bà ngoại của cháu, và cháu kể cho tôi nghe rằng:

- Bà ngoại con cứ cầm tấm hình xem miết, ngắm nghĩa miết thôi, bà hỏi con là bà đây hả? Chụp sao mà đẹp thế này... v.v...

Tự nhiên tôi nghĩ:

Đối với những người nghèo món quà tuy nhỏ mà niềm vui thì rất lớn.

Có một lần kia tôi đi thăm một làng cùi và phát quà cho họ, họ vui lắm. Các nữ tu người dân tộc nói với tôi:

- Ở trong làng có một em bị sốt bại liệt, là con cái của người cùi. Em biết có Linh Mục tới nên em ao ước được gặp Cha. Cha tới thăm em một chút.

Nghe vậy tôi liền lấy theo một phần quà, tôi được các nữ tu dẫn tới nhà em. Căn nhà của em là nhà sàn, vì em bị bại liệt nên bố mẹ em làm một cái chòi trước nhà của mình cho em ở để bạn bè em đến chơi với em cho vui. Trời ơi! Cái chòi của em nó thấp lắm, mái lợp bằng tranh, vách làm bằng tre đập dập, nên khi tre khô thì nó bị nhót lại, ở ngoài nhìn vào không thấy gì, nhưng ở trong nhìn ra thì thấy được bên ngoài. Cái chõng (cái giường) em nằm, chân chõng cao chừng 2, 3 tác thôi, mà nền thì nền đất, mỗi khi trời mưa nước nó chảy dưới chân giường của em.

Em nghe đoàn tới và đang nói chuyện xôn xao ở bên ngoài, em kêu to:

- Cha ơi! Con vui lắm vì Cha tới thăm con...

Tôi chỉ nghe tiếng nói mà chưa thấy em. Khi vào trong cái chòi của em tôi phải cúi khom người xuống, trong chòi thì tối, tôi chỉ thấy một đống mền rách. Khi mắt tôi làm quen được với bóng tối thì bỗng nhiên tôi thấy một khuôn mặt giống như thiên thần, trên môi em nở một nụ cười rất xinh làm sáng bừng cả gương mặt. Tôi thấy em nằm trong một chỗ tối tàn như vậy, không đủ sức nhận quà từ tay tôi mà em vẫn cười tươi như vậy... Tự nhiên tôi nghĩ mình nhận được rất nhiều ơn của Chúa mà mình không biết, còn những người như em bé này bị đủ thứ thiệt thòi mà lại có nụ cười tươi ời là tươi như thiên thần vậy. Tôi đã khóc, đó là điều tự nhiên thôi, tôi khóc vì tôi quá xúc động.

Ai đó đã chụp cho tôi một tấm hình: trẻ thì cười còn tôi thì khóc, và tôi đã ghi một câu ở phía dưới: "***Người ta cười mà tôi khóc***". Đó chính là tấm gương tốt cho tôi, luôn nhắc nhở ***tôi phải biết cảm ơn Chúa vì những gì Chúa đã ban cho tôi, và tôi cũng nhắc nhở với anh chị em giáo dân của tôi như vậy. Nhiều khi mình không thấy ơn Chúa đến mỗi ngày trong đời sống của mình. Chúa ban cho mình đủ thứ ơn mà chúng ta vẫn phàn nàn, cũng như những con cái của nhà giàu, cha mẹ sắm cho đủ thứ mà vẫn trách phiền cha mẹ...***

Cũng là chuyện trong làng đó: khi chúng tôi chuẩn bị ra về thì tôi thấy các trẻ em con của người cùi bu lên xe tải của tôi để rờ cái bánh xe, cái thùng xe.

Tôi hỏi các em:

- Chúng con đi xe chưa?

Chúng trả lời:

- Chúng con đã thấy xe mà chưa bao giờ chúng con được đi xe.

Tôi bảo các em lên xe, tài xế của tôi tuy là người không có đạo nhưng là một người rất thương người nghèo, anh tên là Hùng. Tôi bảo anh Hùng lái xe chạy qua chạy lại, đi lui đi tới trong làng thôi cũng được, đi từ đầu làng tới cuối xóm cho các em vui. Trời ơi! Một xe đầy trẻ em, đứa nào cũng la lối, reo cười trên xe khi xe chạy. Tự nhiên tôi cảm thấy có điều gì đó làm cho lòng tôi bùi ngùi. Bởi vì sao? Bởi vì cái nhu cầu hết sức là bình thường mà các em cũng chưa bao giờ được nếm thử.

Xe ngừng lại cho các em xuống, chúng tôi chuẩn bị về thì người lớn cũng xin tôi:

- Cha cho chúng con đi xe một chút đi.

Thế là chúng tôi cũng cho người lớn lên xe. Người nào leo không được thì phải cõng lên. Mà người lớn đi trên xe, khi xe chạy trong làng họ cũng vui vẻ nói chuyện như là trẻ em vậy. Từ đó tôi nghĩ rằng: có những cái, những điều chúng ta coi là rất bình thường khi sử dụng, nhưng những người nghèo thì chưa bao giờ được hưởng.

Tại Kontum có nhiều nhà mồ cô mang tên là Vinh Sơn. Một lần tới thăm nhà mồ cô, tôi hỏi các em:

- Chúng con có bao giờ thấy biển chưa?

Các em trả lời:

- Chúng con chỉ thấy biển trên tivi thôi.

Thế rồi tôi mượn xe đưa các em đi, bởi vì tôi có liên lạc được với khu vực điều trị phong do các sơ nữ tu dòng Thừa Sai Phan Sinh phụ trách. Các sơ đồng ý cho các em tới chơi vài ngày để xem và tắm biển.

Rồi tôi đưa các em đi. Trời ơi! Khi xe tới một khúc quanh ở Ghềnh Ráng. Một đứa vừa thấy biển nó liền la lên:

- Biển kia, biển kia.

Tất cả các em ở trên xe đều đứng lên hết và reo to:

- Biển... thấy biển rồi... thấy biển rồi... biển lớn quá...

Tự nhiên tôi cảm động, chỉ mới thấy biển mà thôi nhưng đã là một niềm vui lớn cho các em rồi.

Sau đó thì vào tới chỗ của các sơ, tôi bảo các em chịu khó chờ các sơ, vì chúng nó thấy biển là nôn nóng không chịu được, chỉ muốn chạy ngay xuống biển mà thôi. Tôi nói:

- Các con hãy chờ một chút, các sơ ra mình chào các sơ rồi mình đi ra biển.

Có một số em không chờ được nữa nên đã chạy ra biển. Khi các sơ ra, tôi phải tập trung các em lại để cho các em được chào sơ, sau đó thì cho các em tắm biển, nhưng vì số trẻ em đông nên các sơ phải dặn dò:

- Các con chỉ được ra tới đó thôi, chỉ được tắm ở chỗ đó mà thôi.

Trời ơi! Lần đầu tiên trong đời các em được tắm biển nên chúng nó cứ mặc nguyên áo quần như thế mà xuống tắm, chúng nó vừa tắm vừa nô đùa. Đến chừng kêu lên thì không đứa nào muốn lên... Sau đó chúng tôi dẫn các em đi coi xe lửa vì các em chưa bao giờ thấy xe lửa. Chúng tôi xin được vào nhà ga. Các em vào nhà ga, chúng nó rờ 2 cái đường ray xe lửa rồi chúng nó hỏi tôi là làm sao xe nó chạy được mà không bị rớt ra ngoài? Tôi cũng không biết phải giải thích bằng tiếng dân tộc như thế nào để cho các em nó hiểu. Tôi bèn nói:

- Các con đi vào gặp ông xếp ga.

Bởi vì chúng tôi không được ở phía trong sân ga khi xe lửa đến. Các em đã hát tặng cho ông xếp ga một bài

hát rất hay, ông thích lắm và đồng ý cho các em ở lại nhưng chỉ đứng một nơi thôi để chờ xe lửa chạy tới.

Khi xe lửa chạy tới... ôi chao ơi! Đối với các em, đây đúng là một điều rất lạ lùng: bánh xe thì như vậy, chạy trên cái đường thì như vậy mà nó không rớt ra... rồi các em chỉ chỏ với nhau như thế này, thế kia... Tôi rất sung sướng khi thấy các em thích thú, vui vẻ.

Ngày hôm sau chúng tôi chở các em đi xem một chiếc tàu thủy ở bên cảng Qui Nhơn. Các em đứng dưới bến cảng nhìn lên chiếc tàu thủy, chúng nó nói là "cái nhà lầu chạy trên nước", và các em đứng dưới hát cho các thủy thủ trên tàu nghe. Cuối cùng thì các em cũng được lên tàu một chút để xem vài thứ ở trên tàu. Đó là một điều rất mới lạ đối với các em.

Mỗi lần mượn xe đi Qui Nhơn như vậy thì tốn khá nhiều tiền, nên sau này chúng tôi quyết định tìm cách để mua một chiếc xe. Năm **2003** tôi đã mua được một chiếc xe 25 chỗ để cho những người dân tộc ở xa tận trong các rừng núi, cho những người nghèo và thậm chí cho những người cùi cũng được đi xe để thăm biển, thăm những nơi này nơi khác, những nơi mà họ rất lạ lùng và vô cùng ngạc nhiên. Chẳng hạn khi tới biển thì họ lấy chai đựng nước biển để đem về. Vì thế chúng tôi đã mua chiếc xe 25 chỗ ngồi để phục vụ người nghèo, cho tới bây giờ...

Quả thật thì các Linh Mục và các tu sĩ đã làm rất nhiều việc như thế trong công tác mục vụ ở trong Giáo Phận Kontum cho anh em người dân tộc. Chúng tôi rất cảm phục tấm gương của các nữ tu và các Linh Mục, vì suốt cuộc đời họ đã sống cho người dân tộc, đã có lòng thương yêu và tạo rất nhiều cơ hội cũng như làm nhiều

việc để phục vụ cho người dân tộc nghèo và sống gắn bó với người dân tộc.

Món quà tuy nhỏ mà niềm vui thì rất lớn là như vậy. Đây chỉ là một số ít câu chuyện trong muôn vàn câu chuyện mà tôi biết và đã chứng kiến, tôi chỉ kể vài chuyện điển hình như trên, để chúng ta thấy rằng: dù là một ly nước lã thôi nhưng cũng không mất công đâu. Chúa không đòi chúng ta cho nhiều, nhưng Chúa đòi chúng ta cho bằng cả tấm lòng chân thành.

14 .

buôn thöông

Những ai ở lâu trên vùng đất Kontum thường nghe nói tới một từ gọi là "**Buôn Thợng**". Nghĩa là nói tới việc người kinh buôn bán với người thợng.

Trước khi các vị Thừa Sai đi rao giảng Tin Mừng cho vùng Tây Nguyên thì các đoàn đi buôn, là người An Nam cũng đã tổ chức những đoàn buôn từ miền xuôi - tức là từ đồng bằng - đem những sản phẩm như: muối, cá khô... v.v... lên trao đổi buôn bán với người Thượng. Thầy Sáu Do cũng đã có lần vì muốn tìm hiểu đường đi nước bước của vùng Tây Nguyên, để đưa các vị Thừa Sai lên truyền giáo ở trên đó, nên Thầy nhập vào một đoàn đi buôn của người An Nam, thầy phải làm công việc khuân thuê, vác mướn cho họ, bởi vì hồi đó không có xe cộ nên mọi thứ hàng hóa đều phải gánh, khiêng hoặc mang. Đoàn này lên các vùng rừng núi Tây Nguyên để buôn bán với người Thượng. Buôn bán nhất định là phải có lợi nhuận, cho nên khi nói tới từ "buôn Thượng", thì người ta nghĩ ngay đến những người kinh buôn bán với người thượng, thường thì không có sự công bằng vì lúc nào người kinh cũng tìm cách ăn lời quá mức.

Chúng ta cũng nên nhớ rằng thời xưa, cách đây 40 năm trở về trước, các tỉnh Pleiku, Kontum; Phú Bổn là 3 tỉnh, nhưng nay thì nhập lại thành 2 tỉnh. Tỉnh Gia Lai gồm 2 tỉnh Phú Bổn và Pleiku. Tỉnh Kontum là ranh giới của tỉnh Kontum cũ. Hồi đó rất ít người kinh, mà người Thượng là chính. Bây giờ thì tỉnh Kontum và tỉnh Gia Lai có 25.000 km², với dân số là 1.600.000, cả người kinh và người Dân Tộc. Hiện nay thì dân số người kinh bằng số người dân tộc.

Ngày xưa mỗi khi người dân tộc muốn dựng làng để ở thì họ luôn luôn dựng ở gần rừng, hồi đó toàn là rừng già. Vì người dân tộc không biết và cũng không có thói quen đào giếng nên khi dựng làng của mình, họ luôn tìm những nơi gần sông, suối, hoặc ở gần những nơi có nước

giọt, tức là nơi có mạch nước từ trong rừng rậm chảy ra suốt ngày. Nhu cầu của người dân tộc khi dựng làng là phải ở gần sông suối, đồng thời cũng phải ở gần rừng nữa, vì họ sống cũng nhờ vào những thứ có trong rừng.

Người Việt Nam chúng ta thường hay nói "rừng vàng biển bạc". Rừng có nhiều của cải cũng như biển vậy. Người dân tộc sống gần rừng, khi hết lúa, hết gạo thì họ lại vào rừng, vì ở trong rừng có nhiều thứ. Cho nên của cải ở rừng cũng cần cho người miền xuôi, và của cải ở vùng biển cũng cần cho người miền núi. Vậy nên đã có những cuộc trao đổi mua bán. Vì thế mà có những đoàn người gọi là đi "buôn Thượng".

"Mãng le gửi xuống, cá chuồn gửi lên" là như thế, nhưng người dân tộc thì không hề biết buôn bán, họ sống rất đơn sơ, không có hệ thống tiền bạc. Họ chỉ biết đổi chác mà thôi. Người kinh thì lanh lợi hơn, lại biết buôn bán, cho nên trong những cuộc trao đổi hàng hóa ấy thì chúng ta thấy rõ phần lợi nghiêng về phía người kinh.

Lâu nay tôi nghe nói những người buôn thượng là những người mau làm giàu. Khi mà người thượng còn nhiều rừng, còn đốt rẫy được, thì lúc đó của cải của người dân tộc còn dồi dào. Nhưng bây giờ đất đai là do nhà nước quản lý, kể cả cây cối trong rừng cũng vậy, và như thế đời sống của người dân tộc trở nên khó khăn, vì bây giờ họ không còn được tự do vào rừng để tìm cái ăn như ngày trước, mà sông suối phần thì cạn kiệt, phần thì ô nhiễm... Cuộc sống của người dân tộc hoàn toàn bị xáo trộn. Bây giờ người kinh lên lập nghiệp trên vùng Tây Nguyên càng ngày càng nhiều, nơi nào có làng dân tộc thì lập tức có người kinh đến đó đóng chốt để mua bán, làm ăn... Tôi nói ví dụ: Bây giờ người kinh ở gần người dân tộc, nếu

như người dân tộc sa cơ, trong nhà có người bệnh cần chữa trị nên phải mượn tiền của người kinh, lúc đó người kinh cho vay và lấy lãi rất cao, nếu người dân tộc thiếu lúa ăn thì người kinh cho mượn 1 thùng, đến khi trả thì phải trả 2 thùng. Tới mùa gặt thì người kinh đem bao bị chõ sẵn trên bờ ruộng để lấy cho bằng được số lúa đã cho vay, cả vốn lẫn lời.

Với cách tính toán của người kinh như thế thì phần thiệt thòi lúc nào cũng nằm về phía người thượng.

Trong trận bão lụt năm **2009** tại Kontum, có những người Thượng cần tiền để cho con đi học tiếp, hoặc cần tiền để sinh sống, thì họ thường đem sổ đỏ đất đai của mình thế chấp cho người kinh, khi tới ngày trả thì phải chịu một cái giá tiền lời như thế nào đó thì mới lấy lại được sổ đỏ. Nhưng mà thường thì họ bị mất luôn sổ đỏ, bởi vì họ không có tiền nên không có cách nào để chuộc lại sổ đỏ của mình. Vậy nên luôn luôn phần lợi cũng nằm về phía người kinh. Đức Giám mục Kontum đã nói với các Linh Mục là phải tìm mọi cách chuộc lại sổ đỏ, giấy tờ đất đai của người dân tộc rồi đưa trả cho họ. Có như thế thì mới cứu được gia đình người dân tộc nghèo, và chúng tôi đã cố gắng hết sức: Thứ nhất là không để cho người dân tộc lấy sổ đỏ đi thế chấp kiếm tiền. Thứ hai Caritas Kontum đã bỏ ra gần 500 triệu đồng để giúp sức cho học sinh, sinh viên người dân tộc đi học xa nhà. Đến bây giờ thì mùa màng nương rẫy của gia đình họ bị mất hết, không còn thứ gì để cho con đi học. Vậy nên qua sự giới thiệu của các Linh Mục, cũng như các nữ tu tại địa phương, đã giúp được cho anh này, hay cô nọ... có thể tiếp tục việc học hành của mình.

Chúng tôi đã làm công việc vừa giải thích, vừa tạo ý thức cho anh em người dân tộc, trong hoàn cảnh như vậy phải biết sống tiết kiệm để khỏi lấy số đỏ của mình đưa cho người kinh, thì người kinh sẽ không có cơ hội lấy được đất đai của mình.

Tôi có quen một gia đình người dân tộc, khi vợ anh ta đau yếu thì anh ta cần phải có tiền để chữa bệnh cho vợ. Anh ta có một rẫy cà phê khoảng 1 sào, mà cà phê còn 2 tháng nữa mới thu hoạch. Khi đó tôi không có ở nhà, anh nói với người cho vay là anh cần 2 triệu, người này thấy anh cần tiền nên ép anh, chỉ chấp nhận đưa cho anh có 1 triệu mà thôi. Cuối cùng ví quá cần tiền nên anh đồng ý giá 1 triệu. Nhưng đến thời hạn trả tiền thì anh không có tiền, thế là chỉ 2 tháng sau người kinh này bán lại rẫy cà phê với giá 7 triệu.

Cuối cùng thì phần thua thiệt bao giờ cũng ở về phía người dân tộc.

Người kinh biết đo đạc, biết diện tích là bao nhiêu, chu vi là thế nào. Còn người dân tộc thì không biết gì về những điều đó.

Tôi biết chuyện có người dân tộc muốn bán đất cho người kinh, người này hỏi:

- Anh bán miếng đất đó là mấy sào? Rộng bao nhiêu mét vuông?

Anh trả lời:

- Mình không biết đâu. Mình chỉ bán từ cây bơ tới cây vú sữa rồi chạy thẳng tới dưới suối thôi.

Tôi đoán như vậy cũng khoảng chừng 3 sào.

Người kinh này vốn rất thủ đoạn, nghĩ ý muốn kết nghĩa anh em với người dân tộc kia, 2 người làm một cái lễ gọi là lễ "đeo còng" để kết nghĩa anh em. Người kinh

đó làm điều này là có ý lợi dụng người dân tộc, để mua rẻ đất mà làm ăn. Về phía người dân tộc lại khác, một khi đã kết nghĩa anh em và đã đeo còng cho nhau thì đây là một điều vô cùng thiêng liêng và họ rất trân trọng.

Có một điều rất thiệt thòi cho người dân tộc là họ không biết viết giấy tờ, nên để cho người kinh viết, và khi viết thì bao giờ người kinh cũng viết như thế nào để phần lợi thuộc về họ: Bờ rào ở giữa, đất anh ở bên này, đất tôi ở bên kia... và người kinh làm một đường dây thép gai ở giữa, sau đó vợ chồng người kinh mua cây cà phê con rồi chờ đến ban đêm đào lỗ trồng xuống, kéo bờ rào qua bên kia... cứ thế...

Người dân tộc nói với tôi:

- Không biết làm sao mà đất của mình càng ngày càng ít, mà đất của nó càng ngày càng nhiều.

Theo kinh nghiệm của tôi thì tôi thấy như thế này: Những người buôn thượng thì mau giàu có, nhưng giàu mà phi nghĩa thì của cải không thể tồn tại được lâu.

Trước năm **1975** tôi cũng biết một số người buôn thượng rất giàu nhưng cuối cùng cũng tán gia bại sản. Rồi sau này cũng vậy. Từ lúc tôi xuống Gia Lai là năm **1986**, tôi cũng biết rõ nhiều người, kể cả những người có đạo mà buôn bán không công bằng, lại có ý gian lận với người nghèo thì cũng đi đến kết cục là tán gia bại sản.

Bài này tôi nói lên đây để chúng ta thấy rằng trong buôn bán thì bao giờ người kinh cũng nắm đằng chuôi, và người thượng vì không biết buôn bán nên lúc nào họ cũng nắm đằng lưỡi, chịu đủ thứ thiệt thòi.

Chương trình của tôi là giúp cho người dân tộc nghèo. Tôi thấy có nhiều người kinh tốt bụng cũng luôn yểm trợ cho cách làm này để giúp đỡ cho người dân tộc.

Ví dụ như sắn lát (mì lát), khi tôi biết một làng nào đó có chặt củ mì lát phơi khô, tôi thường bảo người kinh tốt bụng đến cân số mì đó là bao nhiêu, như của anh Mok, của anh H'Dung, của anh Róa... là bao nhiêu... v.v... Rồi tôi nhập chung lại và nói với chủ hãng chế biến thức ăn cho gia súc, người này rất tốt bụng, anh nói:

- Cha không cần phải phân loại 1, loại 2, loại 3 làm gì. Con sẽ xay chung các loại với nhau hết, nhưng vì buôn bán nên con phải nói như vậy. Cha bảo người dân tộc phơi thật khô và con sẽ mua của họ với giá cao nhất.

Và như thế là tôi đã làm điều này rất nhiều lần, sao cho người dân tộc được bán mì lát phơi khô với giá cao nhất. Con buôn đôi khi cũng thấy khó chịu vì việc tôi đã làm. Nhưng tôi thấy người dân tộc rất mừng, có người khoe với tôi:

- Con chưa bao giờ bán mì mà có được nhiều tiền như vậy.

Và họ sẵn sàng cho tôi tiền. Tôi bảo:

- Không, Cha chỉ giúp anh em thôi, nhưng một khi anh em làm được như thế thì anh em mới có tiền cho con mình ăn học, rồi còn sửa lại cái nhà của mình nữa chứ.

Người dân tộc trồng rất nhiều chuối, khi người kinh vô làng mua chuối thì mua với giá rất rẻ. Mỗi khi tôi đi làm lễ trong làng nào đó, tôi thường gom chuối lại đem về. Buồng này là của ai?... Buồng này của ai?... Tôi có thể bán dùm cho họ với giá cao hơn. Đàng khác chúng tôi cũng tìm mọi cách giúp họ, ví dụ người dân tộc muốn mua một chiếc xe gắn máy hay một thứ gì đó, chúng tôi cũng nhờ các nữ tu, hoặc các Linh Mục trao đổi và giúp họ mua món hàng sao cho đúng với giá trị của nó, xứng

với đồng tiền họ phải bỏ ra, không để cho người khác lừa gạt người dân tộc để lấy tiền của họ.

Buôn thương bây giờ cũng có nhiều cách nhiều kiểu, nhưng cách nào đi nữa thì người dân tộc luôn luôn chịu nhận lấy phần thiệt thòi.

Hôm nay tôi chia sẻ như vậy. Tôi rất cảm ơn những anh em người kinh tốt bụng đã luôn thương yêu anh em người dân tộc bằng nhiều cách, như một giáo xứ người kinh đỡ đầu cho một làng dân tộc, giúp cho con họ được đi học, hay là giúp cho họ khi đau yếu. Tôi cũng thấy các bác sĩ công giáo trong thành phố Pleiku luôn sẵn sàng đón nhận anh em dân tộc trong nghề nghiệp của mình, luôn tạo điều kiện giúp đỡ cho người dân tộc. Các bác sĩ này đúng là đã có lòng tốt đối với anh em người dân tộc nghèo.

Ước gì có nhiều người kinh chịu chấp nhận phần thiệt thòi về mình dù chỉ là một chút ít, để cho anh em người dân tộc nghèo được có phần hơn. Đó chính là Rao Giảng Tin Mừng Tình Thương và cũng chính là Rao Giảng Tin Mừng Sự Sống.



NHÀ CỦA NGƯỜI DÂN TỘC NGHÈO



*** ĐEM TÌNH THƯƠNG VÀ NIỀM VUI ĐẾN VỚI
NGƯỜI DÂN TỘC NGHÈO**





***CHA CON TA CÙNG NHAU ĐƯA NƯỚC SẠCH VỀ LÀNG**

Cảm ơn hai em Nguyễn Sơn Phi và Nguyễn Quốc Vũ, là người nhà Cha Đông. Theo lời yêu cầu của tôi, hai em đã gửi cho tôi một số hình ảnh về "***Những điều chia sẻ***" cho Mùa Đông ấm áp. Ước mong sao người đọc sau khi xem những tấm hình này: **Tâm hồn sẽ rộng mở cùng với một tấm lòng yêu thương *chân thành*, để đến với những người dân tộc nghèo một cách *chân tình*.**

Hồ Thủy

15 .

AIDA DẪN ĐƯỜNG CHỈ LỐI

** Người dân tộc rất yêu thương người thương yêu họ.*

** Người dân tộc rất biết ơn người đã giúp đỡ họ.*

** Những người dân tộc có hiểu biết thì rất sợ người kinh tới ở gần họ, rồi đưa đường chỉ lối cho con cái họ làm những việc không tốt.*

Những nơi có làng dân tộc, thì lúc nào cũng có vài ba cái sạp hàng của người kinh dựng lên bán đủ thứ cho người dân tộc. Trẻ em dân tộc bây giờ có nhiều nhu cầu hơn trẻ em ngày xưa: nào là tivi, rồi karaôkê rồi thì trò chơi điện tử... . Trong khi cha mẹ đi làm suốt ngày, còn trẻ con ở nhà thì thèm coi tivi, thèm chơi điện tử mà lại không có tiền. Từ đó trẻ em người dân tộc dễ trở nên ăn cắp những thứ có trong nhà của mình như: vài cái trứng gà, hay là lấy phân bò đi đổi cho những sạp ở đầu làng để lấy tiền đi chơi điện tử. Và như thế dẫn đến tình trạng một đứa làm được thì nhiều đứa trong làng cũng làm được. Thế nên những người dân tộc có hiểu biết rất lấy làm lo lắng về những người kinh có sạp buôn bán ở đầu làng, vì đã làm hư hỏng con cái của họ.

Nhưng ngược lại có những người kinh thật lòng yêu thương người dân tộc, họ muốn giúp đỡ cho người dân tộc, giúp đỡ cho những người nghèo ở các làng, cũng chỉ đường chỉ lối cho người bệnh ở trong làng thế này thế nọ. Điều này làm cho người dân tộc luôn biết ơn những người kinh đã yêu thương, quan tâm đến họ.

Một lần họ Mặt Trận Tổ Quốc mời những người dân tộc trí thức họp mặt, tôi cũng có mặt trong buổi họp đó. Một trí thức già người dân tộc ở Gia Lai mà ai cũng biết cụ, tên cụ là Nay Phin. Ngày xưa vào thời Pháp thuộc, cụ là nhà giáo dạy học. Cụ ra Bắc và trở về. Cụ Nay Phin là một người trí thức rất được người dân tộc kính mến. Hôm đó tôi nhận thấy nét mặt cụ không vui khi trong cuộc họp cụ phát biểu một câu như thế này:

- Người dân tộc chúng tôi bây giờ cũng tiến bộ rồi.

Thật tình khi tôi nghe hai chữ "tiến bộ" thì tôi không hiểu tiến bộ về mặt gì? Cụ nói với giọng mỉa mai:

- *Người dân tộc mình bây giờ cũng bắt chước người kinh được nhiều thứ lắm. **Biết ăn cắp rồi!***

Đúng là tôi thấy gương mặt cụ rất buồn khi nói tới điều này. Cụ ngồi trầm ngâm một lúc với ánh mắt đăm chiêu rồi đứng lên nói tiếp:

- Người dân tộc của mình bây giờ cũng biết làm cái ruộng nước rồi. Nhưng khi biết làm cái ruộng nước, hay có cái ruộng nước để làm thì không còn ruộng để làm nữa. Lý do là tại sao? Người dân tộc của mình ai cũng thích cái xe Honda, người kinh cũng biết rõ là người dân tộc mình thích cái xe Honda, mà người kinh thì thích có ruộng nước. Người dân tộc không cần giấy tờ đâu. Mình nói bằng cái miệng của mình là được rồi. Thế thì anh có cái ruộng nước, tôi có cái xe Honda. Xe của tôi là xe mới (xe người ta làm cho có vẻ mới). Thế là trao đổi với nhau, người dân tộc thì có xe để chạy, người kinh thì có ruộng nước để làm. Nhưng một thời gian sau, vì người dân tộc không biết xử dụng xe, mà nhiều khi chiếc xe lại là xe cũ nữa, cho nên mấy tháng sau là xe bị hư không chạy được, mà ruộng thì cũng mất luôn.

Cụ thở dài rồi ngồi xuống, không nói nữa.

Bởi vì tôi cũng rất thương anh em người dân tộc, và tôi nhận thấy những điều cụ nói là đúng, lòng tôi cũng ngậm ngùi, cho nên trong giờ giải lao tôi hỏi cụ:

- Chúng ta phải làm gì bây giờ? Tôi thương anh em người dân tộc hết sức.

Cụ biết tôi là Linh Mục, cụ nói với tôi mà nét mặt đầy ưu tư lo lắng:

- Nói thật với Linh Mục là tôi muốn nói nhiều hơn nữa nhưng mà tôi nghĩ... tôi mắc cỡ nên tôi không nói. Con gái người dân tộc của mình bây giờ cũng bị người kinh rủ rê đi làm đĩ, mà làm đĩ thì mau có nhiều tiền hơn là làm ruộng. Mà làm đĩ là bị *SIDA* rồi, nhưng mà nó thì không biết *SIDA* là cái gì?...

Tôi thấy cụ buồn rầu, lo âu vì cụ rất thương người dân tộc của mình nên tôi cũng chạnh lòng. Mỗi khi tới mùa làm cỏ cà phê, mùa tưới cà phê hay tới mùa hái cà phê, thì người kinh ở các nơi đổ xô tới Gia Lai, là vùng mà người ta trồng rất nhiều cà phê. Họ đổ dồn về đó để làm thuê làm mướn kiếm tiền. Người kinh ban ngày đi làm mướn, nhưng ban đêm thì cũng tìm cách kiếm thêm "thu nhập", tức là đi ăn trộm chỗ này chỗ kia, gắp bất cứ thứ gì lấy được là lấy. Khi đi thì rủ 3, 4 thanh niên trong làng đi theo, đầu tiên là rủ đi ăn cho vui. Người dân tộc mà có ai đó quen biết rủ đi ăn là vui lắm. Rồi người kinh tổ chức đi ăn trộm dẫn theo mấy em dân tộc. Khi bị bại lộ người kinh co giò chạy trốn mất tiêu, còn mấy em dân tộc đứng lóng ngóng ở đó thì bị hót hết... Đúng là bị oan, cũng còn may phước vì chính quyền hiểu được điều này, chớ không thì tội nghiệp cho nó, nó bị người ta dẫn dụ đi theo chớ nó không phải là kẻ chủ động đi ăn trộm.

Có những người kinh không tốt đã mượn các em nhỏ người dân tộc, vì họ biết các em này cũng cần tiền để thỏa mãn những nhu cầu này, nhu cầu khác. Họ sắm đèn pin cho nó để ban đêm nó đi hái trộm cà phê. Người dân tộc xem rừng như là nhà mình mà, nên khi nó đi hái trộm cà phê, nếu có ai rượt thì nó chạy cũng nhanh và dễ, còn nếu như nó hái trộm được thì sáng hôm sau những người đó tới làng mua cà phê đó với giá rẻ. ***Đó là dạy người ta, nhất là dạy cho con nít đi hái trộm.***

Tôi nhớ có một lần tôi hỏi một làng dân tộc:

- Tại sao làng mình gán cái rẫy cà phê đó, mà người ta bảo mình đi hái trộm cà phê của người ta?

Quả thật là những người làng nói:

- Mình không biết đâu, mấy đứa nhỏ nó đi làm điều đó. Bây giờ mình biết rồi, mình sẽ nói với con mình thôi, mình không biết gì đâu.

Ai đã dẫn đường cho ai?

Đọc đường tôi thấy mấy người dân tộc là giáo dân của tôi đi bán mật ong. Tôi dừng lại nhìn mấy chai mật... trời ơi! Cái chai thì đã cũ sì mà cũng không sạch sẽ gì, rồi thì có mấy chút bánh sập, rồi có thêm mấy con ong chết nằm trong chai mật đó nữa. Tôi cứ tưởng là người dân tộc đi lấy mật ong ở trong rừng về. Tôi bảo:

- Đem tới nhà Cha đi, Cha sẽ mua một ít.

Mấy người dân tộc này biết tôi nên nói với tôi:

- Không có đâu, người kinh nó mượn mình đi bán đó. Bán 1 chai thì nó cho mình 5.000 đồng. Một chai là mấy chục nghìn. Cha đừng có mua, của người kinh đó, không phải của người dân tộc đâu.

Tôi tức cười và tôi dặn người dân tộc không được làm như thế.

Người dân tộc trồng rau là không bao giờ xit các thứ thuốc trừ sâu nọ kia. Rau còn nhỏ là họ đã nhỏ đi bán rồi. Người kinh thấy vậy nên rất thích mua rau củ hoặc trái cây của người dân tộc vì nó không có chất hóa học, chất tăng trưởng gì đó. Nhưng bây giờ người dân tộc cho biết là người kinh cũng muốn người dân tộc đi bán rau của người kinh trồng, mà người dân tộc đi bán rau thì người ta thích mua hơn vì nghĩ là rau của người dân tộc trồng không có thuốc trừ sâu.

Ai đã dẫn đường cho ai?

Ngày xưa tôi học về Tâm lý học thì tôi được biết như thế này: ***Người tốt thường nghĩ ai cũng tốt như mình.*** Bản chất người dân tộc là tốt, cho nên họ nghĩ ai cũng tốt như họ, và vì thế mà người tốt hay bị mắc lừa. Ai lừa họ? Những người xấu bụng hay lừa những người tốt để trục lợi cho mình, nên người dân tộc hay bị mắc lừa là như vậy. ***Người gian xảo quyết thì thường hay nghĩ ai cũng xảo quyết như mình, cho nên họ nghi kỵ người khác cũng có tính gian xảo giống họ.*** Tục ngữ Việt Nam có câu: "*suy bụng ta ra bụng người*" là như thế.

Năm **1986** tôi phụ trách một làng dân tộc là làng Ea Luh, Xã Nghĩa Hưng bây giờ. Làng này xưa kia ở gần Biển Hồ; Pleiku, đất đai nơi đây mầu mỡ tốt tươi, người dân tộc lập làng canh tác trồng trọt ở đây từ mấy mươi năm về trước, cuộc sống của họ rất ổn định. Nhưng sau này thì chính quyền lấy đất này của họ, rồi dời họ vào gần một chân núi. Đất đai nơi chân núi này lại quá khô khan cần cỗi, ở đây có một hồ nước do nhà nước ngăn giòng để chứa nước. Dân làng cũng góp công rất nhiều để làm đập giữ nước lại. Nhưng mà tất cả mọi sinh hoạt đều dùng từ nguồn nước này, phía dưới đập có giọt nước, nhưng nước

cũng từ hồ này chảy ra, giặt giũ cũng tại hồ, rồi tắm rửa cũng tắm trên hồ, thậm chí bò cũng tắm trên hồ này luôn, nghĩa là tất cả nhu cầu dùng nước đều dùng ở hồ này. Và vì thế mà dân làng thường mắc bệnh về đường ruột, nhất là họ bị ghẻ, mọi người đều có ghẻ.

Tôi đã tìm mọi cách để có nguồn nước sạch cho họ. Tôi bắt đầu đào giếng và khuyên mọi người nên uống nước giếng vì nước giếng sạch hơn, Nhưng khổ nỗi có chỗ thì đào giếng được, có chỗ không đào được. Còn dân làng thì vẫn thích uống nước giọt hơn, thích tắm hồ hơn là tắm giếng... Vì hôm nay thì gàu bị đứt dây, ngày mai thì con gà nó rớt xuống giếng, mà cũng không biết làm sao để lấy con gà lên, họ lại bỏ không uống nước giếng nữa.

Đến năm **1994** một lần tôi tình cờ leo lên một ngọn núi gần làng, tôi thấy có con suối nhỏ ở trên đó. Bởi vì gần làng Ea Luh có 2 con suối chảy. Nói suối nghe có vẻ lớn vậy, chứ thực ra nước nó chảy như 2 con mương thì đúng hơn, được cái là quanh năm luôn có nước vì nhờ nguồn nước từ trong núi chảy xuống. Tôi nảy ra ý nghĩ: đem nước sạch từ núi về làng. Tôi cho người lên đo đạc kỹ lưỡng, từ nơi nguồn nước chảy về làng có độ cao chênh lệch là 32 mét, như vậy là dư sức để đưa nước về làng. Nhưng gặp khó khăn là có 2 cái vực, tại 2 cái vực đó chúng tôi phải treo ống từ bờ bên này sang bên kia.

Dân làng đồng ý và chúng tôi thực hiện việc treo đường ống dài 3km. Công trình này vào thời điểm đó tốn hết 100 triệu đồng. Ống dẫn nước về làng loại $\phi 100$. Khi dẫn nước về đầu làng, chúng tôi xây một hồ chứa, để cho dân làng hằng ngày đi làm nương rẫy về, sẽ tập trung ở đó mà tắm rửa, lấy nước... Sau đó thì chúng tôi dẫn nước từ

hồ về tận làng, có 14 điểm, tôi cho xây trụ đàng hoàng, có gắn rôbinê để mở và khóa nước.

Công trình hoàn thành, chúng tôi rất vui mừng.

Hôm đó là ngày lễ Hiến Linh, chúng tôi dâng Thánh Lễ để "khai trương" đường nước này, ngay tại địa điểm của hồ chứa nước.

Tôi dặn người ở đầu nguồn nước:

- Tôi dâng lễ từ 9 giờ đến 10 giờ thì xong. Lúc đó mà nước chảy về tràn hồ chứa nước thì chắc là dân làng vui mừng lắm.

Sáng hôm đó tôi dâng lễ và tuyên bố:

- Chút nữa sẽ có nước về làng của mình, nước chảy suốt ngày suốt đêm.

Tôi đang cho rước lễ thì nước tràn hồ, nước từ 10 cái ống xả trào ra. Dân làng rước lễ xong,, ai cũng đến chỗ hồ chứa nước đưa 2 tay ra dưới cái rôbinê hứng nước vuốt vào mặt mình. Lúc đó tôi cũng "lo ra" nhưng vẫn tiếp tục dâng thánh lễ. Khi xong lễ thì tất cả chúng tôi: Linh Mục cũng như giáo dân ra đứng chung quanh hồ, cùng nhau hát vang những bài ca tạ ơn Thiên Chúa đã cho nước sạch về tới làng.

Và từ đó, do được dùng nước sạch từ đầu nguồn dẫn về nên sốt rét cũng hết, ghẻ cũng hết và những bệnh về đường ruột cũng hết.

Nhờ đường nước chảy suốt ngày đêm nên cây cối trong làng xanh tốt quanh năm và có nhiều cây nhất so với các làng khác. Rồi một sáng kia khi thức dậy không thấy có nước nữa. Mùa cà phê năm đó xuống giá. Những người đi hái cà phê mướn bị thất nghiệp, vì không được ai thuê

mướn nhiều cho nên không có tiền, đã rủ nhau đi cắt trộm đường ống dẫn nước của chúng tôi để bán nhôm, nhựa.

Sáng đó dân làng đi theo đường ống nước lên núi thì thấy một đoạn khoảng 50m bị cắt mất nên nước không chảy về làng được. Dân làng biết chắc chắn là người kinh đã cắt trộm đường ống nước của họ, nhất định là như thế, nhưng đi tìm khắp nơi mà vẫn không thấy. Tuy nhiên khu vực này dù đi đâu thì cũng phải qua một cây cầu ngay đầu làng, không có con đường nào khác, và cây cầu này nó nhỏ nên chỉ có xe Honda đi được mà thôi.

Ngày hôm đó cũng có nhiều xe Honda đi qua làng. Dân làng cắt cử người canh tại cầu. Đến gần trưa thì họ thấy có một người chở một cái bao khá to, họ chặn người đó lại, mở bao ra và thấy đường ống nước của làng mình đã bị cắt ra từng đoạn để bán đồ nhựa. Người ta liền giữ anh xe thồ này lại, anh ta cương quyết không khai ra là ai đã mướn anh. Người dân tộc trong làng thì đơn sơ, đi báo công an xã nhưng chờ mãi mà công an xã không vào, dù họ chỉ ở cách làng có 3 cây số mà thôi.

Buổi trưa dân làng về ăn cơm, phân công cho một anh thanh niên trong làng giữ anh xe thồ và chìa khóa xe Honda của anh ta lại, định rằng sẽ điều tra cho ra và bắt bồi thường đường ống nước đó. Người xe thồ này thấy chỉ còn một người thanh niên canh giữ, bèn nói rằng:

- "Xe tôi bị chảy xăng, cho tôi tới xe để tôi khóa xăng ". Anh dân tộc này thì đơn sơ, nghĩ là mình đã giữ chìa khóa xe rồi thì sợ gì nữa kia chứ nên đồng ý. Anh xe thồ tới xe và nối sợi dây điện gì đó trong xe, rồi anh ta đạp một cái, xe nổ là chạy luôn, bỏ lại bao nhôm nhựa.

Chiều tôi vào làng thì người làng báo cáo với tôi khi mọi chuyện đã xong xuôi hết rồi. Tôi nói:

- Biết ai bây giờ... số xe là số mấy?

- Mình thấy xe có số mà mình không biết số xe là số nào.

Qua câu chuyện này thì người trong làng càng thêm có ác cảm đối với người kinh.

Đôi khi người dân tộc tâm sự với tôi:

- Con không ưa người kinh, người kinh vô làng của con, cái ổ gà của con đang ấp vậy mà nó bung đi hết cả ổ gà luôn, vào trong làng con mà bắt không còn một con chó nào. Lần đầu tiên trong làng con mất một con bò, khi mất con bò cả làng đi tìm hết, tìm khắp nơi, rồi thì thấy con bò bị người ta chặt đứt gân chân luôn, con bò nó lết về tới nhà nên không mất. Làng nói đó là người kinh vì người dân tộc chúng con không bắt bò của nhau.

Từ những việc như vậy đã đem đến những sự nghi kỵ lẫn nhau giữa người kinh và người dân tộc. Luôn luôn chúng tôi cố gắng nói cho họ biết là con người, thì có người tốt và người không tốt. Người kinh cũng thế và người dân tộc cũng thế; cũng có người tốt và người không tốt... Nhưng thường thì những điều đó tôi không thuyết phục nổi, bởi vì đa số những việc không tốt xảy ra trong làng của họ đều do người kinh gây ra.

Cuối cùng thì chính tôi cũng phải bỏ tiền ra để sửa lại đường ống nước, và dân làng sử dụng cho đến bây giờ.

Tôi nói những điều này với là muốn chia sẻ rằng: thật sự thì chúng ta có trách nhiệm và bổn phận, ngay cả khi chúng ta là những người thương yêu giúp đỡ cho người dân tộc, chúng ta cũng phải có trách nhiệm nâng cao trình độ của người dân tộc, như là: biết giữ xe thế nào, biết ghi lại số xe của kẻ ăn cắp để nhà nước họ điều tra.

16 .

NHŨNG NẾU NÀNG LO NGÀI

Sống và rao giảng Tin Mừng cho anh em người dân tộc và phụ trách mục vụ cho họ, đã có những điều làm cho tôi cảm thấy thật lo lắng.

* Điều lo lắng thứ nhất: **Uống rượu.**

Từ xa xưa người dân tộc, kể cả nam lẫn nữ, đôi khi trẻ em cũng biết uống rượu. Đó là rượu cần, uống bằng cái cần, hoặc là rượu ghè, bởi vì rượu được chứa trong một cái ghè. Có thể làm rượu bằng gạo, bằng nếp, bằng củ mì, bằng bắp. bằng bo bo... v.v... Rượu tuy tương đối nhẹ nhưng lại say từ từ, ai cũng biết uống.

Nhưng rượu nào thì cũng làm cho người ta say. Người dân tộc khi đi xưng tội, thường xưng cái tội :

- Con có uống rượu...

Cấp độ nhẹ.

- ...Con uống mà con say...

Cấp độ này nặng hơn.

- ... Con say mà con còn ói mửa nữa...

Cấp độ này còn nặng hơn nữa.

-... Con say mà con còn mất luôn trí khôn...

Đây là cấp độ nặng nhất.

Thời Đức Cha Phaolô Kim, Ngài cũng biết điều này có hại cho con người nên Ngài đã ra một cái luật:" cấm bán rượu mạnh cho người dân tộc", rượu mạnh như rượu đế chẳng hạn. Thời bấy giờ là thập niên của thế kỷ XX, người kinh ở với người dân tộc thường là người Công Giáo. Mà ở trên Kontum người Công giáo kinh rất đông,

cho nên ra luật này thì cũng có hiệu quả. Đối với người Công Giáo mà bán rượu mạnh cho người dân tộc là bị dứt phép thông công.

Được chừng nào hay chừng đó, và điều này cũng có hiệu quả phần nào trong việc giới hạn thói quen uống rượu của những người dân tộc. Bây giờ anh em Tin Lành cũng có cái luật là: Ai muốn trở về theo Chúa, theo Tin Mừng của Chúa thì phải quyết tâm bỏ rượu, như thế mới được theo đạo Tin Lành. Đây là điều rất đáng cho chúng ta bắt chước.

Tôi đã trông coi một làng dân tộc trong gần 20 năm. Tới Mùa Chay tôi cũng kêu gọi, nhất là cánh đàn ông đăng ký giảm rượu trong Mùa Chay, có giấy tờ ký tên đăng hoàng. Những người có quyết tâm sống Mùa Chay thì phải giảm uống rượu 75 %, 50 %, hay 25 %, và không uống rượu trong Mùa Chay. Lúc đầu cũng rất là thích thú trong nhà thờ, nhưng họ không biết giảm 75 % là bao nhiêu? Tôi phải giải thích thế nào là giảm 75 %, 50 %... Sau khi nghe như vậy họ hứa sẽ giảm, nhưng không có người nào hứa giảm 100 % cả. Rồi tôi bảo họ ghi tên mình vào tờ giấy tôi đã làm sẵn và ký tên mình vào. Tôi lấy những tờ giấy đó dán trong nhà thờ để mỗi Chúa Nhật tôi nhắc nhở họ: "Chúng ta đã ký giao kèo trong Mùa Chay là chúng ta giảm uống rượu, chúng ta bỏ bớt rượu".

Như thế cũng là có hiệu quả tốt đẹp do niềm tin đem lại.

Trong các ngày lễ hội thường có rượu cần, rượu ghè để uống, điều đó thì cũng đúng thôi. Thế nhưng mỗi ngày cánh đàn ông thường hay uống rượu đế, uống bia. Theo quan niệm của người dân tộc thì khi đã uống rượu là phải uống cho say. Nếu Linh Mục chánh xứ mà cấm uống rượu

hay giảm uống rượu trong những ngày lễ thì cũng có kết quả, nhưng mà họ cũng lén uống.

Trong những dịp lễ lớn như lễ Giáng Sinh, lễ Phục Sinh. tôi hay làm lễ tại các làng. Lễ có khi thì 8 giờ, khi 9 giờ, cũng có khi là 10 giờ. Trước lễ thì không người nào được uống rượu, có uống mừng lễ thì cũng phải uống sau lễ. Tôi nói trước buổi lễ:

- Chúng ta phải tôn trọng Thánh lễ, chúng ta phải giữ chay trong Thánh lễ.

Và giáo dân đã nghe lời tôi.

Đọc theo những con đường vào các làng, nếu chúng ta gặp một người say rượu thì y như rằng đó là người nam, vì giới nữ bây giờ cũng ít uống rượu. Có tín hiệu vui là lớp trẻ người dân tộc bây giờ có học thức nên cũng bớt uống rượu. Ta phải nâng cao trình độ ý thức cho người dân tộc và như thế thì mới có thể kêu gọi họ bỏ bớt rượu. Phải cho họ biết uống rượu là rất nguy hiểm, nó ảnh hưởng tới thế hệ con cháu của họ sau này, vì rượu làm cho con cháu của họ không được thông minh, do vậy sự học hành sẽ bị kém đi.

* Điều lo lắng thứ hai: **Tiêu xài tiền bạc không dẫn đo.**

Người dân tộc tiêu xài tiền bạc thường không dẫn đo cân nhắc. Khi người dân tộc mà cố gắng biết lo làm ăn thì cũng dễ có tiền. Thứ nhất là họ có đất đai. Người kinh ở khắp nơi trong nước đến làm ăn ở các vùng thuộc tỉnh Gia Lai và Kontum, nếu cần mua đất thì mua đất của người dân tộc, dù nhà nước có luật là người dân tộc không được bán đất cho người kinh. Nếu người kinh mua đất của người dân tộc thì sẽ không được ký giấy tờ. Nhưng mà người dân tộc họ hay lắm, họ cũng chẳng cần giấy tờ: ông đưa tiền cho tôi, tôi giao đất cho ông là đủ rồi, không cần

giấy tờ, anh cứ làm nhà đi, không sao đâu. Người dân tộc muốn có tiền thì hay bán đất, và người kinh cũng ưa dụ dỗ người dân tộc bán đất cho mình, bởi họ là dân buôn bán địa ốc mà.

Người dân tộc cũng bắt chước trồng cà phê, tuy không nhiều: 3 sào, 5 sào hay 1 hecta. Nhiều người dân tộc, nhất là người trẻ cũng biết làm cà phê, khi cà phê được mùa thì cũng có tiền. Họ cũng biết trồng rừng, trồng bờ lồi, khi cây bờ lồi lên giá thì người dân tộc cũng có nhiều tiền...

Như ở tỉnh Kontum, trên các ngọn đồi hay triền núi người dân tộc trồng mì, năm nay giá mì lát lên cao nên họ cũng có tiền. Tôi nghe một Linh Mục nọ kể: trong làng của mình đến ngày thu hoạch mì bán cho các thương buôn người kinh, xe tải tập nập tới làng chở mì đi. Những ngày bán mì như vậy là người dân tộc trong làng có nhiều tiền, và trong những ngày này người kinh từ Kontum cách đó 50 cây số cũng có mặt, người ta lên đó để dựng những cái lều, cái trại dọc theo con đường vào làng rồi bán đủ thứ ăn nhậu: từ thịt chó cho đến khô mực, những thứ gì nhậu được thì họ bày ra bán, bia rượu thì có đủ loại. Và như thế khi bán mì xong là người dân tộc tập trung đến những quán này để ăn nhậu cho tới khuya. Cuối cùng khi ra về người nào cũng chân nam đá chân xiêu vì đã uống quá nhiều rượu bia, họ ăn nhậu mà không biết tiếc tiền. Tiền bạc làm ra từ công sức lao nhọc, từ những giọt mồ hôi của mình, ấy vậy nhưng đến khi tiêu tiền thì không hề đắn đo cân nhắc.

Tôi được Giám Mục Kontum cho biết là: " chúng ta cần giúp đỡ cho học sinh, sinh viên người dân tộc đi học xa nhà". Nhưng Ngài cũng khuyên chúng tôi: dù có giúp

đỡ nhưng cũng phải góp ý với họ là phải biết tiêu tiền một cách hợp lý. Cũng đã có sinh viên người dân tộc xài tiền điện thoại mỗi tháng tốn đến cả triệu đồng, đôi khi còn lên đến triệu rưỡi, điều này thì thật là quá đáng. Nhiều khi hết tiền họ đòi gia đình gửi thêm tiền lên cho họ, và thế là ở quê nhà cha mẹ phải bán bò, bán đất để gửi tiền cho con đi học... và tiêu xài.

***Điều lo lắng thứ ba: Lao động không có phương pháp không có tính khoa học.**

Tôi lấy ví dụ: bên này bờ suối là vườn cà phê của người dân tộc làng tôi, bên kia suối là làng của người kinh, họ mua đất và cũng trồng cà phê. Luôn luôn là từ sáng sớm vườn cà phê của người kinh đã có người, người ta làm cỏ, tỉa cành, tưới nước... thậm chí người ta còn đi lượm phân bò trong làng của người dân tộc để bón cho vườn cà phê của họ.

Người dân tộc chúng tôi ở bên này suối cũng trồng cà phê nhưng không xanh tốt bằng cà phê của người kinh. Đôi khi làng của mình nuôi hàng 150 con bò mà không biết sử dụng nguồn phân bò dồi dào của nhà mình, lại đi mượn tiền để mua phân hóa học bón cho nhanh. Thành thử ra ***lao động như vậy là không có phương pháp.***

Mỗi lần tưới cà phê là người dân tộc lại phải đi mướn máy, rồi mua sắm thêm đủ thứ để tưới nên tốn rất nhiều tiền. Đến khi thu hoạch thì tính ra lợi cũng không được bao nhiêu. Còn lao động thì mãi đến 8, 9 giờ sáng mới ra tới nương, rẫy của mình. Rồi mới 4 giờ chiều thì đã đi về.

Tôi đã từng nhiều lần nói với giáo dân của tôi như thế này:

- Chúng ta phải siêng năng làm việc. Bởi vì làm biếng là 1 trong 7 mối tội đầu. Cho nên chúng ta phải làm việc. Thì giờ là của Chúa ban cho chúng ta, chúng ta phải bắt chước những ai siêng năng hơn chúng ta. Nhìn vườn cà phê bên kia suối chúng ta có thấy không? Họ siêng năng nên từ 5, 6 giờ sáng là họ đã có mặt trên nương, rẫy rồi. Có siêng năng như vậy thì họ mới có tiền lo cho con cái của họ đi học được chứ. Mình cũng trồng cà phê hằng trăm cây như họ mà rồi chẳng được bao nhiêu. Vậy thì khi chúng ta lao động không có phương pháp, không có sự siêng năng thì chúng ta sẽ không có đủ điều kiện sinh sống, một khi không đủ điều kiện sinh sống thì chúng ta cũng không thể cho con cái chúng ta được học hành như mọi người. Nhất là người dân tộc chúng ta sinh nhiều con hơn người kinh.

*** Điều lo lắng thứ tư: Người dân tộc ít lo lắng cho con cái của mình được học hành.**

Xưa nay người dân tộc vẫn coi thường việc học hành. Tuy rằng bây giờ cũng có một số người biết cho con đi học, cũng thấy việc học là cần thiết. Họ cho con đi học ở nhà trường, ở trung cấp y tế, sư phạm, mẫu giáo... v.v... Nhưng đáng tiếc là số người này chưa được nhiều lắm. Đa số cha mẹ mù chữ nên cũng chưa cảm thấy tha thiết cho con họ đi học cái chữ. Con đi học nhưng một khi tới ngày mùa, mà ngày mùa thì vui lắm: lên nương lên rẫy bắt được con chuột, con cào cào... v.v... Thế thì đi học không vui, không hấp dẫn bằng đi lên nương rẫy, lên núi hay đi vô rừng... Cha mẹ cũng không ý thức được việc học của con là cần thiết, nên khi tới ngày mùa thì dễ dàng cho con bỏ học để theo cha mẹ lên nương, lên rẫy bắt con chuột, con cào cào...

Cũng may là các cha mẹ trẻ bây giờ đã có tiền bộ rõ rệt, đó là họ thấy được việc học hành của con cái là rất cần thiết và quan trọng.

* Điều lo lắng thứ năm: **Người dân tộc không cầu tiến.**

Nếu chúng ta đi dọc đường trong các thôn làng, trong các huyện, các thành phố ở Tây Nguyên, thì chúng ta thấy những đoàn người lao động đi bộ lên nương rẫy, đích thị đó là người dân tộc, vì không có phương tiện nào khác nên họ phải đi bộ. Bây giờ thì cũng có nhiều người dân tộc sắm xe độ, xe công nông để chở người nhà, hoặc người trong làng của mình lên nương rẫy. Nguyên tắc là xe công nông không được chạy trong thành phố. Nhưng khi phía chính quyền, công an giao thông có bắt thì cũng chịu thôi, bởi vì đó là phương tiện duy nhất để người dân tộc lên nương rẫy, cho nên những nơi mà người kinh không dám xử dụng loại xe đó, thì tôi thấy những người dân tộc vẫn hiên ngang đi trên những con đường mà các loại xe đó bị cấm.

Người dân tộc đa số là bằng lòng với số phận của mình. Dọc đường cát bụi, dọc đường thành phố Pleiku tôi cũng nhìn thấy nhiều người, nhiều đoàn đi như thế, đa số là phụ nữ và trẻ em. Họ đi lượm những vỏ chai nhựa, bọc nylông, rác nylông trên những con đường trong thành phố và trong những đồng rác, thường thì họ bươi, móc trong các bãi rác để tìm nhôm nhựa và những đồ phế liệu, rồi bán cho những nơi thu mua của người kinh, họ kiếm mỗi ngày khoảng từ 10.000 đến 15.000 đồng, và đó cũng là một cách kiếm tiền của người dân tộc nghèo.

Có lần tôi bảo với anh em người dân tộc là nếu cứ làm như thế này là chúng ta sẽ nghèo miết thôi, không thể nào giàu lên được. Thế là có một người dân tộc nói:

- Cha sợ nghèo chứ con không sợ nghèo đâu.

Tôi hỏi:

- Tại sao vậy?

- Tại vì con nghèo quen rồi nên con không sợ nghèo.

Mà thật sự nếu bảo tôi đi bộ 5, 7 cây số thì tôi cũng ngại, nhưng mà người dân tộc đi bộ từ 5 đến 7 cây số là chuyện bình thường, mà họ còn đi rất nhanh nữa là đằng khác. Cho nên điều mà tôi lo ngại là óc cầu tiến không có nơi người dân tộc, vậy nên họ bằng lòng với số phận của họ trong cái nghèo.

* Điều lo lắng thứ sáu:- **Học điều tốt thì rất khó.**

- Học điều xấu thì rất dễ.

Trong khi người kinh thì áo quần hết moden này đến moden khác, rồi giày này dép nọ, tóc tai thì thay đổi đủ kiểu. Nhưng mà người dân tộc, nhất là người lớn tuổi thì không hề thấy những nhu cầu đó là cần thiết. Nhưng bây giờ thì đôi khi tôi cũng thấy thanh niên nam nữ người dân tộc cũng bắt chước những điều này. Cho nên tôi đã có sự lo lắng là: học điều tốt thì rất khó, mà học điều xấu thì rất dễ và rất nhanh, vì điều xấu dễ làm, dễ bắt chước.

* Những điều tốt như học hành, tiết kiệm tiền bạc, gìn giữ vệ sinh, uống nước sạch hoặc nước đã đun sôi để nguội rồi mới uống...v.v đó là những điều tốt có lợi cho sức khỏe của người dân tộc, nhưng cũng khó bắt chước.

Tôi tuyên bố với làng là tôi không bao giờ uống nước nếu chưa được đun sôi. Tôi vào nhà ai mà bảo là nước đó không đun sôi là tôi không uống. Nhưng mà sau này tôi cũng không biết làm cách nào để biết rằng nước đó đã được đun sôi hay chưa? Tiếng thượng chữ sôi phát âm là "srôi". Thế là tôi bảo phải pha lá chè, vì khi nước sôi thì

lá chè nó mới ra chát, cho nên tôi chỉ uống nước chè mà thôi, không uống nước đun sôi nếu không có chè.

Có một chuyện làm tôi cũng hơi mắc cười: Có lần tôi ngồi tòa giải tội, một người dân tộc đi xung tội với tôi:

- Con có ăn cắp chè của người khác.

Tôi hỏi:

- Tại sao đi ăn cắp chè của người khác?

- Thưa Cha, con đi ăn cắp chè để nấu nước cho Cha uống.

Tôi cũng mắc cỡ mà cũng tức cười. Tôi nói:

- Không, mình phải làm cách nào đó, không thì cha mua chè cho mà nấu chứ không được ăn cắp chè của người khác.

Tôi thường nhắc nhở với họ:

- Khi vào nhà thờ thì tội ngũ gục cũng không nặng hơn tội không nấu nước sôi cho con mình uống, đó mới là điều có tội, vì nếu uống phải nước ô nhiễm thì cả nhà mình có thể bị bệnh đường ruột, bị đau bụng này kia nọ... Cho nên ngũ gục hoặc lo ra trong nhà thờ cũng không có tội bằng không đun nước sôi cho con mình và cả nhà mình uống. Ai làm biếng đun nước sôi cho con mình uống là có tội.

Một lần tôi có nhờ Cha Toma Lê Thành Anh giải tội ở làng tôi, trên đường về Ngài cười và bảo:

- Giáo dân của Cha Đông có nhiều loại tội nhỉ.

- Thưa Cha, tội gì cơ?

- "Tôi không đun nước sôi cho con uống 3 lần". Tôi nghe giáo dân của Cha xung tội như thế.

Tôi gật đầu:

- Đúng, con có nói như vậy. Nếu không có ý thức đun nước sôi cho con mình uống thì đúng là cha mẹ có lỗi với sức khỏe của con cái mình.

Thậm chí tôi còn nói nếu không đi chích ngừa cho con cái là có tội. Tôi giải thích cho họ biết các bệnh như: sốt bại liệt, uốn ván, ban sởi, lao... v.v... là như thế nào, và tất cả những thứ bệnh này thì được y tế xã hội người ta chích ngừa miễn phí cho trẻ em, vậy nên các bà mẹ người dân tộc phải bế con mình đi chích ngừa. Nếu chúng ta chưa hiểu biết được thì chúng ta phải tin nhau, phải đưa con cái mình đi chích ngừa, bởi vì trong làng mình cũng có người bị sốt bại liệt. Vậy nên không chích ngừa cho con cái thì đúng là có tội và tội đó cũng có thể là tội trọng nữa. Như thế thì học được những điều tốt để thực hiện cho mình, cho dân tộc mình thì đúng là điều khó, còn những điều xấu thì rất dễ bắt chước, như là ăn cắp: ăn cắp đậu phộng, lúa trong nhà để đổi lấy tiền đi hát karaoke, đi chơi điện tử thì phổ biến rất nhanh ở trong làng. Hễ em này làm được thì em khác cũng làm được.

Điều tôi rất lấy làm lo lắng là làm thế nào để người dân tộc có được một trình độ hiểu biết là chỉ bắt chước những điều tốt đẹp cho mình, tránh xa những điều có hại cho bản thân, cho gia đình và cho dân tộc của mình nữa

Chúng ta là những người đi rao giảng *Tin Mừng Tình Thương, Tin Mừng Sự Sống*. Chúng ta phải cố gắng làm thế nào cho người dân tộc giảm bớt những điều không tốt, và học những điều tốt ngày càng nhiều hơn để thực sự chúng ta là những người đi rao giảng *Tin Mừng Tình Thương, Tin Mừng Sự Sống* vậy.

17 .

NHÖÔNG TAÁM GÖÔNG SAÙNG CHO NŨØI TÔI

Tôi quan niệm rằng: cuộc đời của mỗi người được dệt thành bởi những công việc mình đã làm. Đời của tôi, 70 năm qua tôi đã làm những việc này việc khác, và trong những công việc ấy, có được sự tốt lành là cũng bởi nhờ những tấm gương sáng luôn soi đường chỉ lối cho tôi.

*** Cha tôi.**

Tấm gương sáng đầu tiên mà tôi muốn nói đến, đó chính là cha mẹ của tôi. Tôi lớn lên trong giai đoạn việt minh kháng chiến 9 năm: từ năm **1945 đến năm 1954**. Suốt trong những năm kháng chiến đó, gia đình tôi cũng như bao nhiêu gia đình khác luôn phải ăn cơm ghé (độn) với khoai mì lát phơi khô, vì gạo thì phải để dành cho quân kháng chiến.

Tôi còn nhỏ, gia đình tôi lại có nhiều anh em (cha mẹ tôi có tới 8 người con, như tôi đã nói ở trên), nên lúc nào cũng thấy có nhiều mì ở trong cơm thì anh em chúng tôi ngán lắm. Cơm thì ít mà mì thì nhiều. Vì là mì lát phơi khô nên nó cứng lắm, muốn ghé cơm thì phải ngâm nước trước một ngày, tới giờ nấu cơm phải bẻ nó ra thành từng miếng nhỏ, chờ đến khi cơm sôi thì mới bỏ mì vô trong nồi cơm. Biết anh em tôi rất ngán không muốn ăn cơm có ghé mì nên mỗi bữa cơm như thế, cha tôi luôn đơm lấy phần mì vô trong chén cơm của mình và lựa phần cơm nhiều hơn để đơm cho con cái. Ngày ấy tôi còn nhỏ nên không cảm nhận được điều đó chính là sự hy sinh thầm lặng của cha tôi, vì tình yêu thương đối với các con của

minh, mà tôi chỉ nghĩ rằng:" người lớn thì phải như vậy thôi!"

Nhưng đến khi tôi lớn lên, nhất là những năm sau **1975**, thì Tòa Giám Mục cũng buộc phải ăn cơm ghé mì, đương nhiên là không ngon bằng ăn cơm mà không có mì. Điều này làm tôi nhớ lại hình ảnh của cha tôi mỗi lần đem cơm cho chúng tôi, cha tôi đã luôn dành lấy phần mì mà ăn; còn phần cơm thì chừa cho các con... Tôi vô cùng cảm phục và kính yêu cha của tôi. Đó là tấm gương sáng tốt đẹp về sự hi sinh của cha tôi như một bài học cho cuộc đời tôi.

Tôi nhớ năm **1965** cha tôi phải đi cải tạo trên núi, chỉ vì cha tôi là ông Biện của giáo xứ, và cũng trong đợt cải tạo này ông đã bị chết. Nhắc đến cái chết của cha tôi, lòng tôi xót xa đau đớn lắm. Cha tôi đi cải tạo, tuy sắp được phóng thích nhưng chưa đến ngày. Vì thế nên ông được tự do hơn những người cải tạo khác, có nghĩa là cha tôi có thể xuống cánh đồng ở chân núi hái rau để bồi dưỡng thêm cho khẩu phần ăn, nhất là trong trại cải tạo có một ông già tên là ông Mâu, ở cùng xứ đạo của cha tôi. Ông Mâu bị đau liệt người phải nằm một chỗ. Hôm đó cha tôi đang hái rau ở trên cánh đồng thì máy bay Mỹ bay tới để thả bom trại tù. Mới thả bom đợt đầu nhưng cha tôi sợ ông Mâu đang đau nằm một chỗ, nếu không có ai cõng ông ra ngoài thì ông có thể chết khi trại bị cháy. Cha tôi liền chạy về rồi vội vàng cõng ông Mâu ra khỏi trại. Bom bắt đầu thả xuống đợt thứ hai. Cha tôi nằm xuống, ông Mâu tưởng cha tôi nằm xuống để tránh bom, nhưng đến khi máy bay bay xa rồi mà cha tôi vẫn nằm yên bất động. Ông Mâu kêu cha tôi dậy...nhưng hồi ơi! Cha tôi đã bị một mảnh bom ghim vô trán và ông đã chết ngay tại chỗ.

Sau này khi nghe ông Mâu kể lại về cái chết của cha tôi thì tôi càng khâm phục và thương mến cha tôi nhiều hơn. Đây là tấm gương sáng của cha tôi: ông sẵn sàng hi sinh tánh mạng của mình để cứu người khác. Tôi luôn ghi nhớ trong lòng những tấm gương sáng về sự hi sinh trong suốt cuộc đời của cha tôi cho tới lúc chết, đó là hành trang vô cùng quý giá và tốt đẹp cho đời của tôi.

*** Mẹ tôi.**

Cha tôi chết khi ông được 51 tuổi. Lúc đó mẹ tôi 48 tuổi. Cha tôi chết đi để lại cho mẹ tôi gánh nặng là 8 đứa con đang tuổi lớn. Mẹ tôi đành phải rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn là Nhà Đá, mang theo các con tới Qui Nhơn để lập nghiệp. Cuộc đời của mẹ tôi cực khổ vất vả lắm, bà phải làm việc quần quật suốt ngày, buôn tảo bán tần, mua đầu chợ, bán cuối chợ chỉ mong kiếm chút đồng lời để nuôi các con ăn học. Bởi vì theo như cha tôi nghĩ, và ông cũng thường hay nói với chúng tôi:

- Các con cố gắng học hành để sau này đời sống của các con có thể sung sướng hơn, chứ ít học như cha mẹ, làm nông quần quật thì sau này khổ lắm.

Hơn nữa cha tôi cũng có thêm một quan niệm khác, đó là: "đi tu cũng sướng hơn ở ngoài đời". Lúc nhỏ tôi nghe như vậy nhưng không hiểu gì cho lắm về đời sống tận hiến, nhưng dù sao đi nữa thì tôi cũng biết rằng đó chính là tình yêu thương của cha mẹ dành cho con cái của mình.

Mẹ tôi luôn chịu thương chịu khó, ngày nào cũng thức khuya dậy sớm, buôn bán tảo tần, ngày nào cũng bốn ba đi lấy hàng chỗ này chỗ kia để bán, có khi là hàng thịt, hoặc nơi thì hàng cá, cũng có khi là hàng này hàng nọ, mua đi bán lại kiếm lời nuôi các con, suốt một đời mẹ tôi

đã phải lao khổ nhọc nhằn, hy sinh cho chúng tôi đến nỗi quên cả bản thân mình. Tôi không bao giờ quên gương sáng của mẹ tôi. Điều này tôi cũng luôn khắc ghi trong tâm trí mình. Mỗi lần nhớ đến sự hy sinh vất vả của cha mẹ, lòng tôi luôn cảm động và kính yêu, không bao giờ tôi quên.

Những năm cuối đời mẹ tôi ngày nào cũng đến nhà thờ dự lễ, bà phải ngồi trên xe lăn, các cháu nội của bà đẩy xe đưa bà đi và bà cũng hay dúi chút tiền cho các cháu. Một lần về thăm mẹ tôi nói đùa với bà:

- Mẹ ơi! Ngày xưa mẹ làm ra tiền để nuôi tụi con ăn học, nhưng bây giờ sức mấy mà mẹ làm ra tiền nổi. Bây giờ cần tiền thì mẹ phải xin tụi con chớ.

Nghe nói vậy, bà hứ một cái “cóc”. Tôi lại nói tiếp:

- Bây giờ mẹ có thể làm ra một thứ còn quý hơn tiền bạc gấp nhiều lần, là mẹ hãy lần hạt Mân Côi và cầu nguyện cho con cái... đem lại ơn Chúa cho con cái vì ơn Chúa luôn quý giá và cần thiết hơn tiền bạc.

Mẹ tôi rất tâm đắc về ý kiến của tôi.

Mẹ tôi mất khi bà được 94 tuổi.

*** Các giám mục và các thầy dạy của tôi.**

Thời mà chúng tôi còn đi học:

- Chung Viện Kontum từ năm **1955 đến 1959.**
- Dòng Phanxicô- Thủ Đức từ năm **1959 đến 1964.**
- Giáo Hoàng Học Viện từ năm **1965 đến 1973.**

Các thầy dạy của tôi là những tấm gương sáng vô cùng quan trọng và rất cần thiết cho cuộc đời làm linh mục của tôi sau này.

Năm **1972** tôi chịu chức Linh Mục. Trong suốt cuộc đời làm Linh Mục của tôi, tôi đã sống cùng với các Giám Mục trong Giáo Phận Kontum, các bậc Linh Mục đàn

anh, cũng như các anh em Linh Mục, những người đó đã cho tôi nhiều tấm gương sáng trong cuộc đời tận hiến của họ, nhất là sự hi sinh của các nữ tu cũng là gương sáng cho đời sống Linh Mục của tôi. Không những vậy, còn có rất nhiều những giáo dân, nhất là những giáo dân nghèo, họ cũng đã để lại cho tôi rất nhiều bài học.

Tôi có quen biết một số các nhà sư cũng như các vị mục sư trong thành phố Pleiku này, những người đó đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng tốt về công việc rao giảng Tin Mừng của các vị, và điều này cũng là một tấm gương tốt cho tôi.

Ngoài ra còn có một vài cán bộ trong chính quyền, mà qua những lời phát biểu cũng như qua cử chỉ của họ, đã để lại cho tôi nhiều bài học quý giá và hiểu thêm về con người sống trong chế độ xã hội vô thần là như thế nào.

I- Đức Cha Phaolô Kim.

Năm 1972 là thời của giám mục Phaolô Kim. Đức Cha đã bổ nhiệm tôi làm quản lý nhà Sohier ở Đà Lạt. Đức cha mua nhà này của một bác sĩ người Pháp tên là Sohier, vốn là bệnh viện của gia đình ông, căn nhà này ở số 1 đường Thống Nhất, sát hồ Xuân Hương. Mua nhà này là để Chung sinh Kontum học cấp 3 đến ở và học văn hóa ở trường Adran của các sư huynh La San. Lúc đó trong nhà có 70 chủng sinh. Khi làm quản lý thì Đức Cha dặn dò tôi những nguyên tắc mà tôi nhớ suốt đời:

Muốn có một tập thể tốt thì phải làm tròn 3 điều:

* Điều thứ nhất là phải có một **Bồn Nước Tốt**, tức là phải có đầy đủ nước cho tập thể. Ngài cũng dặn dò tôi là nếu sau này có mua đất ở chỗ nào để làm nhà thờ hay nhà ở...v.v... thì việc trước tiên là phải xem nguồn nước như thế nào? Có sạch hay không? Và chỗ đó có thể đào

giếng được không? Nếu không có nước hoặc không thể đào được giếng thì đi tìm chỗ khác mà mua.

* Điều thứ hai là phải có **Nhà Vệ Sinh, Nhà Tắm** đầy đủ. Đó là điều rất cần thiết cho tập thể, nên bất cứ nhà ở tập thể nào cũng phải đáp ứng được vấn đề *Nhà vệ sinh đầy đủ*.

* Điều thứ ba là **Nhà Bếp**: Nghĩa là phải có nhà bếp đầy đủ mọi tiện nghi và có thêm người *đầu bếp biết nấu ăn ngon*.

Đó là 3 vấn đề cần phải có để một nhà ở tập thể hoạt động tốt. Sau này khi nào và bất cứ ở đâu tôi cũng luôn nhớ đến và thực hiện đúng 3 nguyên tắc đó.

Ngài đã dạy cho tôi nhiều bài học. Đây là bài học thứ nhất khi Ngài dặn dò tôi:

- Đã làm quản lý Chung Viện thì cha phải cho chủng sinh ăn uống đầy đủ, có chất lượng, đừng hà tiện. Vì được ăn uống đầy đủ thì mới có năng lượng và sau này khi ra làm Linh Mục thì mới có sức khỏe tốt, mà có sức khỏe tốt thì mới làm việc tốt được. Vậy cho nên cha phải tìm mọi cách để cho chủng sinh của mình được ăn uống đầy đủ.

Bài học thứ hai Ngài dạy tôi:

- Người dân tộc đa số theo chế độ mẫu hệ, họ lại ít được học hành nên chúng ta phải tạo mọi điều kiện để cho các thiếu nữ dân tộc được học, sau này họ sẽ trở thành những người vợ, người mẹ tốt, và một gia đình tốt là nhờ có người vợ và người mẹ tốt.

Đức Cha đã mở nhà **nữ công gia chánh** tại Kontum để đào tạo các thiếu nữ người dân tộc. Ngài nhờ các sơ Bác Ái Vinh Sơn và các sơ dòng Ảnh Phép Lạ tới giúp nên đã đào tạo nhiều lớp thiếu nữ, sau này khi kết hôn với

các Giáo Phu mới ra trường, họ là những gia đình gương mẫu cho các buôn làng. Khi làm Linh Mục tôi cũng nghĩ như vậy. Ở Gia Lai thì người Jarai cũng có truyền thống là theo chế độ Mẫu hệ, vậy nên chúng tôi đã mở nhiều lớp đào tạo "làm vợ, làm mẹ tốt", cho các thiếu nữ người dân tộc ở vào độ tuổi 15 trở lên mà chưa có gia đình, hoặc sắp lập gia đình nhưng lại không được học hành. Những lớp học này đem đến rất nhiều ích lợi cho các thiếu nữ dân tộc, và đã có nhiều hoa trái tốt đẹp nhờ vào những khóa học đào tạo này. Những công việc này là cũng nhờ vào Đức Cha Phaolô Kim đã soi đường chỉ lối cho tôi.

Năm **1975** thì Đức Cha và một số Linh Mục khác bị nhà nước trục xuất về Pháp. Mặc dù về Pháp nhưng lòng Ngài vẫn rất yêu thương và luôn hướng về Giáo Phận Kontum của mình. Tôi được nghe kể là Đức Cha có một tấm hình chụp chung với các cha trong Giáo Phận Kontum, Ngài đã để tấm hình này trên bàn làm việc của mình, để Ngài luôn luôn nhớ đến và cầu nguyện cho Giáo Phận Kontum của Ngài mà Ngài rất yêu mến.

Tôi nhớ vào năm **1978**, nhà nước ra chỉ thị là không được sử dụng xe gắn máy, nên trong thời gian đó thì xe đạp lên giá...Không biết thế nào mà tôi lại thổ lộ với Đức Cha là tôi muốn có một chiếc xe đạp. Thế là Ngài bảo Cha quản lý gởi cho tôi một chiếc xe đạp rất là tốt, chiếc xe đạp này được gởi từ Pháp về Việt Nam, và bà sáu Dung đã đi nhận giúp tôi, nhờ thầy Bảy ra Hải Quan lãnh hàng rồi gởi bằng xe tải lên Kontum cho tôi. Tôi nhận một cái thùng to, mở thùng đem chiếc xe ra, vặn lại ốc ghi đông cho chuẩn là sử dụng được ngay. Lúc bấy giờ chiếc xe đạp của tôi là xe xịn nhất ở Kontum. Người ta nói với tôi:

- Xe của cha Đông là chiếc xe đáng để bọn trộm "ra tay" nhất.

Công an cũng bảo tôi:

- Người ta để ý xe của Linh Mục lắm đấy.

Tôi rất cảm động và biết ơn Đức Cha, vì trong lúc khó khăn như vậy mà Ngài luôn có lòng thương các Linh Mục của Ngài. Và chính những điều đó là tấm gương tốt đã để lại những bài học có giá trị rất lớn trong đời tôi.

II - Đức Cha Alexi Lộc

Là người gốc Quảng Bình, gia đình Ngài ở Phú Cam- Huế. Ngài cũng đã để lại cho tôi rất nhiều gương tốt.

** Chuyện thứ nhất là đóng hòm.*

Thời bấy giờ, sau năm 1975, nếu trong gia đình có người qua đời thì phải khai báo với chính quyền để họ cấp cho một tờ giấy khai tử, sau đó đến cửa hàng của Nhà Nước mua mấy miếng ván đủ đóng một cái hòm. Có khi mua phải ván còn tươi. Mua được ván rồi thì phải kiếm thợ mộc, thời đó mà kiếm cho được một người thợ mộc để đóng cho người chết một cái hòm thì thật là vô cùng khó khăn, đôi khi đóng qua quýt cho xong, chỉ cần làm sao có hòm để chôn người thân của mình là được rồi.

Đức Cha Lộc bảo tôi:

- Anh hãy tháo tất cả ván đóng các lớp học ở dưới tầng hầm nhà Chung Viện, ván này có thể dùng để đóng hòm được.

Mà đúng là như vậy thật, vì ván đó dùng để đóng hòm rất tốt. Ngài còn bảo tôi phải mượn ông Sa là thợ mộc ở giáo xứ Phương Nghĩa về. Thế là ngày nào ông Sa cũng đóng hòm. Gia đình nào có người chết thì chỉ cần

mang giấy khai tử đưa cho ông Sa, ông sẽ ra cửa hàng của nhà nước mua ván, nếu ván chưa khô thì đem phơi. Còn người nhà thì đến gặp tôi để nhận một cái hòm vì tôi là quản lý mà.

Đức Cha Alexi Lộc là một tấm gương sáng trong công việc bác ái yêu thương mà tôi không bao giờ quên. Sau này khi tôi được bổ nhiệm làm cha xứ ở Tân Phú, tôi cũng xin Ngài cho tôi mang một số hòm xuống Tân Phú, chúng tôi cất trong nhà mặc áo, các em giúp lễ rất sợ, nhưng nhờ đó mà giáo dân Tân Phú có được những cái hòm tốt để chôn cất người thân của mình.

** Chuyện thứ hai là cho mượn đồ cưới.*

Lúc bấy giờ nếu nhà nào có đám cưới thì phải đi mượn từng cái chén, cái đĩa, rồi mượn từng cái bàn, cái ghế, vì thế mà không có cái nào đồng nhất: cái thì vuông, cái thì tròn... Đức Cha Lộc bảo phải gom đồ của Chung Viện và của cả tòa Giám Mục lại, từ bàn ghế cũng như các khung gỗ đã tháo ván để làm hòm. Ngài bảo tôi phải làm những cái rập tháo rập được bằng bù lon, to hay nhỏ tùy mình rập. Những tấm bạt phơi lúa của chủng viện là những tấm bạt của Mỹ rất tốt được dùng làm mái che. Những đồ dùng cho đám cưới ấy của tòa Giám Mục phải chia ra làm 2 phần: dự trữ nếu như một ngày có đến 2 cái đám cưới, thì tòa Giám Mục cũng đủ đồ để cho 2 đám cưới mượn cùng một lúc. Và tôi là ông Linh Mục, là ông Cha cho mượn đồ cưới. Những tháng trong mùa cưới thì tòa Giám Mục đã phục vụ tất cả: cho mượn bàn, ghế, chén, đĩa,...v.v... rồi cây để làm rập, bạt làm mái che.

Như thế thì ta cũng thấy rõ Đức Cha là một vị giám mục rất có lòng thương người, không hề phân biệt tôn giáo. Trong những năm khốn khó như thế, nếu ai có điều

gì cần đến thì Ngài luôn sẵn lòng giúp đỡ họ. Tuy là giám mục nhưng Ngài không sắm cho mình một chiếc xe Honda, mà suốt ngày đi lại trên chiếc xe đạp bằng nhôm, chỗ nào ta thấy có dựng chiếc xe đạp bằng nhôm màu trắng, ấy là xe của Đức Cha Alexi Lộc. Chỉ khi nào có việc gì cần phải đi gấp thì Ngài mới phải nhờ tôi hoặc ai đó chở Ngài đi bằng xe Honda.

Người này hay chỡ nọ cho Ngài thuốc thì Ngài luôn để dành cho người nghèo. Thời đó mua thuốc rất khó khăn. Khi người nghèo cần thuốc men, người ta đến nói với Ngài, Ngài nhờ chỗ này chỗ khác mua giúp để cho người nghèo chữa bệnh. Cũng vào thời đó thì người nghèo dân tộc sống rất là khó khăn, thiếu thốn từ cái quần, cái áo cho đến viên thuốc để uống khi bị bệnh. Ngài còn mua gạo theo giá sỉ để chia lại cho người nghèo, và chính Ngài cũng đích thân ngồi đong gạo phát cho người họ. Gương sáng tốt lành của Ngài luôn ở trong tâm trí tôi.

III - *Đức Cha Phêrô Trần Thanh Chung.*

Ngài là người Quảng Nam, giáo xứ Cồn Dầu. Năm **1995** Ngài chính thức đảm nhiệm Giáo Phận Kontum. Tôi rất thương Ngài. Đức Cha Chung là một người hiền lành, sống đời sống khiêm tốn nên trong lễ tấn phong Giám Mục của Ngài cũng diễn ra trong âm thầm. Tôi nhớ 8 giờ tối hôm đó, khi không có cách nào khác trong việc làm lễ tấn phong Giám Mục cho Ngài, thì Đức Giám Mục Alexi Kim đã làm lễ phong chức cho Đức Cha Phêrô Trần Thanh Chung trong nhà nguyện của Chứng Viện Thừa Sai Kontum, đó là năm **1981**. Không có điện nên chỉ phải thắp đèn cây. Mặc dù lễ phong chức diễn ra âm thầm, khiêm tốn nhưng rất là cảm động, tôi nghĩ rằng

đây là một buổi lễ phong chức Đức Giám Mục độc nhất vô nhị của nước Việt Nam và có lẽ của cả thế giới nữa.

Đức Cha Phêrô Chung rất thương các Linh Mục và các giáo dân của mình. Đôi khi Ngài cảm thấy buồn và áy náy trong lòng, vì thương mà không làm được gì cho các Linh Mục hay giúp đỡ cho các giáo dân nghèo của mình. Ngài đi chỗ này chỗ nọ để xin ý lễ, Ngài cũng xin ý lễ từ bên Lộ Đức đưa về cho các Linh Mục, để các Cha nhờ vào tiền xin lễ mà có điều kiện sống tốt hơn.

Từ năm 1995 đến năm 2003 khi Ngài làm Giám Mục thì tôi đang ở Gia Lai nên không được sống gần Ngài như đã từng sống gần Đức Cha Alexi (từ năm 1975 đến 1986). Mặc dù không được ở gần Đức Cha Phêrô nhưng tôi biết chắc chắn rằng Ngài rất yêu thương các Linh Mục của mình, cũng như Ngài đã sống một đời sống tốt lành trong sự hi sinh và khiêm tốn, âm thầm. Ngài cũng là tấm gương sáng của đời tôi.

VI- Đức Cha Micae Hoàng Đức Oanh.

Năm 2003 thì Đức Cha Hoàng Đức Oanh lên làm Giám Mục. Tôi rất khâm phục vị Giám Mục này. Ngài là một vị Giám Mục ở ngoài đường nhiều hơn là ở trong nhà, có khi Ngài ngủ đêm ở trên xe giữa rừng núi. Ngài rong ruổi trên đường nhiều hơn là ở trong tòa Giám Mục, Ngài đi hết chỗ này đến chỗ nọ trong Giáo Phận, Ngài là người ý thức hơn ai hết về ***cánh đồng bao la bát ngát của Giáo Phận Kontum*** mà Ngài đang trông coi. Ngài không đủ sức, mà các Linh Mục trong Giáo Phận thì ít nên Đức Cha đã đi tìm ***thợ gặt*** ở những nơi khác: Ai cũng được Ngài mời, dòng tu nào cũng được Ngài kêu gọi. Sau bao nhiêu năm nhờ vào sự nỗ lực, xông xáo của Ngài mà Giáo Phận Kontum có được nhiều ơn gọi hơn. Linh Mục ở các

nơi đã về giúp Giáo Phận Kontum khá nhiều. Đây chính là hoa trái trên cánh đồng của Giáo Phận Kontum. Đức giám Mục Micae được Chúa ban cho ơn lạ, ấy là Ngài đã từng mang trong người cái máy trợ tim, tưởng như Ngài không đủ sức đảm nhiệm công việc của mình, thế nhưng cũng bởi nhờ ơn Chúa nên Ngài đã làm được rất nhiều việc mà một Linh Mục có sức khỏe dồi dào cũng chưa chắc đã làm được như Ngài. Cảm ơn Chúa vì đã cho Giáo Phận Kotum một vị Giám Mục như Ngài.

Tôi luôn cảm tạ ơn Chúa vì Chúa đã ban cho Giáo Hội Việt Nam của chúng ta có được những vị Thừa Sai đầy nhiệt huyết, các Ngài đã không quản ngại bao gian nan vất vả đầy khó khăn và lặn thử thách, để đem Tin Mừng Tình Thương của Chúa Giêsu đến cho mọi người, nhất là những người anh em dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Và Chúa đã ban cho giáo Phận Kontum chúng tôi những vị Giám Mục giàu lòng yêu thương, sống bác ái khiêm nhường, đã luôn lo lắng giúp đỡ cho những người nghèo khó, những người bệnh tật, phung cù... Tất cả đều là những tấm gương sáng cho đời sống linh mục của tôi.

18 .

NHUNG GƯƠNG TỐT VÀ CÔNG VIỆC MÀ CÁC VỊ THƯ SAI TIÊN BỒI ĐÃ LÀM

Tôi muốn nói về gương tốt của các Linh Mục cũng như công việc mà các Linh Mục đã làm, từ xưa cho tới bây giờ. Đó chính là nguồn động lực rất lớn đã luôn động viên tôi trong công việc và trong cuộc đời làm Linh Mục của tôi ở Giáo Phận Kontum.

Nếu chúng ta được đọc cuốn sách "*Dân Làng Hồ*" chúng ta sẽ biết là từ năm **1848** công việc của các Linh Mục là vô cùng gian nan khổ cực, gặp biết bao nhiêu là khó khăn vất vả, với đủ thứ bệnh tật, đau yếu. Với tình yêu thương, lòng can đảm, sự quyết tâm, sức chịu đựng bền bỉ không lùi bước trước mọi gian nan thử thách... Nhờ những đức tính đó mà các Ngài đã làm nên sự nghiệp vô cùng lớn lao cho Giáo Phận Kotum như chúng ta đang thấy bây giờ.

Và nếu chúng ta đọc cuốn sách "*Mở Đạo Kontum*" của Cha Phaolô Bang và cha Simon Thiệt thì chúng ta cũng thấy được điều đó. Song song với công việc đi rao giảng Tin Mừng của Chúa, thì các Linh Mục đã làm thêm nhiều điều rất quan trọng cho những người dân tộc thiểu số, thuộc các sắc tộc khác nhau, đó là khai hóa cho đầu óc còn hoang sơ của họ, đồng thời đem nền văn minh Tình Thương của Chúa đến với họ. Như tôi đã kể, thì trước đó họ thường đánh nhau để tranh giành quyền lợi về đất đai, lương thực hay là về một vấn đề gì đó, sự hiềm khích luôn có trong lòng họ giữa sắc tộc này với sắc tộc khác. Nhưng

khi đã được nghe các vị Thừa Sai rao giảng Tin Mừng của Chúa Giêsu, thì họ nhận ra một điều: họ cùng là anh em với nhau, vì họ có chung một niềm tin. Khi chịu phép rửa thì họ ăn một bánh uống một chén. Họ đã từ bỏ mọi hiềm khích để ngồi lại với nhau mà yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau. Đây chính là ảnh hưởng Tin Mừng Tình Thương của Chúa; mà các Linh Mục đã dày công rao giảng cho người dân tộc thiểu số thuộc các sắc tộc khác nhau thời xa xưa ấy. Có một điều rất quan trọng cần đề cập tới: Ấy là chữ viết của các sắc tộc khác nhau mà các vị thừa sai đã có công gây dựng, vì các Ngài muốn người dân tộc biết đọc, biết viết, biết học hành, đó là cả một vấn đề rất lớn, mặc dù là một công việc rất khó khăn nhưng các Ngài đã làm được và đã thành công.

Sau này, nghĩa là sau năm **1975**, cũng đã có nhiều ý kiến cho rằng Giáo Hội Công Giáo ở trên Kontum đã hơn 100 năm nay mà không làm được gì cho người dân tộc. Theo họ thì người dân tộc vẫn chậm tiến, vẫn nghèo... Thế nhưng họ đâu biết được những công việc ngay từ đầu đặt chân lên đất Kontum, các vị Thừa Sai đã làm như thế nào ? đã gian nan vất vả ra sao ? đã gặp biết bao nhiêu là khó khăn và nhiều thử thách ?... Tôi có quen một người là cán bộ, tôi cho ông ta mượn cuốn sách "Dân Làng Hồ". Sau khi đọc xong cuốn sách đó ông ta hỏi tôi rằng:

- Những chuyện được viết trong sách là thật hay chỉ là sự tưởng tượng?

Tôi trả lời:

- Chúng tôi không tưởng tượng đâu, chúng tôi viết hoàn toàn là sự thật. Những cố gắng, sự hi sinh, tình yêu thương của các Ngài rất đáng để cho con cháu chúng ta trân trọng, khâm phục, tri ân, và phải luôn ghi nhớ. Vì các

Ngài đã làm nên những việc hết sức lớn lao, có ích lợi cho con người, nhất là những người dân tộc thiểu số ở tận những nơi xa xôi hẻo lánh, trong rừng trong núi...

Từ đầu thế kỉ XX Giáo Phận Kontum đã có nhà in đặt tại trường Cuénot để in các loại sách như: giáo lý, sách về Tin Mừng, sách về thiên văn, rồi đến các sách dạy cấy cà, những sách này đều nhờ nhà in họ in bằng các thứ tiếng dân tộc khác nhau, và Trường Cuénot là trường đã có công đào tạo ra nhiều hoa trái vô cùng to lớn cho đồng bào các sắc tộc khác nhau. Bắt đầu là công việc dạy học chữ, dạy giáo lý, dạy văn hóa, khai hóa tâm trí và đời sống của họ.

Những người học ở trường Cuénot từ 7 đến 8 năm, sau khi ra trường họ được gọi là Giáo Phu. Các Giáo Phu đi về các làng xa xôi, hay các làng ở tận trong rừng núi... họ là những giáo viên dạy cái chữ, dạy giáo lý cho người dân tộc và cũng là những người chủ sự các buổi cầu nguyện ở trong các buôn làng. Chính vì thế mà trường Cuénot là một công trình sáng tạo vô cùng thông minh, thiết thực của Đức Cha Phước khi Ngài còn là Linh Mục vào đầu thế kỷ XX.

Năm **1947**, Đức Cha Khâm, người kế vị Đức Cha Phước đã lập ra Dòng Ảnh Phép Lạ. Đây là Dòng dành cho các thiếu nữ người dân tộc muốn dâng mình cho Chúa, những thiếu nữ này tuy khác nhau về sắc tộc sắc, nhưng họ cùng có chung một lý tưởng là phục vụ cho những người thuộc các dân tộc thiểu số, trong các buôn làng khác nhau, nói những thứ tiếng khác nhau bằng tiếng mẹ đẻ của họ.

Chính các Linh Mục đã đưa những giống cây cà phê, cây cao su, cây bơ... từ các nước khác lên trồng ở miền đất cao nguyên, vì các Ngài thấy đất bazan của vùng cao nguyên khá thích hợp với các loại cây trồng này. Các Linh Mục cũng đã đem thuốc men lên cho người dân tộc, nhất là thuốc sốt rét, và nhiều loại thuốc khác nữa để chữa bệnh cho họ. Chúng ta là hậu thế, nhưng chúng ta phải biết rằng những công việc mà các Linh Mục ngày đó đã làm thật vô cùng quan trọng và cần thiết cho người dân tộc, mặc dù các Ngài đã gặp rất nhiều khó khăn. Không phải dễ dàng gì để thuyết phục người dân tộc những điều như: nào là phải canh tác và sử dụng trâu bò để cày bừa, nào là phải uống thuốc để chữa bệnh, nào là phải biết giữ vệ sinh trong sinh hoạt hằng ngày...

Năm **1933** Chung Viện Thừa Sai Kontum bắt đầu được xây dựng, có chiều dài là **100m**, chỗ rộng nhất là **25m**. Chúng tôi vừa mới dâng lễ mừng kỷ niệm **75** năm thành lập Chung Viện. Mặc dù đã trải qua thời gian dài **75** năm nhưng cho tới bây giờ thì Chung Viện Kontum vẫn là một công trình sáng tạo đầy nét thẩm mỹ mới lạ, và chính Đức Cha Phước đã xây dựng nên. Ngài có đầu óc của một kỹ sư và một kiến trúc sư; nên khi Ngài xây dựng công trình này thì nó có một vẻ đẹp độc đáo; uy nghi sừng sững đứng vững với thời gian. Đây là một công trình vô cùng to lớn, nhất là còn có tính lịch sử của vùng đất Tây Nguyên này. Bây giờ thì Chung Viện Kontum còn mang giá trị du lịch cao, thu hút rất nhiều khách nước ngoài cũng như trong nước đến tham quan. Hầu hết mọi người đều trầm trồ khen ngợi và vô cùng khâm phục đầu óc của những người đã xây dựng nên Chung Viện Kontum này.

Năm **1955** tôi đi tu và tôi được tiếp xúc với những vị Linh Mục thời đó. Địa phận Kontum lúc đó gồm có Kontum và Ban Mê Thuộc bây giờ. Các Linh Mục đã đi làm lễ khắp các rừng núi, có những lúc bị cọp rượt chạy, sợ quá trời nhưng vẫn cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ và bổn phận mà Chúa đã giao cho các Ngài.

Tôi nhớ cha già Diệm, có một thời gian Ngài là cha Bề Trên của địa phận Kontum, tới năm **1975** thì tôi về làm việc tại địa phận Kontum, khi đó các Ngài thuộc vào hàng các cha già và nghỉ hưu. Cha già Diệm là một Linh Mục rất đạo đức, tuy mù lòa nhưng ngày nào Ngài cũng cầm chổi quét sân. Mỗi lần tôi đến nhà hưu dưỡng thăm các Cha thì Ngài nói với tôi:

- Cha đến đây để tôi sờ má xem cha mập hay ốm.

Tôi cảm động rưng rưng nước mắt khi Ngài đưa tay chạm vào má của tôi.

Thời gian từ **1975** đến **1980**: Ngài ở nhà hưu dưỡng, lúc đó nhà hưu dưỡng có 4 Linh Mục là: cha Nghĩa, cha Diệm, cha Cần, cha Thận. Các Ngài nghỉ hưu nên không làm gì, suốt ngày giải tội cho giáo dân đến nhà hưu xưng tội.

Từ năm **1976 đến năm 1983** tôi làm quản lý ở tòa giám mục, bổn phận của tôi là phải lo cho các Cha già ở nhà hưu, nói là lo nhưng thời kỳ đó các Cha già sống rất là thiếu thốn. Có một lần vào khoảng năm **1977**, cha Diệm hỏi tôi:

- Cha Đông ơi! Bây giờ người ta có còn làm sữa không?

Tôi không hiểu nên hỏi lại:

- Sữa gì cơ ạ?

Ngài nói:

- Sữa đặc, sữa lon đầy mà.

Tôi trả lời:

- Bây giờ thì có, nhưng Hợp Tác Xã chỉ bán cho những người có giấy chứng nhận vừa sinh đẻ mà thôi.

Ngài thở ra và nói:

- Không biết làm sao mà đẻ được bây giờ?

Rồi Ngài hỏi tôi:

- Mà có ngon không?

Tôi trả lời:

- Con cũng không biết nữa vì mấy năm nay con không uống sữa.

Tôi cảm thấy thương Ngài quá, vì người già thường hay hóa trẻ, thèm gì thì nói nấy, vì vậy nên tôi đi gặp một giáo dân là cô Nữ, thuộc giáo xứ Tân Hương. Tôi nhờ cô cố gắng bằng cách nào đó mua dùm tôi một lon sữa, nhưng cô nói:

- Người ta có sanh đẻ thì mới được mua sữa, còn như con không đẻ thì làm sao mua được sữa bây giờ?.

Tôi nói đùa với cô Nữ:

- Giờ cô cố gắng tìm cách đi đẻ... cũng được, đẻ mua một lon sữa.

Tôi không ngờ và cũng không biết cô Nữ làm sao mà mua được một lon sữa đặc có đường, cô gói rất kỹ lưỡng và đưa cho tôi vào ban đêm.

Sáng hôm sau tôi mang lon sữa xuống nhà hưu dưỡng nói nhỏ với cha Diệm:

- Cha ơi! con có sữa rồi.

Ngài hỏi tôi:

- Làm sao cha có sữa?.

Tôi cười và trả lời:

- Con mới đẻ.

Ngài mắc cười vì câu trả lời của tôi.

Nghe tôi nói có sữa, bốn Cha già cầm 4 cái ca vôi vàng xuống nhà cơm, ai cũng mừng...

Chúng tôi xuống nhà cơm, dì Mười Đào là người phụ trách nấu cơm cho các Cha già, tôi nói dì nấu cho tôi một nồi nước sôi để pha sữa, nghe tôi nói có sữa dì cũng ngạc nhiên không biết vì sao mà tôi có...sữa? Tôi cũng nói đùa là.. mình mới để làm dì cũng mắc cười quá chừng luôn. Tôi bảo dì mang thêm 2 cái ly, 1 cho dì và 1 cho tôi. Tôi đục 2 lỗ trên nắp lon sữa, sữa nó trào ra. Cha Diện tuy bị mù, nhưng Ngài cũng tinh ý và hỏi tôi:

- Sữa có ngon không cha Đông?.

Tôi thắc mắc là tại sao Ngài lại hỏi vậy thì Ngài nói:

- Tôi biết thế nào cha cũng liếm chỗ sữa trào ra.

Mà đúng là tôi có liếm phần sữa bị trào ra. Sữa thật là ngon và chúng tôi ngồi nhâm nhi hằng nửa giờ chỉ với một ly sữa. Sau bao nhiêu năm bây giờ mới được uống sữa nên các Ngài có vẻ vui lắm.

Cha Diện cũng là một gương sáng cho tôi về sự hy sinh và tấm lòng luôn biết chia sẻ, Ngài luôn nghĩ đến người khác. Hồi đó mua vải rất khó khăn, một năm mỗi người chỉ được mua 2m mà thôi, Ngài biết điều đó nên nói với tôi:

- Cha Đông à, bây giờ mua vải cũng khó khăn, quần áo cũ của tôi vẫn còn dùng được, Cha chỉ cần để dành cho tôi 1 bộ quần áo cũ tương đối còn tốt, để sau này tôi chết thì mặc cho tôi, phần còn lại Cha đem chia hết cho người nghèo. Áo ấm thì cha để cho tôi 1 cái mà thôi, còn lại bao nhiêu thì Cha cho những người thiếu thốn, tôi già rồi, tôi không mặc nhiều đâu, sandal, giày dép cũng

vậy, tôi không mang nhiều đâu. Còn cái đồng hồ treo tường, vì tôi mù nên nghe tiếng gõ của nó thì tôi biết giờ, Cha để lại cho tôi, sau này khi tôi chết thì Cha cho ông Quý, người đã giúp tôi lâu năm rồi.

Đó cũng là gương tốt cho tôi.

Tôi nhớ có một lần vào khoảng đầu tháng **11** năm **1980**, tôi khoe với Cha gia Diệm:

- Cha ơi! Mình sắp có lúa mới rồi.

Vì hồi đó tôi làm ruộng. Ngài hỏi:

- Khi nào thì có?

Tôi trả lời:

- Khoảng 2 tuần nữa thì gặt được.

Ngài nói:

- Có khi là trễ rồi.

Lúc đó tôi không hiểu ý Ngài vì tôi thấy Ngài vẫn còn mạnh khỏe. Nhưng mà...thật đúng là như vậy, vì khoảng 10 ngày sau khi tôi chuẩn bị đi làm lễ ở dòng Phaolô Têrêxa thì tôi thấy chú Phước là người giúp các Cha già, chú đang ngồi trước hè nhà tôi, chú thông báo với tôi là cha Diệm mất rồi. Tôi vội vàng đến nhà hưu.

Sơ Hạnh dòng Bác Ái Vinh Sơn giúp các Cha vào ban ngày, nhưng vì cha Diệm ngày càng yếu nên hôm đó sơ ở lại đêm. Sơ kể với tôi:

- Đêm hôm qua khoảng 12 giờ thì Cha kêu con dậy, bảo con dẫn đi tiểu, bảo con thay quần áo mới cho Ngài, rồi Ngài nói với con là Ngài sắp đi, sơ hãy đọc kinh cầu nguyện cho tôi. Con nói để con nhờ chú Phước gọi cha Đông xuống, nhưng Ngài bảo là " đã chào cha Đông rồi, cũng đừng làm phiền các cha già vì tôi đã chào các Ngài rồi ". Con đọc Kinh cho Cha, Cha âm thầm đi lúc nào con cũng không biết.

Tôi thấy chú Phước và sơ đã mặc áo lễ cho Cha. Cha nằm mà như đang ngủ vậy. Tôi thấy Ngài có một cái chết thật bình an ở vào cái tuổi 90, tôi luôn nhớ điều này và tôi ao ước cũng được như Ngài vậy.

Tôi có quen với một bác sĩ hiện đang ở bên Mỹ, đó là bác sĩ Bùi Trọng Căn. Bác sĩ Căn đã từng ở tù Pleibông tại Gia Lai. Sau khi học tập cải tạo xong thì ông về với gia đình ở Sài Gòn. Sau này gia đình của bác sĩ đều theo đạo Công Giáo, trong lòng tôi luôn thắc mắc về điều này. Vì ông là một bác sĩ giỏi nên sau khi ở tù về thì được làm việc tại bệnh viện Nhi Đồng 2. Ông từng bị cải tạo chung với em tôi nên tôi cũng có ý muốn gặp ông. Nhân dịp một lần về Sài Gòn, chúng tôi đã có cuộc hẹn và sau đó gặp nhau. Tôi hỏi ông:

- Tại sao bác sĩ và luôn cả gia đình của bác sĩ lại theo đạo?.

Bác sĩ Căn đã tâm sự với tôi:

- Con học tập chung với linh mục Hoàng, lúc đó cha Hoàng bị biệt giam, vì con là bác sĩ nên con có thể đi thăm sức khỏe cho Cha mỗi tuần một lần, và lần nào cũng thế, tới thăm sức khỏe cho Cha, con thấy Ngài vẫn luôn vui vẻ, bình an, nói năng nhẹ nhàng nhã nhặn. Thường thì khi bị biệt giam, không được nói chuyện với ai nên tâm lý con người ta rất dễ trở nên khó chịu, bấn gắt, thù hận, bất mãn, có khi còn bị trầm cảm nữa... Nhưng với cha Hoàng thì con thấy điều ngược lại. Con nghĩ rằng Ngài đã có một sức mạnh siêu nhiên nào đó rất đặc biệt nên mới được thư thái như vậy. Từ đó lòng con muốn có được điều bình an như Ngài trong cuộc đời đầy sóng gió của mình. Con cần nó và con biết rằng sở dĩ Ngài được như vậy là do Ngài có một đức tin tuyệt đối vào Chúa. Ở trong trại cải tạo con đã

tìm hiểu về Chúa, về đạo, và con quyết tâm sau này con sẽ theo đạo, vì chỉ có đạo mới ban cho con sức mạnh đó. Những điều gì tốt đẹp cho con thì con cũng muốn có điều tốt đẹp đó cho người thân, cho gia đình của mình, nên cả gia đình con theo đạo cũng là như thế.

Những hình ảnh về cha Hoàng mà bác sĩ Căn đã kể cho tôi nghe, đó cũng là tấm gương tốt cho bác sĩ và cho cả tôi nữa.

Khi còn làm việc ở Gia Lai thì tôi luôn nhớ hình ảnh của cha Antôn Vương Đình Tài, Ngài là Linh Mục của Dòng Chúa Cứu Thế. Ngài đã lên Tây Nguyên sống và rao giảng Tin Mừng Cứu Thế cho những người dân tộc thiểu số. Ngài đã sống như một người dân tộc thực sự, từ việc ăn uống hết sức đạm bạc cho đến nhà ở của Ngài cũng rất là đơn sơ, Ngài nói tiếng Jarai rất giỏi nên Ngài rất gần gũi với họ, yêu thương và lo lắng cho họ, vì thế số lượng người dân tộc trở lại đạo rất đông, đó chính là công lao to lớn của Ngài. Phương tiện đi lại của cha Tài cũng rất là thô sơ... Ngài luôn thao thức suy nghĩ về công việc rao giảng Tin Mừng của Chúa cho người dân tộc. Dù thuận tiện hay không thì cha Tài vẫn là người luôn rong ruổi trên con đường đầy gian khó mà không nản lòng.

Cha Vương Đình Tài đã miệt mài làm việc như vậy nên đến tuổi 70 thì Ngài kiệt sức. Nhưng cuộc sống cũng như cái chết của Ngài đã để lại ấn tượng sâu đậm cho người dân tộc mà Ngài yêu thương. Ngài cũng chính là tấm gương sáng cho đời sống Linh Mục của tôi: đó chính là sự yêu thương, hy sinh và lo lắng cho người dân tộc thiểu số bằng tất cả sức lực và tâm huyết của mình.

Cha già Ánh cũng thế, Ngài bị đi cải tạo bao nhiêu năm trời. Sau này khi được tha về thì Ngài sống rất hiền

hòa trong tòa Giám Mục. Ở tuổi 80 Ngài được bổ nhiệm về làm Cha xứ ở giáo xứ An Mỹ, tỉnh Gia Lai. Mặc dù 80 tuổi nhưng Ngài đã làm nhiều việc như: tìm mọi cách để xây nhà thờ, nhà xứ... Sau này mỗi lần đi ngang qua An Mỹ là tôi lại nghĩ tới Ngài, nghĩ tới sự cố gắng của Ngài để phục vụ cho Giáo Phận, Giáo Hội, Đó cũng là tấm gương tốt cho cuộc đời làm Linh Mục của tôi.

Cha Tổng đại diện Giuse Nguyễn Thanh Liên, khi còn khỏe, thì Ngài đã làm việc quần quật suốt ngày không nghỉ ngơi, bất chấp mọi nguy hiểm, khó khăn, cực khổ... Tính Ngài rất xuề xòa, vui vẻ với mọi người, không hề chấp nhất điều gì đối với một ai. Đến khi bị bệnh ung thư, nhiều người bảo rằng nhờ Ngài sống vui vẻ, lạc quan, rộng lượng nên Ngài có thể chịu đựng được căn bệnh nan y mà hiếm có người nào chịu được. Ngài cũng chính là tấm gương tốt cho đời tôi. Sự đau yếu của tôi so với căn bệnh ung thư của Ngài thì không là gì, thế nhưng Ngài vẫn gọi điện thoại thăm hỏi tôi, và Ngài rất mừng khi biết tôi cũng đã bớt bệnh. Giáo Phận luôn ở trong tim của Ngài, mặc dù Ngài đang ở xa Giáo Phận.

Các Linh Mục trẻ bây giờ ở trong Giáo Phận cũng là tấm gương tốt cho tôi. Các cha, các thầy mặc dù ở những Dòng tu khác nhau nhưng sống và đối xử với nhau như anh em một nhà: luôn yêu thương gần gũi nhau và cùng nhau tận tình lo cho **Cánh Đòng Lúa của Chúa**. Bằng tất cả tâm tình yêu mến, các Cha đã luôn quan tâm lo lắng, giúp đỡ cho người dân tộc, kể cả người kinh ở những vùng xa xôi hẻo lánh, những vùng kinh tế mới, đó là phần đất mà các cha có trách nhiệm phải trông nom. Tôi rất cảm phục những Linh Mục với công việc mà các

Ngài đang làm: *Đó là rao giảng và đem Tin Mừng của Chúa đến cho mọi người.*

Có những người tôi không biết, mà tôi chỉ được biết các vị ấy sau khi đọc cuốn sách "Dân Làng Hồ", hay cuốn "Mở Đạo Kontum". Tôi vô cùng khâm phục và ngưỡng mộ các Ngài vì những thành quả, những hoa trái mà các Ngài đã tạo dựng được trong sự gian nan, vất vả đầy khó khăn, thử thách vào thời mà các Ngài sống và làm việc... Đó là những tấm gương sáng đã soi đường chỉ lối cho đời sống Linh Mục của tôi.

Kể từ năm 1975, khi tôi sống với các Linh Mục đến nay, có người đã qua đời nhưng để lại cho tôi nhiều gương tốt, như cha Phêrô Phaolô Hoàng văn Quy, cha Anton Đinh Bạt Huỳnh, cha Giuse Trần Sơn Nam, cha Daminh Đinh Hữu Lộc... mặc dù các Ngài đã ra đi nhưng công việc của các Ngài làm vẫn ở mãi cùng chúng tôi. Với lòng kính trọng yêu thương, chúng tôi luôn muốn hoàn thành công việc mà các Ngài để lại.

Tôi xin chân thành cảm ơn các cha trong địa phận đã trở nên những tấm gương tốt và đó là động lực để cho công việc thực hiện sứ mệnh Linh Mục của tôi ngày càng được tốt hơn.

LỜI KẾT

Sau khi biên tập xong *Những điều chia sẻ* của Linh Mục Nguyễn Văn Đông, tôi lấy tựa đề cho cuốn sách là: "*Mùa Đông ấm áp*".

Trong tập tài liệu *Những điều chia sẻ* này thì nhân vật chính là những người dân tộc nghèo khó, bệnh tật, nhất là những người bị bệnh phong cùi... Cuộc sống của những người dân tộc thiểu số cũng như nếp sinh hoạt của họ: từ tâm tình yêu thương gia đình, đến sự gắn bó với làng; với núi rừng sông suối... rồi chuyện làm nương rẫy, trồng trọt...v.v... qua lời kể của Cha, đã trở thành một bức tranh vô cùng sống động.

Điều làm chúng tôi đau lòng nhất, đó là những chuyện kể về các thai nhi bị phá bỏ, đến chuyện những người dân tộc bị chết vì các thứ bệnh rất thông thường; chỉ vì họ thiếu thôn đủ thứ: như thuốc men và tiền bạc, nhất là khi họ ở trong các vùng sâu, tận trong rừng núi... quá xa bệnh viện. Rồi cuộc sống nghèo khổ vì làm việc không có phương pháp, thêm nữa là họ không có óc cầu tiến... Đến hình ảnh đáng thương của những người bệnh phong cùi với những mặc cảm vì sự kỳ thị mà họ phải chịu... đã làm chúng tôi chạnh lòng.

Khi đọc đến bài số 16 của tập tài liệu này với tựa đề: "*Những điều đáng lo ngại*", lòng tôi ngậm ngùi buồn, vì tôi như thấy một mảng "màu xám" đang vây quanh cuộc sống mộc mạc; đơn sơ của những người dân tộc thiểu số ấy... nhưng thật đáng buồn và lo lắng hơn khi mà phần đông người dân tộc thiểu số không nhìn thấy cái "màu xám" đó, họ vẫn sống hồn nhiên vô tư và bằng lòng

với số phận, với cái nghèo của mình, vì họ không có óc cầu tiến, nhưng nếu cứ như thế thì tương lai của họ và con cái họ sẽ đi về đâu? không lẽ họ cứ sống trong cảnh nghèo đói khôn cùng mãi sao? Cũng may là có một số người dân tộc trẻ được đi học và có học; đã nhìn thấy được điều đó, nhờ vậy mà họ có ý thức và có sự cố gắng để cuộc sống của họ được đi lên.

Những trần trở, lo lắng của Cha chính là những điều mà từ rất lâu Cha đã ấp ủ trong lòng, và nó ở mãi trong trái tim Cha mà Cha không thể và cũng không muốn buông ra.

Chúng tôi: anh Nguyễn Thành Tấn, cô Trần Ngọc Hải và Hồ Thủy cũng bị "lây nhiễm" với những nỗi lo lắng của Cha, cả ba chúng tôi mong sao những ai sau khi đọc xong tập tài liệu "***Những Điều Chia Sẻ***" trong Mùa Đông ấm áp này, cùng mở rộng vòng tay và cả tấm lòng của mình nữa; để chia sẻ với những người dân tộc thiểu số nghèo; bằng cách này hay cách khác: từ vật chất đến tinh thần, nhất là với những người bị bệnh phong cùi, họ rất cần đến tình thương yêu chân thật của chúng ta, vì trong lòng họ đầy mặc cảm bởi sự kỳ thị của những người khác.

Mùa Đông tuy lạnh giá, nhưng nếu chúng ta cùng mở rộng vòng tay và trái tim của mình ra để đón nhận, để cùng nhau cảm thông, chia sẻ với những người dân tộc thiểu số đang sống trong sự nghèo khó, bệnh tật, phong cùi... bằng những ngọn lửa yêu thương chân thành của chúng ta thì mùa Đông sẽ trở nên vô cùng ấm áp

Biên tập: Hồ Thủy

Mục lục

1. Đòi người vắn vỏi.
2. Chúa đã gọi tôi sau đuôi một đàn bò.
3. Tôi yêu thương Giáo Hội, Giáo Phận Kontum và tôi yêu thương đất nước của tôi.
4. Giáo Hội Việt Nam loan báo tin mừng cho ai?
5. Bảo vệ sự sống, chống phá thai.
6. Giáo Phận Kontum và người phong cùi.
7. Mở nhà trẻ cho các làng dân tộc
8. Người dân tộc phải biết tiếng Kinh
9. Dạy cho các thiếu nữ người dân tộc biết làm vợ làm mẹ
10. Thầy thuốc cho người dân tộc
11. Tiếng nói dân đen
12. Những điều dễ thương nơi người anh em dân tộc
13. Món quà tuy nhỏ mà niềm vui thì rất lớn
14. Buôn thương
15. Ai đã dẫn đường chỉ lối?
16. Những điều thật đáng lo ngại
17. Những tấm gương sáng cho đời tôi
18. Những gương tốt và các công việc mà các vị thừa sai tiền bối đã làm